

KINH
ĐẠI PHẬT ĐẢN NHƯ LAI
MẬT NHƠN
TU CHỨNG LIỄU NGHĨA
CHỦ BỒ TÁT VẠN HẠNH
THỦ LĂNG NGHIÊM

TẬP 7-8

Sa-môn Bát-thích Mật-đế người Trung Thiên Trúc dịch vào đời Đường.

Sa-môn Di-già Thích-ca, người nước Ô Thành dịch ngữ.

Sa-môn Hoài Địch, chùa Nam Lâu, núi La Phù, chứng minh bản dịch.

Đệ tử Phòng Dung, thợ Bồ-tát giới, hiệu Thanh Hà,
chức Tiên Chánh Nghị Đại Phu đồng Trung Thư Môn Hạ Bình Chương
Sự bút thợ (nhuận bút).



TUYÊN HÓA Thượng Nhân,
Vạn Phật Thánh Thành, Bắc Mỹ châu (Hoa Kỳ) lược giảng.
Đệ tử thợ Bồ-tát giới Phương Quả Ngô ghi chép.
Tâm Nguyên dịch.

---o0o---

Chuyển sang ebook 01-08-2016

Người thực hiện :

Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

KHAI KINH KỆ

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN

QUYỂN 07 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

THÀNH LẬP ĐẠO TRÀNG

TÂM CHÚ

THẦN CHÚ PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM

ĐỆ NHẤT

ĐỆ NHỊ

ĐỆ TAM

ĐỆ TỨ

ĐỆ NGŨ

HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

MƯỜI HAI LOẠI CHÚNG SINH

QUYỂN 08 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

CÁC ĐỊA VỊ CỦA BỒ TÁT

THẬP TÍN

THẬP TRỤ

THẬP HẠNH

THẬP HỒI HƯỚNG

TỨ GIA HẠNH

THẬP ĐỊA

ĐĂNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC

TÊN KINH

THẤT PHẬN

PHẬN QUỶ

PHẬN THÚ

PHẬN NGƯỜI

PHẬN THẦN TIÊN

PHẬN CHU THIÊN

---o0o---

KHAI KINH KỆ¹

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa

*Phật pháp rộng sâu rất nhiệm màu
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu
Con nay nghe được chuyên trì tụng
Nguyện rõ Như Lai nghĩa nhiệm màu.*

---o0o---

TÁM QUY LUẬT CỦA VIỆN PHIÊN DỊCH KINH ĐIỂN²

- 01. Dịch giả phải thoát mình ra khỏi động cơ tự truy cầu danh lợi.*
- 02. Dịch giả phải tu thân dưỡng tánh, dứt bỏ thói cao ngạo.*
- 03. Dịch giả phải tự chế, không được tự khen ngợi nhưng lại chê bai kẻ khác.*
- 04. Dịch giả không được tự cho mình là tiêu chuẩn, là thước đo, rồi hạ thấp kẻ khác bằng cách tìm lỗi lầm nơi tác phẩm của họ.*
- 05. Dịch giả phải lấy tâm Phật làm tâm mình.*
- 06. Dịch giả phải dùng Trạch-pháp-nhãn để phán xét đâu là chân lý.*
- 07. Dịch giả phải cung kính cầu thỉnh Cao tăng, Đại đức ở mười phương chứng minh cho bản dịch.*
- 08. Dịch giả phải hoan hỷ truyền bá giáo nghĩa nhà Phật bằng cách in Kinh, Luật, Luận một khi phần phiên dịch của mình được chứng minh là đúng.*

---o0o---

QUYỂN 07 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

Kinh văn:

阿難汝問攝心。我今先說入三摩地。修學妙門求菩薩道。要先持此四種律儀。皎如水霜。自不能生一切枝葉。心三口四生必無因³

A-nan! Nhữ vấn nhiếp tâm. Ngã kim tiên thuyết, nhập tam-ma-địa. Tu học diệu môn, cầu Bồ Tát đạo. Yếu tiên trì thủ, tứ chủng luật nghi. Hiệu như băng sương. Tự bất năng sanh, nhất thiết chi diệp. Tâm tam khâu tứ, sanh tất vô nhân.⁴

Việt dịch:

A Nan, ông hỏi cách nhiếp trì tâm, nay trước tiên tôi sẽ nói: Muốn vào Tam ma địa tu học pháp môn vi diệu, cầu đạo Bồ tát, trước hết cần giữ bốn loại luật nghi sáng trong như sương, giá, tự không thể sinh ra các hành lá. Ba ý nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn có nhân để sinh ra được.

Giảng giải:

A Nan, ông hỏi cách nhiếp trì tâm, nay trước tiên tôi sẽ nói: Muốn vào Tam ma địa tu học pháp môn vi diệu. Pháp môn vi diệu là theo nhĩ căn để trở lại với tự tính nghe, cái tánh ấy trọn vẹn, đầy đủ và hơn hẳn. **Cầu đạo Bồ tát, trước hết cần giữ bốn loại luật nghi sáng trong như sương, giá.** Điều đầu tiên cần chuyên tâm tu dưỡng là gìn giữ bốn giới luật, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ. Giữ giới tà dâm không chỉ ở thân, mà cả tâm cũng không được nghĩ đến. Quý vị phải loại trừ cả hai mới thoát được trần lao đáng chán này. Nếu như không loại trừ đi lòng khát khao ham muốn ắt không dứt được trần cấu. Đối với sự giết hại mạng, trộm cắp, nói dối cũng vậy. Đây là bốn giới luật rất quan trọng. Quý vị phải trở nên trong sáng như sương, như giá. Phải hoàn toàn sáng trắng, không một chút bợn nhơ trên nền trắng sáng ấy. Được vậy mới thật là tự nhiên trọn vẹn. **Tự không thể sinh ra các hành lá.** Hoàn toàn thanh thoát, quý vị sẽ đạt đến bản nguyên căn để **Ba ý nghiệp, bốn khẩu nghiệp không còn có nhân để sinh ra được.** Cả ba mối tham sân si đều khởi sinh từ tâm, cùng bốn khẩu nghiệp là vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, những điều đó sẽ không còn điều kiện và nguyên nhân để sinh khởi, bởi vì quý vị đã thật sự giữ gìn bốn giới, và hạnh thanh tịnh sẽ không còn thay đổi.

Kinh văn:

難如是四事若不失遺。心尚不緣色香味觸。
一切魔事云何發生

A-nan! Như thị tứ sự, nhược bất di thất. Tâm thượng bất duyên, sắc hương vị xúc. Nhất thiết ma sự, vân hà phát sinh.

Việt dịch:

A Nan, nếu giữ được bốn sự như vậy không thiếu sót, tâm ông cũng không còn duyên với sắc, hương, vị, xúc thì ma sự làm sao phát sinh ra được.

Giảng giải:

Nếu ông không còn đuổi theo, ràng buộc với sắc, hương, vị, xúc; không vòn vướng vào những điều kiện đó thì mầm móng ma sự sẽ biến mất. Vậy chúng đâu còn sinh khởi.

Kinh văn:

若有宿習不能滅除。汝
教是人一心誦我佛頂光明摩訶薩怛多般
怛囉無上神呪

Nhược hữu túc tập, bất năng diệt trừ. Nhữ giáo thị nhân, nhất tâm tụng ngã, Phật đánh quang minh, Ma-ha tát đát đa bát đát⁵ La, vô thượng Thần chú.

Việt dịch:

Nếu có tập khí các đời trước không thể diệt trừ, ông dạy người đó nên nhất tâm tụng thần chú của ta: “Phật Đánh Quang Minh Ma Ha Tát Đát Đa Bát Đát⁶ La”

Giải thích:

Như có chúng sinh chưa dứt trừ tập khí trong các đời đã qua, ông dạy họ nhất tâm tụng chú. Điểm quan trọng ở đây là nhất tâm, là tâm chuyên chú duy nhất. Không có sự phân tâm như vừa tụng chú vừa nghi ngờ. Đừng tụng chú mà suy nghĩ: Nam mô cái gì đây? Đây là tâm phân vân giữa tin và nghi. Căn bản quý vị là một người nhưng rốt cùng lại có hai tâm. Một tâm có thể cho rằng tụng chú rất hữu dụng, còn tâm kia lại nghĩ: “Tôi đang tụng cái gì mà tôi không biết?”. Phân vân như thế là sợ hãi. Quý vị phải nhất tâm mới được.

Ma ha nghĩa là lớn. Tát-đát-đa bát-đát-la là Tàn lọng trắng lớn (Đại bạch tán cái). Khi quý vị tụng: Tát-đát-đa Bát-đát-la tức là cái lọng trắng lớn, biểu hiện khoảng không nơi quý vị. Nếu có niềm tin sâu xa và cao cả, khi tụng câu chú này, tàn lọng sẽ che rợp đến mấy ngàn dặm, còn như quá ít ỏi, sức che của lọng chỉ riêng có một mình quý vị. Người giữ giới thanh tịnh, cao cả, khi tụng niệm chú này, cả đất nước cũng được che chở, yên ổn, mọi hung hiểm đều hóa nhỏ và biến mất.

Kinh văn:

斯是如來無見頂相無為心
佛從頂發輝坐寶蓮華所說心呪

Tư thị Như Lai, vô kiến đỉnh tướng, vô vi tâm Phật, tụng đánh phát huy, tọa bảo liên hoa, sở thuyết tâm chú.

Việt dịch:

Đó là vô vi tâm Phật của vô kiến đỉnh tướng Như Lai, từ đỉnh hiện ra ngòai trên tòa sen nói thần chú.

Giải thích:

Chú Lăng Nghiêm là **Vô kiến đỉnh tướng Như Lai**. Đó là tướng mắt thường của chúng ta không sao thấy được. Như phần sau kinh có mô tả:

Lúc đó, từ nơi nhục kế của Đức Thế Tôn phóng ra trăm thứ hào quang, trong hào quang hiện ra ngàn cánh sen báu. Trong sen báu có hóa thân Như Lai. Từ đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách báu. Trong mỗi mỗi hào quang đều có hiện ra Kim Cang Mật Tích nhiều như số cát mười con sông Hằng, xách núi, cầm chùy khắp cõi hư không.

Đại chúng ngẩng đầu lên nhìn, cảm thấy vừa yêu vừa sợ, cầu Phật che chở, một lòng lắng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ vô kiến đỉnh tướng của Phật nói thần chú.

Tôi biết đây là đoạn văn thuộc tâm, tôi không bao giờ quên. Đó là **vô vi tâm Phật từ đỉnh hiện ra ngòi trên hoa sen nói thần chú**. Chúng ta có thể đã bắt gặp thần chú có đại thiện căn này trong quá khứ, nhưng cho dù có gặp đi nữa cũng không học. Học rất khó nhớ! Đó là lý do tại sao tôi kiểm tra chú Lăng Nghiêm nơi quý vị.

Kinh văn:

且汝宿世與
摩登伽。歷劫因緣恩愛習氣。非是一生及與
一劫。我一宣揚愛心永脫成阿羅漢

Thả nữ túc thế, dữ ma đặng già. Lịch kiếp nhân duyên, ân ái tập khí. Phi thị nhất sanh, cập dữ nhất kiếp. Ngã nhất tuyên dương, ái tâm vĩnh thoát, thành A-la-hán.

Việt dịch:

Vả lại, ông cùng nàng Ma Đặng Già do nhân duyên đã trải qua nhiều kiếp thành tập khí ân ái, không phải một đời hay là một kiếp, nhưng ngay khi ta tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đặng Già liền thoát hẳn lòng yêu, thành quả A-la-hán.

Giải thích:

Vả lại, ông cùng nàng Ma Đặng Già do nhân duyên đã trải qua nhiều kiếp. Trong quá khứ, ông đã lấy nàng ấy năm trăm lần. **Thành tập khí ân ái, không phải một đời hay là một kiếp.** Ông có hai điều sâu nặng là tập khí và lòng yêu mến. Đây không phải là một lần, không phải là một đời hay là một kiếp, mà nó trải qua một thời gian dài, rất lâu dài. **Nhưng ngay khi ta tuyên dương thần chú thì nàng Ma Đặng Già liền thoát hẳn lòng yêu.** Nàng Ma Đặng Già không còn tình cảm yêu đương, và **thành quả A-la-hán.** Sau khi nghe thần chú và trở về với Phật được giáo hóa, nàng Ma Đặng Già được giác ngộ, đạt quả vị thứ ba của A-la-hán. Khi ngài Văn Thù hỏi về sự nhập định thì Ma Đặng Già liền đạt quả vị thứ tư của A-la-hán. Nàng ấy đã thành tựu trọn vẹn bốn quả rất nhanh, trong khi ngài A Nan vẫn chỉ dừng ở quả vị thứ nhất, chưa được tiên đạo.

Kinh văn:

彼尚婬

女無心修行。神力冥資速證無學。云何汝等
在會聲聞。求最上乘決定成佛。譬如以塵揚
于⁷順風有何艱險

Bỉ thượng dâm nữ, vô tâm tu hành. Thần lực minh tư, tốc chứng vô học. Vân hà nữ đẳng, tại hội Thanh văn. Cầu tối thượng thừa, quyết định thành Phật. Thí như dĩ trần, dương ư thuận phong, hữu hà nan hiểm

Việt dịch:

Nàng dâm nữ kia là người không có tâm tu hành, do sức thần chú giúp cũng mau chóng chứng quả vô học, vậy thì các ông là hàng Thanh văn trong Hội này, cầu Tối thượng thừa, quyết định thành Phật; ví như bụi bay gặp sức gió thuận, nào có khó khăn gì?

Giảng giải:

Nàng dâm nữ kia là người không có tâm tu hành, do sức thần chú giúp cũng mau chóng chứng quả vô học. Ma Đăng Già là một dâm nữ, tự thân nàng ta hoàn toàn không theo đạo, nhưng sức thần chú đã bí mật giúp nàng ấy đạt được quả A-la-hán rất mau chóng. **Vậy thì các ông là hàng Thanh văn trong Hội này, cầu Tối thượng thừa, quyết định thành Phật.** Các ông là Thanh Văn trong pháp hội này, tức đang nghe Phật giảng dạy chắc chắn sẽ thành Phật. **Ví như bụi bay gặp sức gió thuận, nào có khó khăn gì?** Khi cơn gió đẩy bụi, bụi sẽ bay đi. Vậy có gì là khó khăn, nguy hiểm đâu chứ?

Kinh văn:

若有末世欲坐道場。先持
比丘清淨禁戒。要當選擇戒清淨者。第一沙
門以為其師。若其不遇真清淨僧。汝戒律儀
必不成就

Nhược hữu mạt thế, dục tọa đạo tràng. Tiên trì Tỳ-kheo, thanh tịnh cấm giới. Yếu đương tuyền trạch, giới thanh tịnh giả. Đệ nhất Sa Môn, dĩ vi kỳ sư. Nhược kỳ bất ngộ, chân thanh tịnh tăng. Nhữ giới luật nghi, tất bất thành tựu.

Việt dịch:

Trong đời mạt pháp, nếu có người muốn ngồi trong đạo tràng tu tập, trước tiên phải giữ giới cấm Tỳ kheo thanh tịnh, và cần phải lựa chọn những vị Cao Tăng giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình.

Còn như gặp Tăng chúng không thanh tịnh thì giới luật nghi sẽ không được thành tựu.

Giảng giải:

Trong đời mạt pháp, nếu có người muốn ngồi trong đạo tràng tu tập, trước tiên phải giữ giới cấm Tỳ kheo thanh tịnh. Việc đầu tiên của người thời mạt thế muốn ngồi vào Bồ đề đạo tràng, hoặc chùa, tháp, hoặc đạo tràng, người ấy phải thọ giới Tỳ kheo và giữ giới thanh tịnh ấy. Bất cứ người nào muốn xuất gia làm Tỳ kheo đều phải thọ giới và giữ gìn luật nghi, cho dù là một lỗi nhỏ cũng dứt khoát không phạm phải. **Và cần phải lựa chọn những vị Cao Tăng giữ giới thanh tịnh bậc nhất để làm thầy mình.** Tìm cho được một Tăng nhân có giới đức cao cả để làm thầy mình. **Còn như gặp Tăng chúng không thanh tịnh thì giới luật nghi sẽ không được thành tựu.** Nếu không có được một thành viên của Tăng già để truyền giới, tức giới hạnh của quý vị không được đầy đủ và chính xác, sự tu học vì vậy cũng không có kết quả.

Kinh văn:

戒成已後著新淨衣然香閑居。誦

此心佛所說神呪一百八遍。然後結界建立

道場

Giới thành dĩ hậu, trước tâm tịnh y, nhiên hương nhàn cư. Tụng thử tâm Phật, sở thuyết Thần chú, nhất bách bát biến. Nhiên hậu kết giới, kiến lập đạo tràng.

Việt dịch:

Sau khi giới được thành tựu, người đó đắp y mới, sạch sẽ, đốt hương và ở riêng một mình, tụng thần chú do tâm Phật nói, một trăm lẻ tám biến. Sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng.

Giảng giải:

Sau khi thọ các giới được thành tựu, người đó đắp y mới, sạch sẽ. Y mới, sạch sẽ không phải là y đã mặc qua, hoặc cũ kỹ. Họ phải **đốt hương và ở riêng một mình.** Ông phải đốt hương trước Phật và **tụng thần chú do tâm Phật nói, một trăm lẻ tám biến.** Tâm Phật ấy phát xuất từ Vô kiến đỉnh tướng. Thần chú thuộc tâm chú, được nói từ tâm Phật. Và đoạn chú Lăng Nghiêm này phải được tụng một trăm lẻ tám lần. **Sau đó mới kết giới, dựng lập đạo tràng.** Ở đây, kết giới phải mở rộng ra khắp bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, ngăn ngừa bọn Thiên ma đến nhiễu hại, đoạn mới thành lập đạo tràng.

Kinh văn:

求於十方現住國土無上如來。放大悲
光來灌其頂。

Cầu ư thập phương, hiện trụ quốc độ, vô thượng Như Lai. Phóng đại bi
quang, lai quán kỳ đỉnh.

Việt dịch:

**Cầu các Đức Vô thượng Như Lai hiện ở trong các cõi nước khắp
mười phương phóng hào quang đại bi đến rọi trên đỉnh đầu mình.**

Giảng giải:

Khi tụng một trăm lễ tám biến và thành lập đạo tràng thì **Cầu các Đức
Vô thượng Như Lai hiện ở trong các cõi nước khắp mười phương**, đây là
trong phạm vi đất Phật đã lập. **Phóng hào quang đại bi đến rọi trên đỉnh
đầu mình**. Mong cầu chư Phật trong các cõi nước khắp mười phương phóng
ánh sáng từ bi rọi lên đỉnh đầu để an ủi, hộ trì.

Kinh văn:

阿難如是末世清淨比丘。若比
丘尼白衣檀越。心滅貪婬持佛淨戒。於道場
中發菩薩願。出入澡浴六時行道。如是不寐
經三七日。我自現身至其人前。摩頂安慰令
其開悟

A-nan! Như thị mạt thế, thanh tịnh Tỳ-kheo. Nhược Tỳ-kheo-ni, bạch y đàn
việt. Tâm diệt tham dâm, trì Phật tịnh giới. Ư đạo tràng trung, phát Bồ Tát
nguyện. Xuất nhập tảo⁸ dục, lục thời hành đạo. Như thị bất寐, kinh tam thất
nhật. Ngã tự hiện thân, chí kỳ nhân tiền. Ma đánh an úy, linh kỳ khai ngộ.

Việt dịch:

**A Nan, những hàng thanh tịnh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bạch y
đàn việt, như vậy, ở trong đời mạt pháp tâm diệt tham dâm, giữ giới
thanh tịnh của Phật ở nơi đạo tràng phát nguyện Bồ tát, khi ra, khi vào,
khi tắm rửa, trong sáu thời đều hành đạo như vậy, không ngủ, đến ba
tuần, thì ta tự hiện thân đến trước người ấy xoa đánh đầu an ủi, khiến
cho được khai ngộ.**

Giảng giải:

**A Nan, những hàng thanh tịnh Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bạch y
đàn việt, như vậy, ở trong đời mạt pháp.** Khi ấy có các thanh tịnh Tỳ
kheo, Tỳ kheo ni, hoặc đàn việt. Đàn việt là chỉ Thí chủ, tức những người
Cư sĩ tại gia phụng sự Tam bảo. Nếu những người như vậy **tâm diệt tham
dâm**, đoạn dứt đi tham dục, , **giữ giới thanh tịnh của Phật ở nơi đạo tràng
phát nguyện Bồ tát.**

1. Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.
2. Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô thượng thế nguyện học.
4. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Đây là bốn lời nguyện của Bồ tát.

Những người ấy **khí ra, khí vào, khí tắm rửa, trong sáu thời đều hành đạo như vậy, không ngủ, đến ba tuần.** Họ thực hiện hạnh nguyện của Bồ tát trong đạo tràng, đoạn tụng thần chú Lăng Nghiêm. Có khi phải đi ra ngoài, đi tắm gội trước khi trở lại đạo tràng. Suốt sáu thời trong đêm ngày, họ phải hành đạo trong ba tuần lễ, ngồi trong ba giờ, đi lại trong ba giờ. Suốt hai mươi một ngày đêm không ngủ nghỉ, **thì ta tự hiện thân đến trước người ấy xoa đánh đầu an ủi, khiến cho được khai ngộ.** Phật Thích ca Mâu ni nói: “Ta sẽ hiện ra trước người ấy, lấy tay xoa lên đỉnh đầu của họ, khiến cho họ đạt được thánh quả”.

---o0o---

THÀNH LẬP ĐẠO TRÀNG

Kinh văn:

阿難白佛言世尊。我蒙如來無上悲誨。心已
開悟自知修證無學道成。末法修行建立道
場云何結界。合佛世尊清淨軌則

A-nan bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã mong Như Lai, vô thượng bi hối. Tâm dĩ khai ngộ, tự tri tu chứng, vô học đạo thành. Mạt pháp tu hành, kiến lập đạo tràng, vân hà kết giới. Hợp Phật Thế Tôn! thanh tịnh quỹ tắc.

Việt dịch:

Ông A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn, con nhớ lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học. Nhưng người tu hành trong thời mạt pháp muốn lập đạo tràng phải kết giới thế nào để hợp với qui tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn?

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan nghe Phật giảng dạy, ông nghĩ phải hỏi về cách kết giới và lập đạo tràng. **Ông A Nan thưa với Phật: Bạch Thế Tôn, con nhớ lời dạy từ bi vô thượng của Đức Như Lai, tâm đã khai ngộ, tự biết con đường tu chứng thành quả vô học.** Ông A Nan tự biết sẽ trọn nghiệp thành tựu quả vị A-la-hán và hơn thế nữa, **Nhưng người tu hành trong thời mạt pháp muốn lập đạo tràng phải kết giới thế nào để hợp với qui tắc thanh tịnh của chư Phật Thế Tôn.** Trong tương lai, vào thời mạt pháp sẽ

có người muốn lập đạo tràng, vậy họ phải làm thế nào để kết giới? Làm thế nào để hợp với quy tắc thanh tịnh của chư Phật?

Kinh văn:

佛告阿難若末世人願立道場。先取雪山大力白牛。食其山中肥膩香草。此牛唯飲雪山清水其糞微細。可取其糞和合栴檀以泥其地

Phật cáo A-nan: Nhược mạt thế nhân, nguyện lập đạo tràng. Tiên thủ tuyết sơn, đại lực bạch ngưu. Thực kỳ sơn trung, phì nị hương thảo. Thử ngưu duy ẩm, tuyết sơn thanh thủy, kỳ phân vi tế. Khả thủ kỳ phân, hòa hợp chiêm đàn, dĩ nê kỳ địa.

Việt dịch:

Phật bảo ông A Nan: Nếu người trong đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, đầu tiên phải lấy phân con đại lực Bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Con Bạch Ngưu này chỉ ăn cỏ thơm ngon trong núi, uống nước trong trên núi. Do đó phân của nó mịn màng, lấy phân đó hòa với hương chiêm đàn để trát nên nền đất.

Giải thích:

Phật Thích Ca Mâu Ni nghe A Nan hỏi về cách kết giới và lập đạo tràng, **bảo ông A Nan: Nếu người trong đời mạt pháp muốn lập đạo tràng, đầu tiên phải lấy phân con đại lực Bạch ngưu ở núi Tuyết Sơn. Con Bạch Ngưu này chỉ ăn cỏ thơm ngon trong núi, uống nước trong trên núi. Do đó phân của nó mịn màng, lấy phân đó hòa với hương chiêm đàn để trát nên nền đất. Phân của con bò ăn cỏ ấy, đem trộn với hương chiêm đàn, sau đó trát lên nền đất.**

Kinh văn:

若非雪山其牛臭穢不堪塗地。別於平原穿去地皮五尺已下。取其黃土

Nhược phi tuyết sơn, kỳ ngưu xú uế, bất kham đồ địa. Biệt ư bình nguyên, xuyên khứ địa bì, ngũ xích dĩ hạ. Thủ kỳ hoàng thổ.

Việt dịch:

Nếu không phải ở Tuyết Sơn thì phân của Bạch ngưu hôi bẩn, không trát đất được. Như vậy phải chọn nơi bình nguyên, đào sâu xuống năm thước lấy lớp đất vàng.

Giải thích:

Nếu không phải ở Tuyết Sơn thì phân của Bạch ngưu hôi bản. Nếu Bạch Ngưu không ở tại Tuyết Sơn thì phân của nó hôi bản, không thể dùng để trát lên nền đất được. **Như vậy phải chọn nơi bình nguyên, đào sâu xuống năm thước lấy lớp đất vàng.** Trong trường hợp ấy, ông phải chọn nơi đất bằng, đào sâu xuống năm thước lấy đất có sắc vàng trát lên nền.

Kinh văn:

和上梅檀沈

水蘇合。薰陸鬱金白膠青木。零陵甘松及雞舌香。以此十種細羅為粉。合土成泥以塗場地。方圓丈六為八角壇

Hòa thượng chiên đàn, trầm thủy tô hợp. Huân lục uất kim, bạch giao thanh mộc. Linh lăng cam tùng, kê thiết hương. Dĩ thử thập chủng, tế La vi phán. Hợp thổ thành nê, dĩ đồ trường địa. Phương viên trượng lục, vi bát giác đàn.

Việt dịch:

Lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiết, nghiền thành bột, trộn với đất ấy thành bùn, đoạn trát lên nền đất đạo tràng, mỗi bên một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

Giải thích:

Lấy mười thứ hương là chiên đàn, trầm thủy, tô hợp, huân lục, uất kim, bạch giao, thanh mộc, linh lăng, cam tùng và kê thiết. Phải lấy đất vàng trộn với mười loại hương đó, nghiền thành bột, trộn với đất ấy thành bùn, đoạn trát lên nền đất đạo tràng, mỗi bên một trượng sáu, thành cái đàn bát giác.

Kinh văn:

壇心置一金銀銅木

所造蓮華。華中安鉢。鉢中先盛八月露水。水中隨安所有華葉。取八圓鏡各安其方圍繞花鉢。鏡外建立十六蓮華。十六香鑪間花鋪設。莊嚴香鑪純燒沈水無令見火。

Đàn tâm trí nhất, kim ngân đồng mộc, sở tạo liên hoa. Hoa trung an bát. Bát trung tiên thịnh, bát nguyệt lộ thủy. Thủy trung tùy an, sở hữu hoa diệp. Thủ bát viên kính, các an kỳ phương, vi nhiều hoa bát. Kính ngoại kiến lập, thập lục liên hoa. Thập lục hương lô, gian hoa phô thiết. Trang nghiêm hương lô, thuần thiêu trầm thủy, vô linh kiến hỏa.

Việt dịch:

Nơi giữa đàn, đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Ở giữa hoa để một cái bát, trong bát ấy đựng trước nước sương tháng Tám, trong nước ấy cắm các hoa lá. Đoạn lấy tám cái gương tròn, mỗi cái đặt một phía, chung quanh hoa và bát. Bên ngoài những gương ấy đặt mười sáu hoa sen, giữa các hoa sen đặt mười sáu lư hương trang hoàng. Trong lư hương chỉ đốt hương trầm thủy, không để thấy lửa.

Giảng giải:

Nơi giữa đàn, đặt một hoa sen làm bằng vàng, bạc, đồng, gỗ. Ở giữa hoa để một cái bát, trong bát ấy đựng trước nước sương tháng Tám, trong nước ấy cắm các hoa lá. Đoạn lấy tám cái gương tròn, mỗi cái đặt một phía, chung quanh hoa và bát. Lấy tám cái gương tròn đặt đúng theo tám phía làm thành hình bát giác. Bên ngoài những gương ấy đặt mười sáu hoa sen, giữa các hoa sen đặt mười sáu lư hương trang hoàng. Mười sáu hoa sen và mười sáu lư hương cùng đặt quanh đàn. Những lư hương trang hoàng để mọi người cùng cảm thấy thích thú, dễ chịu. Trong lư hương chỉ đốt hương trầm thủy, không để thấy lửa. Chỉ duy nhất đốt loại hương ấy và đừng để thấy lửa, có nghĩa là gương và hoa không thấy được lửa, nói khác đi, hương đặt bên trong lò sao cho ngọn lửa không thể thấy gương hay hoa.

Kinh văn:

取白牛乳

置十六器。乳為煎餅并諸沙糖油餅乳糜。酥

合蜜薑純酥純蜜。及諸菓子飲食葡萄石

蜜種種上妙等食於蓮華外各各十六圍繞華

外。以奉諸佛及大菩薩

Thủ bạch ngưu nhũ, trí thập lục khí. Nhũ vi tiên bính, tinh chư sa đường, du bính nhũ mi. Tô hợp mật khương, thuần tô thuần mật. Cập chư quả tử, ẩm thực bồ đào, thạch mật chủng chủng, thượng diệu đẳng thực, ư liên hoa ngoại, các các thập lục, vi nhiều hoa ngoại. Dĩ phụng chư Phật, cập đại Bồ-tát.

Việt dịch:

Lấy sữa Bạch ngưu đựng trong mười sáu bình, dùng sữa làm bánh nướng cùng các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa, tô hợp, mứt gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ đều mười sáu bình đặt bên ngoài và quanh vòng hoa sen để cúng dường chư Phật và các Đại Bồ-tát.

Giảng giải:

Lấy sữa Bạch ngư đựng trong mười sáu bình, dùng sữa làm bánh nướng. Sữa trộn với bột làm bánh. Ngoài ra còn có các thứ đường cát, bánh rán, bột sữa. Loại gạo nấu nhừ với sữa, hương tô hợp, mứt gừng, mật ong, bơ tốt, mật tốt, mỗi thứ đều mười sáu bình đặt bên ngoài và quanh vòng hoa sen. Đặt bình trước mỗi hoa sen, tổng cộng mười sáu bình như vậy, để cúng dường chư Phật và các Đại Bồ tát.

Kinh văn:

每以食時。若在中
夜取蜜半升用酥三合。壇前別安一小火鑪。
以兜樓婆香煎取香水。沐浴其炭然令猛熾。
投是酥蜜於炎爐內。燒令煙盡饗佛菩薩

Mỗi dĩ thực thời. Nhược tại trung dạ, thủ mật bán thăng, dụng tô tam hợp. Đàn tiền biệt an, nhất tiểu hỏa xí. Dĩ đầu lâu bà, hương tiên thủ hương thủy. Mộc dục kỳ nham, nhiên linh mãnh sí. Đầu thị tô mật, ư viêm lô nội. Thiêu linh yên tận, hưởng Phật Bồ-tát.

Việt dịch:

Trong mỗi thời dung cơm và vào lúc giữa đêm, lấy nửa thăng mật và ba cáp⁹ bơ, nơi trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ; lấy hương lâu đầu bà nấu lấy nước thơm để rửa sạch than, đốt than trong lư cho đỏ hồng rồi rót mật bơ vào, đốt cho hết khói đoạn cúng dường chư Phật Bồ tát.

Giải thích:

Trong mỗi thời dung cơm và vào lúc giữa đêm. Thời gian suốt bữa ăn trong ngày và lúc nửa đêm. **Lấy nửa thăng mật và ba cáp bơ, nơi trước đàn để riêng một lư lửa nhỏ.** Nơi phía trước đàn đặt duy nhất lư lửa. **Lấy hương lâu đầu bà nấu lấy nước thơm để rửa sạch than.** Than trước khi đem đốt phải được rửa sạch bằng nước có hương thơm. **Đốt than trong lư cho đỏ hồng.** Lửa đốt trong lư phải mạnh và rất nóng. **Rồi rót mật bơ vào, đốt cho hết khói đoạn cúng dường chư Phật Bồ tát.** Mọi việc xong hết mới dâng cúng Phật Bồ tát.

Điều ấy giống như trong Mật giáo, người ta thường đốt cả mật và bơ để cúng dường Phật, thậm chí họ còn đốt nhiều vật giá trị như vàng, bạc, châu báu...cúng dường chư Phật.

Kinh văn:

令其四外遍懸幡華。於壇室中。四壁敷設十方如來。及諸菩薩所有形像。

Linh kỳ tứ ngoại, biến huyền phan hoa. Ư đàn thất trung. Tứ bích phu thiết, thập phương Như Lai. Cập chư Bồ-tát, sở hữu hình tượng.

Việt dịch:

Nơi bốn phía ngoài, treo khắp phướn và hoa, ở trong phòng đàn, an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và các vị Bồ tát trên bốn vách.

Giảng giải:

Nơi bốn phía ngoài, treo khắp phướn và hoa. Bốn phía ngoài tường là phạm vi vây quanh phòng đàn. Ở trong phòng đàn, an trí hình tượng hiện có của mười phương Như Lai và các vị Bồ tát trên bốn vách.

Kinh văn:

應於當陽張盧
舍那。釋迦彌勒阿閼彌陀。諸大變化觀音形
像。兼金剛藏安其左右。帝釋梵王烏芻瑟摩。
并藍地迦諸軍荼利。與毘俱知四天王等
頻那夜迦。張於門側左右安置。

Ứng u đương dương, trương Lô¹⁰-xá-na. Thích Ca, Di Lặc, A-súc, Di Đà. Chư đại biến hóa, Quán-Âm hình tượng. kiêm Kim Cang tạng, an kỳ tả hữu. Đế Thích Phạm Vương, Ô Sô Sắc Ma. Tịnh Lam Địa Ca, chư Quân Trà Lợi¹¹. Dữ Tỳ câu Chi, Tứ Thiên Vương đẳng, Tàn Na Dạ Ca. Trương u môn trắc, tả hữu an trí.

Việt dịch:

Nên ở chính giữa đặt hình tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật Di Đà, các hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm, lại thêm hình tượng các vị Kim Cang Tạng Bồ tát ở hai bên. Những tượng của Đế Thích, Phạm Vương, Ô Sô Sắc Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi và Tứ Thiên vương, Tàn Na Dạ Ca, treo ở hai bên cửa.

Giảng giải:

Nên ở chính giữa đặt hình tượng Phật Lô Xá Na, Phật Thích Ca, Phật Di Lặc, Phật A Súc, Phật Di Đà, các hình tượng đại biến hóa của Quán Thế Âm. Tì Lô Xá Na có nghĩa tràn khắp các cõi. Bồ tát Di Lặc là vị Phật tương lai trong thế gian này. Hình tượng ngài là vị Bồ tát béo tròn. Phật A Súc ở phương Đông, ngài còn có danh hiệu Dược Sư Phật. A Súc có nghĩa là Bất Động. Phương Đông thường biến động, nhưng vị Phật ở đây là Bất động. A Di Đà có nghĩa là ánh sáng vô cùng, thọ mạng vô lượng. Về sự biến hóa của đức Quán Âm, bản kinh này cũng đã nói đến, đoạn diễn tả Ngài có

thể hiện thân có một đầu, có ba đầu, năm đầu, bảy đầu, chín đầu, mười một đầu, hoặc một trăm lẻ tám đầu. Hoặc diễn tả Ngài có một tay, ba tay, năm tay, bảy tay, chín tay, hoặc nhiều đến một trăm lẻ tám tay, một nghìn tay, mười nghìn tay, hoặc tám mươi bốn nghìn tay.

Lại thêm hình tượng các vị Kim Cang Tạng Bồ tát ở hai bên. Đây là các thần hộ pháp, thường biểu hiện vẻ mặt rất nghiêm khắc, đáng sợ. **Những tượng của Đế Thích, Phạm Vương.** Đế Thích là vua tầng trời thứ ba mươi ba. Ngài là Thượng đế, hoặc còn gọi là Thiên chủ. Phạm vương là Đại Phạm Thiên. **Ô Sô Sắc Ma, Lam Địa Ca, Quân Trà Lợi, Tỳ Câu Chi.** Ô Sô Sắc Ma là Hỏa Đầu kim Cang. Lam Địa Ca có mặt xanh và là vị thần Hộ pháp. Quân Trà Lợi có nghĩa là Điều phục, hoặc còn có hiệu khác là Kim Cang Trí. Tỳ Câu Chi cũng là thần Hộ pháp. Sắp bày hình tượng của **Tứ Thiên vương, Tần Na Dạ Ca, treo ở hai bên cửa.** Tần Na Dạ Ca là thần Hộ pháp: Vị này đặc biệt xấu và rất dữ tợn. Người Trung Quốc diễn tả có hai Hộ pháp, một vị là Pin Na, mình người đầu lợn, một vị là Yeh Chia, mình người đầu voi, thân hình rất dài. Người Ấn Độ mô tả thần Tần Na Dạ Ca (Vinayaka) là thần Ganapata, thân hình người, đầu voi. Sự xuất hiện hình dạng kỳ dị, đáng sợ như thế nhằm khiến cho mọi người khiếp sợ mà đối xử nhau cho phải đạo. Nơi cửa của Bồ đề đạo tràng đều có đặt thần hộ vệ.

Kinh văn:

又取八鏡覆

懸虛空。與壇場中所安之鏡方面相對。使其形影重重相涉。

Hựu thủ bát kính, phú huyền hư không. Dĩ đàn tràng trung, sở an chi kính, phương diện tương đối. Sử kỳ hình ảnh, trọng trọng tương thiệp.

Việt dịch:

Lại lấy tám cái gương treo úp trên không, mặt gương này đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn tràng, làm cho hình ảnh phản chiếu với nhau nhiều lớp.

Giải thích:

Lại lấy tám cái gương treo úp trên không, mặt gương này đối chiếu với tám gương trước đã đặt trong đàn tràng. Làm thế nào để treo được gương trong hư không? Quý vị đều lấy làm lạ. Chẳng hạn như ngọn đèn treo trên trần nhà. Nhưng làm sao để treo nó lơ lửng như mặt trời? Ở đây chẳng có gì lạ cả - Đây là treo các chiếc gương lơ lửng trên không trong phòng. Gương phải đặt sao cho đối diện với các gương khác. **Làm cho hình ảnh phản chiếu với nhau nhiều lớp.** Những hình ảnh sẽ lồng vào nhau trùng trùng đến vô tận.

Kinh văn:

於初七中。至誠頂禮十方
如來。諸大菩薩及阿羅漢。恒於六時¹²誦呪
繞壇至心行道。一時常行一百八遍

Ư Sơ thất trung. Chí thành đảnh lễ, thập phương Như Lai. Chư đại Bồ-tát, cập A-la-hán. Hằng ư lục thời, tụng chú nhiều đàn, chí tâm hành đạo. Nhất thời thường hành, nhất bách bát biến.

Việt dịch:

Trong tuần bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, các vị đại Bồ tát và A-la-hán. Thường trong sáu thời, tụng chú đi quanh đàn, chí tâm hành đạo, một thời thường tụng một trăm lễ tám biến.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày đầu, chí thành đảnh lễ danh hiệu mười phương Như Lai, các vị đại Bồ tát và A-la-hán. Thường trong sáu thời, tụng chú đi quanh đàn. Chú ở đây là thần chú kinh Thủ Lăng Nghiêm. **Chí tâm hành đạo, một thời thường tụng một trăm lễ tám biến.** Chí tâm có nghĩa giúp quý vị không nghĩ ngợi gì khác, chỉ duy nhất chú tâm vào chú. Mỗi lần tụng đọc là tụng suốt một trăm lễ tám biến, không dừng nghĩ.

Kinh văn:

第二七
中一向專心。發菩薩願心無間斷。我毘奈耶
先有願教

Đệ nhị thất trung, nhất hướng chuyên tâm. Phát Bồ Tát nguyện, tâm Vô gián đoạn. Ngã tỳ nại da, tiên hữu nguyện giáo.

Việt dịch:

Trong tuần bảy ngày thứ hai, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát, tâm không gián đoạn, trong luật nghi, ta đã chỉ dạy về nguyện.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày thứ hai hành đạo, một mặt chuyên tâm phát nguyện Bồ tát. Quý vị phải thành tâm và chuyên chú đọc bốn lời nguyện của Bồ tát:

1. Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.
2. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.
3. Pháp môn vô thượng thệ nguyện học.
4. Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

Tâm không gián đoạn, tâm không dùng niệm chú Lăng Nghiêm và luôn nhớ lấy bốn điều thế nguyện. **Trong luật nghi, ta đã chỉ dạy về nguyện.** Khi nói về giới luật, ta đã dạy thực hành nguyện.

Kinh văn:

第三七中於十二時。一向持佛般
怛羅呪至第四七日十方如來一時出現。
鏡交光處承佛摩頂

Đệ tam thất trung, ư thập nhị thời. Nhất hướng trì Phật, Bát Đát La chú¹³, chí đệ tứ thất nhật, thập phương Như Lai, nhất thời xuất hiện. Kính giao quang xứ, thừa Phật ma đánh.

Việt dịch:

Trong tuần bảy ngày thứ ba, trong suốt mười hai thời, một mặt trì chú Bát-đát-la chú của Phật, đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện, trong chỗ ánh sáng của các mặt gương giao nhau và được Phật xoa đỉnh.

Giảng giải:

Trong tuần bảy ngày thứ ba, trong suốt mười hai thời, một mặt trì chú Bát-đát-la chú của Phật. Tụng đọc thần chú Đại Bạch Tán Cái, tức chú kinh Lăng Nghiêm của Phật. **Đến ngày thứ bảy sẽ thấy mười phương Như Lai nhất thời xuất hiện.** Cùng lúc ấy, chư Phật sẽ bất ngờ xuất hiện tại đạo tràng, **trong chỗ ánh sáng của các mặt gương giao nhau và được Phật xoa đỉnh.** Quý vị sẽ được các Đức Phật trong mười phương xuất hiện và xoa lên đỉnh đầu, hình ảnh động tác ấy sẽ hữu hiện trong ánh sáng các mặt gương phản chiếu đến vô cùng tận.

Kinh văn:

即於道場修三摩地。能
令如是末世修學。身心明淨猶如瑠璃。

Tức ư đạo tràng, tu tam-ma-địa. Năng linh như thị, mạn thế tu học. Thân tâm minh tịnh, do như lưu ly.

Việt dịch:

Đoạn, ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam ma địa, có thể khiến cho những người tu học như vậy, trong thời mạn pháp, thân tâm được sáng tỏ và trong sạch như ngọc lưu ly.

Giảng giải:

Đoạn, ở nơi đạo tràng đó tu pháp Tam ma địa. Nơi đạo tràng như miêu tả trên, khi được các Như Lai khắp mười phương hiện đến xoa đỉnh, liền tu pháp Tam ma địa, tức quay trở lại tánh nghe để nghe tự tánh, **có thể**

khiến cho những người tu học như vậy, trong thời mật pháp, thân tâm được sáng tỏ và trong sạch như ngọc lưu ly. Thân và tâm người ấy sẽ trong suốt như pha lê và sáng lóng lánh.

Kinh văn:

阿難

若此比丘本受戒師。及同會中十比丘等。其中有一不清淨者。如是道場多不成就。

A-nan! Nhược thử Tỳ-kheo, bốn thọ giới sư. Cập đồng hội trung, thập Tỳ-kheo đẳng. Kỳ trung hữu nhất, bất thanh tịnh giả. Như thị đạo tràng, đa bất thành tựu.

Việt dịch:

A Nan, nếu như thầy truyền giới cho vị Tỳ kheo ấy, hoặc trong mười vị Tỳ kheo đồng hội, có một người giới hạnh không thanh tịnh thì các đạo tràng như vậy đa phần là không được thành tựu.

Giải thích:

A Nan, ông nên biết nếu vị Tỳ kheo tu dưỡng và trì chú Lăng Nghiêm không đúng cách, ngay cả vị thầy truyền giới không được thanh tịnh, hoặc vị ấy tu học từ vị Tỳ kheo khác có giới đức không thanh tịnh, vậy pháp hành ấy sẽ không có kết quả. Nên đừng thực hiện nếu có những người không thanh tịnh. Có thể họ đã giữ giới và chưa phạm lỗi. Đức Phật đề ra các giới như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối thì họ phạm tội sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói những lời không chân thật. Trong trường hợp đó, sự lập Bồ đề đạo tràng sẽ chẳng thành tựu. Tất cả sự tu dưỡng, mọi lời thần chú đều không có hiệu quả. Do đó, nếu quý vị thực hiện giáo pháp này thấy không được như ý, quý vị đừng nói: *“Tôi hành trì trong đàn suốt ba tuần, nhưng Phật Thích Ca, các Phật trong mười phương không đến xoa đỉnh đầu tôi. Tôi không thấy các vị ấy. Có thể Phật Thích Ca dối tôi.”*. Không phải như vậy. Có thể là do tự thân quý vị không thanh tịnh, hoặc một trong ai đó trong số mười vị truyền giới không được thanh tịnh. Chỉ cần một người không thanh tịnh thì tất cả đều bất thành. Đây là điều chúng ta nên hết sức chú ý.

Kinh văn:

從三

七後端坐安居。經一百日有利根者。不起于¹⁴座得須陀洹。縱其身心聖果未成。決定自知成佛不謬。

Tùng tam thất hậu, đoan tọa an cư. Kinh nhất bách nhật, hữu lợi căn giả. Bất khởi vu tọa, đắc Tu đà Hoàn. Túng kỳ thân tâm, Thánh quả vị thành. Quyết định tự tri, thành Phật bất mậu.

Việt dịch:

Từ sau ba tuần bảy ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư, trải qua một trăm ngày, người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu-đà-hoàn, mặc dù thân tâm thánh quả chưa thành, những đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai khác.

Giảng giải:

Từ sau ba tuần bảy ngày, ngồi nghiêm chỉnh an cư, trải qua một trăm ngày. Việc ngồi thiền không giống như một số người, họ ngồi được hai tiếng đồng hồ và xem đó là kỳ công, tự cho là mình đã hơn được nhiều người. Thực ra, điều ấy có thể ví như chú mèo con đấu sức cùng sự tử vậy. Ngồi **ng nghiêm chỉnh** có nghĩa là không nghiêng trái, phải, cũng chẳng phải cúi về phía trước, ngã ra sau, hoặc duỗi dài chân. Đây không phải là ngồi yên và lo nghĩ: “*Ôi! Chân tôi tê quá!*”. Ngồi **trải qua** có nghĩa là không nghĩ tưởng gì khác. Ngồi một trăm ngày là không đi ăn, cũng chẳng tự thư giãn, tự làm cho mình dễ chịu. Đơn giản chỉ là ngồi một trăm ngày. **Người có lợi căn không rời khỏi chỗ ngồi liền được quả Tu-đà-hoàn.** Người thông minh và có lợi căn sẽ ngồi một trăm ngày, chắc chắn người đó sẽ được Thánh quả thứ nhất của A-la-hán. Ngày nay, quý vị không thể ngồi được trọn ngày, tuy vậy, cũng có người nghĩ mình sẽ đạt được Thánh quả. Thực là buồn cười! Quý vị phải có khả năng ngồi trong một trăm ngày mới có được kết quả. **Mặc dù thân tâm thánh quả chưa thành, những đã quyết định tự biết sẽ thành Phật không sai khác.** Trong hiện tại họ chưa chứng được quả vị vô học, nhưng tin chắc mình sẽ thành Phật.

Kinh văn:

汝問道場建立如是

Nhữ vấn đạo tràng, kiến lập như thị.

Việt dịch:

Ông hỏi đạo tràng thì cách thành lập như vậy.

Giảng giải:

Cách thức dựng lập đạo tràng là vậy.

TÂM CHÚ

Kinh văn:

阿難頂禮佛

足而白佛言。自我出家恃佛憍愛。求多聞故

未證無為。

A-nan đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Tự ngã xuất gia, thị Phật kiêu ái. Cầu đa văn cố, vị chứng vô vi.

Việt dịch:

Ông A Nan đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: Từ khi xuất gia, con ý lại lòng thương yêu của Phật, vì cầu đa văn nên chưa chứng quả vị vô vi.

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan nghe Phật Thích Ca giảng giải, ông bèn **đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: Từ khi xuất gia, con ý lại lòng thương yêu của Phật.** Con nhờ vào lòng thương yêu đặc biệt của Phật đối với con, nhưng vì **cầu đa văn nên chưa chứng quả vị vô vi.** Ông ấy luôn muốn giỏi hơn nhiều người khác. *“Tôi muốn vượt hơn kẻ khác”,* và suy nghĩ: *“Ông không thể tụng kinh theo trí nhớ, nhưng tôi làm được. Ông không giảng được kinh, còn tôi thì nhớ rõ từng chữ”.* Ông vẫn luôn cạnh tranh mình là số một, và quyết dùng sự đa văn của mình để đạt vị trí thứ nhất. Và thực vậy, A Nan trở thành đệ nhất đa văn, nhưng ông vẫn chưa đạt được quả vị vô vi, chưa vượt qua kiến thức học hỏi của chính mình. Đây là điều rất đáng tiếc đối với Ngài.

Kinh văn:

遭彼梵天邪術所禁。心雖明了¹⁵力

不自由。賴遇文殊令我解脫。雖蒙如來佛頂

神呪。冥獲其力尚未親聞。

Tao bị phạm thiên, tà thuật sở cấm. Tâm tuy minh liễu, lực bất tự do. Lại ngộ Văn Thù, linh ngã giải thoát. Tuy môn Như Lai, Phật đánh Thần chú. Minh hoạch kỳ lực, thượng vị thân văn.

Việt dịch:

Khi bị tà thuật Phạm Thiên vây hãm, tâm tuy rõ ràng nhưng sức chẳng tự do, nhờ gặp ngài Văn Thù khiến cho con được giải thoát. Mặc dù con thầm nhờ sức của thần chú Phật Đỉnh Như Lai, nhưng con vẫn chưa được nghe qua thần chú ấy.

Giảng giải:

Khi bị tà thuật Phạm Thiên vây hãm, tâm tuy rõ ràng nhưng sức chẳng tự do. Con bị pháp thuật làm cho mê muội, rối rắm. Thân bị khốn đốn nhưng tâm con vẫn sáng suốt. Đây là khi A Nan không cảnh giác, nhưng cũng không phải là hoàn toàn rối loạn. Ông ấy rơi vào tình trạng mơ hồ, như ngủ chưa tỉnh giấc. Hoặc như người say rượu, nhưng A Nan không dùng rượu – trạng thái ấy giống như say rượu. Khi quý vị hỏi một người say, họ sẽ nhớ điều này, quên điều nọ - tình trạng ngài A Nan là vậy. Hoặc ông ấy như lơ mơ khi ngủ, hẳn nhiên là chưa ngủ say, chưa chìm trong mộng寐. Ông ấy không có sức giải thoát chính mình. Điều đó như đêm ngủ gặp quỷ Cưu Bàn Trà¹⁶ (Kumbhanda), nó có sức làm cho quý vị phải đờ đẫn, mất cả tự chủ. Khi tình trạng ấy xảy ra, quý vị có thể tỉnh táo nhìn thẳng vào nó, nhưng bản thân vẫn bất động vì sức mạnh của quỷ. Đó là những gì ngài A Nan trải nghiệm. Mặc dù ngài có ý thức, nhưng không tự kiểm soát, không được tự do tự tại. **Nhờ gặp ngài Văn Thù khiến cho con được giải thoát.** Đức Phật phái Bồ tát Văn Thù đến giải cứu, nhờ vậy con được giải thoát.

Mặc dù con thâm nhờ sức của thần chú Phật Đỉnh Như Lai, nhưng con vẫn chưa được nghe qua thần chú ấy. Thần chú Phật Đỉnh do đức Thế Tôn, Như Lai, Phật tuyên thuyết. Khi ngài Văn Thù đến chỗ con và tụng chú và con đã thâm nhờ uy lực của chú ấy. Tức là khi Văn Thù đến, ngài không đọc chú thành tiếng, mà chỉ thâm tụng. Tất cả quý vị nên đọc chú thành tiếng là khi ở trước Phật trong chùa, vậy mới có hiệu nghiệm. Nếu giữa đường phố mà quý vị đọc to tiếng: Nam mô tát đát tha tô già đa ra¹⁷... ất mọi người sẽ nghĩ đó là người điên. Quý vị đừng đọc một vài đoạn chú để khiến người khác xem thường, hủy báng pháp. Hành động lạ lung, kỳ dị của quý vị để họ chê nhạo, vậy sẽ phạm tội. Quý vị đừng bảo: “*Nếu họ phạm tội thì đó là chuyện của họ. Tôi cứ tụng thành tiếng, mặc họ phạm tội, họ sẽ sa vào địa ngục thôi!*”. Nếu quý vị có thái độ và ý định khiến người khác đi vào địa ngục thì xin quý vị đừng học Phật pháp nữa. Người học Phật là người nhiều tình cảm, có lòng khoan dung đối với mọi người, họ không hành động bất cứ điều gì để khiến kẻ khác phải sa địa ngục. Quý vị phải tu tập như vậy. Đừng nên nghĩ: “*Hắn báng bổ tôi, tôi sẽ đi theo sau họ và đọc to chú Lăng Nghiêm, họ chê bai tôi thì cho họ rơi vào địa ngục*”. Nếu nghĩ như thế thì quý vị lập tức đừng đọc chú Lăng Nghiêm, đừng học Phật nữa làm gì, bởi vì người học Phật không ganh ghét ai, không gây trở ngại cho người hoặc có tính ích kỷ nặng nề. Đừng có thái độ tội hơn người. Phật pháp xuất hiện là cứu độ chúng sinh chứ không phải khiến mọi người phạm tội. Quý vị phải hiểu rõ điều đó.

A Nan nói: “*Con thâm nhờ sức của thần chú nhưng con chưa được nghe qua*”.

Kinh văn:

唯願大慈重為宣
說。悲救此會諸修行輩。末及當來在輪迴者。
承佛密音身意解脫。

Duy nguyện đại từ, trọng vi tuyên thuyết. Bi cứu thử hội, chư tu hành bối. Mật cập đương lai, tại Luân-hồi giả. Thừa Phật mật âm, thân ý giải thoát.

Việt dịch:

Chỉ nguyện Đức Đại Từ tuyên nói lại cho, thương xót cứu giúp những hàng tu hành trong Hội này và những kẻ đời sau còn trong luân hồi, được nhờ mật âm của Phật mà thân ý giải thoát.

Giải thích:

Chỉ nguyện đáng Thế Tôn, **Đức Đại Từ tuyên nói lại cho**, mong muốn của con là được Phật nói lại cho con nghe bài chú, và **thương xót cứu giúp những hàng tu hành trong Hội này**. Nguyện xin nói lại để cứu giúp **những kẻ đời sau còn trong luân hồi** sáu nẻo, **được nhờ mật âm của Phật mà thân ý giải thoát**. Nhờ vào mật âm của Phật mà mọi người sẽ được giải thoát. Giải thoát là không còn tới lui sinh tử, và chúng ta sẽ tụng chú Lăng Nghiêm hằng ngày để chúng sanh giải thoát mọi ràng buộc, giúp họ nhận ra những sai lầm tệ hại. Chẳng hạn mọi người đều biết hút thuốc lá là không tốt – nó phí thời gian và gây hại cho sức khỏe, tuy nhiên rất nhiều người vẫn cứ hút thuốc. Biết rõ thuốc lá tác hại đến sức khỏe, họ vẫn không cố gắng từ bỏ. Biết sát sanh là không đúng, người ta vẫn hại sinh mạng vật. Biết tà dâm là không phải, họ vẫn coi thường điều đó. Biết trộm cắp là sai trái, họ vẫn đêm ngày rình rập lấy trộm đồ vật, tài sản của người khác, không trộm xe hơi thì cũng lấy máy hát. Kẻ trộm biết mình phạm luật pháp, sẽ bị cảnh sát bắt giữ, nhưng họ vẫn không chịu từ bỏ. Đây là biết sai nhưng vẫn làm.

Kinh văn:

于¹⁸時會中一切大眾普
皆作禮。佇聞如來祕密章句。

Ư thời hội trung, nhất thiết đại chúng, phổ giai tác lễ. Ninh văn Như Lai, bí mật chương cú.

Việt dịch:

Khi ấy, tất cả đại chúng trong Hội thấy đều đánh lễ chờ nghe câu chú bí mật của Như Lai.

Giải thích:

Khi ấy, tất cả đại chúng trong Hội, rất đông đảo các chúng cùng hội tập. **Thấy đều đánh lễ chờ nghe câu chú bí mật của Như Lai**, mọi người

đều làm lễ và cùng đứng chờ nghe Phật nói từng chương, cú thần chú. “Chương” gồm năm đoạn của chú. “Cú” là bao hàm nhiều câu ngắn, như Nam mô tát đát tha, Tô già đa gia, A ra ha đế, Tam miệu tam bồ đề tởa¹⁹. Nhưng chương và cú là điều bí mật, có nghĩa chúng ta không dễ gì hiểu được. Sự bí mật ấy nằm trong đoạn câu mà kiến thức của chúng ta không với tới. Khi quý vị tụng chú, quý vị không biết mình được lợi ích gì. Mặc dù có được nhiều lợi lạc nhưng chúng ta không biết rõ, chúng ta cũng không biết về bí mật của chú.

Kinh văn:

爾時世尊從肉髻中涌百寶光。光中涌出千
葉寶蓮。有化如來坐寶華中。

Nhĩ thời Thế Tôn! từng nhục kế trung, dũng bách Bảo quang. Quang trung dũng xuất, thiên diệp bảo liên. Hữu hóa Như Lai, tọa bảo hoa trung.

Việt dịch:

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế phóng ra trăm thứ hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như Lai ngồi trong hoa sen.

Giải thích:

Khi ấy, Đức Thế Tôn từ nơi nhục kế trên đỉnh đầu của Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra trăm thứ hào quang báu, trong hào quang hiện ra hoa sen báu ngàn cánh, có hóa thân Như Lai ngồi trong hoa sen. Hóa thân của Phật ngồi trên hoa sen ngàn cánh trong hào quang chói sáng.

Kinh văn:

頂放十道百寶
光明。一一光明皆遍示現十恒河沙金剛密
跡。擎山持杵遍虛空界。

Đảnh phóng thập đạo, bách bảo quang minh. Nhất nhất quang minh, giai biến thị hiện thập Hằng hà sa, Kim Cang mật tích. Kinh sơn trì xử, biến hư không giới.

Việt dịch:

Trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo, trong mỗi đạo hào quang, số lượng bằng mười số cát sông Hằng, đều hiện ra các vị Kim Cang Mật Tích, xách núi, cầm trụ, đầy khắp cả hư không.

Giải thích:

Trên đỉnh phóng ra mười đạo hào quang bách bảo. Đỉnh ở đây là chỉ đỉnh đầu của hóa thân Như Lai. Mười đạo hào quang bách bảo xuất phát từ đỉnh đầu của hóa thân Phật. **Trong mỗi đạo hào quang, số lượng bằng**

mười số cát sông Hằng, hào quang chiếu sáng khắp mọi nơi, đâu đâu cũng có, đều hiện ra các vị Kim Cang Mật Tích, xách núi, cầm trùy, đầy khắp cả hư không cùng lúc hào quang phóng xuất, các Đức Kim Cang Mật Tích xuất hiện, tay cầm núi, cầm trùy, như Bồ Tát Vi Đà²⁰ thường dùng. Các vị ấy hiện hữu đầy khắp cả hư không.

Kinh văn:

大眾仰觀畏愛兼抱。

求佛特²¹怙一心。聽佛無見頂相放光如來宣
說神呪。

Đại chúng ngưỡng quán, úy ái kiêm bảo. Cầu Phật thị hõ, nhất tâm Thính Phật, vô kiến đỉnh tướng, phóng quang Như Lai, tuyên thuyết Thần chú.

Việt dịch:

Đại chúng ngẩng lên xem, vừa yêu vừa sợ, cầu Phật xót thương che chở, một lòng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ nơi vô kiến đỉnh tướng của Phật tuyên nói thần chú.

Giải thích:

Đại chúng ngẩng lên xem, vừa yêu vừa sợ, cầu Phật xót thương che chở. Tất cả các Đại Bồ tát, Đại A-la-hán, Đại Tỳ kheo cùng các chúng tại đại hội, ngẩng lên nhìn hóa thân Như Lai xuất hiện từ đỉnh Phật, thấy đều sợ hãi khi nhìn thấy hóa thân Phật, đồng thời, họ cũng cảm thấy yêu mến đáng Như Lai. Tình yêu đó không phải là loại tình cảm yêu đương giữa nam nữ. Đây là tình cảm yêu mến chân thật, thoát khỏi mọi ham muốn. Cả hai loại tình cảm cùng hiện hữu: Khiếp sợ và yêu thương. Do đó, mọi người mong được Phật xót thương che chở. **Một lòng nghe Đức Phóng Quang Như Lai từ nơi vô kiến đỉnh tướng của Phật tuyên nói thần chú.** Mọi người đều chú tâm, đều muốn lắng nghe Phật, Khối thịt nhỏ trên đỉnh đầu Phật gọi là Vô kiến đỉnh tướng. Gọi vô kiến là vì người thường không nhìn thấy được. Mọi người nhìn thấy hào quang bách bảo và hóa thân Phật xuất hiện trên đỉnh Phật tuyên nói thần chú.

Như vậy, chú Lăng Nghiêm không phải do tự thân Đức Thích Ca nói ra, mà chính là hóa thân Phật tuyên thuyết từ hư không.

Đối với thần chú, tức mật ngữ, không ai có thể hiểu được, hoặc có thể giảng giải rõ từng âm tiết, từng câu chữ. Nhưng nếu quý vị muốn biết, tôi sẽ cố gắng giảng giải. Tuy nhiên, ở đây không có thời gian, vì chúng ta đang nói về kinh Lăng Nghiêm, còn như chú, cho dù có giảng trọn một năm cũng chưa xong, thậm chí cả ba năm, mười năm cũng vậy. Do đó tôi sẽ chỉ thuyết minh về đại ý thôi.

Chú Lăng Nghiêm phân làm năm bộ, biểu thị năm phương: Đông, Nam, Trung Ương, Tây, Bắc.

1. Đông phương Kim cang bộ, đức Phật A Súc là Bộ chủ.
2. Nam phương Bảo bộ, Đức Phật Bảo Sinh là Bộ chủ.
3. Trung ương Phật bộ, đức Phật Tỳ Lô Giá Na là Bộ chủ.
4. Tây phương Liên hoa bộ, đức Phật A Di Đà là Bộ chủ,
5. Bắc phương Yết Ma bộ, đức Phật Thành Tựu là Bộ chủ.

Nhân vì thế giới có năm đại ma quân nên có năm phương Phật ngăn chặn, chân áp.

Trong năm bộ của chú, nhìn chung có hơn ba mươi pháp, nếu giảng rộng ắt có hơn trăm pháp. Có năm loại pháp chính yếu sau:

1. Pháp Thành tựu: Có nghĩa với pháp này, quý vị sẽ có được những gì tìm kiếm, hoặc cầu nguyện, mong cầu điều gì đó.
2. Pháp Tăng ích, tức là khi quý vị tụng thần chú này, chẳng những chính quý vị được nhiều lợi ích, mà cả những người khác cùng được lợi.
3. Pháp Câu triệu. Theo ý nghĩa, câu triệu là bắt giữ và lệnh gọi các loài hữu tình, ma, quỷ. Không có gì thoát khỏi, quý vị có thể đưa chúng trở lại và bắt giữ. Chẳng hạn có ai đó gây hại người nào và xa chạy cao bay. Nếu biết sử dụng pháp câu triệu thì chắc chắn kẻ đó không trốn khỏi.
4. Pháp Hàng phục: Loài quỷ cũng có pháp thuật và chú để chúng sử dụng. Khi mình tụng chú của mình thì chúng tụng chú của chúng. Nhưng nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ phá tan các loại chú của chúng. Tôi cũng đã nói qua về uy lực của chú, nó có công năng đánh đuổi và hủy diệt chú thuật của bọn ma vương gây hại. Đối với những ai chưa học cũng nên lưu ý điều đó. Nhưng tại sao khi tụng chú Lăng Nghiêm thì chú của Phạm Thiên thành vô hiệu?

Đây là vì “Ngũ đại tâm chú”:

- Chr Two Ni
- E Jya La
- Mi Li Ju
- Bwo Li Dan La Ye
- Ning Jye Li.

Năm đoạn trên là “Ngũ đại tâm chú”. Đây là chú căn bản để hủy diệt các chú thuật và đánh đuổi bọn Thiên ma cùng các quyn thuộc. Loại tâm chú này khi sử dụng thì mọi chú thuật của bọn ma đều vô hiệu. Với pháp này, tôi có thể đánh đổi được vài triệu tiền đô, nhưng tôi không bán. Nếu quý vị có lòng thành, tôi sẽ truyền cho quý vị, hoàn toàn miễn phí.

5. Pháp Túc tai: Tất cả mọi tai ương, họa hại đều được ngăn ngừa, tránh khỏi. Chẳng hạn có ai đó rơi xuống biển, nhưng nếu người đó tụng chú Lăng Nghiêm, chắc chắn sẽ tránh được tai họa, tức là rơi tồm xuống biển nhưng không chết chìm. Có thể quý vị ở trong con tàu lã ra phải chìm, nhưng quý vị tụng thần chú này, tàu sẽ không chìm. Hoặc có thể đi trên chiếc máy bay hỏng hóc, nhưng nếu tụng chú Lăng Nghiêm, máy bay cũng sẽ hạ cánh an toàn. Tôi xin kể một câu chuyện thật khó tin, lần đó tôi đi từ Miến Điện sang Thái Lan, đường bay lúc đó rất nguy hiểm. Nhưng suốt cuộc hành trình, máy bay chẳng có dấu hiệu gì là bất ổn, và chuyến đi hết sức bình yên, thuận lợi. Ngay cả viên phi công cũng lấy làm lạ: “*Tại sao chuyến bay lại được êm xuôi như thế?*”. Anh ta không biết trong suốt chặng đường đó đã có Thiện thần, Bát bộ Thiên long, và cả chư Phật, các Bồ tát, cùng hộ trì chuyến bay được an toàn, thuận lợi.

Đây là cách hành pháp Trừ họa (Túc tai). Khi có một sự cố xảy ra, nó có thể hóa lớn thành bé, và họa bé cũng dễ dàng biến mất. Thường, khi sự cố xảy ra, nó sẽ có “báo động nhưng không nguy hiểm” - nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm.

Lợi ích của chú rất lớn, cho dù có bỏ ra vài năm giảng giải cũng không dứt. Ở đây, tôi chỉ nói qua vài pháp và ý nghĩa của pháp ấy thôi.

---o0o---

THẦN CHÚ PHẬT ĐÁNH THỦ LĂNG NGHIÊM²²

ĐỆ NHẤT

01. Nam-mô tát đát tha
02. Tô già đa da
03. A ra ha đế
04. Tam-miêu tam bồ-đà tỏa

05. Nam mô tát đát tha
06. Phật đà cu tri sắc ni sam
07. Nam-mô tát bà
08. Bột đà bột địa
09. Tát đa bệ tệ
10. Nam-mô tát đa nẫm
11. Tam-miêu tam bồ đà
12. Cu tri nẫm
13. Ta xá ra bà ca
14. Tăng già nẫm
15. Nam-mô lô kê A-La-Hán đa nẫm.
16. Nam-mô tô lô đa ba na nẫm.
17. Nam-mô ta yết rị đà dà di nẫm.
18. Nam-mô lô kê tam-miêu dà đa nẫm.
19. Tam-miêu dà ba ra
20. Đễ ba đa na nẫm.
21. Nam-mô đề bà ly sắc nỏa.
22. Nam-mô tát đà da
23. Tỳ địa da
24. Đà ra ly sắc nỏa.
25. Xá ba noa
26. Yết ra ha
27. Ta ha ta ra ma tha nẫm
28. Nam-mô bạt ra ha ma ni
29. Nam-mô nhờn dà ra da
30. Nam-mô bà dà bà đế
31. Lô đà ra da.
32. Ô ma bát đế
33. Ta hê dạ da.
34. Nam-mô bà dà bà đế
35. Na ra dả
36. Noa da
37. Bàn dá ma ha tam mộ đà da
38. Nam-mô tát yết rị đa da

39. Nam-mô bà dà bà đế
40. Ma ha ca ra da
41. Địa rị bác lặc na
42. Dà ra tỳ đà ra
43. Ba noa ca ra da.
44. A địa mục đế
45. Thi ma xá na nê
46. Bà tất nê
47. Ma đất rị dà noa
48. Nam-mô tất yết rị đa da
49. Nam-mô bà dà bà đế
50. Đa tha dà đa câu ra da
51. Nam-mô bát đầu ma câu ra da.
52. Nam-mô bạc xà ra câu ra da.
53. Nam-mô ma ni câu ra da
54. Nam-mô dà xà câu ra da
55. Nam-mô bà dà bà đế
56. Đế rị trà
57. Du ra tây na.
58. Ba ra ha ra noa ra xà da
59. Đa tha dà đa da
60. Nam-mô bà dà bà đế
61. Nam-mô A di đa bà da
62. Đa tha dà đa da
63. A ra ha đế.
64. Tam-miêu tam bồ đà da
65. Nam-mô bà dà bà đế
66. A sô bệ da
67. Đa tha dà đa da
68. A ra ha đế
69. Tam-miêu tam-bồ đà da
70. Nam-mô bà dà bà đế
71. Bệ xa xà da
72. Câu lô phệ trụ rị da

73. Bác ra bà ra xà da
74. Đa tha dà đa da.
75. Nam-mô bà dà bà đế
76. Tam bồ sư bí đa
77. Tát lân nại ra lặc xà da
78. Đa tha dà đa da
79. A ra ha đế
80. Tam-miêu tam-bồ đà da
81. Nam-mô bà dà bà đế
82. Xá kê dã mẫu na duệ
83. Đa tha dà đa da
84. A ra ha đế
85. Tam-miêu tam-bồ đà da
86. Nam-mô bà dà bà đế
87. Lặc đát na kê đô ra xà da
88. Đa tha dà đa da
89. A ra ha đế
90. Tam-miêu tam-bồ đà da
91. Đế biều
92. Nam-mô tát yết rị đa
93. Ế đàm bà dà bà đa
94. Tát đác tha dà đô
sắc ni sam
95. Tát đác đa bát đác lam
96. Nam-mô a bà ra thị đàm
97. Bác ra đế
98. Dương kỳ ra
99. Tát ra bà
100. Bộ đa yết ra ha
101. Ni yết ra ha
102. Yết ca ra ha ni
103. Bạt ra bí địa da
104. Sắt đà nễ
105. A ca ra

106. Mật rị trụ
107. Bát rị đác ra da
108. Nanh yết rị
109. Tát ra bà
110. Bàn đà na
111. Mục xoa ni
112. Tát ra bà
113. Đột sắc tra
114. Đột tất phạp
115. Bát na nê
116. Phạt ra ni
117. Giả đô ra
118. Thát đế nẳm
119. Yết ra ha
120. Ta ha tát ra nhã xà
121. Tỳ đa băng ta na yết rị
122. A sắc tra băng xá đế nẳm
123. Na xoa sát đác ra nhã xà
124. Ba ra tát đà na yết rị
125. A sắc tra nẳm
126. Ma ha yết ra ha nhã xà
127. Tỳ đa băng tát na yết rị
128. Tát bà xá đô lô
129. Nê bà ra nhã xà
130. Hô lam đột tất phạp
131. Nan giá na xá ni
132. Bí sa xá
133. Tất đác ra
134. A kiết ni
135. Ô đà ca ra nhã xà
136. A bát ra thị đa câu ra
137. Ma ha bác ra chiến trì
138. Ma ha điệp đa
139. Ma ha đế xà

- 140 Ma ha thuế đa xà bà ra
141. Ma ha bạt ra bàn đà ra
142. Bà tất nể
143. A rị da đa ra
144. Tỳ rị câu tri
145. Thệ bà tỳ xà da
146. Bạt xà ra ma lễ để
147. Tỳ xá lô đa
148. Bội đẳng đồng ca
149. Bạt xà ra chế hất na a giá
150. Ma ra chế bà
151. Bát ra chất đa
152. Bạt xà ra thiện trì
153. Tỳ xá ra giá
154. Phiến đa xá
155. Bệ để bà
156. Bồ thị đa
157. Tô ma lô ba
158. Ma ha thuế đa
159. A rị da đa ra
160. Ma ha bà ra a bác ra
161. Bạt xà ra thương yết ra chế bà
162. Bạt xà ra câu ma rị
163. Câu lam đà rị
164. Bạt xà ra hất tất đa giá
165. Tỳ địa da
166. Kiền dá na
167. Ma rị ca
168. Khuất tô mẫu
169. Bà yết ra đá na
170. Bệ lô giá na
171. Câu rị da
172. Dạ ra thố
173. Sắc ni sam

174. Tỳ chiếc lam bà ma ni giá.
175. Bạt xà ra ca na ca ba ra bà.
176. Lò xà na
177. Bạt xà ra đôn trĩ giá
178. Thuế đa giá
179. Ca ma ra
180. Sát sa thi
181. Ba ra bà.
182. Ế đế di đế
183. Mẫu đà ra
184. Yết noa.
185. Ta bệ ra sám
186. Quật phạm đô
187. Ân thổ na mạ mạ tóa.

---o0o---

ĐỆ NHỊ

188. Ô Hồng
189. Rị sắc yết noa
190. Bác lặc xá tất đa
191. Tát đác tha
192. Già đô sắc ni sam
193. Hổ hồng đô lô ung
194. Chiêm bà na
195. Hổ hồng đô lô ung
196. Tát đam bà na
197. Hổ hồng đô lô ung
198. Ba ra sắc địa da
199. Tam bác xoa
200. Noa yết ra
201. Hổ hồng đô lô ung
202. Tát bà dục xoa
203. Hắt ra sát ta

204. Yết ra ha nhã xà
205. Tỳ đẵng băng tát na yết ra
206. Hổ hồng đô lô ung
207. Giả đô ra
208. Thi đề nẳm
209. Yết ra ha
210. Ta ha tát ra nẳm
211. Tỳ đẵng băng tát na ra
212. Hổ hồng đô lô ung
213. Ra xoa
214. Bà già phạm
215. Tát đác tha
216. Già đô sắc ni sam
217. Ba ra điếm
218. Xà kiết rị
219. Ma ha ta ha tát ra
220. Bột thọ ta ha tát ra
221. Thất rị sa
222. Câu tri ta ha tát nê
223. Đế lệ a tệ đề thị bà rị đa
224. Tra tra anh ca
225. Ma ha bạt xà lô đà ra
226. Đế rị bồ bà na
227. Man trà ra
228. Ô hồng
229. Ta tát đế
230. Bạt bà đô
231. Mạ mạ
232. Ẩn thố na mạ mạ tỏa.

---o0o---

ĐỆ TAM

233. Ra xà bà dạ

234. Chủ ra bặt dạ
235. A kỳ ni bà dạ
236. Ô ã ca bà dạ
237. Tỳ xa bà dạ
238. Xá tát ã ra bà dạ
239. Bà ra chước yết ra bà dạ
240. Đột sắc xoa bà dạ
241. A xá nẻ bà dạ
242. A ca ra
243. Mật rị trụ bà dạ
244. ã ra ni bộ di kiếm
245. Ba già ba ã bà dạ
246. Ô ra ca bà ã bà dạ
247. Lặc xà ãn trà bà dạ
248. Na ã bà dạ
249. Tỳ ãiêu ãt bà dạ
250. Tô ba ra noa bà dạ
251. Dược xoa yết ra ha
252. Ra xoa tư yết ra ha
253. Tát rị ã yết ra ha
254. Tỳ xá giá yết ra ha
255. Bộ ã yết ra ha
256. Cưu bàn trà yết ra ha
257. Bỏ ãn na yết ra ha
258. Ca tra bỏ ãn na yết ra ha
259. Tát kiện ã yết ra ha
260. A bá tát ma ra yết ra ha
261. Ô ãn ma ã yết ra ha
262. Xa ã yết ra ha
263. Hê rị bà ã yết ra ha
264. Xả ã ha rị nẻ
265. Yết bà ha rị nẻ
266. Lô ã ra ha rị nẻ
267. Mang ta ha rị nẻ

268. Mê đà ha rị nẳm
269. Ma xà ha rị nẳm
270. Xà đa ha rị nữ
271. Thị tỷ đa ha rị nẳm
272. Tỳ đa ha rị nẳm
273. Bà đa ha rị nẳm
274. A du giá ha rị nữ
275. Chát đa ha rị nữ
276. Đế sam tát bệ sam
277. Tát bà yết ra ha nẳm
278. Tỳ đà dạ xà
279. Sân đà dạ di
280. Kê ra dạ di
281. Ba rị bạt ra giả ca
282. Hát rị đờm
283. Tỳ đà dạ xà
284. Sân đà dạ di
285. Kê ra dạ di
286. Trà diển ni
287. Hát rị đờm
288. Tỳ đà dạ xà
289. Sân đà dạ di
290. Kê ra dạ di
291. Ma ha bát du bát đác dạ
292. Lô đà ra
293. Hát rị đờm
294. Tỳ đà dạ xà
295. Sân đà dạ di
296. Kê ra dạ di
297. Na ra dạ noa
298. Hát rị đờm
299. Tỳ đà dạ xà
300. Sân đà dạ di
301. Kê ra dạ di

302. Đát đỏa dà lô trà tây
303. Hát rị đờm
304. Tỳ đà dạ xà
305. Sân đà dạ di
306. Kê ra dạ di
307. Ma ha ca ra
308. Ma đác rị già noa
309. Hát rị đờm
310. Tỳ đà dạ xà
311. Sân đà dạ di
312. Kê ra dạ di
313. Ca ba rị ca
314. Hát rị đờm
315. Tỳ đà dạ xà
316. Sân đà dạ di.
317. Kê ra dạ di
318. Xà dạ yết ra
319. Ma độ yết ra
320. Tát bà ra tha ta đạt na
321. Hát rị đờm
322. Tỳ đà dạ xà
323. sân đà dạ di
324. Kê ra dạ di
325. Giã đót ra
326. Bà kỳ nẻ
327. Hát rị đờm
328. Tỳ đà dạ xà
329. Sân đà dạ di
330. Kê ra dạ di
331. Tỳ rị dương hát rị tri
332. Nan đà kê sa ra
333. Dà noa bác đế
334. Sách hê dạ
335. Hát rị đờm

336. Tỳ đà dạ xà
337. Sân đà dạ di
338. Kê ra dạ di
339. Na yết na xá ra bà noa
340. Hắt rị đờm
341. Tỳ đà dạ xà
342. Sân đà dạ di
343. Kê ra dạ di
344. A-la-hán
345. Hắt rị đờm
346. Tỳ đà dạ xà
347. Sân đà dạ di
348. Kê ra dạ di
349. Tỳ đa ra dà
350. Hắt rị đờm
351. Tỳ đà dạ xà
352. Sân đà dạ di
353. Kê ra dạ di
354. Bạt xà ra ba nể
355. Câu hê dạ câu hê dạ
356. Ca địa bát đế
357. Hắt rị đờm
358. Tỳ đà dạ xà
359. Sân đà dạ di
360. Kê ra dạ di
361. Ra xoa vông
362. Bà dà phạm
363. Ẩn thổ na mạ mạ tỏa

---o0o---

ĐỆ TỨ

364. Bà dà phạm
365. Tát đác đa bát đác ra

366. Nam-mô tý đô đế
367. A tát đa na ra lạc ca
368. Ba ra bà
369. Tát phỏ tra
370. Tỳ ca tát đác đa bát đế rị
371. Thập Phậ ra thập Phậ ra
372. Đà ra đà ra
373. Tần đà ra tần đà ra
374. Sân đà sân đà
375. Hỏ hồng hỏ hồng.
376. Phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra phấn tra.
377. Ta ha
378. Hê hê phần
379. A mâu ca da phần
380. A ba ra đề ha da phần
381. Ba ra bà ra đà phần
382. A tổ ra
383. Tỳ đà ra
384. Ba ca phần
385. Tát bà đề bệ tộ phần
386. Tát bà na dà tộ phần
387. Tát bà dượ xoa tộ phần
388. Tát bà kiền thát bà tộ phần
389. Tát bà bỏ đơ na tộ phần
390. Ca tra bỏ đơ na tộ phần
391. Tát bà đọt lang chỉ đế tộ phần.
392. Tát bà đọt sáp tỳ lê
393. Hắt sắc đế tộ phần
394. Tát bà thập bà lê tộ phần
395. Tát bà a bá tát ma lê tộ phần
396. Tát bà xá ra bà noa tộ phần.
397. Tát bà địa đế kê tộ phần
398. Tát bà đát ma đà kê tộ phần
399. Tát bà tỳ đà da

400. Ra thệ giá lê tộ phần
401. Xà dạ yết ra
402. Ma độ yết ra
403. Tát bà ra tha ta đà kê tộ phần.
404. Tỳ địa dạ
405. Giá lê tộ phần
406. Giả đô ra
407. Phục kỳ nễ tộ phần
408. Bạt xà ra
409. Câu ma rị
410. Tỳ đà dạ
411. La thệ tộ phần
412. Ma ha ba ra đĩnh dương
413. Xoa kỳ rị tộ phần
414. Bạt xà ra thương yết ra dạ
415. Ba ra trượng kỳ ra xà da phần
416. Ma ha ca ra dạ
417. Ma ha mặt đất rị ca noa
418. Nam-mô ta yết rị đa da phần.
419. Tỷ sắc noa tỳ duệ phần
420. Bột ra ha mâu ni duệ phần
421. A kỳ ni duệ phần
422. Ma ha yết rị duệ phần
423. Yết ra đàn tri duệ phần
424. Miệc đất rị duệ phần
425. Lao đất rị duệ phần
426. Giá văn trà duệ phần
427. Yết la ra đác rị duệ phần.
428. Ca bát rị duệ phần
429. A địa mục chất đa
430. Ca thi ma xá na
431. Bà tư nễ duệ phần
432. Diễn kiết chất
433. Tát đỏa bà tỏa

434. Mạ mạ ần thố na mạ mạ tủa.

---o0o---

ĐỆ NGŨ

435. Đột sắc tra chất đa
436. A mặt đác rị chất đa
437. Ô xà ha ra
438. Đà ba ha ra
439. Lô địa ra ha ra
440. Ta bà ha ra
441. Ma xà ha ra
442. Xà đa ha ra
443. Thị tử đa ha ra
444. Bạt lược dạ ha ra
445. Kiền đà ha ra
446. Bồ sử ba ha ra
447. Phả ra ha ra
448. Bà tả ha ra
449. Bát ba chất đa
450. Đột sắc tra chất đa.
451. Lao đà ra chất đa
452. Dược xoa yết ra ha
453. Ra sát ta yết ra ha
454. Bế lệ đa yết ra ha
455. Tỳ xá giá yết ra ha
456. Bộ đa yết ra ha
457. Cưu bàn trà yết ra ha
458. Tất kiền đà yết ra ha
459. Ô đát ma đà yết ra ha
460. Xa dạ yết ra ha
461. A bá tất ma ra yết ra ha.
462. Trạch khê cách

463. Trà kỳ ni yết ra ha
464. Rị Phật đế yết ra ha
465. Xà di ca yết ra ha
466. Xá câu ni yết ra ha
467. Lao đà ra
468. Nan địa ca yết ra ha
469. A lam bà yết ra ha
470. Kiền độ ba ni yết ra ha
471. Thập phạt ra
472. Yên ca hê ca
473. Trị đế dục ca
474. Đát lệ đế dục ca
475. Giả đột thác ca
476. Ni đề thập phạt ra
477. Tỉ sam ma thập phạt ra
478. Bạt đề ca
479. Tỷ đề ca
480. Thất lệ sắc mật ca
481. Ta nê bát đề ca
482. Tát bà thập phạt ra
483. Thất lô kiết đế
484. Mạt đà bệ đạt lô chế kiếm
485. A y lô kiềm
486. Mục khô lô kiềm
487. Yết rị đột lô kiềm
488. Yết ra ha
489. Yết lam yết noa du lam
490. Đản đa du lam
491. Hát rị dạ du lam
492. Mạt mạ du lam
493. Bạt rị thất bà du lam
494. Tỷ lật sắc tra du lam
495. Ô đà ra du lam
496. Yết tri du lam

497. Bạt tất đế du lam
498. Ô lô du lam
499. Thường dà du lam
500. Hắc tất đa du lam
501. Bạt đà du lam
502. Ta phòng án dà
503. Bát ra trượng dà du lam
504. Bộ đa tỷ đa trà
505. Trà kỳ ni
506. Thập bà ra
507. Đà đột lô ca
508. Kiến đốt lô kiết tri
509. Bà lộ đa tỳ
510. Tát bát lô
511. Ha lãng già
512. Du sa đát ra
513. Ta na yết ra
514. Tỳ sa dụ ca
515. A kỳ ni
516. Ô đà ca
517. Mạt ra bệ ra
518. Kiến đa ra
519. A ca ra
520. Mạt rị đốt
521. Đát liêm bộ ca
522. Địa lật lặc tra
523. Tỷ rị sắc chất ca
524. Tát bà na câu ra
525. Tứ dẫn dà tề
526. Yết ra rị dược xoa
527. Đác ra xô
528. Mạt ra thị
529. Phệ đế sam
530. Ta bệ sam

531. Tát đát đa bát đát ra
 532. Ma ha bạt xà lô
 533. Sắc ni sam
 534. Ma ha bát lạc trượng kỳ lam
 535. Dạ ba đột đà
 536. Xá dụ xà na
 537. Biện đát lệ noa
 538. Tỳ đà da
 539. Bàn đàm ca lô di
 540. Đế thù
 541. Bàn đàm ca lô di
 542. Bát ra tỳ đà
 543. Bàn đàm ca lô di
544. Đát diệt tha
545. Án
546. A na lệ
547. Tỳ xá đề
548. Bệ ra
549. Bạt xà ra
550. Đà rị
551. Bàn đà bàn đà nễ
552. Bạt xà ra bán ni phẩn
553. Hổ hồng đô lô ung phẩn
554. Ta bà ha.

Kinh văn:

阿難是佛頂光聚悉怛多般怛羅祕密伽陀
 微妙章句。出生十方一切諸佛。十方如來因
 此呪心。得成無上正遍知覺。

A-nan! Thị Phật đánh quang, tụ tát đát đa bát đát La, bí mật già đà, vi diệu chương cú. Xuất sanh thập phương, nhất thiết chư Phật. Thập phương Như Lai, nhân thử chú tâm. Đắc thành vô thượng, Chánh-biến-Tri giác.

Việt dịch:

A Nan, những câu vi diệu, những kệ bí mật Tát đát đa²³, bát đát la của hóa thân từ hào quang nơi đỉnh Phật, sinh ra tất cả các Phật

khắp mười phương. Thập phương Như Lai nhân chú tâm này mà được thành vô thượng chánh biến tri giác.

Giảng giải:

A Nan, những câu vi diệu, những kệ bí mật Tát đát đa, bát đát la của hóa thân từ hào quang nơi đỉnh Phật. Trước câu “Tát đát đa, bát đát la” còn có hai chữ Ma ha – nghĩa là lớn. Hán dịch: Đại bạch tán cái, tức Lọng trắng lớn. Cái lọng này có bao trùm các chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới. “Kệ” là đoạn lặp lại (trùng tụng). Chú là mật ngữ, gồm nhiều câu nối tiếp nên gọi là kệ bí mật.

Bài chú này **sinh ra tất cả các Phật khắp mười phương**. Do đó, chú Lăng Nghiêm còn gọi là “*mẹ của chư Phật*”.

Thập phương Như Lai nhân chú tâm này mà được thành vô thượng chánh biến tri giác. Do chú Lăng Nghiêm mà các Đức Phật được chánh biến tri. Chánh biến tri là sự biết từ tâm ứng khởi với mật pháp, cũng tức là mật pháp xuất hiện từ tâm.

Kinh văn:

十方如來執此

呪心。降伏諸魔制諸外道。

Thập phương Như Lai, chấp thủ chú tâm. Hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai nắm chú tâm này, trấn áp các ma, chế phục các ngoại đạo.

Giảng giải:

Tâm chú, tức chú Lăng Nghiêm, được tuyên thuyết từ hóa thân Phật ngồi trên sen báu trong ánh hào quang từ đỉnh Phật Thích Ca. **Mười phương Như Lai nắm chú tâm này, trấn áp các ma, chế phục các ngoại đạo**. Đây là tâm chú, và là tâm chú của các Phật nên các Thiên ma và hàng ngoại đạo tà kiến đều sợ hãi lánh xa thần chú này.

Kinh văn:

十方如來乘此呪

心。坐寶蓮華應微塵國。

Thập phương Như Lai, thừa thủ chú tâm. Tọa bảo liên hoa, ứng vi trần quốc.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai hành tâm chú này, ngồi tòa sen báu, ứng hiện trong các cõi nước như số vi trần.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai hành tâm chú này. Nhờ vào thần chú, tức uy lực của tâm chú, và **ngôi tòa sen báu** rất nhiều hoa. **Ứng hiện trong các cõi nước như số vi trần.** Hóa thân Như Lai thị hiện trong khắp các cõi nước nhiều như số vi trần, đây là uy lực của tâm chú Lăng Nghiêm.

Kinh văn:

十方如來含此呪心。
於微塵國轉大法輪。

Thập phương Như Lai, hàm thử chú tâm. Ư vi trần quốc, chuyển đại Pháp luân.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai, ngậm tâm chú này, nơi cõi nước như số vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn.

Giảng giải:

Khi mười phương Như Lai, nơi cõi nước như số vi trần, chuyển bánh xe pháp lớn, thấy đều nhờ vào thần chú, và ngậm tâm chú này.

Kinh văn:

十方如來持此呪心。能
於十方摩頂授記。自果未成亦於十方蒙佛
授記。

Thập phương Như Lai, trì thử chú tâm. Năng ư thập phương, ma đánh thọ kí. Tự quả vị thành, diệc ư thập phương, môn Phật thọ kí.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai giữ tâm chú này, có thể nơi mười phương xoa đánh thọ ký. Tự mình quả vị chưa thành, cũng có thể nơi mười phương mong nhờ Phật thọ ký.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai giữ tâm chú này, tiếp thụ và giữ tâm chú, có thể nơi mười phương xoa đánh thọ ký, mọi người được dự báo sẽ được thành Phật. Tự mình quả vị chưa thành, cũng có thể nơi mười phương mong nhờ Phật thọ ký. Nếu các ông chưa có quả vị, Phật cũng sẽ xoa lên đầu các ông và dự báo sẽ thành Phật.

Kinh văn:

十方如來依此呪心。能於十方拔濟群
苦。所謂地獄餓鬼畜生盲聾瘖瘂。怨憎會苦
愛別離苦。求不得苦五陰熾盛。大小諸橫同

時解脫。賊難兵難王難獄難。風水火難飢
渴貧窮應念銷散

Thập phương Như Lai, y thử chú tâm. Năng u thập phương, bạt tế quần khổ. Sở vị địa ngục, ngạ quỷ súc sanh, manh lung ám á. Oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ. Cầu bất đắc khổ, ngũ uẩn sí thịnh. Đại tiểu chư hoạn, đồng thời giải thoát. Tặc nan binh nạn, Vương nan ngục nạn. Phong thủy hỏa nạn, cơ khát bản cùng, ung niệm tiêu tán.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai nương tâm chú này, có thể nơi mười phương cứu vớt các khổ, như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mù, điếc, ngọng, câm; các khổ oán tắng hội, ái biệt ly, cầu bất đắc, ngũ ấm xí thạnh, các nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát; nạn giặc nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa, nước, những đói, khát, bản cùng liền được tiêu tán.

Giải thích:

Mười phương Như Lai nương tâm chú này, có thể nơi mười phương cứu vớt các khổ.

1. Sinh
2. Tuổi già
3. Đau bệnh
4. Chết
5. Yêu nhau phải xa cách.
6. Phải gận gũi với người mình oán ghét.
7. Cầu chẳng được.
8. Khổ do thân tâm (năm ấm) sinh trưởng quá mạnh.

Ngoài ra còn có tám nỗi khổ khác:

1. Khổ của địa ngục
2. Khổ của quỷ đói
3. Khổ của loài vật
4. Khổ vì đui, điếc, hoặc câm
5. Khổ vì sinh nơi Bắc cầu ly châu
6. Khổ vì sinh vào lúc thế gian không có Phật
7. Khổ vì tranh luận tri thức và khả năng trong thế gian
8. Khổ vì tái sinh vào cõi trời thọ mạng quá lâu dài.

Chúng sinh trong cõi Bắc câu ly châu (Uttarakuru) có thọ mạng rất lâu, đời sống trung bình cả ngàn tuổi. Cư dân nơi đây rất an lạc, bình đẳng; khổ ở đây là không được thấy Phật, nghe pháp, hoặc có được Tăng già. Do đó, sống ở đó cũng là một trong tám nỗi khổ. Sự thật, chúng sinh nơi các cõi trời, mặc dù có thọ mạng lâu dài, nhưng nếu không gặp được Tam bảo thì cũng xem là khổ vậy.

“*Tranh luận về tri thức và khả năng trong thế gian*” bao hàm nhiều lĩnh vực kiến thức khác nhau, chẳng hạn phạm khoa học. Họ cố gắng trình bày, giải thích những nguyên tắc vô nguyên tắc, và lý do thì không đâu vào đâu.

Như là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mù, điếc, ngọng, câm đều thuộc tám nỗi khổ.

Các khổ oán tắng hội. Quý vị không ưa người nào đó và muốn tránh đi, tìm nơi khác, nhưng rồi lại gặp phải người đáng chán như trước đó. Hoặc như **ái biệt ly**, quý vị đặc biệt yêu thích người nào, nhưng vì hoàn cảnh bắt buộc phải xa lìa họ. **Cầu bất đắc** là tìm không được điều như ý, tâm sinh ra thất vọng, khổ não. **Ngũ ấm xí thạnh.** Năm ấm là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khi thịnh thì bùng lên như lửa cháy.

Các nạn lớn nhỏ đồng thời được giải thoát, có thể đó là sự đột tử, hoặc tai nạn xe cộ, hoặc bị sát hại... Những khổ khác như **nạn giặc nạn binh, nạn vua, nạn ngục, nạn gió, lửa, nước, những đói, khát, bần cùng liền được tiêu tán.**

Kinh văn:

十方如來隨此呪心。能於
十方事善知識。四威儀中供養如意。恆沙如
來會中推為大法王子。

Thập phương Như Lai, tùy thủ chú tâm. Năng ư thập phương, sự thiện tri thức. Tứ uy nghi trung, cúng dường như ý. Hằng sa Như Lai, hội trung thối vi, Đại pháp vương tử.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai theo tâm chú này, có thể nơi mười phương phụng sự các thiện tri thức, trong bốn uy nghi cúng dường được như ý, trong pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại pháp vương tử.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai theo tâm chú này, có thể nơi mười phương phụng sự các thiện tri thức. Các bậc thiện tri thức đều được cúng dường và phụng sự. **Trong bốn uy nghi cúng dường được như ý,** khi hành lễ Tam

bảo, họ đều thực hiện theo đúng pháp. **Trong pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại pháp vương tử. trong pháp hội hằng sa Như Lai, được suy tôn là Đại pháp vương tử.** Đây là những môn đồ ưu việt của Đức Phật.

Kinh văn:

十方如來行此呪心。
能於十方攝受親因。令諸小乘聞祕密藏不
生驚怖

Thập phương Như Lai, hành thử chú tâm. Năng ư thập phương, nhiếp thọ thân nhân. Lĩnh chư Tiểu thừa, văn bí mật tạng, bất sanh kinh bố.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, có thể nơi mười phương nhiếp thụ các thân nhân, khiến cho các hàng Tiểu thừa nghe kinh được tạng bí mật, chẳng sinh lòng kinh sợ.

Giải thích:

Mười phương Như Lai dùng tâm chú này, có thể nơi mười phương nhiếp thụ các thân nhân. Đức Phật có sau loại quyền thuộc, đây là những người đầu tiên học đạo và được gần gũi Phật. Tại sao khi Đức Phật Thích Ca thành đạo xong, Ngài liền đi đến vườn Nai để gặp lại năm vị Tỳ kheo? Những vị Tỳ kheo ấy nguyên là quyền thuộc của Phật từ trong đời quá khứ và trong đời hiện tại. Họ đều được Phật dạy. **Khiến cho các hàng Tiểu thừa, đây là những quyền thuộc của họ chìm đắm trong các pháp Tiểu thừa, nghe kinh được tạng bí mật, chẳng sinh lòng kinh sợ.** Khi được nghe tạng bí mật của Phật, tức giáo pháp Đại thừa, họ sẽ không còn sợ hãi.

Kinh văn:

十方如來誦此呪心。成無上覺坐菩
提樹入大涅槃。

Thập phương Như Lai, tụng thử chú tâm. Thành vô thượng giác, tọa Bồ-đề thọ, nhập đại Niết Bàn.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai tụng tâm chú này, thành đạo vô thượng, ngồi dưới cây Bồ đề, vào Đại Niết bàn.

Giải thích:

Mười phương Như Lai tụng tâm chú này. Làm thế nào các Như Lai trong mười phương trở thành Phật? Đây là do tụng tâm chú này. “Tụng” có nghĩa là lặp lại từ trí nhớ chứ không phải nhìn vào sách đọc. **Thành đạo vô**

thượng, ngồi dưới cây Bồ đề và thành vị Phật vì tụng thệ chú này và vào Đại Niết bàn.

Kinh văn:

十方如來傳此呪心。於滅度
後付佛法事究竟住持。嚴淨戒律悉得清淨。

Thập phương Như Lai, truyền thữ chú tâm. Ư diệt độ hậu, phó Phật Pháp sự, cứu cánh trụ trì. Nghiêm tịnh giới luật, tất đắc thanh tịnh.

Việt dịch:

Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ thì phó chúc pháp sự của Phật, được trụ trì rốt ráo, giới luật nghiêm tịnh, thấy đều được trong sạch.

Giảng giải:

Mười phương Như Lai truyền tâm chú này, sau khi diệt độ thì phó chúc pháp sự của Phật, được trụ trì rốt ráo. Sau khi Phật vào Niết bàn, mọi người đều y theo pháp tu tập và phụng sự Phật pháp, **giới luật nghiêm tịnh, thấy đều được trong sạch**, nhờ vào uy lực của chú mà mọi người đều được trong sạch và trọn vẹn.

Kinh văn:

若我說是佛頂光聚般怛羅呪。從旦至暮音
聲相連。字句中間亦不重疊。經恒沙劫終不
能盡。

Nhược ngã thuyết thệ, Phật đánh quang tụ, bát đất La chú. Tụng đản chí mộ, âm thanh tương liên. Tự cú trung gian, điệp bất trọng điệp. Kinh hằng sa kiếp, chung bất năng tận.

Việt dịch:

Nếu ta nói chú Phật đỉnh quang tụ Bát đất la này, từ sáng đến tối, các tiếng nối nhau, trong đó có những chữ, những câu cũng không trùng điệp, trải qua kiếp số như cát sông Hằng, rốt cùng không thể dứt hết.

Giảng giải:

Nếu ta nói chú Phật đỉnh quang tụ Bát đất la này, từ sáng đến tối, các tiếng nối nhau, trong đó có những chữ, những câu cũng không trùng điệp câu chú Bát đất la liên hệ với chú Lăng Nghiêm, đây là chú kiên cố, là chú Đại Bạch Tán Cái. **Trải qua kiếp số như cát sông Hằng, rốt cùng không thể dứt hết.** Tôi không sao giảng giải cho hết công đức và sự kỳ diệu của tâm chú Lăng Nghiêm được.

Kinh văn:

亦說此呪名如來頂。

Diệc thuyết thử chú, danh Như Lai đánh.

Việt dịch:

Chú này cũng gọi tên là Như Lai đánh.

Giảng giải:

Chú này cũng gọi tên là Như Lai đánh. Đây là tên gọi của bài chú.

Kinh văn:

汝等有學未盡輪

迴。發心至誠趣向阿耨多羅三藐三菩提²⁴。不
持此呪而坐道場。令其身心遠諸魔事無有
是處。

Nhữ đấng hữu học, vị tận Luân-hồi. Phát tâm chí thành, thú hướng A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề²⁵. Bất trì thử chú, nhi tọa đạo tràng. Linh kỳ thân tâm, viễn chư ma sự, vô hữu thị xứ.

Việt dịch:

Hàng hữu học các ông chưa dứt được luân hồi, phát lòng chí thành tu chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, nếu không trì chú này mà ngồi vào đạo tràng, mong muốn cho thân tâm xa rời được các ma sự thì không thể được.

Giảng giải:

Hàng hữu học các ông chưa dứt được luân hồi vẫn bị vây hãm trong sáu nẻo luân hồi sanh tử, và phát lòng chí thành tu chứng quả A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề, ông muốn đạt được quả vị A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề. Nhưng nếu không trì chú này mà ngồi vào đạo tràng, mong muốn cho thân tâm xa rời được các ma sự thì không thể được. Như ông muốn được thành A-la-hán hoặc muốn ngồi vào đạo tràng để thành Phật, thân tâm xa lìa ma sự nhiễu loạn mà không trì thần chú này thì không thể được.

Kinh văn:

阿難若諸世界隨所國土。所有眾生隨國所
生。樺皮貝葉紙素白疊。書寫此呪貯於香囊。
是人心惛未能誦憶。或帶身上或書宅中。當
知是人盡其生年。一切諸毒所不能害。

A-nan! Nhược chư thế giới, tùy sở quốc độ. Sở hữu chúng sanh, tùy quốc sở sanh. Hoa bì bối diệp, chỉ tố bạch điệp. Thư tả thử chú, trữ u hương nang. Thị nhân tâm hôn, vị năng tụng ức. Hoặc đới thân thượng, hoặc thư trạch

trung. Dương tri thị nhân, tận kỳ sanh niên. Nhất thiết chư độc, sở bất năng hại.

Việt dịch:

A Nan, nếu trong các thế giới có các chúng sanh, tùy cõi nước mình sinh ra, như vỏ cây hoa, lá cây bói, hoặc như giấy trắng, thảm trắng, dùng để bên chép chú này, đựng trong túi thơm; nếu người đó tối tăm, từng chưa nhớ được, nhưng hoặc đeo trên người, hoặc viết trong nhà ở, thì nên biết là người ấy trọn đời, tất cả các thứ độc không thể hại được.

Giảng giải:

Đây là Luận về chức năng của chú. **A Nan, nếu trong các thế giới có các chúng sanh.** Chỉ chung cho các chúng sanh trong cõi này và tất cả các thế giới khác. **Tùy cõi nước mình sinh ra,** có thể đó là nước Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Thái, Miến Điện, Tích Lan, hoặc một khu vực nào khác. Họ có thể viết trên các loại **như vỏ cây hoa, lá cây bói, hoặc như giấy trắng, thảm trắng, dùng để bên chép chú này.** Vật liệu dùng để viết không phải là vấn đề quan trọng, và người ta có thể viết một cách cẩn thận, kính cẩn, hoặc viết tháo cho nhanh. Sau đó **đựng trong túi thơm; nếu người đó tối tăm, từng chưa nhớ được, nhưng hoặc đeo trên người, hoặc viết trong nhà ở, thì nên biết là người ấy trọn đời, tất cả các thứ độc không thể hại được.** Nếu người đó không có trí nhớ tốt, hoặc đầu óc mơ hồ không tụng chú được thuận lợi, họ có thể viết chú, cho vào túi nhỏ đeo bên người, hoặc treo trên tường nhà. Làm được vậy, người đó suốt đời không bị độc hại.

Kinh văn:

阿難我今為汝更說此呪。救護世間得大無畏。成就眾生出世間智。

A-nan! Ngã kim vị nhữ, cánh thuyết thử chú. Cứu hộ thế gian, đắc đại vô úy. Thành tựu chúng sanh, xuất thế gian trí.

Việt dịch:

A Nan, nay ta vì ông tuyên lại chú này, cứu giúp trong thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.

Giảng giải:

A Nan, nay ta vì ông tuyên lại chú này, tức là chú Lăng Nghiêm, **cứu giúp trong thế gian được đại vô úy, thành tựu trí xuất thế gian cho chúng sanh.** Thực hiện trọn vẹn những mong muốn của các chúng sanh, nhưng quan trọng nhất là giúp mọi người được thành tựu trí xuất thế gian.

Kinh văn:

若我滅後末世眾生。
有能自誦若教他誦。當知如是誦持眾生。火
不能燒水不能溺。大毒小毒所不能害。

Nhược ngã diệt hậu, mạt thế chúng sanh. Hữu năng tự tụng, nhược giáo tha tụng. Đương tri như thị, tụng trì chúng sanh. Hỏa bất năng thiêu, thủy bất năng nhược. Đại độc tiểu độc, sở bất năng hại.

Việt dịch:

Nếu như sau khi ta diệt độ rồi, chúng sanh trong đời mạt pháp, có người tự mình biết tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như vậy, lửa sẽ không đốt được, nước không đắm được, các độc lớn độc nhỏ đều không hại được.

Giảng giải:

Nếu như sau khi ta diệt độ rồi, chúng sanh trong đời mạt pháp kể cả mọi người chúng ta nơi đây. Có người tự mình biết tụng, hoặc dạy người khác tụng chú này, nên biết những chúng sanh trì tụng như vậy, lửa sẽ không đốt được. Người đó có thể tụng chú theo trí nhớ, hoặc chỉ dạy cho người khác cũng theo trí nhớ. Người tụng chú theo trí nhớ hoặc đọc theo ghi chép, người đó sẽ không bị nạn lửa thiêu đốt, và **nước không đắm được, các độc lớn độc nhỏ đều không hại được.**

Kinh văn:

如是
乃至龍天鬼神。精祇魔魅所有惡呪。皆不能
著心得正受。一切呪咀魘蠱毒藥。金毒銀
毒草木蟲蛇萬物毒氣。入此人口成甘露味。

Như thị nãi chí, long thiên quỷ Thần. Tinh kì ma mị, sở hữu ác chú. Giai bất năng trước, tâm đắc chánh thọ. Nhất thiết chú trớ, yểm cổ độc dược. Kim độc ngân độc, thảo mộc trùng xà, vạn vật độc khí. Nhập thử nhân khẩu, thành cam lộ vị.

Việt dịch:

Như vậy, cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh, kỳ, ma, mị, có những chú dữ đều chẳng làm gì được. Tâm người ấy được chính thọ, tất cả mọi chú trớ, yểm cổ, thuốc độc, kim độc, ngân độc, những độc khí vạn vật như cỏ, cây, sâu, rắn, vào miệng người ấy đều thành vị cam lộ.

Giảng giải:

Như vậy, cho đến các hàng thiên, long, quỷ, thần, tinh, kỳ, ma, mị, có những chú dữ đều chẳng làm gì được. Tất cả mọi loài ma quỷ đều dùng chú trớ. Có năm đoạn chú mà tôi đã nói qua, đó là:

- Chr Two Ni
- E Jya La
- Mi Li Ju
- Bwo Li Dan La Ye
- Ning Jye Li.

Biểu hiện cho năm phương, năm bộ và năm vị Phật. Đây là “*ngũ đại tâm chú*”. Quý vị không nên xem thường. Tâm chú ấy là của chư Phật trong năm phương, nó có công năng hủy diệt mọi chú trớ của các loài ma quỷ. **Tâm người ấy được chính thụ.** Khi quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ được chánh định. **Tất cả mọi chú trớ,** mọi chú thuật của Thiên ma và quỳên thuộc đều không thể gây hại cho quý vị. **Yêm cổ,** đây là một loài phù chú ở khu vực Đông Nam Trung Quốc, hoặc Đông Nam Châu Á như Miến Điện, Hàn Quốc, Thái Lan, Singapore, Malaysia và các nơi khác. Phù chú sử dụng gọi là “Cổ” (Làm cho mê hoặc, đờ đẫn), căn bản là chú thuật. Nếu quý vị ăn phải loài độc đó, quý vị hoàn toàn không lệ thuộc họ, phải làm những gì họ sai khiến, nếu chống lại chỉ có nước chết. Ở Australia, trong các vùng núi, có tôn giáo đã dùng chú thuật thu nhỏ đầu người cõ quả trứng, và họ trưng bày như biểu hiện uy lực của phù thủy vậy. Trong thế giới mênh mông này có rất nhiều sự việc siêu nhiên. Quý vị đừng cho rằng mình không thấy thì dứt khoát không tin là nó có thực. Nếu ai đó không tin thì thực là ngu ngốc! Tại sao tôi lại nói vậy? Có nhiều sự việc quý vị không bao giờ nhìn thấy được, còn như muốn tìm hiểu, chúng kiến tận mắt rồi mới tin thì e là đến cuối đời mình cũng không biết được. Trước khi nước Mỹ tìm được tìm thấy, đã có người biết khu vực ấy là hiện hữu, nếu như quý vị gặp ai đó và cố gắng giải thích rằng có một lục địa khác, cũng có núi có sông, có cư dân, thì chắc chắn họ sẽ không tin. Thế nhưng, cho dù họ có không tin từ xứ sở Mỹ vẫn hiện hữu ở nơi xa xôi kia. Cũng vậy, quý vị không tin vào những chuyện lạ vì cho là vô lý, nhưng thực sự không phải vậy. Chúng ta thường phủ nhận những gì mình không chứng kiến, căn bản là vì quý vị không nhận thức rõ về sự thực thế giới này.

Một người bị yêm cổ trù dập thì khó lòng thoát khỏi, còn như chống lại ắt sẽ chết. Sự độc hại của yêm cổ cùng với **thuốc độc, kim độc, ngân độc, những độc khí vạn vật như cỏ, cây, sâu, rắn, vào miệng người ấy** – tức những người tụng chú Lăng Nghiêm sẽ **đều thành vị cam lộ.**

Nếu quý vị đề nghị: Tôi muốn thử nghiệm điều ấy. Quý vị vẫn chưa thực sự tụng chú Lăng Nghiêm, khi nào quý vị bắt tay thực hiện và thấy có hiệu quả kỳ diệu, khi ấy chúng ta có thể thử nghiệm được; còn như chưa đạt đến độ ấy thì không nên.

Kinh văn:

一切惡星并²⁶諸鬼神礮毒心人。於如是人不能起惡。毘那夜迦諸惡鬼王并其眷屬。皆領深恩常加守護。

Nhất thiết ác tinh, tịnh chư quỷ thần, ác độc tâm nhân. Ư như thị nhân, bất năng khởi ác. Tần Na Dạ Ca, chư ác quỷ Vương, tịnh kỳ quyến thuộc. Giai lĩnh thâm ân, thường gia thủ hộ.

Việt dịch:

Tất cả ác tinh cùng với các quỷ thần, lòng dữ hại người, đối với người ấy cũng không thể khởi lên niệm ác. Tần Na Dạ Ca và các quỷ vương khác, cùng với quyến thuộc, đều nhận lấy ân sâu, thường giữ gìn ủng hộ.

Giải thích:

Đoạn trước có nói về các loại độc khi vào miệng người trì tụng chú Lăng Nghiêm thì nó thành vị cam lồ. Căn bản là những loại độc đó đã biến đổi vị, sự biến đổi ấy là do người trì tụng chú Lăng Nghiêm. **Tất cả ác tinh** liên hệ với nhiều sao dữ như Trư Đầu và Bạch Hổ tinh, hoặc sao Tượng Tí rất xấu, có thể gây chết người. Nhưng các loại sao ấy không thể gây hại, **cùng với các quỷ thần, lòng dữ hại người.** Có người nói họ không tin có quỷ. Họ không thấy nên không tin, nếu nhìn thấy, họ không thể không tin, cho dù có không muốn tin cũng phải tin thôi. Lòng dữ là một loại thuốc độc rất nguy hại, nhưng nó có ngấm vào tim một người trì chú Lăng Nghiêm cũng sẽ chẳng gây hại gì, cho nên **đối với người ấy cũng không thể khởi lên niệm ác.** Sự độc hại trong tim người đó đã được chuyển hóa.

Tần Na Dạ Ca (Vinayaka) được nói đến trong phần Bồ đề đạo tràng, đây là vị quỷ thần thường hiện thân mình người, đầu heo hoặc đầu voi, trông rất dữ dằn, xấu xí. **Và các quỷ vương khác, cùng với quyến thuộc, đều nhận lấy ân sâu, thường giữ gìn ủng hộ.** Các quỷ vương và thần Hộ pháp thâm nhuần lòng từ sâu xa của Phật trong quá khứ nên thấy đều ra sức gìn giữ, bảo hộ người tụng chú Lăng Nghiêm này.

Kinh văn:

阿難當知。是呪常有八萬四
千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩薩種族。
一一皆有諸金剛眾而為眷屬晝夜隨侍

A-nan đương tri. Thị chú thường hữu, bát vạn tứ thiên, na-do-tha Hằng, hà sa câu-chi, Kim Cang tạng vương, Bồ Tát chủng tộc. Nhất nhất giai hữu, chư Kim Cang chúng, nhi vi quyền thuộc trú dạ tùy thị

Việt dịch:

A Nan, nên biết chú này thường có tám mươi bốn nghìn na do tha hằng sa câu chi chủng tộc Kim Cang Tạng vương Bồ tát. Mỗi mỗi đều có các chúng Kim Cang làm quyền thuộc, đêm ngày theo hầu.

Giải thích:

Na do tha là một trong mười bốn số lớn nhất trong ngôn ngữ Sanskrit. Có người nói na do tha bằng một tỉ tỉ, người khác cho là mười tỉ tỉ. Nhìn chung đó là con số rất lớn. Hằng sa câu chi tương đương một tỉ tỉ. Không chỉ Kim Cang Tạng vương Bồ tát hộ trì thần chú, mà các quyền thuộc của Kim Cang cũng đều tham gia bảo hộ. Đêm cũng như ngày luôn theo giúp người tụng chú Lăng Nghiêm.

Lời nguyện của các Bồ tát như sau:

- Nam mô mười phương Phật
- Nam mô mười phương Pháp
- Nam mô mười phương Tăng
- Nam mô Phật Thích Ca Mâu Ni
- Nam mô Phật đảnh tối thắng thủ Lăng Nghiêm.
- Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát.
- Nam mô Kim Cang Tạng Bồ tát.

Tám mươi bốn nghìn là chỉ số lượng lớn, có nhiều vô số. Thực sự, không chỉ có Kim Cang Tạng Bồ tát và các quyền thuộc, mà còn rất nhiều Bồ tát khác cũng theo bảo hộ.

Kinh văn:

設有眾生於
散亂心。非三摩地心憶口持。是金剛王常隨
從彼諸善男子。何況決定菩提心者。此諸金
剛菩薩藏王。精心陰速發彼神識。

Thiết hữu chúng sanh, ư tán loạn tâm. Phi tam-ma-địa, tâm ức khẩu trì. Thị Kim Cang vương, thường tùy tòng bỉ, chư Thiện nam tử. Hà hưởng quyết

định, Bồ-đề tâm giả. Thử chư Kim Cang, Bồ-tát tạng Vương. Tinh tâm uẩn tốc, phát bỉ thần thức.

Việt dịch:

Giả như có chúng sanh với tâm tán loạn chứ không phải tam ma địa, tâm nhớ niệm trì chú này thì các Kim Cang Vương cũng thường theo bên thiện nam tử kia, huông hồ là người có tâm Bồ đề quyết định; các vị Kim Cang Tạng vương Bồ tát đó sẽ dụng tinh tâm thâm xúc tiến phát huy thần thức.

Giảng giải:

Giả như có chúng sanh với tâm tán loạn tư tưởng rời rạc, không tập trung được, **chứ không phải tam ma địa** (tâm niệm định chỉ), nhưng **tâm nhớ niệm trì chú này**, người ấy nhớ đọc chú Lăng Nghiêm của Phật, **thì các Kim Cang Vương, các vị Bồ tát, cũng thường theo bên thiện nam tử kia**, tức những người tâm tán loạn nhưng tụng thần chú này, **huông hồ là người có tâm Bồ đề quyết định**, người có tâm Bồ đề kiên cố sẽ được **các vị Kim Cang Tạng vương Bồ tát đó sẽ dụng tinh tâm thâm xúc tiến phát huy thần thức** các Bồ tát sẽ âm thầm giúp đỡ và họ sẽ làm gì? Đây là giúp quý vị phát huy trí tuệ, ý thức tán mạn của quý vị dần dần được tập trung và chú định, sau đó sẽ đạt được khả năng thiền tịnh. Sự gia hộ, giúp đỡ của các Bồ tát đều âm thầm, không thể thấy biết được.

Kinh văn:

是人應時 心能記憶八萬四千恒河沙劫。周遍了知得 無疑惑。

Thị nhân ưng thời, tâm năng kí ức, bát vạn tứ thiên, hằng hà sa kiếp. Châu biến liễu tri, đắc vô nghi hoặc.

Việt dịch:

Người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại được tám mươi bốn nghìn Hằng hà sa kiếp rõ biết khắp cùng, được không nghi hoặc.

Giảng giải:

Khi Kim Cang Tạng vương Bồ tát thâm giúp người ấy phát huy trí tuệ thì **người ấy liền khi đó, tâm nhớ lại được tám mươi bốn nghìn Hằng hà sa kiếp rõ biết khắp cùng, được không nghi hoặc.** Họ hiểu biết rất rõ những sự việc xảy ra trong suốt quá khứ rất lâu xa. Trí không còn nghi ngờ. Điều ấy có nghĩa họ được định trong đời sống quá khứ, biết những gì đã xảy ra trong quá khứ.

Kinh văn:

從第一劫乃至後身生生不生。藥叉 羅刹及富單那。迦吒富單那鳩槃荼。毘舍遮 等并諸餓鬼。有形無形有想無想。如是惡處

Tùng đệ nhất kiếp, nãi chí hậu thân, sanh sanh bất sanh. Dược Xoa La-sát, cấp Phú Đan Na. Ca Tra Phú Đan Na, Cưu Bàn Trà. Tỳ Xá Già đẵng, tịnh chư nga quý. Hữu hình vô hình, hữu tướng vô tướng. Như thị ác xứ.

Việt dịch:

Từ kiếp thứ nhất cho đến kiếp cuối cùng, đời đời người ấy đều không sinh vào các loại Dược Xoa, La Sát, Phú Đan Na, Ca Tra Phú Đan Na, Cưu Bàn Trà, Tỳ Xá Già cùng các loài nga quý, có hình không hình, có tướng, không tướng, và những nơi dữ như thế.

Giải thích:

Từ kiếp thứ nhất cho đến kiếp cuối cùng, tức là đến khi thành Phật. **Đời đời người ấy đều không sinh vào các loại Dược Xoa.** Họ vẫn còn tới lui sanh tử, nhưng không sanh vào các nẻo dữ như Dược Xoa (Yakshas), Tiệp Tật quý. Cũng không sinh vào **La Sát** (Rakshashas), một loài quỷ dữ ăn thịt người. Khi có người chết, loài quỷ này dùng bùa chú làm cho xác chết thành thịt tươi sống và ăn lấy. Họ cũng tránh phải vào đường **Phú Đan Na** (Putanas), xứ ác quỷ. Nếu quý vị gặp phải loài quỷ này, quý vị sẽ phát sốt ngay. Người ấy cũng không sinh làm **Ca Tra Phú Đan Na** (Kataputanas), loài quỷ có mùi cực thối. Đây là mùi hôi thối cực mạnh, chắc chắn là quý vị chưa từng biết đến. Nếu gửi phải sẽ bị nôn tháo tức khắc. Loài quỷ này cũng là nguyên nhân gây nên cảm sốt, cơn nóng sốt lên đến 120 độ hoặc cao hơn, sức nóng có thể đốt cháy cả xương người.

Người đó không sinh làm **Cưu Bàn Trà** (Kumbhandas), còn gọi là quỷ bí đao, loài quỷ chuyên hút tinh khí người. Khi quý vị ngủ, chúng hiện đến và hút lấy tinh khí, làm cho tê liệt đi. Quý vị có mở mắt ra tìm thì cũng chẳng động đậy hay nói năng gì được. Loài quỷ này rất hung dữ, chúng có thể giết người và hút lấy tinh lực. Nếu một người có dương khí thịnh, chúng quay sang hút âm khí. Thế nào là dương? Dương ở con người có nghĩa luôn luôn hạnh phúc, thực sự hạnh phúc trong tự tánh của quý vị, đây là kinh nghiệm cực hỷ trong tánh sở hữu. Còn như tự tánh của mình lúc nào cũng lo buồn, rầu rĩ, bị nhiều áp lực, luôn chịu nhiều đau khổ dày vò, thì đó là âm. Âm là thuộc tính của quỷ. Dương là thuộc tính thần. Ưu thế của dương là tinh thần, ưu thế của âm là quỷ. Người tu học Phật có lực dương trong sạch và nhẹ nhàng. Đối với một người quá thịnh âm thì lực hắc ám. Người thiện họ có luồng khí trắng vây quanh, người xấu, ác thì quanh họ chỉ là hắc ám, đen tối.

Người tụng thần chú này cũng không sinh làm **Tỳ Xá Già...Tỳ Xá Già** (Pishachas) là loài quỷ ăn khí huyết con người. Đây là loài quỷ cực hung ác không có chút lương thiện. Hầu hết, quỷ là loài xấu, là ác, nhưng trong số

cũng có quý nhân từ như Bồ tát, chẳng hạn như quý vương ra sức trùng trị các quý khác.

Họ không sinh vào **cùng các loài ngựa quý**. Đây là loại quý đỏi, có loài quý bụng rất to, có loài quý cổ họng nhỏ như cây kim. **Có hình, không hình**, vài loại có thân hình, có loại không thể nhìn thấy – chúng không có thân hiện thực. Loài quý ấy vô hình nhưng có ý thức, chúng ta không thể thấy. Nhưng nếu quý vị có ngũ nhãn (năm loại mắt: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn) và lục thông (sáu loại thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông...), ắt sẽ dễ dàng nhận thấy chúng. **Có tướng, không tướng**, có vài loại khả dĩ suy tướng, có loại không thể nghĩ tướng, chúng như gỗ, như đá. Và một người trì tụng chú Lăng Nghiêm sẽ không sinh vào **những nơi dữ như thế**, từ đời này cho đến đời sau, họ không bao giờ sinh vào các nơi có quý đỏi, hoặc các loài quý khác.

Kinh văn:

是善男子。若讀若誦若書若寫。若帶若藏諸色供養。劫劫不生貧窮下賤不可樂處。

Thị thiện nam tử! Nhược đọc nhược tụng, nhược thư nhược tả. Nhược đài nhược tạng, chư sắc cúng dường. Kiếp kiếp bất sanh, bản cùng hạ tiện, bất khả lạc xứ.

Việt dịch:

Thiện nam tử đó, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc viết, hoặc chép, hoặc đeo, hoặc giữ, hoặc dùng nhiều cách cúng dường thần chú này thì kiếp kiếp không sinh vào các nơi bản cùng hạ tiện, không thể ưa thích.

Giải thích:

Thiện nam tử đó, hoặc đọc chú từ sách, hoặc tụng theo trí nhớ, hoặc viết cẩn thận, hoặc chép, hoặc đeo bên mình người ấy, hoặc giữ lại trong nhà, hoặc dùng nhiều cách cúng dường thần chú này, cúng dường chú Lăng Nghiêm do Hóa thân Phật tuyên thuyết, tốt nhất là dùng các loại hương, hoa, đèn, nến, trái cây, Như vậy thì kiếp kiếp không sinh vào các nơi bản cùng hạ tiện, không thể ưa thích. Tôi từng nói, nếu quý vị nhớ rõ chú Lăng Nghiêm, tức tâm trí thông thuộc từng câu chữ thì khi trì chú, quý vị sẽ vào được chánh định (Samadhi). Tụng đọc được một cách lưu loát, trôi chảy, ít nhất quý vị cũng có được sức khỏe trong bảy đời. Nếu quý vị liên tục tụng chú như vậy từ đời này đến đời sau, quý vị sẽ có sức khỏe trong bảy đời, hoặc bảy trăm, hoặc bảy nghìn, hoặc cả bảy triệu đời đều có được sức khỏe. Hẳn nhiên cũng không phải là cố định như vậy. Khi quý vị muốn mình là người khỏe mạnh rất nhiên sẽ được. Có khi quý vị cảm thấy đầy đủ và hài lòng về chính mình, bởi vì các tử phú cũng có vấn đề riêng của họ mà chúng

ta không thích. Khi quý vị có thể thành Phật, và một khi đã thành Phật rồi thì chẳng còn vấn đề gì. Đây là:

Trong trạng thái như nhiên bất động.

Người mãi luôn người sáng rõ ràng.

Một người trì chú và trân trọng bằng mọi cách sẽ không sinh vào các nẻo khổ, không có ưa thích. Quý vị không thể sa vào các nẻo như vậy, cho dù có muốn cũng không được. Tại sao? Đây là do chú Lăng Nghiêm thúc đẩy, nhắc nhở quý vị không được vào đường xấu, ác như thế.

Kinh văn:

此諸

眾生縱其自身不作福業。十方如來所有功德悉與此人。

Thử chư chúng sanh, tưng kỳ tự thân, bất tác phước nghiệp. Thập phương Như Lai, sở hữu công đức, tất dữ thử nhân.

Việt dịch:

Các chúng sinh đó, cho dù chính mình không làm việc phúc, mười phương Như Lai có các công đức đều ban cho những người như thế.

Giải thích:

Các chúng sinh đó, tụng và trì chú Lăng Nghiêm, cho dù chính mình không làm việc phúc, họ không bao giờ làm các việc thiện, hoặc có được niềm vui, khi ấy, mười phương Như Lai có các công đức đều ban cho những người như thế. Tại sao phải làm như vậy? Vì đó là những người tụng chú Lăng Nghiêm, hoặc đọc, hoặc biên chép. Họ không được may mắn, các Phật trong mười phương sẽ ban cho họ.

Kinh văn:

由是得於恒河沙阿僧祇不可

說不可說劫。常與諸佛同生一處。無量功德

如惡叉聚。同處熏修永無分散。

Do thị đắc ư, hằng hà sa a-tăng-kì bất khả thuyết, bất khả thuyết kiếp. Thường dữ chư Phật, đồng sanh nhất xứ. Vô lượng công đức, như ác xoa tụ. Đồng xứ huân tu, vĩnh vô phân tán.

Việt dịch:

Do vậy, họ được trong những kiếp hằng sa A tăng kỳ không thể nói, không kể xiết, thường cùng chư Phật đồng sinh một chỗ, vô lượng công đức nhóm lại như quả ác xoa, cùng một chỗ huân tu, hằng không phân tán.

Giảng giải:

Do vậy, họ được trong những kiếp hằng sa A tăng kỳ không thể nói, không kể xiết, thường cùng chư Phật. Hằng sa là cát sông Hằng, chỉ số lượng rất nhiều. A tăng kỳ (Asamkhyeya) cũng là số lượng lớn, có nghĩa vô số trong ngôn ngữ Sanskrit. **Đồng sinh một chỗ, vô lượng công đức nhóm lại như quả ác xoa, cùng một chỗ huân tu, hằng không phân tán.** Sinh một chỗ không phải là cùng một nơi sinh, mà là sinh vào thời có Phật trong thế gian này. Một trong tám nỗi khổ là sinh trước hoặc sau khi có Phật. Sống vào thời có Phật tất sẽ có được vô vàn công đức. Quả ác xoa (amala), mỗi chùm có ba quả liền nhau, không hề tách riêng ra được. Cũng vậy, những người sống nơi Phật cũng sẽ ảnh hưởng sự tu dưỡng, họ không bao giờ xa rời khỏi Phật

Kinh văn:

是故能令破
戒之人戒根清淨。未得戒者令其得戒。未精
進者令得精進。無智慧者令得智慧。不清淨
者速得清淨。不持齋戒自成齋戒。

Thị cố năng linh, phá giới chi nhân, giới căn thanh tịnh. Vị đắc giới giả, linh kỳ đắc giới. Vị tinh tấn giả, linh đắc tinh tấn. Vô trí tuệ giả, linh đắc trí tuệ. Bất thanh tịnh giả, tốc đắc thanh tịnh. Bất trì trai giới, tự thành trai giới.

Việt dịch:

Vậy nên, có thể khiến cho người phá giới mà giới căn cũng được thanh tịnh; người chưa được giới, khiến cho được giới, người chưa tinh tấn, khiến cho tinh tấn, người không trí tuệ, khiến được trí tuệ, kẻ chẳng thanh tịnh, chóng được thanh tịnh, kẻ chẳng giữ trai giới, tự thành có trai giới.

Giảng giải:

Vậy nên, có thể khiến cho người phá giới mà giới căn cũng được thanh tịnh, ngay cả người phá giới cũng được giới trở lại nếu như người đó thật lòng trì tụng chú Lăng Nghiêm hằng ngày. Về căn bản, người nào phá giới sẽ không được cứu độ, nhưng nếu tụng chú này thì giới căn sẽ được thanh tịnh. Tụng ở đây không có nghĩa là đọc tụng cho qua, mà tâm ý quý vị phải hoàn toàn tịnh chỉ khi trì chú như tôi đã nói qua. Khi chú khởi từ tâm và quay trở về tâm quý vị, điều đó có nghĩa là:

Tâm chú

Tâm của chú

Tâm của chú

Tâm chú

Chú và tâm của quý vị trở thành một. Không có sự phân biệt đôi đường. Quý vị đừng quên, đây là sự tự tụng Quý vị không tụng, nhưng nó vẫn đang tụng, quý vị đang tụng, nhưng hầu như quý vị không hiện diện. Ngay cả khi không muốn tụng, nó vẫn đang đọc tụng. Chúng ta đang nói về tụng chú trước khi giảng kinh, và đây là cách đặt định căn bản, đề ra một cách thức cho quý vị. Hẳn nhiên, đây cũng không hẳn là lúc giảng về chú Quý vị có thể tụng thần chú bất cứ lúc nào. Điều quan trọng là loại trừ đi mọi nghĩ tưởng để chỉ tập trung tâm ý, gọi là nhất tâm, là tâm chuyên nhất. Sự đọc tụng thành liên tục và không có suy nghĩ gì khác. Giống như dòng nước miên man xuôi chảy và con sóng này nối tiếp con sóng khác, như cơn gió thoảng qua không hình bóng, nhưng tất cả đều biết là nó đang hiện diện.

Dòng nước trôi xuôi và gió thoảng.

Xướng âm vang giáo lý Đại thừa.

Âm thanh của nước là gió nói lên giáo pháp Đại thừa, và tất cả đều là tâm của thần chú Lăng Nghiêm.

Người chưa tinh tấn, khiến cho tinh tấn, người không trí tuệ, khiến được trí tuệ, kẻ chẳng thanh tịnh, chóng được thanh tịnh, kẻ chẳng giữ trai giới, tự thành có trai giới. Người chưa tinh tấn, chưa học hỏi nghiên cứu giáo lý Phật cũng có thể khởi phát sức mạnh do tụng chú Lăng Nghiêm một thời gian dài. “*Người không trí tuệ sẽ được trí tuệ*”. Xem thế, một kẻ có ngốc nghếch, tâm trí chậm lụt cũng được mở mang, sáng suốt. “*Kẻ chẳng thanh tịnh sẽ mau chóng được thanh tịnh*”. Nếu quý vị có tu dưỡng và chưa được thanh tịnh; nếu quý vị phá giới, bỏ ngang việc ăn chay, phạm sự bất tịnh một thời gian dài, nhưng nếu quý vị không quên tâm chú này, cũng vẫn mau chóng được thanh tịnh trở lại. Một khi muốn thay đổi, chúng ta sẽ được thanh tịnh. Tôi chẳng biết ở đây có nhiều vị thích học Phật, nhưng thân tâm chưa được thanh tịnh. Điều đó cũng không sao, chỉ e là quý vị không chịu học. Vì nếu học, sẽ có lúc quý vị trở nên thanh tịnh. Còn như quý vị không chịu học, nói: “*Tôi không muốn trở nên thanh tịnh, tôi không muốn mạnh mẽ. Tôi thích lười, tôi không biết gì hơn*” – Nếu thế thì chẳng còn gì để nói. “*Đấy có thể là nguyên do người ta không trì trai để thành người ăn chay theo cách tự nhiên*”. Nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm đến độ tâm ý hoàn toàn chú định khi ấy, cả gió cũng chẳng thổi qua, mưa không sao thấm ướt. Chừng ấy, quý vị không trì trai thì quý vị vẫn tự động ăn chay. Tại sao? Vì tư tưởng quý vị không tán mạn, rời rạc, gốc rễ ham muốn không còn, những ưa thích ăn các món thịt, cá, không còn khuấy động tâm quý vị.

Kinh văn:

阿難是善

男子持此呪時。設犯禁戒於未受時。持呪之後眾破戒罪。無問輕重一時銷滅。

A-nan! Thị thiện nam tử, trì chú chú thời. Thiết phạm cấm giới, ư vị thọ thời. Trì chú chi hậu, chúng phá giới tội. Vô vấn khinh trọng, nhất thời tiêu diệt.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này, giả như có phạm giới cấm khi chưa thọ trì, thì sau khi trì chú, các tội phá giới, bất luận nặng nhẹ, một thời đều tiêu diệt.

Giảng giải:

Đoạn này giải thích rất rõ ràng. **A Nan, thiện nam tử ấy, khi trì chú này, giả như có phạm giới cấm khi chưa thọ trì.** Nếu như hiện tại trì chú, nhưng trước đó từng phạm giới, phá giới, **thì sau khi trì chú, các tội phá giới, bất luận nặng nhẹ, một thời đều tiêu diệt.** Tất cả mọi giới hạnh bất tịnh đều không còn, ngay cả bốn giới Ba la di cũng vậy Ba la di (Parajika) là một trọng tội không thể hối cải được. Nhưng nếu tụng chú Lăng Nghiêm, người ấy sẽ được bảo vệ và trở nên trong sạch, giống như nước sôi rưới vào năm tuyết vậy.

Kinh văn:

縱經飲酒

食噉五辛種種不淨。一切諸佛菩薩金剛。天仙鬼神不將為過。

Túng Kinh ẩm tửu, thực đạm ngũ tân, chủng chủng bất tịnh. Nhất thiết chư Phật, Bồ Tát Kim Cang. Thiên tiên quỷ thần, bất tướng vi quá.

Việt dịch:

Dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các loại không sạch, tất cả các Phật, Bồ tát, Kim Cang, Thiên tiên, Quỷ thần không cho đó là lỗi.

Giảng giải:

Ngũ tân là năm thứ: tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén – là những loại gia vị phổ biến. Các loại này đều có hương vị nồng, ăn vào dễ phát dâm và nóng tính. Nhưng dù đã uống rượu, ăn thứ ngũ tân và các loại không sạch trước đó, khi đã trì chú thì **tất cả các Phật, Bồ tát, Kim Cang, Thiên tiên, Quỷ thần không cho đó là lỗi.** Quý vị thường tụng và trì chú Lăng Nghiêm, các Phật, Bồ tát và Pháp sư đều không trách quý vị trước đó là không trong sạch.

Kinh văn:

設著不淨破弊衣服。一行
一住悉同清淨。縱不作壇不入道場。亦不行
道誦持此呪。還同入壇行道功德 無有異也

Thiết trước bất tịnh, phá tỳ phục. Nhất hành nhất Trụ, tất đồng thanh tịnh.
Túng bất tác đàn, bất nhập đạo tràng. Diệt bất hành đạo, tụng trì thử chú.
Hoàn đồng nhập đàn, hành đạo công đức, vô hữu dị dã²⁷

Việt dịch:

Dù có mặc y phục cũ rách không sạch, thì việc đi, việc đứng thấy đồng như thanh tịnh; dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng, cũng chẳng hành đạo mà trì tụng chú này, thì công nhưc cũng như vào đàn, hành đạo, chẳng có khác gì.

Giải thích:

Dù có mặc y phục cũ rách không sạch, thì việc đi, việc đứng. Trong đoạn trước, nói về đạo tràng, Đức Phật có dạy phải mặc y mới, nhưng ở đây Ngài lại bảo điều đó không cần thiết. Nếu không có y mới thì cứ mặc y cũ. Khi quý vị thực hành tu tập trong suốt ba tuần, quý vị cũng sẽ trở nên trong sạch. Bởi vì năng lực thân chú sẽ làm cho y phục mới hoặc cũ đều được trong sạch. Quý vị sẽ ngạc nhiên – vậy tại sao Phật lại bảo phải mặc y mới khi vào đàn. Thực sự, chúng ta mặc y mới là thể hiện lòng tôn kính, sự tôn kính tuyệt đối và rất đối trong sạch. **Dù chẳng lập đàn, chẳng vào đạo tràng.** Quý vị không cần thiết phải vào đạo tràng, việc tu tập có thể bất kỳ nơi đâu, bất kỳ lúc nào. Cho dù **cũng chẳng hành đạo**, ngay cả không tu dưỡng, **mà trì tụng chú này**, đây là tất cả những gì mọi người có thể tu tập, **thì công nhưc cũng như vào đàn, hành đạo, chẳng có khác gì.** Nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm thì công đức của quý vị chẳng khác gì vào đàn tràng hành đạo vậy. Thực sự, cái đức của thân chú này là hết sức phi thường.

Kinh văn:

若造五逆
無間重罪。及諸比丘比丘尼四棄八棄。誦此
呪已如是重業。猶如猛風吹散沙聚。悉皆滅
除更無毫髮。

Nhược tạo ngũ nghịch Vô gián trọng tội. Cập chư Tỳ-kheo Tỳ-kheo-ni, tứ khí bát khí. Tụng thử chú dĩ, như thị trọng nghiệp. Do như mãnh phong, xuy tán sa tụ. Tất giai diệt trừ, cánh vô hào phát.

Việt dịch:

Dù gây tội nặng như ngũ nghịch, vô gián và phạm những tội tứ khí, bát khí của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni; khi tụng chú này rồi thì như cơn

gió mạnh thổi tan đồng cát, mọi nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ dứt, chẳng còn chút mảy may gì.

Giảng giải:

Dù gây tội nặng như ngũ nghịch, vô gián. Trong Phật đạo có năm tội rất nặng:

1. Giết mẹ
2. Giết cha
3. Giết bậc A-la-hán
4. Phá hòa hợp Tăng
5. Làm chảy máu thân Phật.

Nếu làm tổn thương thân Phật bằng con dao, hoặc vật nhọn, hoặc bất cứ thứ gì làm chảy máu thân Phật, đều phạm tội rất nặng.

“Tôi không còn thấy Phật. Đức Phật đã rời khỏi thế gian, vậy tôi không phạm vào lỗi này”.

Không phải vậy, bởi vì bôi xóa hoặc phá vỡ hình ảnh Phật, cũng gọi là làm chảy máu thân Phật. Ngay cả ảnh Phật cũng vậy. Sự hủy hoại hình ảnh Phật khi Ngài không còn tại thế cũng phạm tội. “*Vô gián*” là hậu quả của trọng tội. Kẻ phạm tội sẽ bị mười con quỷ đưa đi trừng phạt, nhưng phạm phải năm tội nặng như đã nêu thì sự trừng phạt rất khốc liệt, kẻ ấy tất phải vào ngục vô gián. Loại địa ngục này tôi cũng đã nói qua. Ở đây có rất đông tội nhân, do đó nên còn gọi là “*vô gián*”, tức không có khoảng trống. Gọi là vô gián vì tội nhân liên tục chịu khổ đau, không bao giờ dừng dứt.

Phạm những tội tứ khí, bát khí của Tỳ kheo, Tỳ kheo ni có ba nghĩa:

1. Khất sĩ.
2. Phá phiến não
3. Bồ ma

Tỳ kheo ni là thành viên nữ trong Tăng già. Có bốn tội Ba la di (Parajikas) là:

1. Dâm
2. Sát
3. Đạo
4. Vọng ngữ

Đây là bốn giới căn bản. Nếu phạm phải bất cứ tội nào trong bốn giới ấy đều phải bị loại khỏi Tăng già đạo Phật. Điều ấy chẳng khác nào đem

Phật phá vát xuống biển vậy. Bốn tội Ba la di thuộc về Tỳ kheo, đối với Tỳ kheo ni có tám tội Ba la di. Ngoài bốn tội thuộc Tỳ kheo, thêm bốn tội khác:

5. Ma xúc
6. Bát sự
7. Phú tàng tha
8. Bất tùy thuận.

Ma xúc, theo giải thích của giới luật (Vinaya) là: Đụng chạm vào thân thể phụ nữ khi có ý dâm. Đối tượng đụng chạm với ý dâm có thể là nữ, là nam, hoặc Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, người thế tục – đều phạm phải trọng tội. Nếu không có lòng ham muốn dâm dục thì không phạm giới

Bát sự, tức tám điều ngăn cấm trong Ba la di. Tỳ kheo Ni khi tiếp chuyện phải luôn ở nơi công cộng, thoáng đãng. Không được tiếp riêng một người đàn ông nơi vắng vẻ, hoặc phòng riêng. Nói chung, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni – một nam, một nữ không được ở chỗ riêng với nhau. Khi phạm tội này, Tỳ kheo có phần nhẹ hơn Tỳ kheo Ni.

Phú tàng tha – Biết đồng hữu phạm tội nhưng cố tình che giấu, không báo cho mọi người biết.

Bất tùy thuận: Theo luật người xuất gia, mỗi tháng có hai lần đọc tụng giới bản, vào ngày mùng một và ngày mười lăm trong tháng. Tỳ kheo Ni đọc tụng giới phải có Tỳ kheo chủ trì. Họ không được tự mình thuyết giới, nếu không làm đúng như vậy thì phạm tội Bất tùy thuận.

Nhưng nếu người đó phạm phải các tội nặng như vậy, **khí tụng chú này rồi thì như cơn gió mạnh thổi tan đồng cát, mọi nghiệp nặng như vậy đều diệt trừ dứt, chẳng còn chút mây may gì.** Cho dù là phạm tội ngũ nghịch, phạm bốn tội, tám tội Ba la di, tụng thần chú này sẽ bay biến tất cả, như một cơn gió mạnh thổi tan đồng cát. Đây là năng lực phi thường của chú Lăng Nghiêm.

Kinh văn:

阿難若有眾生。從無量無數劫來。所有一切
輕重罪障。從前世來未及懺悔。若能讀誦書
寫此呪身上帶持。若安住處莊宅園館。如是
積業猶湯銷雪。不久皆得悟無生忍。

A-nan! Nhược hữu chúng sanh. Tùng vô số lượng, vô số kiếp lai. Sở hữu nhất thiết, khinh trọng tội chướng. Tùng tiền thế lai, vị cập sám hối. Nhược năng độc tụng, thư tả thử chú, thân thượng đới trì. Nhược an trụ xứ, trang trạch viên quán. Như thị tích nghiệp, do thang tiêu tuyết. Bất cửu giai đắc, ngộ vô sanh nhẫn.

Việt dịch:

A Nan, nếu có chúng sinh từ vô lượng vô số kiếp đến nay, đã có tất cả mọi tội chướng nhẹ nặng, nhưng trong các đời trước chưa kịp sám hối, nếu biết đọc, tụng, viết, chép chú này, giữ đeo bên mình, hay để nơi chỗ ở, nhưng trang, trạch, vườn, quán; như vậy mọi nghiệp chướng nhóm từ trước đều tiêu tán như nước sôi làm tan tuyết, không bao lâu đều ngộ được vô sinh nhẫn.

Giảng giải:

A Nan, nếu có chúng sinh từ vô lượng vô số kiếp đến nay, đã có tất cả mọi tội chướng nhẹ nặng, nhưng trong các đời trước chưa kịp sám hối. Họ chưa từng có được cơ hội để sám hối làm lỗi và sửa đổi. “Sám” là nêu ra những sai lầm trước đó. “Hối” là thay đổi, sửa chữa, không tái phạm tội. Nếu biết đọc chú Lăng Nghiêm, hoặc tụng, viết, chép chú này. Tụng chú phải trong một thời gian dài. Đức Phật không nói tụng một hoặc hai lần. Ý của Ngài là phải thực hiện việc tụng đọc lâu dài. Hoặc là giữ đeo bên mình. Khi đeo chú, phải đeo trên cổ, trước ngực, đây là cách biểu hiện sự tôn kính, không được cất, mang ở phần dưới thân. Càng trân trọng, tôn kính thì chú càng có hiệu nghiệm. Hay để nơi chỗ ở, nhưng trang, trạch, vườn, quán; như vậy mọi nghiệp chướng nhóm từ trước, tức những tội lỗi tích tập trong nhiều đời đã qua, đều tiêu tán như nước sôi làm tan tuyết, mọi tội lỗi đều thức thì tan biến hết, không bao lâu đều ngộ được vô sinh nhẫn.

Kinh văn:

復次阿難若有女人。未生男女欲求生²⁸者。若能至心。憶念斯呪。或能身上帶此悉怛多鉢怛羅者。便生福德智慧男女。

Phục thứ A-nan, nhược hữu nữ nhân. Vị sanh nam nữ, dục cầu sanh giả. Nhược năng chí tâm. Úc niệm tư chú. Hoặc năng thân thượng, đới thử tất đát đa bát đát La giả. Tiện sanh phước đức, trí tuệ nam nữ.

Việt dịch:

Lại nữa, A Nan, nếu có người đàn bà chưa sinh con trai, con gái mong cầu có thai, nếu hết chí tâm nhớ niệm chú, hoặc trên người đeo chú Tất-đát-đa bát-đát-la²⁹ này, thì liền sinh được con trai, con gái có phúc đức trí tuệ.

Giảng giải:

Lại nữa, A Nan, và Đức Phật nói tiếp, nếu có người đàn bà chưa sinh con trai, con gái mong cầu có thai. Tỉ như có nhữn người đàn bà thích làm mẹ, họ muốn có thai, nếu hết chí tâm nhớ niệm chú, hoặc trên người đeo chú. Chú tâm là tâm ý chuyên nhất, cũng có nghĩa là tâm tuyệt đối chân

thành. Họ có thể tụng chú theo trí nhớ, hoặc dùng sách. Hoặc họ thỉnh cầu Cao Tăng viết cho bài tâm chú và đeo bên mình. **Tát-đát-đa bát-đát-la** có nghĩa Đại Bạch Tán cái – Lọng trắng lớn, khi quý vị mang bài chú ấy trên người, hoặc nhớ trong tâm, chiếc lọng ấy sẽ che chở và giúp ích những mong muốn của quý vị. Người đàn bà ước mong có con, họ sẽ có được con phúc đức trí tuệ.

Kinh văn:

求長命者速
得長命。欲求果報速圓滿者速得圓滿。身命
色力亦復如是。

Cầu trường mạng giả, tốc đắc trường mạng. Dục cầu quả báo, tốc viên mãn giả, tốc đắc viên mãn. Thân mạng sắc lực, diệc phục như thị.

Việt dịch:

Người cầu sống lâu sẽ được sống lâu, người cầu quả báo mau được viên mãn, sẽ mau chóng được viên mãn; cả đến về thân mệnh, sắc lực, cũng được trọn vẹn như vậy.

Giải thích:

Người tụng chú Lăng Nghiêm và cầu sống lâu, sẽ được sống lâu. Người mong cầu quả báo sớm sẽ được viên mãn, sẽ mau chóng được viên mãn. Chẳng hạn, người phụ nữ hy vọng tương lai có người chồng tốt, họ sẽ được như vậy. Đối với người đàn ông cũng vậy. Đó là ý nghĩ mong cầu điều gì cũng sẽ được như vậy.

Người mong cầu giàu sang và danh vọng, sẽ được giàu sang, danh vọng.

Người mong cầu sống lâu, sẽ được sống lâu.

Cầu có con trai, sẽ được con trai.

Cầu có con gái, sẽ có con gái.

Mọi mong cầu đều sẽ được, **cả đến về thân mệnh, sắc lực, cũng được trọn vẹn như vậy**, tất cả những cầu mong đều đạt được, mong muốn có tuổi thọ cũng vậy.

Kinh văn:

命終之後隨願往生十方國
土。必定不生邊地下賤。何況雜形。

Mạng chung chi hậu, tùy nguyện vãng sanh, thập phương quốc độ. Tất định bất sanh, biên địa hạ tiện. Hà hưởng tạp hình.

Việt dịch:

Sau khi mạng chung, tùy nguyện được vãng sinh trong mười phương quốc độ, chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, hưởng chi là các tạp hình.

Giảng giải:

Sau khi mạng chung, tùy nguyện được vãng sinh trong mười phương quốc độ. Nếu quý vị muốn tái sinh vào phương Đông với Phật A Súc (Akshobhya), hoặc phương Tây với Phật A Di Đà, hoặc phương Bắc, phương Nam – tùy quý vị có thể cầu tái sinh vào bất ý quốc độ Phật, đều được. **Chắc chắn không sinh nơi biên địa hạ tiện, hưởng chi là các tạp hình.** Là con người, quý vị sẽ không tái sinh là kẻ thấp kém hạ tiện, thậm chí cũng chẳng sinh làm thú vật.

Kinh văn:

阿難若諸

國土州縣聚落饑荒疫癘。或復刀兵賊難鬪
諍。兼餘一切厄難之地。寫此神呪安城四門。
并諸支提或脫闍上。令其國土所有眾生奉
迎斯呪。禮拜恭敬一心供養。令其人民各各
身佩。或各各安所居宅地。一切災厄悉皆銷
滅。

A-nan! Nhược chư quốc độ, châu huyện tụ lạc, nga hoang dịch lệ. Hoặc phục đao binh, tặc nạn đấu tranh. Kiên dư nhất thiết, ách nạn chi địa. Tả thủ Thần chú, an thành tứ môn. Tinh chư chi đề, hoặc thoát xà thượng. Linh kỳ quốc độ, sở hữu chúng sanh, phụng nghênh tư chú. Lễ bái cung kính, nhất tâm cúng dường. Linh kỳ nhân dân, các các thân bội. Hoặc các các an, sở cư trạch địa. Nhất thiết tai ách, tất giai tiêu diệt.

Việt dịch:

A Nan, nếu các cõi nước, các châu, huyện, làng xóm, bị nạn đói kém, dịch lệ, hoặc ở những nơi có đao binh, giặc loạn, đánh nhau, và những nơi có ách nạn, viết thần chú này đặt trên bốn cửa thành, cùng các tháp, hay trên tràng phan, và khiến chúng sinh có trong cõi nước, kính rước chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường, khiến trong nhân dân, mỗi mỗi người đeo chú trên người, hoặc để nơi chỗ ở thì tất cả tai ách đều tiêu diệt.

Giảng giải:

A Nan, nếu các cõi nước, các châu, huyện, làng xóm – chỉ chung một nơi nào đó, hoặc rộng lớn như lục địa, hoặc nhỏ như làng xóm. Khi đói kém, hạn hán kéo dài, cỏ cây khô héo, hoặc có khi mưa lũ ngập chìm cả hoa

màu, lương thực. Hoặc dịch bệnh bùng phát, gây hại biết chừng nào. **Hoặc ở những nơi có đao binh, giặc loạn, đánh nhau, và những nơi có ách nạn,** ở các nơi khó khăn nguy hiểm như thế, nên **viết thần chú này đặt trên bốn cửa thành, cùng các tháp.** Có thể đặt phía trên các cửa. Tháp là nơi đặt xá lợi Phật, hoặc Thánh tăng. **Hay có thể đặt trên tràng phan,** tức cờ phướn. Cũng có thể viết chú trên lá phướn và đặt trên cao nhất, như tháp đồng hồ, hoặc cột cờ. **Và khiến chúng sinh có trong cõi nước, kính rước chú này, cung kính lễ bái, nhất tâm cúng dường, khiến trong nhân dân nơi xứ ấy, mỗi mỗi người đeo chú trên người, hoặc để nơi chỗ.** Có thể mang theo chú bên người, hoặc để ở nơi sinh sống, **thì tất cả tai ách đều tiêu diệt.** Mọi sự bất hạnh và quý dữ đều xa lánh hết. Công đức của chú Lăng Nghiêm rất vi diệu. Quý vị không thể nào hình dung được sự lạ lùng kỳ diệu ấy.

Có người cho rằng tu tập không cần thiết phải thiền định, hoặc phải học kinh điển. Không phải vậy. Người khác thì nghĩ chỉ cần tụng chú và học kinh, không cần đến thiền định. Điều này cũng không đúng. Có người nghe nói về hiệu quả và năng lực của thần chú, họ nghĩ thế thì chỉ nên đọc chú, khỏi tu hành gì khác. Thái độ như vậy là rất cực đoan. Trong việc tu tập, quý vị phải chọn lấy pháp Trung đạo, không thiên lệch, cũng chẳng thái quá. Thần chú thực sự có hiệu nghiệm, nhưng quý vị cũng phải phát huy định lực của chính mình. Bản kinh này xác định chú là hữu hiệu, nhưng điểm tinh yếu nhất của sự tu tập ở đây là giảng giải pháp môn quay trở lại lắng nghe tự tánh của chính mình – đây là pháp môn viên mãn của nhĩ căn. Vậy nên ngay cả khi quý vị tụng chú, có nghĩa quý vị quay trở lại lắng nghe tự tánh, trợ lại với ánh sáng rạng rỡ từ tâm.

Khi tụng chú thì tâm là chú và chú là tâm. Cả hai không thể phân chia. Tâm và chú là hai, nhưng không phải hai. Mặc dù là hai nhưng nó là một. Nếu được vậy thì mọi điều quý vị mong muốn, đều sẽ đạt được. Nếu chú và tâm quý vị thành một khối duy nhất, quý vị sẽ được định của Thiên. Quý vị nên chú ý điều này.

Kinh văn:

阿難在在處處國土眾生隨有此呪。天龍歡喜風雨順時。五穀豐殷兆庶安樂。

A-nan! Tại tại xứ xứ, quốc độ chúng sanh, tùy hữu thử chú. Thiên Long hoan hỷ, phong vũ thuận thời. Ngũ cốc phong ân, triệu thứ an lạc.

Viết dịch:

A Nan, chúng sinh trong cõi nước, chỗ nào nơi nào có được chú này, thì thiên long vui mừng, mưa gió thuận thời, ngũ cốc được mùa, chúng dân an vui.

Giảng giải:

A Nan, chúng sinh trong cõi nước, chỗ nào nơi nào có được chú này, thì thiên long vui mừng, và mưa gió thuận thời. Không phải lo lắng vì thiếu thông thức ăn. **Ngũ cốc được mùa, các loại cây lương thực đều được gặt hái tốt đẹp, chúng dân an vui.**

Kinh văn:

亦復能鎮

一切惡星。隨方變怪災障不起人無橫夭。杻械枷鎖不著其身。晝夜安眠常無惡夢。

Diệt phục năng trấn, nhất thiết ác tinh. Tùy phương biến quái, tai chướng bất khởi, nhân vô hoạnh yếu. Nữu giới già tỏa, bất trước kỳ thân. Trú dạ an miên, thường vô ác mộng.

Việt dịch:

Lại có thể trấn được tất cả các ác tinh, chúng tùy nơi mà biến ra nhiều điều quái dị, tai chướng không khởi lên, người không chết bất ngờ, chết yếu, gông cùm, xiềng xích không mang vào thân, ngày đêm ngủ yên, thường không ác mộng.

Giảng giải:

Đoạn này nói mọi người đều có thể tránh khỏi ác mộng, **lại có thể trấn được tất cả các ác tinh.** Chú có thể kiểm soát được các hung tinh. Giống như một người trí tuệ điều hành xứ sở của mình theo đúng hướng, mọi người xấu, ác đều sửa đổi, mọi vấn đề được giải quyết dễ dàng. Khi một người dùng đức cai trị, dân trong xứ sẽ học tùng họ. Ở đây, thần chú giống như một thủ lĩnh đạo đức, kiểm soát được mọi điều xấu, mọi biến cố bất hạnh. Những hung tinh ấy, **chúng tùy nơi mà biến ra nhiều điều quái dị.** Chúng mang đến bao điều tai họa đáng sợ Nhưng **tai chướng không khởi lên, người không chết bất ngờ, chết yếu.** Chết bất ngờ là hoạch tử, chết cách đột xuất, chẳng hạn tai nạn xe cộ, hay máy bay nổ tung, hoặc đắm xuống biển, hoặc chết cháy. Đoạn này nói về nguyên nhân con người chết khi họ không muốn chết, khi họ chưa chuẩn bị để chết. Cái chết bất ngờ thường là ám chỉ cái chết của trẻ. Mọi cái chết trước tuổi ba mươi đều được coi là bất ngờ, vì cuộc sống như vậy là không thọ. **Gông cùm, xiềng xích không mang vào thân, ngày đêm ngủ yên, thường không ác mộng,** không có ma quỷ nào đến quấy phá.

Kinh văn:

阿難

是娑婆界。有八萬四千災變惡星。二十八天

惡星而為上首。復有八大惡星以為其主。作種種形出現世時。能生眾生種種災異。

A-nan! Thị Ta-bà giới. Hữu bát vạn tứ thiên tai biến ác tinh. Nhị thập bát đại ác tinh, nhị vi thượng thủ. Phục hữu! bát đại ác tinh, dĩ vi kỳ chủ. Tác chủng chủng hình, xuất hiện thế thời. Năng sanh chúng sanh, chủng chủng tai dị.

Việt dịch:

A Nan, cõi ta bà này có tám mươi bốn nghìn ác tinh tai biến, hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ, xuất hiện trên đời với nhiều hình dạng, có thể sinh ra các tai nạn kỳ dị cho chúng sinh.

Giải thích:

A Nan, cõi ta bà này có tám mươi bốn nghìn ác tinh tai biến. Có vô số ác tinh liên hệ với thế giới chúng ta đang sống, **hai mươi tám đại ác tinh làm thượng thủ, lại có tám đại ác tinh làm chủ.** Mặc dù có hai mươi tám loại ác, nhưng chúng có thể cũng là thiện. Ở Trung Quốc, hai mươi tám chòm sao phân chia thành bốn hướng mỗi hướng có bảy sao. Theo thiên văn Trung Quốc, các chòm sao được đặt định tương ứng với thời gian ngày, giờ. Mỗi chu kỳ là hai mươi tám ngày – theo tháng Âm lịch. Nếu một người thiện, các sao dữ sẽ biến thành thiện. Nếu như người ở nơi dữ thì các thiện tinh cũng sẽ biến thành hung tinh. Do đó, không có vì sao nào nhất định là hung, là cát – điều đó còn tùy thuộc ở nghiệp quả và các hành vi thiện – ác. Ở đây nói đến các ác tinh, và chú Lăng Nghiêm có công năng hóa giải. Theo bản kinh, những ác tinh đó là điềm xấu, chỉ mang lại bất hạnh. Đối với các ác tinh – biểu hiện cho điềm dữ, nếu một người thiếu đi thiện căn, hoặc kém phúc đức, dĩ nhiên, người đó sẽ gặp nhiều điều bất lợi. Nhưng nếu anh ta trì tụng chú Lăng Nghiêm, những bất lợi kia sẽ biến thành lợi lạc cho người đó.

Lược kê hai mươi tám sao.

Thứ năm	Thứ sáu	Thứ bảy	Chủ nhật	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư
Giác	Cang	Đề	Phong	Tâm	Vỹ	Cơ
Đầu	Ngưu	Nữ	Hư	Nguy	Thất	Bích
Khuê	Lâu	Vị	Mão	Tất	Chủng	Sâm
Tinh	Quỹ	Liểu	Tinh	Trương	Dực	Chấn

Lại có tám đại ác tinh làm chủ.

1. Mộc tinh – Jupiter
2. Hỏa tinh – Mars
3. Thổ tinh – Saturn

4. Kim tinh – Venus
5. Thủy tinh – Mercury
6. La Hầu – (North Node)
7. Kế đô – (South node)
8. Tuệ tinh.

Có vài thiên thể rất đáng sợ, một số khác tốt đẹp hơn. Trong suốt các vương triều ở Trung Quốc, có sao chổi từng xuất hiện. Thực sự, sao chổi (Tuệ tinh) ấy là gì? Đây là một đứa bé mặc áo ngủ màu đỏ, nó đi dạy các trẻ khác hát. Khi mọi trẻ con cùng hát thì xứ ấy đã đến hồi kết thúc. Điều ấy ám chỉ, khi có sao chổi xuất hiện thì chính quyền thay đổi, tân Hoàng đế sẽ đứng lên trị vì đất nước. Những biến cố của vận mệnh, thường không thấy biết được. Có những trường hợp đặc biệt nảy sinh bất thường và luôn luôn là điềm không hay. Các biến cố, các tình huống bất thường ấy báo hiệu sự việc có chiều thay đổi và mất cân bằng, không chính xác.

Kinh văn:

有此

呪地悉皆銷滅。十二由旬成結界地。諸惡災
祥永不能入。

Hữu thử chú địa, tất giai tiêu diệt. Thập nhị do-tuần, thành kết giới địa. Chư ác tai tường, vĩnh bất năng nhập.

Việt dịch:

Nơi nào có chú này thì tất cả đều tiêu diệt, lấy mười hai do tuần làm vòng kết giới, các tai biến hung hiểm hẳn không vào được.

Giải thích:

Nơi nào có chú này thì tất cả đều tiêu diệt. Ở nơi có chú Lăng Nghiêm, mọi biến cố tai ương đều bị tiêu diệt. **Lấy mười hai do tuần làm vòng kết giới.** Sự kết giới do trì tụng chú sẽ làm thành nơi an toàn. Chẳng hạn, người tụng chú Lăng Nghiêm hướng về phương Bắc, về phương Đông, phương Nam, phương Tây. Ở mỗi hướng khi tụng chú, giới (ranh giới, cõi) được kết trong khoảng mười hai do tuần (Yojanas). Một tiêu do tuần là bốn mươi dặm Trung Quốc (Khoảng mười ba dặm Anh). Mười hai do tuần ở đây là đại do tuần. Khoảng chín mươi sáu dặm Trung Quốc (ba mươi hai dặm Anh). Bao quanh khoảng cách ấy là khu vực an toàn, tất cả các loài ma quỷ không thể xâm phạm quấy phá được. **Các tai biến hung hiểm hẳn không vào được.** Vì vậy, bất cứ nơi nào chú Lăng Nghiêm được thực hiện, mọi người ở nơi ấy đều được gia hộ Trong khu vực được kết giới, mọi tai ương, họa hại đều bị diệt.

Kinh văn:

是故如來宣示此呪。於未來世
保護初學。諸修行者入三摩提。身心泰然
得大安隱。

Thị cố Như Lai, tuyên thị thử chú. Ư vị lai thế, bảo hộ sơ học. Chư tu hành
giả, nhập tam ma đề. Thân tâm thái nhiên, đắc đại an ổn.

Việt dịch:

Vậy nên Như Lai tuyên dạy chú này, bảo hộ cho những người tu hành sơ học, trong đời

Giảng giải:

Vậy nên Như Lai, Phật Thích Ca Mâu Ni, tuyên dạy chú Lăng Nghiêm này, bảo hộ cho những người tu hành sơ học, trong đời vị lai vào Tam ma đề. Họ sẽ đạt được định lực, thân tâm thư thái, được đại an ổn. Họ có được lòng thanh tịnh, thoát mọi lo lắng khổ não.

Kinh văn:

更無一切諸魔鬼神。及無始來冤
橫宿殃。舊業陳債來相惱害。

Cánh vô nhất thiết, chư ma quỷ thần. Cập vô thủy lai, oan hoành túc ương.
Cự nghiệp trần trái, lai tương não hại.

Việt dịch:

Không còn các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước, nghiệp cũ nợ xưa, từ vô thủy tới nay đến khuấy hại.

Giảng giải:

Không còn các ma, quỷ thần và những oan khiên đời trước khuấy rối người trì chú này. Mọi bất hạnh đều là từ những sai lầm, tội lỗi đã tạo nên từ các đời đã qua, đây chính là **ngiệp cũ, là cái nhân tạo tác trước đó – những chướng ngại của nghiệp làm thành **nợ xưa từ vô thủy tới nay**. Chẳng hạn kẻ nào đó giết người, tất nhiên người đó phải trả lại mạng sống còn nợ. Nếu ăn thịt ai đó, y cũng phải trả lại mối nợ xương thịt đó. Mọi món nợ đều phải trả. Nhưng nếu trì tụng chú Lăng Nghiêm thì mọi bất hạnh do nghiệp, do nợ nần, đều không **đến khuấy hại**. Chẳng có gì có thể gây hại cho quý vị.**

Kinh văn:

汝及眾中諸有
學人。及未來世諸修行者。依我壇場如法持
戒。所受戒主逢清淨僧。持此呪心不生疑

悔。是善男子於此父母所生之身。不得心通。
十方如來便為妄語。

Nhữ cập chúng trung, chư hữu học nhân. Cập vị lai thể, chư tu hành giả. Y ngã đàn tràng, như pháp trì giới. Sở thọ giới chủ, phùng thanh tịnh tăng. Trì thủ chú tâm, bất sanh nghi hối. Thị Thiện nam tử, ư thủ phụ mẫu, sở sanh chi thân. Bất đắc tâm thông. Thập phương Như Lai, tiện vi vọng ngữ.

Việt dịch:

Ông cùng những người hữu học trong chúng và những kẻ tu hành đời vị lai, y theo lời dạy của ta mà lập đàn tràng, đúng theo pháp mà trì giới, gặp được Tăng chúng thanh tịnh chủ trì việc thọ giới, đối với chú tâm này không sinh lòng ngờ hối. Những thiện nam tử như thế, chính nơi thân do cha mẹ sinh ra, nếu chẳng được tâm thông thì mười phương Như Lai bèn là vọng ngữ.

Giảng giải:

Ông A Nan, cùng những người hữu học trong chúng và những kẻ tu hành đời vị lai. Kể cả trong đời hiện tại. Nếu như mọi người đều y theo lời dạy của ta mà lập đàn tràng, cách lập đàn như đã nói qua. Và đúng theo pháp mà trì giới, gặp được Tăng chúng thanh tịnh chủ trì việc thọ giới, Tăng chúng thanh tịnh là những người không phạm giới, và đối với chú tâm này không sinh lòng ngờ hối – không một chút nghi ngờ gì về chú này. **Những thiện nam tử như thế,** theo lời chỉ dạy mà thành lập đạo tràng, gặp được Tỳ kheo trong sạch, giữ trọn giới hạnh – và đây là nguyên nhân và điều kiện cần thiết, và **chính nơi thân do cha mẹ sinh ra, nếu chẳng được tâm thông,** tức, nếu họ không trở nên giác ngộ và được ngũ nhãn, lục thần thông, **thì mười phương Như Lai bèn là vọng ngữ** - chư Phật trong khắp mười phương đều nói lời không thật.

Kinh văn:

說是語已會中無量百
千金剛一時佛前合掌頂禮而白佛言。如佛
所說我當誠心。保護如是修菩提者。

Thuyết thị ngữ dĩ, hội trung vô lượng, bách thiên Kim Cang, nhất thời Phật tiền, hợp chương đánh lễ, nhi bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, ngã đương thành tâm. Bảo hộ như thị, tu Bồ-đề giả.

Việt dịch:

Phật dạy lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong Hội, đồng thời đứng trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng:

“Nhu lời Phật dạy, chúng con phải thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ đề như vậy”.

Giảng giải:

Phật Thích Ca Mâu Ni dạy lời ấy xong, vô lượng trăm ngàn Kim Cang trong Hội, đồng thời đứng trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Nhu lời Phật dạy, chúng con phải thành tâm bảo hộ những người tu đạo Bồ đề như vậy”, chúng con sẽ bảo hộ tất cả những người thành tâm tu theo pháp môn này để đạt được đạo Bồ đề.

Kinh văn:

爾時梵王并天帝釋四天大王。亦於佛前同時頂禮而白佛言。審有如是修學善人。我當盡心至誠保護。令其一生所作如願。

Nhĩ thời Phạm Vương, tịnh Thiên đế thích, tứ thiên Đại Vương, Diệc u Phật tiền, đồng thời đánh lễ, nhi bạch Phật ngôn: Thảm hữu như thị, tu học thiện nhân. Ngã đương tận tâm, chí thành bảo hộ. Linh kỳ nhất sanh, sở tác như nguyện.

Việt dịch:

Lúc bảy giờ, Phạm Vương và Thiên Đế Thích, Tứ đại thiên vương cùng ở trước Phật, đồng thời đánh lễ và thưa với Phật: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời tu hành được như nguyện”.

Giảng giải:

Lúc bảy giờ, Phạm Vương, chủ tể của Đại Phạm Thiên, và Thiên Đế Thích, vua trời, Tứ đại thiên vương cùng ở trước Phật. Tất cả cùng đứng lên, đồng thời đánh lễ trước Phật và thưa với Phật: “Xét có người lành tu học như vậy, chúng con phải hết lòng chí thành bảo hộ, khiến cho trong một đời tu hành được như nguyện”. Nếu như thực sự có người tu hành theo lời Phật dạy, tất cả chúng con sẽ thành tâm giữ gìn và bảo hộ họ đạt được ý nguyện.

Kinh văn:

復有無量藥叉大將。諸羅刹王富單那王。鳩槃荼王毘舍遮王。頻那夜迦諸大鬼王及諸鬼帥。亦於佛前合掌頂禮。我亦誓願護持是人。令菩提心速得圓滿。

Phục hữu vô lượng, được xoa Đại tướng. Chư La-sát Vương, phú đan na Vương, Cưu bàn trà Vương, tỳ xá già Vương, Tần na dạ ca, chư Đại quý Vương, cập chư quý suất, diệc ư Phật tiền hợp chương đánh lễ: Ngã diệc thệ nguyện, hộ trì thị nhân. Linh Bồ-đề tâm, tốc đắc viên mãn.

Việt dịch:

Lại có vô lượng Đại tướng Được xoa, các vua La Sát, vua Phú Đan Na, vua Cưu Bàn Trà, vua Tỳ Xá Già, Tần na Dạ Ca, các Đại quý vương và các Quý soái cũng ở trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì cho người đó, khiến cho tâm Bồ đề mau được viên mãn”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Đại tướng Được xoa, quý Tật tộc, các vua La Sát, loại quỷ ăn thịt người, vua Phú Đan Na, quỷ xú ác, hay gây bệnh sốt, vua Cưu Bàn Trà, quỷ có hình dạng trái bí đao, gây rũ liệt con người, vua Tỳ Xá Già, đây cũng là loại quỷ rất đáng sợ. Tần na Dạ Ca, thường gây ra các chương ngại. Các Đại quý vương và các Quý soái cũng ở trước Phật, chấp tay đánh lễ mà thưa với Phật rằng: “Chúng tôi cũng thệ nguyện hộ trì cho người đó, khiến cho tâm Bồ đề mau được viên mãn”.

Kinh văn:

復有無量日月天子。風師雨
師雲師雷師并電伯等。年歲巡官諸星眷屬。
亦於會中頂禮佛足而白佛言。我亦保護是
修行人。安立道場得無所畏。

Phục hữu vô lượng, nhật Nguyệt Thiên tử. Phong sư vũ sư, vân sư lôi sư, tinh điện bá đẳng. Niên tuế tuần quan, chư tinh quyền thuộc. Diệc ư hội trung, đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Ngã diệc bảo hộ, thị tu hành nhân, an lập đạo tràng, đắc vô sở úy.

Việt dịch:

Lại có vô lượng Nhật Nguyệt thiên tử, Phong sư, Vũ sư, Vân sư, Lôi sư cùng với Điện bá và các Niên Tuế tuần quan, chư tinh quyền thuộc cũng ở trong Hội, đánh lễ chân Phật mà thưa với Phật: “Chúng con bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được không lo sợ”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Nhật Nguyệt thiên tử, Phong sư, Vũ sư, Vân sư, Lôi sư cùng với Điện bá và các Niên Tuế tuần quan. Hầu hết mọi người đều không nhận ra rằng vào mỗi năm, đều có Tuần quan đi lại giám sát việc thiện ác trong nhân gian. Chư tinh quyền thuộc cũng ở trong Hội mỗi vì

sao đều có quyền thuộc riêng, cùng **đảnh lễ chân Phật mà thưa với Phật: “Chúng con bảo hộ người tu hành ấy an lập đạo tràng, được không lo sợ”**. Chúng con cùng nguyện cho người tu hành, bảo hộ người lập đạo tràng, họ sẽ có được sức mạnh, không còn lo sợ.

Kinh văn:

復有無量山神
海神。一切土地水陸空行萬物精祇。并風神
王無色界天。於如來前同時稽首而白佛言。
我亦保護是修行人。得成菩提永無魔事。

Phục hữu vô lượng sơn thần hải thần. Nhất thiết thổ địa, thủy lục không hành, vạn vật tinh kỳ. Tịnh Phong Thần Vương, vô sắc giới Thiên. Ư Như Lai tiền, đồng thời khể thủ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã diệc bảo hộ thị tu hành nhân. Đắc thành Bồ-đề vĩnh vô ma sự.

Việt dịch:

Lại có vô lượng Sơn thần, Hải thần, tất cả thủy lục không hành, tinh kỳ muôn vật, với Phong thần vương cùng chư Thiên vô sắc giới, ở trước Như Lai đồng thời đảnh lễ, thưa với Phật: “Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành quả Bồ đề, hẳn không ma sự”.

Giảng giải:

Lại có vô lượng Sơn thần, Hải thần, tất cả thủy lục không hành, tinh kỳ muôn vật, với Phong thần vương cùng chư Thiên vô sắc giới, ở trước Như Lai đồng thời đảnh lễ, thưa với Phật, tất cả cùng hành lễ trước Phật. **“Chúng con cũng bảo hộ người tu hành ấy được thành quả Bồ đề, hẳn không ma sự”**, chúng con sẽ bảo vệ những người tu ấy tiến thẳng đến quả Bồ đề, và không bao giờ gặp phải ma sự.

Kinh văn:

爾
時八萬四千那由他恒河沙俱胝金剛藏王菩
薩。在大會中即從座起。頂禮佛足而白佛言。
世尊如我等輩。所修功業久成菩提。不取涅
槃常隨此呪。救護末世修三摩提正修行者。

Nhĩ thời bát vạn, tứ thiên na-do-tha Hằng hà sa, câu-chi Kim Cang, tạng vương bồ tát. Tại đại hội trung, tức tùng tọa khởi. Đảnh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như ngã đẳng bối. Sở tu công nghiệp, cửu thành bồ đề. Bất thủ niết bàn, thường tùy thủ chú. Cứu hộ mạng thế, tu tam ma đề, chánh tu hành giả.

Việt dịch:

Khi ấy, tám mươi bốn nghìn na do tha Hằng hà sa Câu chi Kim Cang Tạng vương Bồ tát ở trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật: “Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành tựu Bồ đề lâu rồi, nhưng không nhận Niết bàn, thường theo chú này, cứu giúp những người chân chính tu hành pháp Tam ma đề trong thời mạt pháp”.

Giảng giải:

Khi ấy, tám mươi bốn nghìn na do tha – số lượng nhiều bằng mấy trăm triệu Hằng hà sa Câu chi Kim Cang Tạng vương Bồ tát ở trong Hội, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật: “Thế Tôn, như bọn chúng tôi, công nghiệp tu hành đã thành tựu Bồ đề lâu rồi, nhưng không nhận Niết bàn, thường theo chú này”. Công đức tu hành của chúng con từ lâu đã chứng đạt Bồ đề, vậy tại sao chúng con không vào Niết bàn? Đây là vì chúng con luôn theo giúp những người trì chú này. Chúng con quyết định “**cứu giúp những người chân chính tu hành pháp Tam ma đề trong thời mạt pháp**”. Đây là những người chân chính thực hiện Thiên định, đều sẽ được chúng con bảo vệ, cứu giúp.

Kinh văn:

世尊如是修心求正定人。若在道場及餘經行。乃至散心遊戲聚落。我等徒眾常當隨從侍衛此人。

Thế Tôn như thị tu tâm cầu chánh định nhân. Nhược tại đạo tràng cập dư kinh hành. Nãi chí tán tâm du hí tụ lạc. Ngã đẳng đồ chúng thường đương tùy tùng thị vệ thử nhân.

Việt dịch:

Bạch Thế Tôn, người tu tâm vào chánh định như thế, dù tại đạo tràng hay lúc kinh hành, cho đến khi tán tâm đi chơi trong làng xóm, đồ chúng chúng con thường phải đi theo hộ vệ người ấy.

Giảng giải:

Kim Cang Tạng vương Bồ tát tiếp tục thưa với Phật: “**Bạch Thế Tôn, người tu tâm vào chánh định như thế**”, người muốn đạt được định lực, dù **tại đạo tràng hay lúc kinh hành**. Ngồi thiền là công phu thiền định, lúc kinh hành thì hoặc niệm Phật hoặc trì chú, đây là công phu trì tụng Tam muội. Cho đến khi tán tâm đi chơi trong làng xóm. Đức Kim Cang tạng vương Bồ tát còn bảo vệ cả những người tu không hành thiền, không vào đạo tràng, không kinh hành trì chú. Dù vậy, khi đi chơi chỗ này chỗ nọ, quý vị đều có thể trì chú này, như vậy, **đồ chúng chúng con thường phải đi theo hộ vệ người ấy**. Nếu một người khéo trì tụng chú Lăng Nghiêm tất sẽ

có tám mươi bốn nghìn Kim Cang Tạng vương Bồ tát cùng các chúng đi theo bảo vệ, cho dù người đó đi đến đâu – giống như một đoàn quân đi theo tướng lĩnh của họ vậy.

Kinh văn:

縱令魔王大自在天。求其方便終
不可得。諸小鬼神去此善人十由旬外。除彼
發心樂修禪者。

Túng linh Ma Vương, đại tự tại thiên. Cầu kỳ phương tiện chung bất khả đắc. Chư tiểu quỷ thần khứ thử thiện nhân thập do-tuần ngoại. Trừ bỉ phát tâm, lạc tu thiên giả.

Việt dịch:

Cho dù Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có được phương tiện khuấy phá cũng không thể được, các quỷ thần nhỏ phải cách xa người lành ấy mười do tuần. Trừ phi họ phát tâm ưa thích tu thiên.

Giảng giải:

Cho dù Ma vương, Đại Tự Tại Thiên muốn có được phương tiện khuấy phá cũng không thể được. Bọn họ tìm đủ mọi cách để khuấy phá, nhiễu loạn người tu, nhưng thầy đều không được. Ngay cả **các quỷ thần nhỏ phải cách xa người lành ấy mười do tuần.** Các Quỷ vương và cả Đại Tự Tại Thiên chẳng khuấy phá gì được người lành ấy thì quỷ nhỏ cũng phải tránh xa ngoài hai trăm bảy mươi lăm dặm. **Trừ phi họ phát tâm ưa thích tu thiên,** ngoại trừ các loài quỷ ưa thích nghe kinh, nghe pháp và tu thiên định, bọn chúng có thể đến đạo tràng để nghe kinh, còn không thì phải tránh xa ngoài hai trăm bảy mươi lăm dặm.

Kinh văn:

世尊如是惡魔若魔眷屬。欲
來侵擾是善人者。我以寶杵殞碎其首猶如
微塵。恒令此人所作如願。

Thế Tôn! như thị ác ma, nhược ma quyến thuộc. Dục lai xâm nhiễu thị thiện nhân giả. Ngã dĩ bảo xử vãn toái kỳ thủ do như vi trần. Hằng linh thử nhân sở tác như nguyện.

Việt dịch:

Bạch Thế Tôn, những ác ma như thế, hay quyến thuộc của ma, muốn đến xâm lấn khuấy phá người lành ấy, chúng con dùng bảo chùy đập nát cái đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành được như nguyện.

Giảng giải:

Quý vị sẽ nói, sao giáo pháp Kim Cang dữ dội như thế? Các vị ấy bảo sẽ đập đầu bọn quỷ nát như tro bụi. Quý vị có thể hình dung sức mạnh ấy thế nào rồi. Thực ra, Kim Cang Tạng Bồ tát không nhất thiết phải dùng chùy báu như thế, chính sức mạnh thiên định của Bồ tát cũng đủ để trấn áp tất cả rồi. Vì vậy, các vị ấy thưa với Phật: **“Bạch Thế Tôn, những ác ma như thế, hay quyền thuộc của ma, muốn đến xâm lấn khuấy phá người lành ấy, chúng con dùng bảo chùy đập nát cái đầu như bụi nhỏ, thường khiến cho người tu hành được như nguyện”**.

Ngày nay, trong các nơi đô hội, khi xảy ra những thiên tai, nhân họa, giết người, phóng hỏa...đều có các quỷ vương vô hình ra sức thao túng. Người tu học Phật có năng lực thiên định, khi đạt được ngũ nhãn sẽ nhìn thấy các ác ma khuấy phá ấy. Vấn đề là người học Phật phải cần thời gian lâu dài, ba năm, năm năm, mười năm hoặc hai mươi năm mới có được vài thuận lợi; trong khi ấy, thủ pháp bọn quỷ cao xa khó lường và chúng học cũng rất nhanh. Bọn chúng có năng lực rất đáng sợ, thường đi xuyên suốt thế gian, khuấy phá khắp nơi. Tuy nhiên, nếu quý vị tụng chú Lăng Nghiêm, bọn ác ma ấy sẽ lánh xa. Nếu không có ai trì tụng Lăng Nghiêm, chắc chắn bọn chúng sẽ ha hồ tàn phá thế gian này.

---o0o---

HAI CÁI NHÂN ĐIÊN ĐẢO

Kinh văn:

阿難即從座起。頂禮佛足而白佛言。我輩愚鈍好為多聞。於諸漏心未求出離。蒙佛慈誨得正熏修。身心快然獲大饒益。

A-nan tức từng tọa khởi. Đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Ngã bối ngu độn, háo vi đa văn. Ư chư lậu tâm, vị cầu xuất ly. Mông Phật từ hời, đắc chánh huân tu. Thân tâm khoái nhiên, hoạch đại nhiêu ích.

Việt dịch:

Ông A Nan, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật rằng: “Chúng con ngu độn, tham cầu đa văn, đối với các tâm hữu lậu chưa cầu thoát ly, nhờ Phật dạy bảo, được lối huân tu chân chính, thân tâm khoan khoái, được nhiều lợi ích”

Giảng giải:

Ông A Nan, liền từ chỗ ngồi đứng lên đánh lễ nơi chân Phật mà thưa với Phật rằng: “Chúng con ngu độn, đây là sự học hỏi và phải nhờ vào trí nhớ của chúng ta, tham cầu đa văn, đối với các tâm hữu lậu chưa cầu thoát ly”. Chúng ta ưa đọc sách, học tập và nhớ nhiều. Chúng ta thông minh và hiểu biết nhiều. Nhưng ngoài tư tưởng và hành động, chúng ta không còn nhận thấy gì khác. Thật sự, mọi người chúng ta không muốn vượt khỏi ba cõi (Tam giới), không chú tâm thoát khỏi căn nhà đang bốc cháy. Nay, nhờ Phật dạy bảo, được lối huân tu chân chính, thân tâm khoan khoái, được nhiều lợi ích. Phật chỉ dạy chúng ta cách thức tu tập, điều ấy khiến cho mọi người cảm thấy rất hạnh phúc, có được nhiều lợi lạc.

Kinh văn:

世尊如是修
證佛三摩提未到涅槃。云何名為乾慧之地。
四十四心。至何漸次得修行目。詣何方所名
入地中。云何名為等覺菩薩。

Thế Tôn! Như thị tu chứng, Phật tam ma đề, vị đạo Niết-Bàn. Vân hà danh vi, kiên huệ chi địa. Tứ thập tứ tâm. Chí hà tiệm thứ, đắc tu hành mục. Chí hà phương sở, danh nhập địa trung. Vân hà danh vi, đẳng giác Bồ Tát.

Viết dịch:

Bạch Thế Tôn, những người tu chứng pháp Tam ma đề của Phật như thế, chưa đến Niết bàn thì sao gọi là Càn huệ địa? Trong bốn mươi bốn tâm đến thức bậc nào mới được danh mục tu hành? Đến phương sở nào mới gọi là nhập địa? Thế nào mới gọi là Đẳng giác Bồ tát?

Giải thích:

Bạch Thế Tôn, những người tu chứng pháp Tam ma đề của Phật như thế, chưa đến Niết bàn thì sao gọi là Càn huệ địa? Bạch Phật, chúng con tu theo pháp này và đạt được chánh định (Samadhi) của Phật. Nhưng trước khi đến Niết bàn, còn phải qua nhiều cấp khác nhau – chẳng hạn, thế nào gọi là Càn Huệ địa? Trong bốn mươi bốn tâm đến thức bậc nào mới được danh mục tu hành? Đến phương sở nào mới gọi là nhập địa? Làm thế nào chúng con biết là mình đạt tới địa vị Thập địa Bồ tát? Và thế nào mới gọi là Đẳng giác Bồ tát? Phần này sẽ giải thích trong các đoạn sau.

Kinh văn:

作是語已五體
投地。大眾一心佇佛慈音瞪矐瞻仰。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa. Đại chúng nhất tâm, trử Phật từ âm, trừng môn chiêm ngưỡng.

Viết dịch:

Nói lời ấy xong, năm vóc gieo xuống đất, cả đại chúng cùng một lòng, chăm chỉ mong chờ lời từ của Phật.

Giảng giải:

Sau khi ông A Nan **nói lời ấy xong, năm vóc gieo xuống đất**, A Nan cùng tất cả mọi người trong đại hội dùng năm vóc – tức đầu, đôi chân, đôi tay cùng gieo xuống đất hành lễ. **Cả đại chúng cùng một lòng, chăm chỉ mong chờ lời từ của Phật.** Mọi người đều hết sức chăm chú nhìn Phật và chờ đợi Phật nói pháp. Quý vị thử nghĩ Phật sẽ nói gì?

Kinh văn:

爾時世尊讚阿難言善哉善哉。汝等乃能普為大眾。及諸末世一切眾生。修三摩提求大乘者。從於凡夫終大涅槃。懸示無上正修行路。汝今諦聽當為汝說。阿難大眾合掌剗心默然受教。

Nhĩ thời Thế Tôn tán thán A-nan: Thiện tai thiện tai. Nhữ đấng nãi năng, phổ vị đại chúng. Cập chư mạt thế, nhất thiết chúng sanh. Tu tam ma đề, cầu Đại-Thừa giả. Tùng ư phạm phu, chung đại Niết Bàn. Huyền thị vô thượng, chánh tu hành lộ. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. A-nan đại chúng, hạp chủng khô tâm, mặc nhiên thọ giáo.

Viết dịch:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn khen ông A Nan rằng: “Hay thay! Hay thay! Các ông lại biết vị đại chúng và hết thấy chúng sinh tu Tam ma đề, cầu pháp Đại thừa trong thời mạt pháp, xin ta chỉ trước đường tu hành vô thượng chân chính, từ phạm phu cho đến Đại Niết Bàn; nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói”.

Ông A Nan và đại chúng chấp tay sạch lòng, lặng yên thọ giáo.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, tại đại Hội rất đông người, cùng chăm chú chiêm ngưỡng, **Đức Thế Tôn khen ông A Nan.** Nhận thấy A Nan và đại chúng rất thành tâm, do đó, Ngài nói: **“Hay thay! Hay thay! Các ông lại biết vị đại chúng và hết thấy chúng sinh tu Tam ma đề, cầu pháp Đại thừa trong thời mạt pháp”.** Ông muốn cùng mọi người tu học chứ không phải vì lợi lạc cho riêng mình. Ông hành động vì đại chúng nơi đây, và cả những người muốn học pháp Đại thừa sau này, vì vậy ông **xin ta chỉ trước đường tu hành vô thượng chân chính, từ phạm phu cho đến Đại Niết Bàn.** Niết bàn là bất sinh, là tịch diệt, ông chưa đạt đến nhưng muốn biết cách thực

hiện cho được. **Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.** Hãy hết sức chú ý, ta sẽ giảng giải cho ông.

Ông A Nan và đại chúng chấp tay sạch lòng, lặng yên thọ giáo. Sạch lòng có nghĩa là trừ tất cả vọng tưởng, tạp niệm ra khỏi tâm thức. Có năm loại kiến giải cần loại trừ là:

1. Thân kiến
2. Biên kiến
3. Giới cấm thủ kiến
4. Kiến thủ kiến
5. Tà kiến.

Cùng với năm nguyên nhân làm cho si độn:

1. Tham
2. Nhuế
3. Vô minh
4. Kiêu mạn
5. Nghi

Như chiếc thuyền trống rỗng, họ vớt ra khỏi tâm trí mọi điều học hỏi, và yên lặng lắng nghe Đức Thích Ca giảng giải.

Kinh văn:

佛言阿難當知。妙性圓明離諸名相。本來無有世界眾生。

Phật ngôn: A-nan đương tri. Diệu tánh Viên Minh, ly chư danh tướng. Bản lai vô hữu, thế giới chúng sanh.

Việt dịch:

Phật dạy: “A Nan, ông nên biết diệu tính là viên minh, rời các danh tướng, bản lai không có thế giới chúng sinh”.

Giảng giải:

Phật dạy: “A Nan, ông nên biết diệu tính là viên minh, bản lai vốn rất sáng suốt, rất màu nhiệm nếu xa rời các danh tướng, như kinh Kim Cang nói: “Phàm là tướng sở hữu đều là hư vọng, nếu thấy tướng là phi tướng ắt sẽ thấy Như Lai”. Nếu chấp tướng, mọi sự việc quý vị thấy biết cũng đều là chấp trước. Căn bản là không có danh, cũng chẳng có tướng. Vậy tại sao không có danh tướng? Đây là vì **bản lai không có thế giới chúng sinh**, chỉ vì chính con người gây ra ảo tưởng và tạo nghiệp mới hình thành thế giới báo ứng của chúng sinh như vậy.

Kinh văn:

因妄有生因生有滅。生滅名妄

Nhân vọng hữu sanh, nhân sanh hữu diệt. Sanh diệt danh vọng

Việt dịch:

Nhân cái vọng mà có sinh, nhân cái sinh nên có diệt, sinh diệt gọi là vọng.

Giảng giải:

Nhân cái vọng mà có sinh, nhân cái sinh nên có diệt. Nếu không có sinh sẽ không có diệt, **sinh diệt gọi là vọng.** Cái sinh sau khi sinh, cái diệt sau khi diệt, mọi sinh diệt đó đều là hư vọng, nó không thực có.

Kinh văn:

滅妄名真。是稱如來無上菩提。及大涅槃二轉依號。

Diệt vọng danh chân. Thị xưng Như Lai, vô thượng Bồ-đề. Cập đại Niết Bàn, nhị chuyển y hiệu.

Việt dịch:

Diệt vọng gọi là chân, đây gọi là hai hiệu chuyển y vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của Như Lai.

Giảng giải:

Diệt vọng gọi là chân. Khi đạt được chân như của tự tánh, ông sẽ đạt được Phật tánh, **đây gọi là hai hiệu chuyển y vô thượng Bồ đề và Đại Niết bàn của Như Lai,** một đàng là chuyển khổ đau đến Bồ đề và một là chuyển sinh từ vào Niết bàn.

Kinh văn:

阿難汝今欲修真三摩地。直詣如來大涅槃者。先當識此眾生世界二顛倒因。顛倒不生斯則如來真三摩地。

A-nan! Nhữ kim dục tu, chân tam-ma-địa. Trục nghệ Như Lai, đại Niết Bàn giả. Tiên đương thức thử, chúng sanh thế giới, nhị điên đảo nhân. Điên đảo bất sanh, tư tức Như Lai, chân tam-ma-địa.

Việt dịch:

A Nan, nay ông muốn tu pháp chân Tam ma đề, đến thẳng Đại Niết bàn của Như Lai, trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo của thế giới và chúng sinh này, điên đảo không sinh, đây là chân Tam ma đề của Như Lai.

Giảng giải:

A Nan, nay ông muốn tu pháp chân Tam ma đề, đến thẳng Đại Niết bàn của Như Lai. Ông muốn tu pháp Đại Bồ tát và đại chánh định (Samdhi). Ông muốn tiến đến địa vị Phật và được bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Trước hết phải biết hai cái nhân điên đảo của thế giới và chúng sinh này, điên đảo không sinh, đây là chân Tam ma đề của Như Lai. Có thể nhận thực nhân điên đảo và tránh không để sinh khởi – đây là chánh định của Phật.

Kinh văn:

阿難云何名為
眾生顛倒。阿難由性明心性明圓故。因明發
性性妄見生。從畢竟無成究竟有。

A-nan! Vân hà danh vi, chúng sanh điên đảo? A-nan! do tánh minh tâm, tánh minh viên cố. Nhân minh phát tánh, tánh vọng kiến sanh. Tùng tất cánh vô, thành cứu cánh hữu.

Việt dịch:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo của chúng sinh? A Nan, do cái tâm bản tánh là minh, và tánh minh ấy viên mãn khắp cùng, do đó nên nhân tánh minh phát ra mà vọng kiến nhận là có tánh sinh ra, từ rốt ráo là không lại thành rốt ráo là có.

Giải thích:

Nan, thế nào gọi là điên đảo của chúng sinh? A Nan, do cái tâm bản tánh là minh, và tánh minh ấy viên mãn khắp cùng. Tánh vốn sáng rõ và biến chiếu cùng khắp. Do đó nên nhân tánh minh phát ra mà vọng kiến nhận là có tánh sinh ra. Vì mê lầm, không nhận được bản tánh viên mãn sáng suốt nên sinh ra các thứ hư vọng, biến thành vô minh. Vô minh là một loại ảo tưởng, là sự mê muội, do đó nên nghiệp sinh khởi – sinh và tử cũng thành hiện hữu.

Do một vọng niệm mà dấy lên Tam tế

Do Tam tế phát triển thành lục thô.

Quan điểm này đã được luận đến trong phần đầu của bản Kinh. Một khi từ chân khởi vọng thì nghiệp chướng liền sanh khởi. Cùng với nghiệp tướng là Chuyển tướng, và sau cùng là Năng kiến tướng.

Tam tế - tức tướng trạng chực kỳ vi tế.

1. Nghiệp chướng
2. Chuyển tướng
3. Năng kiến tướng.

Từ Tam tế duyên với cảnh giới của hiện tượng mà sinh sáu loại mê tướng, tức lục thô như sau:

1. Trí tướng, tức trí tuệ của thế gian.
2. Tương tục tướng, mọi sự đều diễn tiến không ngừng.
3. Chấp thủ tướng.
4. Kế danh tự tướng.
5. Khởi nghiệp tướng.
6. Nghiệp hệ khổ tướng.

Từ rốt ráo là không lại thành rốt ráo là có, đây là sự biểu hiện của Tam tế, cũng từ vọng niệm sai lầm nên mới hiện diện như vậy.

Kinh văn:

此有所有

非因所因。住所住相了無根本。本此無住。建立世界及諸眾生。

Thử hữu sở hữu, phi nhân sở nhân. Trụ sở trụ tướng, liễu vô căn bản. Bản thử vô trụ. Kiến lập thế giới, cập chư chúng sanh.

Việt dịch:

Có cái sở hữu như vậy là do phi nhân làm nhân, và những tướng năng trụ sở trụ, rốt ráo không có cội gốc. Đoạn lại từ cái gốc vô trụ ấy mà kiến lập nên thế giới và các chúng sanh.

Giải thích:

Có cái sở hữu như vậy, sở hữu ở đây đều là do vô minh, vì:

Do một vọng niệm mà dấy lên Tam tế

Do Tam tế phát triển thành lục thô.

Mọi sở hữu đều hiện hữu, nhưng **là do phi nhân làm nhân**. Nhân là nương theo. Tại sao gọi là phi nhân? Vì, mặc dù Tam tế đực biết là khởi từ vô minh, và vô minh thì không có thực thể, do đó, nó không phải là chỗ nương tựa đáng tin cậy. **Và những tướng năng trụ sở trụ, rốt ráo không có cội gốc**. Từ vô minh, hư vọng nên có chúng sanh, do đó, những tướng năng trụ, sở trụ đều để nương tựa, nhưng lại dựa vào cái gốc vô minh không an trụ ấy thành lập thế giới và các chúng sanh. Như vậy, sự hiện hữu đó là bất thực, hoàn toàn trống rỗng và hư vọng.

Kinh văn:

迷本圓明是生虛妄。妄性無體非有所依。

Mê bồng Viên Minh, thị sanh hư vọng. Vọng tánh vô thể, phi hữu sở y.

Việt dịch:

Vì mê không nhận ra tánh viên minh vốn có, nên sinh ra hư vọng, tánh hư vọng không có tự thể, không phải là có chỗ nương tựa.

Giải thích:

Vì mê không nhận ra tánh viên minh vốn có, nên sinh ra hư vọng. Mê là hư vọng sinh ra từ chân tánh. Đối với Như Lai tạng tánh, thực sự không có danh, không có tướng. Khi vô minh sanh thì đầy dẫy vọng động. Từ vọng động, con người không còn nhận ra tánh giác ngộ, tựa như đánh mất đi căn nhà của chính mình vậy. **Tánh hư vọng không có tự thể, không phải là có chỗ nương tựa.** Hư vọng, tự nó không phải là thực chất – nó chỉ là hư tướng, không thực. Do vậy, vô minh không phải là thực chất nên Tam tế cũng chẳng có căn để thực sự.

Kinh văn:

將欲復真欲真已非真真如
性。非真求復宛成非相。

Tương dục phục chân, dục chân dĩ phi, chân chân như tánh. Phi chân cầu phục, uyển thành phi tướng.

Việt dịch:

Muốn cầu trở lại chân tánh thì cái muốn chân thật đó đã không phải là tánh chân như chân thật. Cầu trở lại không đúng chân lý thì hiển thành những phi tướng.

Giải thích:

Muốn cầu trở lại chân tánh thì cái muốn chân thật đó đã không phải là tánh chân như chân thật. Về căn bản, vô minh không có thực chất riêng biệt, do đó Tam tế thực sự cũng chẳng có cội gốc thực sự gì. Vậy nên thực là sai lầm nếu ông quyết định muốn quay trở lại với chân lý, quay trở lại căn cội để tìm kiếm chân lý. Ông sẽ càng khởi thêm hư vọng. Nếu muốn trở lại với chân tánh, ông đừng gia thêm sự sáng và tánh giác ngộ, đừng gán thêm cái đầu đã có, đừng tìm con lừa khi đang cưỡi lừa. **Cầu trở lại không đúng chân lý.** Đừng truy tìm chân lý vòng có, tốt hơn hết, ông chỉ cần hóa giải vô minh, đó chính là chân lý. Không nhất thiết phải tìm kiếm gì khác. Lý do ông không nắm bắt được chân lý là vì ông đang giữ chặt lấy vô minh. Nếu biết vô minh không có thực chất thì ông đừng khởi vọng tưởng, đừng kiếm tìm chân lý. Khi vô minh diệt thì pháp tánh tự nhiên sẽ hiển hiện. **Hiển thành những phi tướng.** Không tìm chân lý, hoặc loại trừ vọng tưởng, cần thiết là phải phá vỡ vô minh, như vậy tự tánh giác ngộ sẽ tức thì

hiện hữu. Nhưng nếu vô minh chưa phá mà vẫn kiếm tìm chân lý thì khác nào bỏ gốc, nắm lấy ngọn. Một khi vô minh diệt thì Tam tế cũng biến mất, cả lục thô cũng vậy.

Kinh văn:

非生非住非心非法。

展轉發生生力發明。熏以成業同業相感。因有感業相滅相生。由是故有眾生顛倒。

Phi sanh phi trụ, phi tâm phi pháp. Triển chuyển phát sanh, sanh lực phát minh. Huân dĩ thành nghiệp, đồng nghiệp tương cảm. Nhân hữu cảm nghiệp, tương diệt tương sanh. Do thị cố hữu, chúng sanh điên đảo.

Việt dịch:

Không phải sinh, không phải trụ, không phải tâm, không phải pháp. Xoay vần phát sinh và sinh lực phát huy, huân tập thành ra nghiệp báo, đồng nghiệp thì cảm với nhau, nhân đó mà cảm ra các nghiệp diệt nhau, sinh nhau, do đó mới có điên đảo về chúng sanh.

Giải thích:

Không phải sinh, là tướng sinh của vô minh, **không phải trụ**, chỉ nghiệp thức, đây là thức thứ tám. **Không phải tâm**, chỉ về kiến phần, **không phải pháp**, chỉ về tướng phần. Những vô minh, nghiệp thức và kiến phần, tướng phần đều không có căn để, không có thực chất. Sự hiện hữu của chúng chỉ là giả tạo, không phải thực pháp, do đó nên **xoay vần phát sinh**, điều đó như sự liên hệ giữa mắt, tai mũi, lưỡi, thân và tâm vậy. **Và sinh lực phát huy, huân tập thành ra nghiệp báo**, sự liên tục sinh khởi và triển chuyển làm phát huy sinh lực, càng phát triển càng hiển hiện, do đó mà mọi hoặc, nghiệp, khổ càng nhiều, càng mạnh mẽ. **Đồng nghiệp thì cảm với nhau**, do các quan hệ hỗ tương nên cùng diệt nhau, **do đó mới có điên đảo về chúng sanh**, các chúng sanh điên đảo vì vọng tưởng của chính mình.

Kinh văn:

阿難云何名為世界顛倒。是有所有分段妄生因此界立。非因所因無住所住。遷流不住因此世成。三世四方。和合相涉變化眾生成十二類。

A-nan! Vân hà danh vi, thế giới điên đảo? Thị hữu sở hữu, phần đoạn vọng sanh, nhân thử giới lập. Phi nhân sở nhân, vô trụ sở trụ. Thiên lưu bất trụ, nhân thử thế thành. Tam thế tứ phương. Hòa hợp tương thiệp, biến hóa chúng sanh, thành thập nhị loại.

Việt dịch:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? Do có cái sở hữu đó nên từng phần, từng đoạn giả dối sinh ra, vì thế mà giới thành lập, do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ nên đời đời không dừng, nhân đó mà thế giới thành lập. Ba đời bốn phương hòa hợp can thiệp nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai loại.

Giảng giải:

A Nan, thế nào gọi là điên đảo về thế giới? A Nan, ta sẽ giảng về sự điên đảo của thế giới. Ông lắng nghe. Do có cái sở hữu đó. “Đó” – chỉ sự vô minh. “Cái sở hữu” là thân vọng tưởng của chúng sinh, nên từng phần, từng đoạn giả dối sinh ra, vô minh và chúng sinh. “Phần” là chỉ căn thân của chúng sinh. “Đoạn” là chỉ đời người từ sinh đến tử. Nhân vì vô minh bất giác nên chúng sinh cứ mãi trôi lăn theo nghiệp, vọng tưởng là có sinh có tử, có căn thân giả tạo, vì thế mà giới thành lập, do phi nhân làm nhân, không có năng trụ, sở trụ nên đời đời không dừng. Vô minh là vô căn, là hư trống, nó không có thực chất. “Phi nhân” cũng là vô minh, nó không phải là cái nhân thực sự, chỉ vì vọng tưởng nên sinh ra thế giới. Do đó, thế giới cũng là hư trống, không thực, nó không có cảnh tướng thường trụ, cảnh tướng trụ của nó chỉ là hư vọng, luôn thay đổi không dừng, nhân đó mà thế giới thành lập. Ba đời bốn phương, mọi ảnh hưởng hòa hợp để tạo nên thế giới. Thế giới có ba đời là quá khứ, hiện tại, tương lai. Bốn phương là bốn hướng trong không gian, hòa hợp can thiệp nhau, chúng sinh biến hóa thành mười hai loại, đây là nhờ vào các động lực khác nhau. Mười hai loại chúng sinh sẽ giảng giải phần sau.

Kinh văn:

是故世界因動有聲因聲有色。因色
有香因香有觸。因觸有味因味知法。六亂妄
想成業性故。十二區分由此輪轉。

Thị cố thế giới, nhân động hữu thanh, nhân thanh hữu sắc. Nhân sắc hữu hương, nhân hương hữu xúc. Nhân xúc hữu vị, nhân vị tri Pháp. Lục loạn vọng tưởng, thành nghiệp tánh cố. Thập nhị khu phần, do thủ luân chuyển.

Việt dịch:

Vậy nên trong thế giới, nhân động nên có tiếng, nhân tiếng nên có sắc, nhân sắc có hương, nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị nên biết pháp, sáu vọng tưởng can loạn thành ra nghiệp tánh, mười hai đời hiện, do đó mà xoay chuyển mãi mãi.

Giảng giải:

Vậy nên trong thế giới, nhân động nên có tiếng, do có động nên sinh ra âm thanh, tiếng vang. Nhân tiếng nên có sắc, khi có tiếng vang thì

liền có sắc. **Nhân sắc có hương**, sắc tác động làm khởi hương. **Nhân hương có xúc, nhân xúc có vị, nhân vị nên biết pháp, sáu vọng tưởng cần loạn thành ra nghiệp tánh.** Sáu cảnh ở đây là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Cả sáu loại vọng tưởng ấy được xem như những tên trộm cắp. Chúng tạo nghiệp rất mạnh. Và **mười hai đối hiện, do đó mà xoay chuyển mãi mãi**, đây là nguyên nhân tựu thành mười hai loại chúng sinh, do nghiệp chiêu cảm nghiệp quả, lại từ quả báo thọ sinh mười hai loại, sống đây chết đó, luân chuyển trong các nẻo đến không bao giờ dứt.

Kinh văn:

是故世間
聲香味觸。窮十二變為一旋復。

Thị cố thế gian, thanh hương vị xúc. Cùng thập nhị biến, vi nhất lữ phục.

Việt dịch:

Do đó, trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc biến đổi tột cùng, đến mười hai lần vẫn trở lại.

Giải thích:

Do đó, trong thế gian, những thanh, hương, vị, xúc, đây là sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp - biến đổi tột cùng, đến mười hai lần xoay trở lại, sau khi biến đổi, chúng lại tiếp tục biến đổi cùng tận đến mười hai cách thì xoay trở lại cách ban đầu.

Sáu trần ở đây là duyên tạo nghiệp, nghiệp tánh là nhân của luân hồi, do nhân duyên hòa hợp sinh ra hư vọng, luân hồi không dứt, do vậy nên thường có chúng sinh.

---o0o---

MƯỜI HAI LOẠI CHÚNG SINH

Kinh văn:

乘此輪轉顛
倒相故。是有世界卵生胎生濕生化生。有色
無色有想無想。若非有色若非無色。若非有
想若非無想。

Thừa thừa luân chuyển, điên đảo tương cố. Thị hữu thế giới, noãn sanh thai sanh, thấp sanh hóa sanh. Hữu sắc vô sắc, hữu tưởng vô tưởng. Nhược phi hữu sắc, nhược phi vô sắc. Nhược Phi hữu tưởng, nhược Phi vô tưởng.

Việt dịch:

Dựa theo những tướng điên đảo xoay vần đó, nên trong thế giới có các loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh, hữu sắc, vô sắc, hữu

tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc, hoặc phi vô sắc, hoặc phi hữu ưởng, hoặc phi vô tướng.

Giải giảng:

Dựa theo những tướng diên đảo xoay vần đó. Tác động qua lại của sáu trần và mười hai loại chúng sinh nên hình thành những diên đảo, **nên trong thế giới có các loài noãn sinh, thai sinh, thấp sinh, hóa sinh,** đây là bốn loại sinh. Có bốn điều kiện (duyên) cần thiết để sinh từ trứng (Noãn sinh):

1. Cha
2. Mẹ
3. Nghiệp căn
4. Hơi ấm.

Có ba điều kiện để thai sinh:

1. Cha
2. Mẹ
3. Nghiệp căn

Có hai điều kiện cần thiết của thấp sinh:

1. Nghiệp căn
2. Khí ẩm thấp.

Về hóa sinh thì chỉ cần một điều kiện – đó là nghiệp căn.

Tùy vào nghiệp thức, các chúng sinh hóa sinh theo ý muốn, họ có thể biến, hiện cõi này, cõi nọ. Bốn loại chúng sinh: **hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, hoặc phi hữu sắc.** Các chúng sinh này không phải là có sắc, cũng không phải là không có sắc. **Hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng,** đây không phải là có tướng, hoặc không có tướng. Đây là mười hai loại chúng sinh. Vì thời gian có hạn nên không thể giảng rộng, tôi chỉ nêu đại ý như vậy.

Kinh văn:

阿難由因世界虛妄輪迴動顛倒故。和合氣
成八萬四千飛沈亂想。如是故有卵羯邏藍
流轉國土。魚鳥龜蛇其類充塞。

A-nan! do nhân thế giới, hư vọng luân hồi, động diên đảo cố. Hòa hợp khí thành, bát vạn tứ thiên, phi trầm loạn tướng. Như thị cố hữu, noãn yết la lam, lưu chuyển quốc độ. Ngự điều quy xà, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

A Nan, do vì thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động nên hòa hợp với khí, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng bay lặn, vì vậy nên có mầm trứng trôi lặn trong các cõi nước: cá, chim, rùa, rắn, rất nhiều các loại.

Giảng giải:

A Nan, do vì thế giới có hư vọng luân hồi, điên đảo về động. Chúng ta đã biết vọng khởi không phải là chân tánh, và từ Vô minh hữu hiện cả Tam tế, lục thô, thành ra hư vọng nối tiếp nhau trong vòng luân hồi bất tuyệt. Nghiệp là do động, và từ động sinh ra điên đảo, **nên hòa hợp với khí, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng bay lặn.** “Khí” là tạo tác của nghiệp. “Tướng bay”, chỉ chung các loài chim khác. “Tướng lặn”, chỉ loài bò sát, lưỡng cư. **Vì vậy do các tướng nên có mầm trứng.** “Mầm” trong tiếng Sanskrit là Kalala, có nghĩa là “chất nhầy kết tụ”, đây là sự hòa hợp tính huyết của giống đực và giống cái trong tuần đầu phát triển. Sinh từ trứng là do tướng và bốn điều kiện như đã nói qua. Những mầm ấy **trôi lặn trong các cõi nước: cá, chim, rùa, rắn.** Chúng có rất nhiều và ở khắp nơi. Cá lội trong nước, chim bay trên không, và ếch nhái, là loài lưỡng cư, sống được trên cạn, dưới nước. Các loài bò sát khác như rắn, rùa, rất nhiều các loại trên mặt đất.

Kinh văn:

由因世界雜染輪迴欲顛倒故。和合滋成八
萬四千橫豎亂想。如是故有胎過菡曇流轉
國土。人畜龍仙其類充塞。

Do nhân thế giới, tạp nhiễm Luân-hồi, dục điên đảo cố. Hòa hợp tư thành, bát vạn tứ thiên, hoành thọ loạn tướng. Như thị cố hữu, thai át-bô-đàm, lưu chuyển quốc độ. Nhân súc long tiên, kỳ loại sung tấp.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục, nên hòa hợp với tư, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng ngang dọc, như vậy nên có bọc thai trôi lặn trong cõi nước – người, súc, rồng, tiên, rất nhiều các loại.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về thai sinh. Thai sinh là do lòng dục. Sự ái dục và giao tình sẽ làm thành bào thai. Loài người, thú, rồng, và tiên đều sinh theo cách này. **Nhân trong thế giới có tạp nhiễm luân hồi, điên đảo về dục.** “Tạp nhiễm” là bất tịnh, không trong sạch, hỗn tạp, “luân hồi” là tái sinh trong sáu nẻo, hoặc trong vòng tái sinh làm người, súc vật, rồng, tiên – đều do dục tướng và ham muốn thành điên đảo. Điên đảo là hành vi trái luật, hoặc

không theo đúng pháp. Chính vì lòng dục nên hòa hợp với tu, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng ngang dọc. “Tu” (Stimulation: kích thích) là tạo nghiệp, là hành động do ham muốn, như vậy nên có bọ thai trôi lăn trong cõi nước – người, súc, rồng, tiên, rất nhiều các loại. Sinh từ thai – đó là động vật có vú, hình thành do dục và ba điều kiện: cha, mẹ và nghiệp nhân. “Bọ thai” tiếng Sanskrit: “Arbuda”, là bọ trứng bắt đầu phát triển từ tuần lễ thứ hai. Các loài người, thú, rồng, tiên có nhiều các nơi trên mặt đất.

Kinh văn:

由因世界執著輪迴趣顛倒故。和合軟成八萬四千翻覆亂想。如是故有濕相蔽尸流轉國土。含蠢蠕動其類充塞

Do nhân thế giới, chấp trước Luân-hồi, thú điên đảo cố. Hòa hợp duyên thành, bát vạn tứ thiên, phiền phước loạn tưởng. Như thị cố hữu, thấp tướng tế thi, lưu chuyên quốc độ. Hàm xuân duyên động, kỳ loại sung tác.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú, nên hòa hợp với noãn, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng nghiêng ngả, vậy nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước, nhưng nhúc quậy động, rất nhiều các loại.

Giải thích:

Đoạn này bàn về thấp sinh. Sinh từ nơi ẩm thấp là do hơi ẩm và hai điều kiện: Nghiệp cá nhân và khí âm. **Nhân trong thế giới có chấp trước luân hồi, điên đảo về thú.** “Chấp trước” là nắm giữ và không thể thay đổi. Do chấp trước nên phải chịu tái sinh trong vòng luân hồi. “Thú” là ý hướng, khuynh hướng về một điều gì đó, nên hòa hợp với noãn, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng nghiêng ngả. “Noãn”, khí âm là tạo tác của nghiệp. “Nghiêng” dao động, không vững. “Ngả” là đảo ngược lại. **Vậy nên có tế thi thấp sinh trôi lăn trong cõi nước, nhưng nhúc quậy động, rất nhiều các loại.** “Tế thi” (Sanskrit: Peshi) là loài thân mềm, chỉ các loài sinh từ nơi ẩm thấp. “Thấp sinh”, chỉ các loại động vật nhỏ sinh ra từ nơi ẩm thấp như côn trùng, ruồi, muỗi. Chúng ở khắp nơi trên mặt đất.

Thường, chúng ta không để ý, nhưng thực sự cả mười hai loại đều liên quan nhau. Con người cũng liên quan đến các loài như vậy.

Kinh văn:

由因世界變易輪迴假顛倒故。和合觸成八萬四千新故亂想。如是故有化相羯南流轉國土。轉蛻飛行其類充塞。

Do nhân thế giới, biến dịch Luân-hồi, giả điên đảo cố. Hòa hợp xúc thành, bát vạn tứ thiên, tâm cố loạn tướng. Như thị cố hữu, hóa tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chuyển xác phi hành, kỳ loại sung tác.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả, nên hòa hợp với xúc, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng mới cũ, vậy nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong các cõi nước, chuyển thoái, phi hành, các loài rất nhiều.

Giải thích:

Đoạn này bàn về Hóa sinh – điều kiện chỉ là nghiệp của tự thể. Do nghiệp thức nên ưa thích mới, nhàm chán cũ, và liền được hóa sinh. Chẳng hạn, vài loại chuột có thể hóa sinh thành dơi. Và loại chim chuyển sinh thành cá, hoặc loài lưỡng cư. Hoặc sâu bướm chuyển thành bướm. Sự thay đổi và chuyển hóa này đều do tướng điên đảo hình hành. **Nhân trong thế giới có biến dịch luân hồi, điên đảo về giả**, đây là sự vay mượn tới lui, đổi thay và chuyển hóa của các sinh vật, **nên hòa hợp với xúc, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng mới cũ**. Có vài loại sinh vật nhàm chán những gì cũ kỹ, chúng ham muốn có điều gì đó mới lạ hơn. Chẳng hạn chim biếng bay, muốn chuyển thành loài lưỡng cư, như ếch chẳng hạn. Các loài sâu bướm, ấu trùng, giòi, chán việc trườn, bò muốn đổi thành côn trùng, như bướm chẳng hạn. Vài loại chuột đã chán thân chuột, muốn biến đổi thành dơi. Những ví dụ ấy đều chỉ sự hóa sinh. **Vậy nên có yết nam hóa sinh trôi lăn trong các cõi nước**. Yết nam (Sanskrit: Ghana) có nghĩa thịt rắn chắc – đây là trường hợp biến hình của động vật, là loại chuyển biến thoái hóa. Các loài hóa sinh này có khắp thế giới, **chuyển thoái, phi hành, các loài rất nhiều**. Các sinh vật bò, trườn, chuyển biến thành chim chóc, hoặc loài chim chuyển thành loài bơi lội. Sự chuyển hóa giữa các loài có rất nhiều.

Kinh văn:

由因世界留礙輪迴障顛倒故。和合著成八萬四千精耀亂想。如是故有色相羯南流轉國土。休咎精明其類充塞。

Do nhân thế giới, lưu ngại Luân-hồi, chướng điên đảo cố. Hòa hợp trước thành, bát vạn tứ thiên, tinh diệu loạn tướng. Như thị cố hữu, sắc tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Hưu cứu tinh minh, kỳ loại sung tác.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng – nên hòa hợp với trước, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tinh

diệu, vì vậy nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước, huu cửu, tinh minh, các loài rất nhiều.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về hữu sắc. **Nhân trong thế giới có lưu ngại luân hồi, điên đảo về chướng.** Ngại là ngăn cản, gây chướng ngại, có nhiều sắc, chướng ngại đan xen nhau, **nên hòa hợp với trước, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng tinh diệu.** “Trước” là tạo nghiệp, do chấp trước nên làm khuất đi ánh sáng chân tâm, **vì vậy nên có yết nam sắc tướng trôi lăn trong cõi nước.** Đây là loài phát sáng như mặt trời mặt trăng, loại mang điềm lạnh gọi là huu, có điềm dữ gọi là cửu; ở động vật phát sáng thì như đom đóm, các loài như vậy có rất nhiều.

Kinh văn:

由因世界銷散輪迴惑顛倒故。和合暗成八
萬四千陰隱亂想。如是故有無色羯南流轉
國土。空散銷沈其類充塞。

Do nhân thế giới, tiêu tán Luân-hồi, hoặc điên đảo cố. Hòa hợp ám thành, bát vạn tứ thiên, uẩn ẩn loạn tướng. Như thị cố hữu, vô sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Không tán tiêu trầm, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc nên hòa hợp với ám, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng, thâm ẩn, vậy nên có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước; không tán tiêu trầm, các loại rất nhiều.

Giảng giải:

Đoạn này bàn về các chúng vô sắc, tức các chư Thiên cõi Vô sắc giới. **Nhân trong thế giới có tiêu tán luân hồi, điên đảo về hoặc.** Mặc dù “tiêu” và “tán” bao hàm sự dứt diệt, không tồn tại, chẳng còn thấy gì, nhưng ở đây vẫn có sự hiện hữu, đây là thức và nghiệp, tức là vẫn có các chúng – đây là sự tái sinh. “Hoặc” là mê vọng, nó là một loại vô minh làm cho điên đảo, **hoặc nên hòa hợp với ám, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng, thâm ẩn.** Nghiệp rất khó cảm nhận, và do đó nó gây ra vô số loạn tướng. “Thâm” và “Ẩn” là loại ý tưởng khó nhận biết. **Vậy nên có yết nam vô sắc trôi lăn trong cõi nước.** Chúng phát triển cùng khắp, **không tán tiêu trầm, các loại rất nhiều.** “Không” là không vô biên sắc thiên. “Tán” là phi tướng, phi phi tướng xứ thiên. Các chúng sinh ấy hiện hữu là do thức nghiệp, không có sắc tướng và có rất nhiều trong thế giới.

Kinh văn:

由因世界罔象輪迴影顛倒故。和合憶成八萬四千潛結亂想。如是故有想相羯南流轉國土。神鬼精靈其類充塞。

Do nhân thế giới, vông tượng Luân-hồi, ảnh điên đảo cố. Hòa hợp ức thành, bát vạn tứ thiên, tiềm kết loạn tưởng. Như thị cố hữu, tướng tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Thần quỷ tinh linh, kỳ loại sung tấc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có vông tượng luân hồi, điên đảo về ảnh nên hòa hợp với ức, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng tiềm kết, vậy nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước, thần quỷ tinh linh, các loài rất nhiều.

Giảng giải:

Nhân trong thế giới có vông tượng luân hồi, điên đảo về ảnh. Phần này bàn về các chúng sinh hữu tướng, nhưng vô sắc. Các chúng sinh ấy như là thần, quỷ, tinh linh. Do vọng chấp ảnh tượng nên hòa hợp với ức, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng tiềm kết. Do tiềm ẩn nên không ai hay biết. Các loạn tưởng của chúng thâm kết, vậy nên có yết nam hữu tướng trôi lăn trong cõi nước, thần quỷ tinh linh, các loài rất nhiều. Hữu tướng ở đây không phải là loại tướng của noãn sinh, mà là loại vọng tướng tạo tác. Quỷ và thân có loại tinh quái, và loại cư xử rất đúng mực. Có một số quỷ vương thị hiện chư Bồ tát, có quỷ vương cũng khó lường. Tinh linh là các loài sơn thần, hải thần, thành hoàng...các chúng có nhiều và ở khắp nơi.

Kinh văn:

由因世界愚鈍輪迴癡顛倒故。和合頑成八萬四千枯槁亂想。如是故有無想羯南流轉國土。精神化為土木金石其類充塞。

Do nhân thế giới, ngu độn Luân-hồi, si điên đảo cố. Hòa hợp ngoan thành, bát vạn tứ thiên, khô cảo loạn tưởng. Như thị cố hữu, vô tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Tinh thần hóa vi, thổ mộc kim thạch, kỳ loại sung tấc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng khô cảo; vậy nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước, tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loại rất nhiều.

Giảng giải:

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si. Loại vô tướng tuy có sắc nhưng không có tư tưởng, do đó thành ngu muội ám độn, **nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng khô cảo.** Ý tướng hoàn toàn cạn kiệt, **vậy nên có yết nam vô tướng trôi lăn trong cõi nước, tinh thần hóa làm đất, cây, vàng, đá, các loại rất nhiều.** Vì tư tưởng của họ khô héo nên tinh và thần chuyển hóa thành đất, gỗ, kim loại hoặc đá. Loại này có ở nhiều nơi. Và, tại sao tinh và thần lại biến thành như vậy?

Ở Hồng Kông có ngọn núi gọi là Vọng phu. Chuyện kể rằng có người đàn bà, chồng là Hải quân, anh ta ra đi không bao giờ trở lại. Người vợ cứ ngày ngày dẫn con lên ngọn núi nhìn về phía biển đợi chờ. Ngày qua ngày, tinh thần chờ đợi của người đàn bà ấy dần dần cạn kiệt và chuyển hóa, đến sau đó thì thành đá. Ngày nay, quý vị đến đó sẽ nhìn thấy hình tượng đá một người đang đứng, phía sau có đứa bé. Bà ấy vẫn trông chờ. Hầu hết chúng ta rất khó tin rằng cái tinh thần của con người lại có thể biến thành gỗ, đá – nhưng đó là sự thực. Nó đã thực sự xảy ra, có nhiều trường hợp con người biến thành đá như vậy. Hoặc nhiều sự việc xảy ra tương tự vậy. Chẳng hạn, một người có tánh rất nóng, một khi ngọn lửa tự tánh của người ấy bộc phát mạnh thì thực chất của anh ta dễ dàng biến thành than ngay. Lửa của tự tánh rất mạnh, nó có sức nóng thật khủng khiếp, và như vậy, thực chất cũng dễ bị đốt cháy. Con người bao gồm các yếu tố kim loại, gỗ, nước, lửa và đất, nếu họ thường xuyên tiếp xúc và dốc hết tâm ý vào một yếu tố nào thì họ sẽ biến thành yếu tố đó. Điều đó xảy ra là do tư tưởng cố chấp tham trước. Khi hiện tượng ấy xảy ra thì vật thể kia có trở lại làm người? Vâng, có đấy, nhưng không biết thời gian sẽ kéo dài bao lâu – chắc chắn là lâu lắm.

Kinh văn:

由因世界相待輪迴偽顛倒故。和合染成八
萬四千因依亂想。如是故有非有色相成色
羯南流轉國土。諸水母等以蝦為目其類充
塞。

Do nhân thế giới, tương đãi Luân-hồi, nguỵ điên đảo cố. Hòa hợp nhiễm thành, bát vạn tứ thiên, nhân y loạn tướng. Như thị cố hữu, phi hữu sắc tướng, thành sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chư thủy mẫu đẳng, dĩ hà vi mục, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có tương đãi luân hồi, điên đảo về nguỵ nên hòa hợp với nhiễm, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nhân y,

vậy nên có yết nam, không phải có sắc mà có sắc trôi lăn trong cõi nước, các loài thủy mẫu dùng tâm làm mắt, các loại rất nhiều.

Giảng giải:

Phần này bàn về các chúng phi hữu sắc. **Nhân trong thế giới có tương dẫn luân hồi, điên đảo về ngụy nên hòa hợp với nhiễm, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng nhân y.** Nhân y là nương tựa vào nhau, **vậy nên có yết nan, không phải có sắc mà có sắc trôi lăn trong cõi nước.** Loài phi hữu sắc tức vốn không có sắc, nó chỉ nhờ vào vật khác nên mới có sắc, do đó **các loài thủy mẫu dùng tâm làm mắt, các loại rất nhiều.** Loài thủy mẫu nhờ vào bọt nước làm thành thân, chúng không có mắt nên phải nhờ vào mắt của tôm, đây là mối tương quan, ký sinh. Loài thủy mẫu này trông như những bong bóng trong nước, chúng vô sắc và có ở khắp nơi.

Kinh văn:

由因世界相引輪迴性顛倒故。和合呪成八
萬四千呼召亂想。由是故有非無色相無色
羯南流轉國土。呪咀厭生其類充塞。

Do nhân thế giới, tương dẫn Luân-hồi, tánh điên đảo cố. Hòa hợp chú thành, bát vạn tứ thiên, hô triệu loạn tướng. Do thị cố hữu, phi vô sắc tướng, vô sắc yết nam, lưu chuyển quốc độ. Chú trớ yếm sanh, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có tương dẫn luân hồi, điên đảo về tính nên hòa hợp với chú, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hô triệu, vậy nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước, chú trớ, yếm sinh, các loài rất nhiều.

Giảng giải:

Đây là loại phi vô sắc, chúng vốn không có sắc, chỉ dùng chú ra hiệu. **Nhân trong thế giới có tương dẫn luân hồi, điên đảo về tính, đây là tác động qua lại của dự dụ hoặc, làm thành điên đảo vọng tướng, nên hòa hợp với chú, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng hô triệu.**

Gần đây tôi đã nói về pháp “Câu triệu”, pháp “Hô triệu” này cũng có dạng như vậy. Hô là gọi tên ai đó. Thường thì mọi người không thấy gì, nhưng khi tụng niệm chú thì đối tượng sẽ hiện đến, lúc đó chúng ta có thể thấy được. Mặc dù chúng ta gọi đó là quỷ, thần, nhưng họ đều là một loại thần thức đặc biệt - **vậy nên có yết nam, không phải vô sắc mà vô sắc, trôi lăn trong cõi nước,** Quỷ, thần ở đây là loại phi vô sắc – là những thần hộ pháp. Họ dùng **chú trớ, yếm sinh, các loài rất nhiều.** Trong Mật giáo có nhiều loại chú này.

Kinh văn:

由因世界合妄輪迴罔顛倒故。和合異成八萬四千迴互亂想。如是故有非有想相成想羯南流轉國土。彼菡盧等異質相成其類充塞。

Do nhân thế giới, hợp vọng Luân-hồi, vọng điên đảo cố. Hòa hợp dị thành, bát vạn tứ thiên, hồi hồ loạn tưởng. Như thị cố hữu, Phi hữu tưởng tướng, thành tướng yết nam, lưu chuyển quốc độ. Bỉ bỏ lư đặng, dị chất tướng thành, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng nên hòa hợp với dị, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng hồi hồ, vậy nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước, những giống tò vò, mượn chất khác làm thân của mình, các loại rất nhiều.

Giải thích:

Nhân trong thế giới có hợp vọng luân hồi, điên đảo về vọng nên hòa hợp với dị, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tưởng hồi hồ, Cả hai có khác, nhưng sự biến hình thì như nhau. Tám mươi bốn nghìn là số nhiều, dùng để chỉ trong mỗi loại, thực ra trong từng loại còn có rất nhiều loại khác, số lượng không thể tính được. **Vậy nên có yết nam, không phải có tướng mà có tướng, trôi lăn trong cõi nước.** Lúc đầu, những sinh vật này chưa nhận thức mình sẽ hình thành loại nào, nhưng trải qua tiến trình nghĩ tưởng nó mới hình thành hiện thể. Đó là **những giống tò vò, mượn chất khác làm thân của mình, các loại rất nhiều.** “Tò vò” – Sanskrit: Varata là một loại ong bắp cày. Ong này bắt lấy sâu bướm và chuyển chúng thành con mình. Nó đưa con sâu bướm về tổ, đoạn tụng chú trong bảy ngày: “Hãy như ta, hãy như ta”. Sau đó nó dời đi nơi khác. Người ta gọi các chúng ấy là không có tướng (phi hữu tướng), vì lúc đầu sâu bướm không nghĩ là mình biến thành con tò vò. Kinh Thi có câu: “Sâu bướm có con, Tò vò mang nợ”.

Kinh văn:

由因世界怨害輪迴殺顛倒故。和合怪成八萬四千食父母想。如是故有非無想相無想羯南流轉國土。如土梟等附塊為兒。及破鏡鳥以毒樹果抱為其子。子成父母皆遭其食其類充塞。

Do nhân thế giới, oán hại Luân-hồi, sát điên đảo cố. Hòa hợp quái thành, bát vạn tứ thiên, thực phụ mẫu tướng. Như thị cố hữu, Phi vô tướng tướng, vô tướng yết nam, lưu chuyên quốc độ. Như độ kiêu đấng, phụ khối vi nhi. Cập phá kính điều, dĩ độc thọ quả, bảo vi kỳ tử. Tử thành phụ mẫu, giai tao kỳ thực, kỳ loại sung tặc.

Việt dịch:

Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát nên hòa hợp với quái thành ra tám mươi bốn nghìn nghĩ tướng ăn thịt cha mẹ, vậy nên yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước, như con Thổ kiêu, ấp khối đất làm con, và chim Phá kính ấp quả cây độc làm con, con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại rất nhiều.

Giảng giải:

Đây là loại phi vô tướng trong mười hai loại chúng sinh. Chúng có tư tướng nhưng không thường chính. **Nhân trong thế giới có oán hại luân hồi, điên đảo về sát.** Ông hại tôi, tôi hại ông. Ông giết tôi, tôi giết ông. Ông ghét tôi, tôi ghét ông, **nên hòa hợp với quái thành ra tám mươi bốn nghìn nghĩ tướng ăn thịt cha mẹ.** Khi oán hận đầy dẫy thì kết thành thân nghiệp điên đảo, **vậy nên yết nam, không phải vô tướng mà vô tướng, trôi lăn trong cõi nước.** Chúng xuất hiện như con Thổ kiêu, **ấp khối đất làm con.** Ở Trung Quốc, chim Thổ kiêu còn gọi là chim Ứng đầu mèo, hoặc chim Bất hiếu. Loại chim này không đẻ trứng, mà nó ôm ấp khối đất làm con. Có điều, khi các con Thổ kiêu đầy lòng oán hận lớn lên, chúng sẽ ăn thịt cha mẹ, và **và chim Phá kính ấp quả cây độc làm con.** Phá kính là tên loài thú ở Trung Quốc, trông giống con sói nhưng nhỏ hơn. Loại thú này không sinh sản, nó chỉ ôm ấp quả độc làm con, **con lớn lên thì cha mẹ đều bị chúng ăn thịt, các loại rất nhiều.** Phá kính cũng là loài thú bất hiếu. “Chim” có thể là do dịch sai. Các loại ấy có ở nhiều nơi.

Kinh văn:

是名眾生十二種類。

Thị danh chúng sanh, thập nhị chủng loại.

Việt dịch:

Đây gọi là mười hai loại chúng sinh.

Giảng giải:

Phía trên đã giảng về mười hai chủng loại chúng sinh.

QUYỂN 08 - PHẦN CHÁNH VĂN VÀ GIẢNG GIẢI

Kinh văn:

阿難如是眾生一一類中。亦各各具十二顛倒。猶如捏目。亂花發生。

A Nan, như thị chúng sinh nhất nhất loại trung, diệc các các cụ thập nhị điên đảo, do như niết mục loạn hoa phát sinh.

Việt dịch:

A Nan, như vậy chúng sinh trong mỗi mỗi loài, cũng đều đủ cả mười hai thứ điên đảo, cũng như dụi con mắt thì các thứ hoa đốm phát sinh ra.

Giảng giải:

A Nan, như vậy chúng sinh trong mỗi mỗi mười hai loài đã nói qua, **cũng đều đủ cả mười hai thứ điên đảo.** Tôi đã nói qua về các loại điên đảo, ở mỗi loại đều có sự liên quan đến mười hai loại điên đảo khác. Sự vọng niệm và tình trạng điên đảo đều khởi từ nhận thức sai lầm, **cũng như dụi con mắt thì các thứ hoa đốm phát sinh ra.** Nếu quý vị ấn, dụi đầu ngón tay lên mắt, quý vị sẽ thấy rất nhiều hoa đốm giả tạo chập chờn trước mắt, nếu buông ra, các hình ảnh ấy biến mất. Chỉ vì quý vị bám trước theo vọng niệm điên đảo nên không vượt thoát khỏi vòng luân hồi của mười hai loại chúng sinh. Nếu chúng ta đừng đuổi theo vọng niệm điên đảo, hãy quay trở lại với ánh sáng, với sự sáng nội tại và nhĩ căn để lắng nghe tự tánh – vậy quý vị sẽ phá vỡ vô minh, mọi hư giả sẽ biến mất.

Kinh văn:

顛倒妙圓真淨明心。
具足如斯虛妄亂想。

Điên đảo diệu viên, chân tịnh minh tâm. Cụ túc như tư, hư vọng loạn tưởng.

Việt dịch:

Chân tâm diệu viên trong sạch sáng suốt mà điên đảo thì đầy đủ những loạn tưởng giả dối như vậy.

Giảng giải:

Từ nhận thức sai lầm sinh ra điên đảo, làm thành vọng niệm. Trong tự tính Như Lai tạng, vô minh nhóm khởi. Từ căn bản chân tịnh sinh ra sai lầm, giả tạo. Tâm thanh tịnh và trong sáng trở nên đầy dẫy những vọng tưởng không chân thật.

Kinh văn:

汝今修證佛三摩提。於
是本因元所亂想。立三漸次方得除滅。

Nhữ kim tu chứng, Phật tam ma đề. Ư thị bản nhân, nguyên sở loạn tướng.
Lập tam tiệm thứ, phương đắc trừ diệt.

Việt dịch:

Nay ông tu chứng Tam ma đề của Phật, vậy đối với tư tưởng càn loạn là nguyên nhân cội gốc của điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ mới diệt trừ được.

Giải thích:

Nay ông tu chứng Tam ma đề của Phật, vậy đối với tư tưởng càn loạn là nguyên nhân cội gốc của điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ. Ông phải lập ra ba loại tiệm thứ và lần lượt tu tập, vậy mới diệt trừ được mọi loạn tướng.

Kinh văn:

如淨
器中除去毒蜜。以諸湯水并雜灰香。洗滌其
器後貯甘露

Như tịnh khí trung, trừ khử độc mật. Dĩ chư thang thủy, tinh tạp hôi hương.
Tiển dịch kỳ khí, hậu trữ cam lồ.

Việt dịch:

Cũng như bình đựng trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các chất tro, chất thơm rửa sạch bình, sau đó mới đựng cam lồ.

Giải thích:

Cũng như bình đựng trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các chất tro, chất thơm rửa sạch bình. “Bình đựng trong sạch” có nghĩa vật thể có căn bản trong sạch, tượng trưng tính của Như Lai Tạng, vốn có trong tất cả chúng ta, không bao giờ diệt mất. “Mật độc” tượng trưng cho vô minh và phiền muộn của con người. “Nước nóng” biểu hiện Phật pháp sẽ làm trong sạch chúng ta. “Rửa sạch” là quay trở lại tự tánh của Như Lai Tạng. **Sau đó mới đựng cam lồ.** Có thể là trí tuệ chân thật của chúng ta, nó giúp chúng ta hướng đến đạo giác ngộ - nó còn tượng trưng “nước cam lồ”.

Kinh văn:

云何名為三種漸次。一者修習。
除其助因。二者真修。剷其正性。三者增進。違
其現業。

vân hà danh vi, tam chủng tiệm thứ. Nhất giả tu tập, trừ kỳ trợ nhân. Nhị giả chân tu, khô kỳ chánh tánh. Tam giả tăng tiến, vi kỳ hiện nghiệp.

Việt dịch:

Thế nào gọi là ba loại tiệm thứ? Một là tu tập, trừ các trợ nhân. Hai là chân tu, gột sạch chính tánh. Ba là tăng tiến, trái lại hiện nghiệp.

Giảng giải:

Thế nào gọi là ba loại tiệm thứ? Một là tu tập, trừ các trợ nhân, đây là các nguyên nhân tạo tác nghiệp. Hai là chân tu, gột sạch chính tánh, tức dọn sạch những nghiệp chướng như tham, sân, si... Ba là tăng tiến, trái lại hiện nghiệp. Tiến trình tu tập của con người là không còn tạo thêm nghiệp mới trong cuộc sống hiện tại.

Kinh văn:

云何助因。阿難如是世界十二類生。不能自全依四食住。所謂段食觸食思食識食。是故佛說一切眾生皆依食住。

Vân hà trợ nhân? A-nan! Như thị thế giới, thập nhị loại sanh. Bất năng tự toàn, y tứ thực trụ. Sở vị đoạn thực, xúc thực, tư thực, thức thực. Thị cố Phật thuyết, nhất thiết chúng sanh, giai y thực trụ.

Việt dịch:

Thế nào là trợ nhân? A Nan, đây là mười hai loại chúng sinh trong thế giới không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà an trụ; nghĩa là nương theo đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực. Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh đều nương vào cái ăn mà an trụ.

Giảng giải:

Thế nào là trợ nhân? Có những trợ nhân tạo nghiệp lành, có trợ nhân tạo nghiệp ác. Ở đây, Đức Phật nói đến các nhân dẫn đến nghiệp xấu. **A Nan, đây là mười hai loại chúng sinh trong thế giới, như đã nói qua, không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà an trụ.** Mọi người đều phải ăn để sinh tồn, **nghĩa là nương theo đoạn thực**, chia cắt thành từng miếng, từng phần để ăn. Đây là cách ăn của chư Thiên lục dục, của A tu la, con người và súc sinh. **Xúc thực** - Quỷ và thần ăn theo cách đụng chạm thức ăn, vài loại ở cõi Trời cũng dùng theo lối này. **Tư thực** - cách dùng tư duy thiên định để ẩm thực, đây là cách chư Thiên sắc giới. **Và thức thực** - lấy thức làm thức ăn, đây là cách chúng vô sắc và chư Thiên phi tướng phi phi tướng. **Vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh đều nương vào cái ăn mà an trụ.** Sau khi Phật thành đạo, muốn phá lối nhịn ăn tu khổ hạnh, Ngài nói pháp: *“Tất cả các chúng sinh phải nương theo cách dụng*

thực mà an trụ, đấy là chính giác chính ngữ”. Các Tiên ngoại đạo cười, bảo: “Đứa bé và cả người ngu đều biết, sao lại nói là chính giác chính ngữ?”. Phật hỏi lại: “Các ông biết dụng thực có bao nhiêu loại không?”. Các ngoại đạo lặng im không đáp, nhân đó Phật nói về bốn cách dụng thực an trụ.

Kinh văn:

阿難一切眾生。食
甘故生。食毒故死。是諸眾生求三摩提。當
斷世間五種辛菜。

A-nan! Nhất thiết chúng sanh. Thực cam cố sanh. Thực độc cố tử. Thị chư chúng sanh, cầu tam ma đề. Đương đoạn thế gian, ngũ chủng tân thái.

Việt dịch:

A Nan, tất cả chúng sinh, dùng thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết. Vậy các chúng sinh cầu Tam ma đề, nên dứt bỏ năm loại rau cay trong thế gian.

Giảng giải:

Bài văn này luận về giai đoạn thứ nhất, loại trừ đi trợ nhân – tức cái nhân giúp đỡ. Năm món cay nồng làm tăng thêm nghiệp xấu, vậy nên bước đầu phải loại bỏ điều này. **A Nan, tất cả chúng sinh, dùng thức ăn lành thì sống, ăn thức ăn độc thì chết.** “Tất cả chúng sinh”, bao hàm mười hai chủng loại. “Thức ăn lành” – nguyên văn “cam lồ”, chỉ thực phẩm, thức ăn không độc hại, có nhiều dinh dưỡng. “Thức độc” ở đây không phải là độc dược làm chết người, mà là chỉ năm loại rau cay, loại thực phẩm không có lợi cho sức khỏe, làm giảm đi tuổi thọ, chứ không phải ăn vào là chết ngay. **Vậy các chúng sinh cầu Tam ma đề, nên dứt bỏ năm loại rau cay trong thế gian.** Giai đoạn đầu tiên là dứt trừ trợ nhân. Không dùng năm loại cay nồng: tỏi, hành, hẹ, kiệu, nén (Hưng cừ).

Kinh văn:

是五種辛熟食發姪生啖
增恚。

Thị ngũ chủng tân, thực thực phát dâm, sanh đạ tăng khuê.

Việt dịch:

Năm loại rau cay này, ăn chín thì phát lòng dâm, ăn sống thì tăng thêm lòng giận.

Giảng giải:

Năm loại rau cay này, ăn chín thì phát lòng dâm. Ăn thịt cũng bị tác động như vậy. Đây là lý do tại sao người tu hành không nên ăn thịt. Năm món cay kích thích làm khởi lòng ham muốn, đặc biệt ở đây là chỉ sự ham

muốn dâm dục, khoái lạc. **Ăn sống thì tăng thêm lòng giận.** Cách ăn như thế làm cho con người ngốc nghếch hơn. Lý trí và tính cách bị mất đi. Một khi không còn sáng suốt thì không sao phân biệt được phải trái. Các sự việc bất ngờ xảy ra, họ không nhận rõ sự thực. Các vấn đề trở thành chướng ngại, không giải quyết được, và cách duy nhất là tức giận. Ăn thịt cũng bị tác động, dễ sinh lòng giận giữ. Dùng càng nhiều năm loại rau cay, tính khí nóng giận càng tăng trưởng mạnh.

Kinh văn:

如是世界食辛之人。縱能宣說十二部經。十方天仙嫌其臭穢咸皆遠離。諸餓鬼等因彼食次。舐其唇吻常與鬼住。福德日銷長無利益。

Như thị thế giới, thực tâm chi nhân. Túng năng tuyên thuyết, thập nhị bộ Kinh. Thập phương Thiên tiên, hiềm kỳ xú uế, hàm giai viễn ly. Chư nga quỷ đẳng, nhân bỉ âm thực. Đễ kỳ Thần văn, thường dữ quỷ trụ. Phước đức nhật tiêu, trường vô lợi ích.

Việt dịch:

Như vậy trong thế giới, những người ăn rau cay đó, dù giảng nói được mười hai bộ kinh. Thiên tiên mười phương hiềm vì nó hôi nhớp nên đều tránh xa. Các loài ngạ quỷ nhân lúc người kia ăn rau cay xong, bèn liếm môi mép người đó. Người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phúc đức ngày càng giảm, hằng không được lợi ích.

Giảng giải:

Như vậy trong thế giới, những người ăn rau cay đó, dù giảng nói được mười hai bộ kinh. Thiên tiên mười phương hiềm vì nó hôi nhớp nên đều tránh xa. Đây là nói về những người ăn rau cay, hoặc uống rượu, ăn thịt. Nói khác đi, chư Thiên Thánh sẽ không hộ vệ người ăn uống như vậy. Thân thể họ sẽ bốc mùi các thức ăn thịt bò, hành, tỏi; nách tiết ra mùi hôi khiến không ai dám đến gần họ.

Có một số người giảng nói được mười hai bộ kinh như một bậc Đại trí tuệ, nhưng nếu họ dùng thức ăn không trong sạch thì lắng nghe họ chỉ có bọn quỷ, còn thần thánh thì không nghe. Quỷ đói và rất nhiều loại sinh vật cũng không dùng các thức ăn như thế. **Các loài ngạ quỷ nhân lúc người kia ăn rau cay xong** – tức năm loại rau cay, **bèn liếm môi mép người đó.** Sau khi người đó ăn xong các thức ăn nặng mùi, mùi vị tăng nồng ấy kích thích các quỷ tiến tới, bọn chúng sẽ ngửi và thưởng thức năm vị nồng của rau. Quỷ ăn bằng cách xúc chạm, như chúng ta đã học qua, chúng sẽ chụm lại quanh người dùng thức ăn bất tịnh và dùng tay sờ soạng vào người ấy.

Quý vị không nhìn thấy, nhưng thực sự là chúng hành động như vậy. **Người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phúc đức ngày càng giảm, hằng không được lợi ích.** Rất rõ ràng và đơn giản, đoạn này ác định người ăn năm loại rau cay cuối cùng cũng hợp chung với quỷ. Quỷ thường xuyên bám theo, mặc dù mọi người không để ý tới sự thực ấy. Phúc và đức cũng vì vậy mà giảm đi nhiều.

Kinh văn:

是食辛人修三摩地。菩薩天仙十方
善神不來守護。大力魔王得其方便。現作佛
身來為說法。非毀禁戒讚姪怒癡。

Thị thực tân nhân, tu tam-ma-địa. Bồ Tát Thiên tiên, thập phương Thiện thần, Bát-lai thủ hộ. Đại lực Ma Vương, đắc kỳ phương tiện. Hiện tác Phật thân, lai vi thuyết Pháp. Phi hủy cấm giới, tán dâm nộ si.

Viết dịch:

Người ăn rau cay đó tu pháp Tam ma đề, Bồ tát, Thiên tiên, mười phương Thiện thần, chẳng đến giữ gìn, ủng hộ. Đại lực Ma Vương được phương tiện đó, hiện làm thân Phật, đến thuyết pháp cho người ấy, chê phá giới cấm, ngợi khen dâm dục, nóng giận, si mê.

Giải thích:

Người ăn rau cay đó tu pháp Tam ma đề, Bồ tát, Thiên tiên, mười phương Thiện thần, chẳng đến giữ gìn, ủng hộ. Đoạn này ám chỉ người nào? Đây là những người dùng năm loại rau cay – người đó có thể là quý vị là tôi. Tại sao Hộ pháp và Thiện thần lại không bảo vệ những người như thế? Đây là vì họ nặng mùi, có mùi hôi nồng khó chịu. Các Hộ pháp ưa thích trong sạch, họ tránh xú uế nên không đến hộ vệ những người như thế. Tuy nhiên, căn bản các thần Hộ pháp là chú ý sự tu tập, nơi các vị ấy trú ngụ thì không có ma quỷ, nơi không có Hộ pháp thì ma quỷ được nhiều thuận lợi. Hộ pháp và Thiện thần đích thực là những người bảo vệ và gia hộ người tu hành, nhưng trong trường hợp này họ không đến giúp. **Đại lực Ma Vương được phương tiện đó, hiện làm thân Phật, đến thuyết pháp cho người ấy.** Khi thấy không có Hộ pháp, Đại lực Ma Vương sẽ hiện đến nhóm họp cùng người ấy. Đại lực của Ma Vương như thế nào? Đó là họ có thể hiện ra thân Phật! Tôi có lời khuyên, nếu sau này quý vị đạt được Phật nhãn, quý vị sẽ thấy Phật, hoặc Bồ tát, hoặc Thiện thần hiện đến. Nếu các vị đó là thật, thì ánh sáng của họ rất đổi thanh tịnh và mát lạnh, khi ánh sáng ấy chạm vào người, quý vị sẽ cảm thấy rất đổi thư thái, dễ chịu mà không sao biết được – Đây là bậc Thánh chân thật. Còn như với Quỷ, chúng chỉ tỏa ra sức nóng. Tuy nhiên, phải cần có trí tuệ mới phân biệt được sự khác biệt ấy. Dĩ nhiên,

sức nóng ấy không phải nóng như lửa, mà đây là hơi nóng của ánh sáng Quý, trong khi ánh sáng Phật không như vậy.

Một cách phân biệt nữa là lời pháp của Phật và Quý. Đại lực Ma Vương sẽ hiện đến **chê phá giới cấm, ngợi khen dâm dục, nóng giận, si mê**. Chúng sẽ nói: *“Đừng giữ giới, đó chỉ là hạnh của Tiểu thừa. Những giới cấm của Đại thừa như sát sinh, trộm cắp, tà dâm chẳng là gì cả. Nếu các người sát sinh cũng chẳng phá giới gì, cả trộm cắp, tà dâm cũng vậy. Đừng vướng mắc vào điều nhỏ nhặt ấy. Đừng phân biệt chi tốt xấu. Phá giới không hại gì”*.

Khi chưa thọ giới, quý vị có làm điều gì cũng không kể là phạm giới. Nhưng một khi đã thọ giới, chẳng hạn, giới cấm sát sinh, nếu chúng ta có hành động sát sinh, tất nhiên là phạm giới rồi. Tại sao? Vì quý vị biết rõ hành động đó là sai lầm nhưng vẫn phạm phải. Nếu biết giới cấm trộm cắp, nhưng lại đi trộm cắp – vậy là phá giới. Quý vị có tà dâm trước khi thọ giới, cũng không xem là phá giới – đây là hành động thái quá. Nhưng khi quý vị hướng đời mình vào đường tu thì hành động đó là phạm giới. Hành động nói dối cũng vậy. Nhìn chung, tất cả những gì nếu quý vị biết, thì đó là biết, và nếu không biết, thì đó là không biết. Quý vị không thể nói không biết khi mình biết, hoặc nói biết điều mình không biết. Quý vị không thể nói quanh co này nọ. Cái tâm thẳng thắn chính là đạo tràng vậy.

Có vài người sẽ nghĩ: Vâng, vậy nếu tôi không làm gì sai trái thì tôi không phạm giới, đúng chứ? Nhưng giờ đây, quý vị đã biết đó là điều nên làm, nếu như không thọ giới thì việc tu học của quý vị sẽ không thể tăng tiến được, cho dù có học Phật đạo cả đời cũng vậy. Do đó, biết thọ giới là điều tốt, chúng ta nên thọ giới và giữ giới thật cẩn thận.

Đối với Ma vương, bọn chúng chỉ ra sức vu khống và phá hoại giới cấm, ngăn trở quý vị thọ giới. Chúng tán dương sự dâm dục. “Đó là đại sự”, chúng nói: *“Càng dâm, các người sẽ có được phẩm tính cao quý của hàng Bồ tát. Chẳng hạn như Ucchushma (Ô xu la ma), mỗi ngày phải có từ hai trăm đến ba trăm phụ nữ, nhưng sau đó tu tập cũng trở thành Hỏa đầu Kim Cang. Vậy là thế nào?”*. Thực ra, ngay khi Ma vương lên tiếng khen ngợi sự dâm thì quý vị biết đó không phải là Phật chân chính rồi. Sự giả dối, lừa phỉnh, có nghĩa là si và hành động điên đảo. Phần trước chúng ta đã bàn qua.

Nhân trong thế giới có ngu độn luân hồi, điên đảo về si nên hòa hợp với ngoan, thành ra tám mươi bốn nghìn loạn tướng khô cảo.

Và các chủng vô tướng ấy hóa làm đất, cây, vàng, đá. Dĩ nhiên, không phải chủng vô tướng nào cũng hóa ra như vậy – điều đó chỉ thỉnh thoảng xảy ra trong thời kỳ, giai đoạn nào đó. Ở đây, Ma vương khen ngợi sự hư giả, dối trá, chúng cho rằng ngu si là điều tốt, có như vậy chúng mới dễ dàng sai

khiến. Khi quý vị tin tưởng chúng tất sẽ trở thành quyền thuộc của bọn ma quỷ ấy.

Gần đây, ở Ấn Độ xuất hiện cuốn sách đề cao pháp tu mật trong quan hệ nam nữ. Đây là sách của quý viết ra. Bọn chúng tán dương sự hành dâm và không muốn con người từ bỏ điều ấy. Chúng bảo hành dâm sẽ được thành Phật. Thế nhưng Phật là thanh tịnh, là trong sạch, không tạp nhiễm những hỗn loạn, như bọn. Trong ngôn ngữ Trung Quốc, chữ “**Hôn**” (trong kết hôn, hôn nhân) gồm chữ nữ (女) ghép với chữ hôn (昏) (có nghĩa là hỗn loạn, hôn ám). Như vậy, từ kết hôn cũng đã hàm ý sự đánh mất trí tuệ. Đời sống con người như tiêu phí trong đêm, trong bóng tối và bất tịnh. Điều đó cũng như ngủ ngày, khi ngủ thì hầu như quên hết mọi sự. Đây là si, là mê, và từ kết hôn trong tiếng Trung có ý nghĩa biểu tượng như vậy.

Tuy nhiên, khi tôi nói về hôn nhân, không phải mọi trường hợp đều như vậy. Quý vị phải nhìn vấn đề linh động hơn, không thể cứ chết cứng theo quan điểm của mình. Mặc dù tôi nói hôn nhân là sự phức tạp, rối rắm, thì quý vị phải cố gắng hiểu rõ sự phiền tạp ấy. Quý vị có thể dẫn vào mọi sự phiền tạp, nhưng đừng để bị quay cuồng trong mớ hỗn độn ấy. Đức Thích Ca Mâu Ni kết hôn, nhưng Ngài vẫn sáng suốt hơn người.

Khi quý vị nghe nói người ăn năm loại rau cay sẽ có quỷ đến hôn lên môi miệng người đó, quý vị có cảnh giác? Nếu không sợ hãi, các vị sẽ thấy điều đó chẳng là gì cả. Còn như xem đây là lời nhắc nhở cảnh tỉnh, hãy đừng ăn năm loại rau ấy. Nếu không dùng, Thiện thần sẽ gia hộ quý vị, còn bọn quỷ thần thì lánh xa. Nếu quý vị kết hôn và luôn cảnh giác, luôn thức tỉnh, quý vị sẽ không sa vào những mê mồi hỗn loạn và phức tạp. Quý vị cũng đừng hiểu lầm rằng tôi, phản đối sự kết hôn của mọi người – không phải vậy. Ở đây, tôi chỉ nói qua vài điểm cơ bản trong vấn đề hôn nhân thôi.

Kinh văn:

命終自為

魔王眷屬。受魔福盡墮無間獄。

Mạng chung tự vi, Ma Vương quyền thuộc. Thọ ma phước tận, đọa Vô gián ngục.

Việt dịch:

Đến khi mệnh chung, tự người ấy làm quyền thuộc của Ma vương, khi hưởng thụ phúc Ma đã hết, thì đọa địa ngục vô gián.

Giải thích:

Đến khi mệnh chung, tự người ấy làm quyền thuộc của Ma vương. Đây là nói đến người ăn năm loại rau cay. Bởi vì ăn như thế, các Thiện thần, Bồ tát sẽ không ủng hộ họ. Do đó, các Ma vương có đại lực sẽ

tiến đến bên họ. Ma vương biến làm thân Phật và nói pháp của quý, ngợi khen dâm dục, tức giận và ngu si. Sự hỗn loạn của quý làm con người đánh mất đi trí tuệ chân chính, thay vào đó là tà kiến, tà đạo. Ma vương bảo dâm là điều tốt, hãy tin như vậy: “*Phật đã nói với tôi như thế! Ngài bảo chẳng hề gì đâu!*”. Cái đó gọi là cướp con của người khác. Đây là nhận Ma vương ra Đức Phật. Vậy nên: “*Khi mệnh chung, họ sẽ trở thành quyến thuộc của Ma vương*”. Khi phúc báo thế gian đã hết, họ chết đi và ngoan ngoãn theo bọn ma. **Khi hưởng thụ phúc Ma đã hết, thì đọa địa ngục vô gián.** Quý ma cũng có cái phúc riêng của chúng.

Có người tu niệm danh hiệu Phật A Di Đà, nhưng người này đặc biệt rất ham thích vàng bạc. Anh ta tụng danh hiệu Phật chỉ vì nghe nơi Tịnh độ, đất toàn bằng vàng, y hình dung khi được ở nơi đó, mình sẽ có vô số vàng. Ngày nọ, anh ta thấy Phật A Di Đà đến, bảo: “*Hôm nay người vãng sinh Cực lạc, hãy lấy vàng, bạc của người đi*”. Anh ta bèn đến tòa sen của Di Đà gom lấy bốn trăm đến năm trăm thỏi vàng, nhưng vừa mang đến tòa sen của mình thì tất cả đều biến mất – “Ồ!”. Người đó nghĩ: “*Thì ra Phật Di Đà cũng ham tiền. Ông ấy lấy hết vàng của mình rồi!*”.

Trong khi đó, những người đến nhà người ấy viếng tang, có một con lừa mới sinh ra đã chết. Mọi người thấy bụng con lừa căng cứng và nặng, khi mổ ra xem thì lạ chưa! Vàng, bạc từ bụng con người đổ ra. Đến lúc ấy mới biết rõ người tu kia lòng tham nặng thế nào, và anh ta cũng đã quyết không rời đức Di Đà, khi chết đi, anh ta biến thành con lừa nhỏ. Hẳn nhiên, anh ta biết hình ảnh Di Đà hiện đến kia không phải là thật.

Nhiều chuyện lạ như thế, vậy Phật Di Đà có thật không? Hẳn nhiên là có thật rồi. Nhưng vì tri kiến con người lệch lạc nên không phân biệt được đâu là thực, đâu là giả. Trong trường hợp đó chúng ta phải làm thế nào? Phải hết sức cẩn thận đừng tham lam. Bất cứ ai có tư tưởng vãng sinh Cực lạc để có được vàng sẽ chẳng được gì hết. Mặc dù đất Tịnh độ toàn vàng ròng, quý vị cũng chẳng sở hữu cho riêng mình được tí gì. Tu hành là buông bỏ mọi ý tưởng sở hữu.

Đoạn Kinh văn này nói về người ăn năm loại rau cay, tri kiến lệch lạc, sa vào tà kiến, đầu tiên họ trở thành quyến thuộc của Ma vương, sau đó thì đi vào địa ngục. Đoạn lại đi đâu nữa? Không ai biết được.

Kinh văn:

阿難修菩提

者永斷五辛。是則名為第一增進修行漸次。

A-nan! Tu Bồ-đề giả, vĩnh đoạn ngũ tân. Thị tác danh vi, đệ nhất tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

Việt dịch:

A Nan, người tu đạo Bồ đề phải đoạn hẳn năm loại rau cay, đây gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Giảng giải:

A Nan, ông nghe đây chứ? **Người tu đạo Bồ đề** bất cứ người nào theo đạo Bồ đề - **phải đoạn hẳn năm loại rau cay**. Quý vị phải quyết định dứt khoát không dùng tỏi, hành, hẹ, kiêu, nén. Nếu cứ ăn các thứ ấy, cuối cùng quý vị cũng sẽ hợp cùng Ma vương, còn tránh đi, tất sẽ thành tùy tùng của Phật. **Đây gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất**. Bước tiến thứ nhất là thu hành đạo pháp. Trong tu tập, phải dứt bỏ mọi căn nhân sinh ra nghiệp ác. Năm loại rau cay là trợ lực của các Ma vương. Quý vị đừng coi thường, ngũ tân sẽ khiến quý vị mê mờ và hỗn loạn, nó làm chúng ta thành bất tịnh, sự bất tịnh đó càng làm Ma vương thêm thích thú.

Kinh văn:

云何正性。

阿難如是眾生入三摩地。要先嚴持清淨戒律。

Vân hà chánh tánh? A-nan! Như thị chúng sanh, nhập tam-ma-địa. Yêu tiên nghiêm trì, thanh tịnh giới luật.

Việt dịch:

Thế nào là chánh tính? A Nan, chúng sinh như vậy vào Tam ma địa, chủ yếu trước hết là nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh.

Giảng giải:

Giai đoạn tiệm thứ đầu tiên là trừ dứt trợ nhân, chẳng hạn như thích ăn thịt. Giai đoạn thứ hai liên hệ tính chất của nghiệp chướng. **Thế nào là chánh tính? A Nan, chúng sinh như vậy vào Tam ma địa, chủ yếu trước hết là nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh.** “Tính chất của nghiệp chướng” tức là tác động trì giới. “Chủ yếu” là chỉ sự xác định từ chính mình, và thọ giới là điều cần thiết để tu hành.

Bất cứ điều gì quý vị đã làm trước khi thọ giới đều không kể là phạm giới, vì quý vị không biết. Không biết thì không phải là phạm giới. Nhưng một khi mình đã thọ giới rồi thì dứt khoát không bao giờ sai phạm. Trước khi nghe về giới cấm, quý vị có thể thích thú hành động những gì mình ưa thích – cho dù không đúng luật, nhưng khi đã học tập và thọ giới thì chúng ta không nên phạm phải những sai lầm như trước đó.

Kinh văn:

永斷婬心不滄酒肉。以火淨食無啖生氣。
阿難是修行人。若不斷婬及與殺生出三界
者無有是處。

Vĩnh đoạn dâm tâm, bất xan tửu nhục. Dĩ hỏa tịnh thực, vô đạm sanh khí. A-nan! Thị tu hành nhân. Nhược bất đoạn dâm, cập dữ sát sanh, xuất tam giới giả, vô hữu thị xứ.

Việt dịch:

Đoạn hẳn lòng dâm, chẳng dùng rượu thịt, chỉ ăn thức ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A Nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh mà ra khỏi được mà cõi thì không thể nào có lẽ như vậy.

Giải thích:

Đoạn hẳn lòng dâm. “Dâm” là yêu thích và ham muốn, nó xuất phát từ vô minh. Lòng yêu thương không bắt nguồn từ vô minh là loại tình cảm như của người chồng, người vợ, hoặc trẻ con – đây là tình cảm xuất phát từ lòng mong muốn người khác được vui vẻ, hoàn toàn không có tính ích kỷ.

Họ phải **chẳng dùng rượu thịt**. Họ chỉ dùng các thức chay trong sạch. Cái hại của rượu, thịt là gì? Rượu và các chất cồn thường làm tâm tính hỗn loạn. Khi dùng chất cồn, quý vị sẽ không tập trung tinh thần được, nhất là khi chúng ta ưa thích thức uống này. Trước đây, tôi có kể qua câu chuyện một người dùng chất say mà phạm các giới. Một người nếu không uống rượu, tâm trí anh ta sẽ không hỗn loạn, không có những hành động điên đảo. Một lý do khác nữa là mùi rượu, cồn, có tính hấp dẫn người, quý, nhưng các Bồ tát, Thiên thần đều lánh xa. Họ không thích mùi hăng nồng như thế. Bồ tát và các A-la-hán xem mùi rượu cũng như chúng ta đối với mùi nước tiểu vậy. Đối với họ đó là mùi hôi hám rất khó chịu. Con người không thích gần gũi nhà vệ sinh, hầm phân, cống, rãnh, thế nhưng họ lại dành nhiều thời gian thưởng thức các món ăn rất hôi hám, khó chịu. Hơn nữa, rượu và thịt rất kích dục. Người tu hành chắc chắn sẽ lánh xa các thức ăn uống ấy.

Họ **chỉ ăn thức ăn trong sạch nấu chín, không ăn đồ sống**. Các thức ăn phải được nấu chín, ngay cả rau cải cũng phải vậy, vì ăn rau sống dễ sinh lòng nóng giận. **A Nan, người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh mà ra khỏi được mà cõi thì không thể nào có lẽ như vậy.** “Dâm dục” ở đây là tà dâm, là tư tưởng bất chính đối với người học Phật.

Kinh văn:

常觀姪欲猶如毒蛇如見怨賊。
先持聲聞四棄八棄執身不動。後行菩薩清
淨律儀執心不起。

Thường quán dâm dục, do như độc xà, như kiến oán tặc. Tiên trì Thanh văn, tứ khí bát khí, chấp thân bất động. Hậu hành Bồ Tát, thanh tịnh luật nghi, chấp tâm bất khởi.

Kinh văn:

Nếu xem sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Trước hết phải giữ Tứ khí, bát khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân không để lay động; sau đó hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ tát, nắm giữ tâm không vọng khởi.

Giải thích:

Nếu xem sự dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Hết sức chú ý điều này: Sự dâm dục như loài rắn độc. Nếu để nó cắn tất sẽ mất mạng. Hãy xem dâm dục là điều rất nguy hại, không thể coi thường được. Ngay cả ý nghĩ về dâm cũng không được động khởi. Tại sao? Bởi vì trí tưởng tượng có sức mạnh như hổ, sói vậy. Đừng thân cận với loài thú ấy, nếu không muốn mất mạng. Hoặc hãy xem những ý nghĩ ấy như giặc loạn, như tên trộm nguy hại đến tính mạng.

Trước hết phải giữ Tứ khí, bát khí của giới luật Thanh Văn, nắm giữ thân không để lay động. Quý vị phải giữ giới Thanh Văn, tránh sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối. Cả Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni cũng vậy. Nhưng ở Tỳ kheo Ni còn thêm bốn giới: Xúc, nhập, phú, tùy; để **nắm giữ thân không lay động.** Giữ nghiêm các giới như vậy để tránh tạo thêm nghiệp. **Sau đó hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ tát, nắm giữ tâm không vọng khởi.** Kế đến quý vị tu học giới luật Bồ tát, thọ trì mười trọng giới và bốn mươi tám khinh giới, giữ giới cho được thanh tịnh để tâm không khởi vọng tưởng – đây là đạo pháp quý vị phải tu tập thành tựu.

Kinh văn:

禁戒成就。則於世間。永無
相生相殺之業。偷劫不行無相負累。亦於世
間不還宿債。

Cấm giới thành tựu. Tác ư thế gian. Vĩnh vô tương sanh, tương sát chi nghiệp. Du kiếp bất hành, vô tướng phụ lụy. Diệc ư thế gian, Bất hoàn túc trái.

Viết dịch:

Cấm giới đã thành tựu, thì ở trong thế gian hẳn không còn những nghiệp sinh nhau, giết nhau. Đã không làm việc trộm cướp thì không còn phải nợ nhau, và cũng không phải trả nợ kiếp trước trong thế gian.

Giải thích:

Cấm giới đã thành tựu. “Cấm” bao hàm sự giữ gìn, bảo vệ. “Giới” là ngăn chặn những sự sai trái. Giới chia làm bốn phương diện:

1. Chấp trì
2. Gìn giữ
3. Buông bỏ
4. Vi phạm.

Có khi phải buông xả để tránh không bị phạm giới, cho dù không muốn cũng không được. “Giữ gìn” bao hàm sự ngăn cấm. Người được tôn trọng là vì họ giữ gìn giới hành, chẳng hạn như không dùng chất say để tránh phạm giới. “Chấp trì” là nghiêm giữ giới đã chấp thọ. “Vi phạm” là phá giới.

Có câu chuyện liên quan về giới như sau:

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni còn tại thế gian, có hai vị Tỳ kheo tu hành trong núi. Ngày nọ một trong hai Tỳ kheo đi xuống núi vào làng khất thực, còn vị Tỳ kheo kia đi nơi khác để ngủ. Thời bấy giờ tại Ấn Độ, các Tỳ kheo rất đơn giản, họ chỉ khoác áo vào mình tấm choàng, không mặc y phục bên trong. Vị Tỳ kheo này tháo tấm choàng ra và ngủ trong tư thế trần truồng. Có thể ông ta lười, hoặc nghĩ chốn núi rừng sẽ không ai nhìn thấy, bèn quyết định chợp mắt một lúc.

Vừa lúc, một người đàn bà đi ngang qua thấy ông Tăng đang ngủ, bà ta vội đánh thức và nhắc nhở ông Tăng, đoạn vội vã bỏ chạy. Vì Tỳ kheo vào làng đi trở về, thấy người đàn bà đang chạy nhanh, ông tìm cách hỏi thăm và biết người đàn bà ấy đã giúp ông Tăng đang ngủ; ông bèn quyết định đuổi theo để đưa bà ta đến trước Phật trình bày rõ sự việc. Khi ông theo sau, người đàn bà kia vội vã đã vấp phải mồm đá, ngã xuống núi chết.

Như vậy, một người phạm phải giới dâm, còn người kia phạm tội sát sinh. Mặc dù ông Tăng không xô đẩy người kia, nhưng nếu ông ta không đuổi theo thì bà ấy đâu có ngã chết như thế.

Hai vị Tỳ kheo trở về với Phật, thưa chuyện phạm giới của mình. Phật bảo họ đến Đại đức Upali. Đại đức nghe họ thuật xong, Ngài phán một người phạm giới dâm, người kia phạm giới sát sinh, sự phạm giới ấy không thể khoan thứ được. Ngài bảo: *“Sau này cả hai sẽ phải xuống địa ngục đấy”*.

Nghe qua, hai ông Tăng khóc nước mắt, và họ đi khắp nơi để tìm người cứu giúp. Cả hai tìm gặp cư sĩ Duy Ma Cát (Vimalakirti), cư sĩ hỏi tại sao

khóc. Khi nghe hai người thuật lại mọi chuyện, cư sĩ tuyên bố họ không phạm giới. “*Nếu các ông sám hối*”, cư sĩ nói: “*Tôi xác định là các ông không phạm giới*”.

- Tại sao lại thế? Hai Tỳ kheo hỏi.
- Tánh của tội vốn không. Cư sĩ nói – Ông không có ý phá giới, vậy không phải là phạm giới. Đây là sự loại trừ đặc biệt.

Nghe lời giải thích, cả hai tức thì tỏ ngộ và chứng ngay quả vị. Sau đó họ cùng trở thành A-la-hán. Có nhiều cách giải thích về giới luật. Nhưng nếu như người tu chỉ chăm chú vào trường hợp loại trừ thì họ sẽ không nhiệt tình giữ giới, và như thế thì vấn đề xem như đã xác định. Chính vì vậy nên Đức Phật không nói nhiều về điều này.

Khi có người giữ giới thì ở trong thế gian hẳn không còn những nghiệp sinh nhau, giết nhau. Một người được sinh ra và bị giết chết, người đó lại tái sinh để giết lại người đã sát hại mình. Nhưng nay thì cái nghiệp sinh, sát luân lưu đã dừng lại. **Đã không làm việc trộm cướp thì không còn phải nợ nhau, và cũng không phải trả nợ kiếp trước trong thế gian.** Việc trộm cắp không còn khi chẳng còn ai lấy trộm. “*Tôi không lấy gì của ông, ông cũng chẳng lấy gì của tôi. Tôi không ăn thịt ông, ông chẳng ăn thịt tôi. Tôi không nợ ông, ông chẳng nợ tôi. Như vậy, mọi người chúng ta sẽ chẳng phải trả lại nhau điều gì*”. Quý vị không còn ăn thịt, tức sẽ không phải trả nợ trong quá khứ mà quý vị từng cắt đứt các quan hệ thân thuộc với loài thú. Nếu không ăn thịt chúng thì cũng chẳng có liên hệ gì.

Kinh văn:

是清淨人修三摩地。父母肉身。
不須天眼。自然觀見十方世界。觀佛聞法親
奉聖旨。得大神通遊十方界。宿命清淨得無
艱嶮。

Thị thanh tịnh nhân, tu tam-ma-địa. Phụ mẫu nhục thân. Bất tu Thiên nhãn. Tự nhiên quán kiến, thập phương thế giới. Đồ Phật văn Pháp, thân phụng Thánh chỉ. Đắc đại thần thông, du thập phương giới. Túc mạng thanh tịnh, đắc vô nạn hiểm.

Viết dịch:

Người thanh tịnh ấy, tu pháp Tam ma địa, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, thấy Phật nghe pháp, tự mình vâng lĩnh thánh chỉ, được pháp đại thần thông, đi khắp mười phương thế giới, túc mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm.

Giảng giải:

Người thanh tịnh ấy, người không dùng năm loại rau cay, không uống rượu, ăn thịt, và kiên quyết giữ nghiêm bốn hoặc tám giới Ba la di (Parajikas). Nếu như người đó **tu pháp Tam ma địa, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhãn, tự nhiên thấy được mười phương thế giới**. Họ không cần phải có năng lực của Thiên nhãn để quán sát quanh người, họ vẫn **thấy Phật nghe pháp, tự mình vâng lĩnh thánh chỉ**, được thân cận Phật và nghe pháp, được Phật chỉ giáo. **Được pháp đại thần thông, đi khắp mười phương thế giới, túc mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm**. Thần lực của họ có khả năng đi xuyên suốt mười phương. Họ biết được các đời sống trong quá khứ, từ nhục thân mà thành tựu được nhiều điều. Dù không có thiên nhãn nhưng chẳng khác gì đã có, cả thiên nhãn cũng vậy. Những người tu ấy không còn gặp phải trở ngại hoặc hung hiểm nào.

Kinh văn:

是則名為第二增進修行漸次。

Thị tác danh vi, đệ nhị tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

Việt dịch:

Đây gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Giảng giải:

Điều quan trọng và cần thiết chúng ta bàn đến là dừng dứt nghiệp. Chúng ta phải thay đổi nghiệp. Trước nay chúng ta phạm nhiều sai lầm, nay phải tích cực hành động để sửa đổi. Phải giữ gìn giới luật. Chính sự giữ giới **đây gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai**.

Kinh văn:

云何現業。阿難如是清淨持禁戒人心無貪
婬。於外六塵不多流逸。

Vân hà hiện nghiệp? A-nan! Như thị thanh tịnh, trì cấm giới nhân, tâm vô tham dâm. Ư ngoại lục trần, bất đa lưu dật.

Việt dịch:

Thế nào là hiện nghiệp? A Nan, người giữ gìn giới cấm thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, không rong ruổi theo sáu trần ở ngoài.

Giảng giải:

Đầu tiên chúng ta nói về trợ nhân tạo nghiệp, kể đến nói về sự thay đổi nghiệp thức, trong phần này sẽ trở lại hiện nghiệp **Thế nào là hiện nghiệp?** Đây là nghiệp tạo ngay trong đời sống này. Chúng ta phải ngăn chặn lại điều ấy, không tạo thêm nghiệp mới. **A Nan, người giữ gìn giới**

cầm thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm. Giai đoạn này, mọi người chúng ta phải trong sạch, giữ gìn giới hạnh, không tham lam và say mê tham dục, **không rong ruổi theo sáu trần ở ngoài.** Không còn đuổi theo sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp. Mọi người phải trở lại nhà với ánh sáng của chính mình.

Kinh văn:

因不流逸旋元自歸。

塵既不緣根無所偶。反流全一六用不行。

Nhân bất lưu dật, lữ nguyên tự quy. Trần ký bất duyên, căn vô sở ngẫu. Phản lưu toàn nhất, lục dụng bất hành.

Viết dịch:

Nhân chẳng giông ruổi, tự quay về tính bản nguyên, trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đầu nữa, trở ngược về chỗ toàn nhất, sáu cái dụng chẳng còn hiện hành.

Giảng giải:

Nhân chẳng giông ruổi, tự quay về tính bản nguyên. Không còn giông ruổi theo sáu cảnh (lục trần) mà quay trở về với tự tính. Quay trở lại tự tính và ánh sáng nội tại, trở về với nhĩ căn để lắng nghe tự tính. Đây là sự dần nhập trọn vẹn vào nhĩ căn. **Trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đầu nữa,** chấm dứt mọi liên hệ với cảnh trần và căn cũng không còn đeo đuổi, ngẫu hợp với điều gì, mà **trở ngược về** tu tập với nhĩ căn, và đây là **chỗ toàn nhất,** cả sáu quan năng cùng thâm nhập và cùng có tác dụng, **sáu cái dụng chẳng còn hiện hành.** Cả sáu quan năng không còn hiện hành để giông ruổi theo sáu trần bên ngoài.

Kinh văn:

十

方國土皎然清淨。譬如琉璃內懸明月。

Thập phương quốc độ hạo nhiên thanh tịnh. Thí như lưu ly, nội huyền minh nguyệt.

Viết dịch:

Cõi nước mười phương, sáng trong thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo trong ấy.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ **cõi nước mười phương, sáng trong thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo trong ấy.** Nói khác đi tất cả đều trong sáng thanh tịnh và nhìn thấy được.

Kinh văn:

身心

快然妙圓平等獲大安隱。

Thân tâm khoái nhiên, diệu viên bình đẳng, hoạch đại an ổn.

Việt dịch:

Thân tâm khoan khoái, tịnh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn.

Giảng giải:

Khi ánh trăng tròn sáng như ngọc lưu ly thì nó hoàn toàn sáng rõ và trong suốt, mọi người đều thấy được. Đoạn này diễn tả người tu đã đạt đến giai đoạn cả thân và tâm đều thanh tịnh. Vậy nên **thân tâm khoan khoái, tịnh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn**. Đây là cảm giác an lạc tự tại, và hiển nhiên là như thế.

Kinh văn:

一切如來密圓淨

妙皆現其中。

Nhất thiết Như Lai, mật viên tịnh diệu, giai hiện kỳ trung.

Việt dịch:

Tất cả mật viên tịnh diệu các Đức Như Lai đều hiện trong đó.

Giảng giải:

Tất cả mật viên tịnh diệu các Đức Như Lai. Tức pháp tánh thanh tịnh của Phật, tất cả **đều hiện trong đó**. Mọi người tu hành đúng pháp đều cảm nhận được trạng thái đó.

Kinh văn:

是人即獲無生法忍。從是漸修

Thị nhân tức hoạch, Vô sanh Pháp nhẫn. Tùng thị tiệm tu, tùy sở phát hành, an lập thánh vị.

Việt dịch:

Người ấy liền được vô sinh pháp nhẫn. Từ đó lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an lập thánh vị.

Giảng giải:

Người ấy liền được vô sinh pháp nhẫn. Thế nào là vô sinh pháp nhẫn? Chúng ta không thể thấy pháp nhỏ nhiệm nào hiện khởi, cũng chẳng thể biết pháp nào biến mất. Pháp vốn không sinh cũng không diệt, nhưng thật không dễ gì chúng đạt được điều ấy. **Từ đó lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an lập thánh vị.** Khi chúng được vô sinh pháp nhẫn,

người tu hành tiếp tục hướng đến các thánh vị, không gì có thể ngăn trở được.

Kinh văn:

隨所發行安立聖位³⁰。是則名為第三增進修行漸次。

Thị tắc danh vị, đệ tam tăng tiến, tu hành tiệm thứ.

Việt dịch:

Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

Giải thích:

Đấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba. Đó là cách ngăn chặn sự hiện hữu của nghiệp.

---o0o---

CÁC ĐỊA VỊ CỦA BỒ TÁT

Kinh văn:

阿難是善男子欲愛乾枯根境不偶。現前殘質不復續生。

A-nan! Thị Thiện nam tử, dục ái càn khô, căn cảnh bất ngẫu. Hiện tiền tàn chất, bất phục tục sanh.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử ấy, lòng dục ái khô cạn, căn và cảnh không còn ngẫu hợp, thân tàn hiện tiền, không còn sinh trở lại nữa.

Giải thích:

Đức Thích Ca Mâu Ni gọi bảo: **A Nan, thiện nam tử ấy, lòng dục ái khô cạn.** Đấy là những người đã trải qua ba giai đoạn tiệm thứ tu tập như đã luận. “Khô cạn”, chỉ những người không còn ý nghĩ về yêu đương, tình dục, **căn và cảnh không còn ngẫu hợp.** Sáu căn không còn giống ruồi theo sáu trần, **thân tàn hiện tiền, không còn sinh trở lại nữa.** “Thân tàn” là một chút vô minh còn lại trong người tu, chút vô minh ấy sẽ không tiếp tục sinh khởi nữa.

Kinh văn:

執心虛明純是智慧。慧性明圓瑩十方界。乾有其慧名乾慧地。

Chấp tâm hư minh, thuần thị trí tuệ. Tuệ tánh minh viên, oanh thập phương giới. Càn hữu kỳ tuệ, danh càn tuệ địa.

Viết dịch:

Nắm cái tâm rộng sáng, thuần là trí tuệ, tính trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu mười phương thế giới, chỉ có cái tuệ khô khan ấy nên gọi là Càn tuệ địa.

Giải thích:

Một chút vô minh còn sót lại nhưng nó không sinh trưởng, nghiệp chướng còn rất ít do đó **nắm cái tâm rộng sáng, thuần là trí tuệ**. Tự tâm của nó hoàn toàn trống rỗng và trong sáng. Tự tính của họ thuần là trí tuệ, có nghĩa đã dứt mọi vọng tưởng. Mọi nghĩ tưởng trong tâm của họ chỉ là trí tuệ. **Tính trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu mười phương thế giới**. Tính của trí tuệ sáng suốt và đầy đặn, **chỉ có cái tuệ khô khan ấy nên gọi là Càn tuệ địa**. Tình cảm yêu đương và dục vọng đã “khô khan”, tất cả chỉ còn là trí tuệ. Đây là giai đoạn của trí tuệ khô khan, hoặc còn gọi “khởi đầu tư tưởng kim cang”. Kim cang có nghĩa kiên cố, không thể hoại diệt. Đây là bước đầu để tiến sát đến hiện thể như kim cang.

Năm mươi lăm ngôi vị của hàng Bồ tát như sau:

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Tứ gia hạnh
 - a. Noãn
 - b. Đỉnh
 - c. Nhẫn
 - d. Thế đệ nhất
6. Thập địa
7. Đẳng giác
- 8.

---o0o---

THẬP TÍN

Kinh văn:

欲習初乾

未與如來法流水接。

Dục tập sơ kiến, vị dữ Như Lai, Pháp lưu thủy tiếp.

Việt dịch:

Tập khí như ngũ dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Đức Như Lai.

Giải thích:

Tập khí như ngũ dục và dục ái mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của Đức Như Lai. Dòng nước pháp ở đây không phải là các pháp đã nói qua mà là dòng pháp xuất phát từ tự tính. Người tu tập đến giai đoạn này vẫn chưa thực sự dẫn nhập vào trí tuệ chân thật.

Kinh văn:

即以此心中中流入。圓

妙開敷從真妙圓。重發真妙妙信常住。一切

妄想滅盡無餘。中道純真名信心住。

Tức dĩ thử tâm, trung trung lưu nhập. Viên diệu khai phu, tòng chân diệu viên. Trọng phát chân diệu, diệu tín thường trụ. Nhất thiết vọng tưởng, diệt tận vô dư. Trung đạo thuần chân, danh tín tâm trụ.

Việt dịch:

Tức lấy cái tâm ấy, ở chính giữa lần vào, tính viên diệu mở mang, từ chỗ chân diệu lại phát ra chân diệu. Tín diệu thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân, gọi là Tín tâm trụ.

Giải thích:

Đầu tiên bàn về thập tín, gồm:

1. Tín tâm
2. Niệm tâm
3. Tinh tấn tâm
4. Tuệ tâm
5. Định tâm
6. Bất thối tâm
7. Hộ pháp tâm
8. Hồi hướng tâm
9. Giới tâm
10. Nguyện tâm

Tức lấy cái tâm ấy, ở chính giữa lần vào, tính viên diệu mở mang. “Tâm ấy” là tâm của càn tuệ. Trí tuệ khô héo, khởi đầu của tâm kim cang.

Họ dùng tâm ấy để đi vào Phật pháp và tiến đến “tính viên diệu mở mang”, phong phú vô cùng. Đây là sự tiếp cận căn để và thực chất của chân như. **Từ chỗ chân diệu lại phá ra chân diệu.** Từ chân diệu của tự tính chân như lại phát ra trí tuệ chân diệu. **Tín diệu thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân.** Niềm tin của họ càng thêm vi diệu. “Thường trụ” có nghĩa không lay động, tâm không thay đổi. Niềm tin tưởng của họ là thường hằng. Và, đến khi ấy thì mọi vọng tưởng không còn, thảy đều đã dứt trừ. Cho dù họ có muốn vọng tưởng thì những vọng tưởng cũng chẳng hiện khởi. Bởi vì vọng tưởng phải dựa vào vô minh, chẳng hạn như vọng tưởng về ái dục; nhưng hiện tại, ái dục đã khô cạn, chỉ còn sót lại một ít vô minh. Do đó, hẳn nhiên nó không có vọng tưởng.

Tại sao quý vị vẫn có vọng tưởng? Đây là vì quý vị vẫn còn ái dục. Điều đó xuất phát từ lòng tham. Tham muốn nghĩ tưởng thế này thế nọ, và cái tâm của chúng ta không ngừng dao động, hỗn loạn. Nếu một người không tham, họ sẽ không có vọng tưởng.

Người tu đến giai đoạn này, dứt tuyệt vọng tưởng, họ sẽ đạt được Trung đạo thuần chân. “Thuần chân” là không có ái dục, không có ý tham, **gọi là Tín tâm trụ.** Đây là ngôi vị đầu tiên trong Thập vị.

Kinh văn:

真信明

了³¹一切圓通。陰處界三不能為礙。如是乃至過去未來。無數劫中捨身受身。一切習氣皆現在前。是善男子皆能憶念。得無遺忘名念心住。

Chân tín minh liễu, nhất thiết viên thông. Uẩn xứ giới tam, bất năng vi ngại. Như thị nãi chí, quá khứ vị lai. Vô số kiếp trung, xả thân thụ thân. Nhất thiết tập khí, giai hiện tại tiền. Thị thiện nam tử, giai năng ức niệm, đắc vô di vọng, danh Niệm tâm trụ

Việt dịch:

Chân tín sáng tỏ, tất cả đều viên thông, ba thứ âm, xứ, giới không thể làm ngăn ngại. Như thế, cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt, thiện nam tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất điều gì – gọi là Niệm tâm trụ.

Giải thích:

Phần đầu nói về Tín tâm, tu hành theo Trung đạo – đây là sự diệu viên. Nay sẽ bàn về niềm Tín, khi **chân tín sáng tỏ**, khi có được lòng tín chân thật tất sẽ được trí tuệ chân thật. “Hiểu biết sáng tỏ”, đây là trí chân

thật. **Tất cả đều viên thông, ba thứ âm, xứ, giới không thể làm ngăn ngại.** Những người tu ấy không chỉ thành tựu viên thông của các quan năng, mà mỗi quan năng đều có tính riêng của nó – như năm âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mười hai xứ là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý cùng với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, mười tám giới gồm sáu căn, sáu trần và các thức liên hệ, như nhãn thức, nhĩ thức, tị thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Một khi đạt được viên thông thì chẳng còn gì ngăn ngại quý vị. **Như thế, cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt,** trong vô số kiếp xa xưa, con người đã trải qua biết bao nhiêu lần sinh rồi tử, tử rồi tái sinh. Trong các đời sống, họ có nhiều tính cách, nhiều thói quen khác nhau. Có đời thì say mê uống rượu, đời khác thì ưa hút thuốc, hoặc ham đánh bạc, hoặc dâm dăng, giết người, nói dối... Nhìn chung, sau mỗi đời tái sinh, thói quen của họ càng phát triển và hành động càng thêm tội tệ. Đây là nói về những tính xấu, về tính tốt, có người trong đời sống, họ thờ phụng Phật, hoặc nghe giảng kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa. Tóm lại, trong nhiều đời nhiều kiếp đã qua, họ luôn hành thiện. Rốt cục, họ tích lũy được một tính cách, một thói quen đáng kể. Và ngày nay, như một cuộn phim, tất cả những thói quen ấy hiện ra trước mắt họ. **Thiện nam tử ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất điều gì.** Thiện nam tử là người tu theo đạo pháp, họ nhớ được tất cả. Đến giai đoạn này, họ không quên mất điều gì. Có nghĩa, họ nhớ hết mọi việc đã xảy ra, nhớ những nhân duyên trong đời họ, **đấy gọi là Niệm tâm trụ** - là Thập tín thứ hai.

Kinh văn:

妙圓純真真精發化。無始習氣通一精明。唯以精明進趣真淨名精進心。

Diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa. Vô thủy tập khí, thông nhất tinh minh. Duy dĩ tinh minh, tiến thú chân tịnh, danh tinh tấn tâm.

Viết dịch:

Tính diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa ra, các tập vô thủy, đều dung thông với một tính tinh minh, chỉ dùng tinh minh ấy tiến đến chỗ chân tịnh, gọi là Tinh tấn tâm.

Giảng giải:

Tính diệu viên thuần chân, chân tinh phát hóa ra, các tập vô thủy, đều dung thông với một tính tinh minh, đây là trí tuệ, chỉ dùng tinh minh ấy tiến đến chỗ chân tịnh. Họ dùng sức mạnh ấy tiến đến chỗ chân tịnh, không một chút bợn nhơ nào - **gọi là Tinh tấn tâm.**

Kinh văn:

心精現前

純以智慧名慧心住。

Tâm tinh hiện tiền, thuần dĩ trí tuệ, danh tuệ tâm trụ.

Việt dịch:

Tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ, gọi là Tuệ tâm trụ.

Giảng giải:

Khi người tu chỉ còn tâm chân tịnh, **tâm tinh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ**. Trí trong sáng và hiểu biết, có nghĩa người đó đã có được một phần trí tuệ chân thật. “Thuần trí tuệ” là không còn chút gì vọng tưởng. Mọi ngu si và vọng tưởng đã dứt sạch – đây gọi là **Tuệ tâm trụ**. Sự an trụ của tín tâm trong trí tuệ.

Kinh văn:

執持智明周遍寂湛。寂

妙常凝名定心住。

Chấp trì trí minh, chu biến tịch trạm. Tịch diệu thường ngưng, danh định tâm trụ.

Việt dịch:

Nắm giữ trí sáng suốt, lặng dùng cùng khắp, tính tịch diệu thường dừng lại, gọi là Định tâm trụ.

Giảng giải:

Nắm giữ trí sáng suốt, lặng dùng cùng khắp. Có nghĩa, quý vị phải giữ lấy ánh sáng của trí tuệ, không thể buông lơi nó, như vậy ánh sáng ấy sẽ lặng dùng khắp cùng pháp giới, **tính tịch diệu thường dừng lại, gọi là Định tâm trụ**. “Lặng dùng” là biểu hiện “sự lặng lẽ và hăng sáng”, và “tịch diệu” hàm ý hăng sáng tỏ. “Dùng” là làm ngưng dòng của trí tuệ. Trước đây nó nông cạn, nay thì sâu lắng. Dùng còn tượng trưng cho định lực. Đến giai đoạn này thì người tu không còn bị động. Song chẳng có ai cho rằng như vậy là tốt lắm rồi, và họ tiếp tục phấn đấu để tăng tiến hơn nữa. Một người có định lực, họ sẽ không dễ dàng ngã bên này bên nọ. Ngọn gió phương Đông không khiến cho họ ngã về phương Tây. Điều đó có nghĩa họ rất vững vàng đối với tám ngọn gió.

Nói về tám ngọn gió, tôi sẽ thuật chuyện Tô Đông Pha, một học giả và là thi sĩ nổi tiếng đời Tống, Trung Quốc. Ông còn được mọi người biết đến là cư sĩ Đông Pha, rất thân với thiền sư Phật Ấn. Lúc đầu ông sống bên bờ phía Nam sông Dương Tử, sau chuyên qua mạn Bắc của sông.

Nhà thơ Tô Đông Pha học Phật, ngồi Thiền. Ngày nọ ông ngồi thiền, đột nhiên động tâm, bèn viết mấy câu thơ:

*Cúi đầu đánh lễ Thiên Trung Thiên,
Hào quang chói sáng khắp Đại Thiên.
Tám gió thổi qua không lay động
Vẫn ngôi yên trên tòa sen vàng.*

“Thiên Trung Thiên” là chỉ Đức Phật. Khi nhà thơ lễ Phật, ánh hào quang của Ngài phát sáng cả vũ trụ. Tám ngọn gió đó là:

1. Dục
2. Hủy
3. Khổ
4. Lạc
5. Lợi
6. Suy
7. Đắc
8. Thất

“Dục” là được người khen ngợi, chẳng hạn: Ông là người học giỏi. Hoặc: Bạn có nhân cách và đạo đức rất tốt. Nhưng quý vị sẽ không xem những lời khen ấy là hay, là tốt đẹp, bởi vì nếu động lòng vì lời khen ấy, chúng tỏ quý vị chưa có định lực.

“Hủy”, có nghĩa là chê bai, những lời nói làm tổn thương người khác. Thường, con người thích khen hơn là chê. Đây là ngọn gió khiến người ta khó giữ được bình tĩnh – *“tại sao lại nói tôi như thế”*.

“Khổ”, cũng là một ngọn gió bao hàm nhiều phương diện, và “Hỷ” cũng vậy. Quý vị cảm thấy tốt đẹp, nhưng đừng cho đó là quan trọng, vì khi tâm quý vị thấy thích thú, tức đã bị gió làm lay động rồi.

“Lợi”, chỉ một điều gì đó giúp ích quý vị. “Suy” có nghĩa vô ích, là những tệ hại đối với quý vị. “Đắc” là được điều gì đó, “Thất” là mất mát. Khi được, chúng ta thấy vui; còn khi mất thì đâm ra buồn bã, bực bội. Chẳng hạn chúng ta mua một máy hát, hoặc cái camera, mua đó có nghĩa là được. Nhưng chúng ta sơ ý để mất đi, khi ấy, vô minh của chúng ta khởi lên, chúng ta cảm thấy rất đau khổ vì sự mất mát đó. Đây chính là tám ngọn gió làm con người luôn lay động như thế.

Nhưng Tô Đông Pha cho rằng cả tám gió cũng chẳng hề làm ông dao động khi ông ta ngồi trên tòa sen vàng, và ông đã gửi bài thơ đến Thiền sư Phật Ấn để sư phán đoán.

Sư Phật Ấn ghi vào bài thơ mấy chữ, đầy đủ các ý nghĩa. Nhưng nhà thơ chỉ xem lướt qua, không dám động đến! Mấy chữ đó là gì? – *“Cái đánh rắm của ta!”*.

Tô Đông Pha ném bài thơ vào bếp than, đoạn tức tốc giong thuyền qua bên kia sông, đến tìm Phật Ấn.

“Ông đã nói tám gió cũng chẳng làm ông lay động”. Sư Phật Ấn điềm tĩnh bảo: “Nay lại vì cái đánh rắm của tôi mà ông bị thổi từ bên kia sông qua đến đây vậy?”.

Tô Đông Pha nghĩ lại, ông thấy nhà sư nói đúng, nên chỉ còn cách cúi đầu quay về.

Kinh văn:

定光發明明性深入。唯進

無退名不退心。

Định quang phát minh, minh tánh thâm nhập. Duy tiến vô thoái, danh bất thoái tâm.

Việt dịch:

Định quang phát minh, dẫn sâu vào tính sáng, chỉ có tiến chứ không lui, gọi là Bất thoái tâm.

Giảng giải:

Khi tâm trụ trong định, **Định quang phát minh, dẫn sâu vào tính sáng.** Bậc thiện tri thức tu tập, họ **chỉ có tiến chứ không lui.** Khi đã hiểu rõ, họ chỉ tiến tới chứ không bao giờ quay trở lại. Lý do họ không thể đảo ngược là họ thực sự hiểu biết, họ có trí tuệ chân thật, đây **gọi là Bất thoái tâm.** Tín tâm ấy không bao giờ lui trở lại.

Kinh văn:

心進安然保持不失。十方如

來氣分交接名護法心。

Tâm tiến an nhiên, bảo trì bất thất. Thập phương Như Lai, khí phần giao tiếp, danh Hộ Pháp tâm.

Việt dịch:

Tâm an nhiên tiến tới, giữ gìn không mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai, gọi là Hộ pháp tâm

Giảng giải:

Tâm an nhiên tiến tới, luôn tiến về phía trước, và không dễ thoát khỏi tầm tay. Họ rất kiên định và an nhiên, và **giữ gìn không mất,** đây là tâm bất thoái của họ. Những người tu ấy **giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai.** Khi một người tu hành đến độ không thể đảo ngược thì năng lực của Phật sẽ hòa hợp với họ, đây **gọi là Hộ pháp tâm.** Điều ấy có nghĩa Phật bảo hộ quý vị, và quý vị hộ trì Phật pháp. Với sự bảo hộ của

Phật, chúng ta có thể thành tựu nghiệp của mình theo đạo; với sự hộ trì của chúng ta, Phật pháp được phát triển, lan rộng và đây là tín tâm hộ pháp vậy.

Kinh văn:

覺明保持能以妙力。

迴佛慈光向佛安住。猶如雙鏡光明相對。其中妙影重重相入名迴向心。

Giác minh bảo trì, năng dĩ diệu lực. Hồi Phật từ quang, hướng Phật an trụ. Do như song kính, quang minh tương đối. Kỳ trung diệu ảnh, trùng trùng tương nhập, danh hồi hướng tâm.

Việt dịch:

Giữ gìn tính giác minh, có thể dùng diệu lực hồi chuyển từ quang của Phật về với mình và hướng về Phật mà an trụ, như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng vi diệu lớp lớp chồng nhau, gọi là Hồi hướng tâm.

Giảng giải:

Giữ gìn tính giác minh, có thể dùng diệu lực. Giao tiếp với khí phần của Phật là một loại giác ngộ. Khi gìn giữ, sự giác ngộ này có đầy đủ trí tuệ và khả năng nhận thức, không mất đi được. Như vậy, họ sẽ **hồi chuyển từ quang của Phật về với mình và hướng về Phật mà an trụ.** Với diệu lực ấy, quý vị có thể giao tiếp với từ quang của Phật. Khí phần của quý vị sẽ tác động qua lại với khí phần và ánh sáng Phật, **như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng vi diệu lớp lớp chồng nhau.** Khi hai tấm gương đặt đối nhau, các hình ảnh sẽ phản chiếu trùng trùng điệp điệp nhau, đây **gọi là Hồi hướng tâm.**

Kinh văn:

心光密迴獲佛

常凝。無上妙淨安住無為。得無遺失名戒心住。

Tâm quang mật hồi, hoạch Phật thường ngưng. Vô thượng diệu tịnh, an trụ vô vi. Đắc vô di thất, danh giới tâm trụ.

Việt dịch:

Tự tâm thầm xoay Phật quang trở lại, được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, an trụ nơi vô vi, được không sót mất, gọi là Giới tâm trụ.

Giảng giải:

Tự tâm thâm xoay Phật quang trở lại, được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật. Đến giai đoạn này sẽ có sự tương giao thâm lặng giữa ánh sáng của quý vị và ánh sáng tâm Phật, đây là sự “mật thông ánh sáng”. Ánh sáng từ tâm quý vị đến ánh sáng Phật, và ánh sáng Phật chiếu đến tâm quý vị. Sau khi ánh sáng của tâm quý vị vào tâm Phật, nó quay trở lại tâm quý vị. Đây là sự xoay vòng ánh sáng, và người tu ấy thường nhận được ánh sáng từ Phật. **An trụ nơi vô vi, được không sót mất.** Khi đạt được pháp vô vi, họ sẽ không bỏ mất, đó gọi là **Giới tâm trụ.**

Kinh văn:

住戒自在能遊十方。所去隨願名願心住。

Trụ giới tự tại, năng du thập phương. Sở khứ tùy nguyện, danh nguyện tâm trụ.

Việt dịch:

Tự tại an trụ nơi giới, có thể đi khắp mười phương, tùy nguyện mà đi, gọi là Nguyện tâm trụ.

Giảng giải:

Tự tại và tâm vô vi **an trụ.** Tâm vô vi hoàn toàn tự do tự tại, **có thể tùy nguyện mà đi khắp mười phương,** không có gì ngăn ngại. Đây **gọi là Nguyện tâm trụ.** Bất cứ điều gì cũng tùy theo nguyện của quý vị.

---o0o---

THẬP TRỤ

Kinh văn:

阿難是善男子以真方便發此十心。心精發揮十用涉入。圓成一心名發心住。

A-nan! Thị Thiện nam tử, dĩ chân phương tiện, phát thủ thập tâm. Tâm tinh phát huy, thập dụng thiệp nhập. Viên thành nhất tâm, danh phát tâm trụ.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử đó, dùng phương tiện chân chính phát được mười cái tâm ấy, tâm tinh phát huy, mười cái dụng ấy cùng đan xen nhau, viên thành một tâm, gọi là phát tâm trụ.

Giảng giải:

Phần này luận về Thập trụ, là các Bồ tát vị. Thập trụ gồm:

1. Sơ phát tâm trụ
2. Trì địa trụ³²
3. Tu hành trụ
4. Sinh quý trụ.
5. Phương tiện cụ túc trụ.
6. Chính tâm trụ
7. Bất thối trụ
8. Đồng chân trụ
9. Pháp vương tử trụ
10. Quán đỉnh trụ.

Từ các địa vị vừa trình bày trên, Bồ tát sẽ tiến đến quả vị Phật, nhưng hiện tại thì các Bồ tát tạm dừng tại mười vị.

A Nan, Đức Phật gọi bảo: **Thiện nam tử đó**, tức là các Bồ tát tu tập, **dùng phương tiện chân chính phát được mười cái tâm ấy**. “Mười cái tâm”, tức mười vị đã nêu trên. **Tâm tính phát huy, mười cái dụng ấy cùng đan xen nhau, viên thành một tâm**. “Mười cái dụng” ấy là mười sự diệu dụng của tâm. Khi tất cả cùng đan xen thì chúng cùng quay trở lại cái tâm duy nhất. **Đấy gọi là phát tâm trụ**. Đó là khởi đầu của Thập trụ.

Kinh văn:

心中發明

如淨瑠璃。內現精金。以前妙心履以成地名
治地住。

Tâm trung phát minh, như tịnh lưu ly. Nội hiện tinh kim. Dĩ tiền diệu tâm, lý dĩ thành địa, danh trì địa trụ.

Việt dịch:

Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, trong đó hiện ra vàng ròng, dùng cái diệu tâm trước đó sửa sang thành chỗ đứng, gọi là Trì địa trụ.

Giải thích:

Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, đây là sự trong suốt, trong đó hiện ra vàng ròng, dùng cái diệu tâm trước đó sửa sang thành chỗ đứng, gọi là Trì địa trụ. “Diệu tâm” đó là Sơ phát tâm, sau đó dùng diệu tâm này làm thành chỗ nương đứng. Trụ thứ hai ấy gọi là Trì địa.

Kinh văn:

心地涉知俱得明了³³。遊履十方得無
留礙名修行住。

Tâm địa thiệp tri, câu đắc minh liễu. Du lý thập phương, đắc vô lưu ngại, danh Tu hành trụ.

Việt dịch:

Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng, đi khắp mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ.

Giải thích:

Trụ thứ ba này là tu hành. **Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng.** Khi tâm địa cùng hợp với trí tuệ thì cả tâm và trí đều rõ ràng, trong suốt, **đi khắp mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ.** Đến giai đoạn này thì quý vị đã được tâm vô vi. Với tâm vô vi và trí tuệ, quý vị có thể đi khắp nơi đó đây mà không có chi ngăn trở. Quý vị hoàn toàn tự tại.

Kinh văn:

行與佛同受佛氣分。如中
陰身自求父母。陰信冥通入如來種名生貴
住。

Hạnh dữ Phật đồng, thọ Phật khí phần. Như trung uẩn thân, tự cầu phụ mẫu. Uẩn tín minh thông, nhập Như Lai chủng, danh sanh quý trụ.

Việt dịch:

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật, như thân trung âm tự cầu cha mẹ, âm tín thâm thông vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ.

Giải thích:

Phần này luận về địa vị thứ tư của Bồ tát – Sinh quý trụ. Sinh quý có nghĩa sinh ra trong gia đình pháp vương, nhà của Phật. Gia đình Phật là rất cao quý, trụ nơi đây nên gọi là Sinh quý.

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật. Ở giai đoạn trụ thứ tư này, mọi hạnh của Bồ tát đều giống như Phật, do đó, các Bồ tát nhận được khí phần của Phật. Họ tu học theo Phật. Do đó, họ **như thân trung âm tự cầu cha mẹ.** Trước tiên chúng ta sẽ bàn về “thân trung âm”.

Thân trung âm là cái “hồn” của con người chúng ta, hoặc gọi là linh tánh, nó có tính chuyển sinh hoặc luân hồi. Đại để, thân trung âm là thân âm giữa chừng sau khi chết và trước khi được sinh ra, hiện hữu trong cõi hoàn toàn tăm tối. Mặc dù có mặt trời, mặt trăng, nhưng thân trung âm không dám

nhìn khi trời, trăng hiện ra. Khi chưa hiện hữu, thân trung âm chỉ là ý thức trong bóng tối. Tuy nhiên, khi cha mẹ tương lai ăn nằm với nhau, và bất kể thân trung âm cách xa bao nhiêu, nó cũng sẽ nhận được một chút âm quang, đoạn tức khắc tiến tới như đáp ứng tư tưởng. Sự kích động để thân trung âm tiến tới, đó cũng giống như từ lực của nam châm hút sắt. Trong trường hợp ấy, lực của từ trường trải đến hàng ngàn dặm. Theo cách ấy, thân trung âm tiến tới và tức khắc nhập thai chuyển sinh.

Ở đây, cách sinh của Bồ tát trụ thứ tư vào nhà của Phật cũng có quá trình tương tự như thế. **Âm tín thâm thông**, bất kể hàng nghìn dặm xa xôi, nó vẫn hỗ tương liên hệ nhờ vào niềm tin. Các Bồ tát đều theo cách ấy để **vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ**. Họ được sinh trong ngôi nhà cao quý, đó gọi là nhà của Phật.

Ô! Sao thế? – quý vị sẽ thắc mắc: Phật có nhà sao? Tôi nghĩ Ngài đã bỏ nhà ra đi rồi mà? Nhà chúng ta nói đến đây là căn nhà của sự sống, đây là nơi Phật trụ. Tất cả chỉ là sự tương tự như vậy thôi.

Kinh văn:

既遊道胎親奉覺胤。如胎已成人相不缺
名方便具足住。

Ký du đạo thai, thân phụng giác dận. Như thai dĩ thành, nhân tướng bất khuyết, danh Phương tiện cụ túc trụ.

Việt dịch:

Đã vào đạo thai, tự thân nhờ được sự nuôi nấng của tính giác, như cái thai đã thành, tướng người không thiếu, gọi là Phương tiện cụ túc trụ.

Giảng giải:

Đã vào đạo thai. Họ đi vào ngôi nhà của Phật, và như thế họ vào thai tạng. **Tự thân nhờ được sự nuôi nấng của tính giác**, thừa tiếp sự giác ngộ, **như cái thai đã thành, tướng người không thiếu.** Các căn mắt, tai, mũi... dần hiện ra đầy đủ. Sự xuất hiện của họ như các Phật, các Bồ tát, chẳng khiếm khuyết điều gì. **Đấy gọi là Phương tiện cụ túc trụ.** Đây là trụ thứ năm.

Kinh văn:

容貌如佛心相亦同名正心
住。

Dung mạo như Phật, tâm tướng diệc đồng, danh chánh tâm trụ.

Việt dịch:

Hình dáng như Phật, tâm tướng cũng vậy, gọi là Chánh tâm trụ.

Giảng giải:

Ở trụ thứ sáu, Bồ tát có **Hình dáng như Phật**. Điểm đặc biệt ở đây là các Bồ tát có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Và **tâm tướng cũng vậy**, đều giống như Phật, **gọi là Chánh tâm trụ**, là trụ thứ sáu.

Kinh văn:

身心合成日益增長名不退住。

Thân tâm hợp thành, nhật ích tăng trưởng, danh bất thoái trụ.

Việt dịch:

Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất thoái trụ.

Giảng giải:

Thân và tâm của họ giống như Phật, **hợp** với các Phật và **ngày càng tăng trưởng**. Mặc dù giống như Phật, nhưng các vị ấy vẫn thích trẻ con hơn. Điều này có nghĩa ở giai đoạn này, trí tuệ các Bồ tát vẫn chưa được đạt trí của Phật. Họ thích trẻ mới sinh. Thế nhưng mỗi ngày trí tuệ của họ càng trưởng thành, như vậy, họ vẫn không xa rời Phật tính. Họ đều can đảm và mạnh mẽ, vậy nên **gọi là Bất thoái trụ**.

Kinh văn:

十身靈相

一時具足名童真住。

Thập thân linh tướng, nhất thời cụ túc, danh đồng chân trụ.

Việt dịch:

Linh tướng mười thân, một thời đầy đủ, gọi là Đồng chân trụ.

Giảng giải:

Gian đoạn này, Bồ tát tăng trưởng hình thành mười thân, tức Thanh văn thân, Duyên giác thân, Bồ tát thân, Như Lai thân, Pháp thân, Trí thân, Hư không thân, Nghiệp báo thân, Chúng sinh thân và Quốc độ thân. Ở mỗi thân trong mười thân ấy lại tăng trưởng mười thân, thành ra một trăm thân. Trong mỗi trăm thân lại tăng trưởng mười thân, hình thành ngàn thân. Điều này sẽ xảy ra cùng lúc vì trí vô vi của Bồ tát Đầy **gọi là Đồng chân trụ**.

Kinh văn:

形成出胎親為佛子名

法王子住。

Hình thành xuất thai, thân vi Phật tử, danh Pháp Vương tử trụ.

Việt dịch:

Hình đã thành, ra khỏi thai, tự thân làm Phật tử, gọi là Pháp vương tử trụ.

Giảng giải:

Trụ thứ chín là Pháp vương tử. Ở giai đoạn trước đó, khi mười thân hữu hiện, nó có thể tăng trưởng và chuyển hóa đến vô cùng tận. Tuy nhiên, Bồ tát chưa thực sự trở thành Pháp vương tử, vì vẫn chưa ra khỏi thai. Nay thì **hình đã thành** và vị đại hùng xuất hiện, **ra khỏi thai, tự thân làm Phật tử**. Sự thành tựu thân Phật như vừa ra khỏi thai. Đây **gọi là Pháp vương tử trụ**. TỰ CHÍNH HỌ ĐÃ LÀ CON CỦA PHẬT, và Bồ tát ấy ở vào trụ thứ chín.

Kinh văn:

表以成人如國大王。以諸國事分
委太子。彼剎利王世子長成。陳列灌頂名灌
頂住。

Biểu dĩ thành nhân, như quốc đại Vương. Dĩ chư quốc sự, phân ủy Thái-Tử. Bĩ sát lợi Vương, thế tử trưởng thành. Trần liệt quán đảnh, danh quán đảnh trụ.

Việt dịch:

Nghi biểu đã thành người lớn, như một Quốc vương, phân công ủy nhiệm cho Thái tử việc nước. Quốc vương kia, khi Thái tử trưởng thành, bày ra lễ Quán đảnh, gọi là Quán đảnh trụ.

Giảng giải:

Nghi biểu đã thành người lớn, như một Quốc vương, phân công ủy nhiệm cho Thái tử việc nước. Quốc vương ở đây ý chỉ luân vương. Khi nhà vua sẵn sàng giao việc cho Thái tử, vua sẽ dùng bốn loại nước biển làm lễ quán đảnh cho Thái tử. Khi lễ xong, Thái tử sẽ được hưởng vương vị. Đây nói về Bồ tát trở thành con của Phật, người sẽ là Pháp vương, và Phật làm lễ thọ ký cho Bồ tát. **Quốc vương kia, tức Đức Phật, khi Thái tử trưởng thành, Bồ tát ở vào trụ thứ mười, bày ra lễ Quán đảnh, gọi là Quán đảnh trụ.**

---o0o---

THẬP HẠNH

Kinh văn:

阿難是善男子成佛子已。具足無量如來妙
德。十方隨順名歡喜行。

A-nan! Thị Thiện nam tử, thành Phật tử dĩ. Cụ túc vô lượng, Như Lai diệu đức. Thập phương tùy thuận, danh hoan hỉ hạnh.

Viết dịch:

A Nan, thiện nam tử đã thành Phật tử rồi, có đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai và tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỉ hạnh.

Giảng giải:

Thập hạnh là bước kế tiếp trong Bồ tát vị, gồm:

1. Hoan hỉ hạnh
2. Nhiêu ích hạnh
3. Vô sân hạnh
4. Vô tận hạnh
5. Ly si loạn hạnh
6. Thiện hiện hạnh
7. Vô trước hạnh
8. Tôn trọng hạnh
9. Thiện pháp hạnh
10. Chân thật hạnh

Nay chúng ta bàn về hạnh thứ nhất - đó là Hoan hỉ. Mười hạnh ở đây tương ứng với mười Ba-la-mật, và pháp đầu tiên là Bồ thí.

Đức Phật Thích Ca gọi bảo: “**A Nan, thiện nam tử đã thành Phật tử rồi, có đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai**”. Khi các Bồ tát trở thành Phật tử, họ sở hữu diệu đức của Phật, và **tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỉ hạnh**. “Tùy thuận” là thực hành bồ thí. Chúng ta đã nhiều lần nói về sự bồ thí. Có ba loại bồ thí.

1. Tài thí
2. Pháp thí
3. Vô úy thí.

Ngoài ra còn có hai loại bồ thí (Tài thí, Pháp thí)³⁴, cũng bao hàm đủ các pháp.

Hạnh hoan hỉ là thực hiện việc bồ thí với tâm hoan hỉ. Vui mà ban cho, không phải bị ép buộc phải cho, hoặc ban cho ai thứ gì đó mà lòng còn do dự. “*Tôi thích tặng cho, nhưng đó là tiền của tôi...*”. Giống như cho tiền người khác mà mình bị cắt đi đoạn thịt vậy. Mọi người đều biết, nếu không bồ thí sẽ chẳng được công đức gì. Và đây cũng là điều nan giải: Nếu cho, tôi sợ sẽ mất tiền, còn không cho, tôi sợ sẽ thiếu đi công đức. Thật chẳng biết tiến thoái thế nào. Điều đó, chắc chắn không phải là hạnh hoan hỉ, vì nó

chẳng khác gì bị ép buộc vậy. Nay, quý vị không thể nói bố thí chẳng có công đức gì, nhưng công đức ấy sẽ tan biến mất khi lòng phân vân ban tặng. Đó là hành động không thực lòng.

Hẳn nhiên, người ta sẽ cảm thấy vui khi bố thí, cho dù không phải là tiền bạc của chính mình, họ cũng thấy vui khi ban cho ai thứ gì đó.

Phương diện khác nữa của sự bố thí là làm cho người khác thấy vui. Khi bố thí, quý vị không thể hành động như ai đó ném tiền cho hành khất. Chẳng hạn có người bò, lết đến trước cửa quý vị, vừa than vãn: “*Thưa chú, thưa bác, cho tôi xin chút thức ăn?*”. Và quý vị mở cửa, ném ra ít tiền, bảo: “*Đó! Đi chỗ khác đi!*”. Đây không phải là bố thí. Hành động như vậy chẳng có công đức gì, còn người nhận kia thật chẳng vui tí nào. Người Trung Quốc có tục ngữ: “*Người ta không ăn những thứ kẻ khác ném cho*”. Chẳng ai muốn nhận lấy tiền bạc hoặc thức ăn theo cách đó, cho dù họ có đói quá cũng vậy.

Người có lòng tốt, thực lòng bố thí sẽ không có ý nghĩa mong chờ đền ơn, đáp nghĩa; tránh không để người nhận có suy nghĩ phải cảm ơn. Trong hạnh hoan hỷ, bố thí có nghĩa là mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác.

Kinh văn:

善能利益一切眾生
名饒益行。

Thiện năng lợi ích, nhất thiết chúng sanh, danh nhiều ích hạnh.

Việt dịch:

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, gọi là Nhiều ích hạnh.

Giảng giải:

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nói về cách dùng giới, tức là dùng giới đức viên mãn của mình và cảm hóa chúng sinh, khiến mọi người giữ giới để được nhiều lợi ích. Đây **gọi là Nhiều ích hạnh.** Đây là hạnh thứ hai của Bồ tát.

Kinh văn:

自覺覺他得無違拒名無嗔恨行。

Tự giác giác tha, đắc vô vi cự, danh vô sân hạnh.

Việt dịch:

Tự giác và giác tha, được không chống trái, gọi là vô sân hạnh.

Giảng giải:

Tự giác và giác tha, đó là những gì chúng ta phải thực hiện, vì đây là điều cần thiết để học Phật và tự giác. Chúng ta phải giúp cho mọi người cùng thành tựu Phật đạo, làm lợi mình và lợi người. Đừng ích kỷ với những gì mình đạt được. Không ganh tị hoặc ngăn trở người khác. Nếu ai đó hiểu Phật pháp hơn ta, cũng đừng ganh ghét họ. Nếu ghen tị, ganh ghét, quý vị ắt phải chịu quả báo ngu si trong tương lai. Quán sát pháp một cách sâu xa, chúng ta sẽ không bao giờ ganh ghét ai, cũng chẳng ngăn trở người nào. Nếu có ai đó giác ngộ, còn quý vị thì không, đừng nói: *“Quả thật, Phật cũng chẳng công bình. Tại sao người đó giác ngộ, còn tôi thì không?”*. Đó là sự vô minh của quý vị đấy. Hoặc có người nghe pháp, họ liền tích cực học tập. Họ học nhanh, có được thầy dạy chú Lăng Nghiêm. Còn như người không được thầy dạy lại sinh lòng ghen tức: *“Tại sao họ hơn tôi? Sao họ học nhanh thế?”*. Trong bất cứ trường hợp nào, quý vị cũng không nên ghen tức người khác. Hãy vui khi thấy người có thầy dạy tốt, hãy vui khi biết người giác ngộ.

Tôi lặp lại, nếu quý vị ghen tức người khác, quý vị sẽ trở nên ngu si trong tương lai. Sự ngu si sẽ khiến quý vị chẳng còn hiểu biết gì, kể cả ăn uống. Những chúng sinh như thế tất sẽ trở thành vô dụng, ngay cả cái ăn cũng không biết thì chỉ còn cách chết đói. Vậy, nếu có ai thành công hơn ta, hãy vui với niềm vui của họ.

Như vậy, Bồ tát sẽ **được không chống trái**. Đây là pháp nhẫn nhục thứ ba trong Ba la mật. Khi niềm vui xảy đến, họ cảm thấy vui, khi bất hạnh xảy ra, họ vẫn vui. Họ không chống lại những điều trái nghịch. Đây là sự kiên nhẫn. Trong mọi trường hợp họ đều nhẫn chịu.

Tôi đọc lại bài thơ của Bồ tát Di Lặc sau:

*Lão già khùng mặc áo tơ tằm,
Và cái bụng to đầy thức ăn
Manh áo và chống lạnh
Vương lấm bụi đường
Có ai đó làm bầm: Cái lão khùng
Ông ta liền gật gù: Phải đấy
Nếu có ai đánh
Ông ta lăn ra ngủ
“Khạc vào mặt tôi, tôi đi rửa.
Tôi không bực tức”
Đấy là Ba la mật
Là châu báu vi diệu*

*Nếu biết được điều ấy
Thì có lo gì không đạt đạo?*

Đây là pháp nhãn nhục thứ ba, **gọi là vô sân si hận hạnh.**

Kinh văn:

種類出生窮未來際。三世平等十方通達名
無盡行。

Chủng loại xuất sanh, cùng vị lai tế. Tam thế bình đẳng thập phương thông đạt danh vô tận hạnh.

Việt dịch:

Từ các chủng loại mà hiện ra sắc thân cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng, mười phương được thông suốt, gọi là Vô tận hạnh.

Giảng giải:

Từ các chủng loại mà hiện ra sắc thân. Nói về sự chuyển hóa hiển hiện của mười hai loại chúng sinh. Những hóa thân trong các loài hữu hiện thành sắc thân đến **cùng tột vị lai, ba đời đều bình đẳng**, đây là ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể tỏa khắp **mười phương được thông suốt**, đến vô cùng vô tận, **gọi là Vô tận hạnh.** Đây là hạnh thứ tư, tương ứng với Tinh tấn độ.

Kinh văn:

一切合同種種法門。得無差誤名離
癡亂行。

Nhất thiết hợp đồng, chủng chủng Pháp môn. Đắc vô sai ngộ, danh ly si loạn hạnh.

Việt dịch:

Tất cả cùng hợp về đồng, nơi các thứ pháp môn, được không sai lầm, gọi là Ly si loạn hạnh.

Giảng giải:

Đây là thiên độ thứ năm, tâm không tán loạn, **Tất cả cùng hợp về đồng, nơi các thứ pháp môn, được không sai lầm.** Phật thuyết giảng các pháp, các chúng đều hiểu biết và hành theo pháp. Đây **gọi là Ly si loạn hạnh.**

Kinh văn:

則於同中顯現群異。一一異相各各
見同名善現行。

Tắc u đồng trung, hiển hiện quần dị. Nhất nhất dị tướng, các các kiến đồng, danh thiện hiện hạnh.

Việt dịch:

Và ở tại trong đồng, hiện ra nhiều cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác đều mỗi mỗi thấy là đồng, gọi là Thiện hiện hạnh.

Giảng giải:

Và ở tại trong đồng, hiện ra nhiều cái khác. Cái đồng đây là lý, và dị (khác biệt) là sự. Chân thể bình đẳng là đồng, hiện tượng hữu vi là dị. **Nơi mỗi mỗi tướng khác đều mỗi mỗi thấy là đồng.** Đây là chỉ chung mọi hiện tượng đối với lý đó là:

1. Lý vô ngại trong sự
2. Sự vô ngại trong lý
3. Sự sự vô ngại
4. Lý sự cùng vô ngại.

Do đó, trong cái đồng hiện ra cái dị, trong cái dị lại có cái đồng, **đấy gọi là Thiện hiện hạnh.** Đồng và dị không gây chướng ngại nhau, trong mỗi cái này lại hiện ra cái kia – đây là trí tuệ viên mãn.

Kinh văn:

如是乃至十方虛空滿足微
塵。一一塵中現十方界。現塵現界不相留礙
名無著行。

Như thị nãi chí, thập phương hư không, mãn túc vi trần. Nhất nhất trần trung, hiển thập phương giới. Hiện trần hiển giới, bất tướng lưu ngại, danh Vô Trước hạnh.

Việt dịch:

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần, trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương thế giới. Hiện vi trần, hiện thế giới, đều chẳng ngăn ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh.

Giảng giải:

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần. Không chỉ có cái đồng, cái dị có thể xuất hiện, trong cái dị cũng có cái đồng hiện hữu, cái ít sinh ra cái nhiều, cái nhiều sinh ra cái ít. Cái lớn sinh ra cái nhỏ, cái nhỏ sinh ra lớn. “Hư không” biểu hiện sự lớn rộng. “Vi trần” tượng trưng cho sự nhỏ nhiệm. Trong mỗi hạt bụi lại hiện ra cả thế giới, mỗi thế giới đều dung hợp trong vi trần. Nhưng khi thế giới hiện trong hạt bụi, không phải là trường hợp thế giới thu nhỏ lại, hoặc hạt bụi nở to để chứa cả

thế giới. Đây là sự to lớn, vĩ đại hiển hiện trong cái nhỏ nhất, và cái nhỏ nhất biểu hiện sự lớn lao, chẳng chút chi ngăn ngại.

Trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương thế giới, hiện vi trần, hiện thế giới. Các thế giới trong mười phương là mênh mông rộng lớn, trong khi hạt vi trần thì quá nhỏ nhoi, thế nhưng không phải vì vậy mà thế giới thành ra nhỏ bé, hoặc hạt bụi trở nên rộng lớn. **Hiện vi trần, hiện thế giới, đều chẳng ngăn ngại nhau.** Tất cả đều dung thông nhau, không ngăn ngại nhau. **Đấy gọi là Vô trước hạnh.** Thế giới là vi trần, vi trần là thế giới. Nhỏ là lớn, lớn là nhỏ. Sự biểu hiện ấy là hạnh vô trước. Đây là Phương tiện độ thứ bảy.

Kinh văn:

種種現前咸是第一波羅蜜多名
尊重行。

Chủng chủng hiện tiền, hàm thị đệ nhất, Ba-la-mật-đa, danh tôn trọng hạnh.

Việt dịch:

Các thứ hiện tiền, đều là Ba la mật thứ nhất, gọi là Tôn trọng hạnh.

Giảng giải:

Hạnh tôn trọng cũng tức là Nguyên độ. **Các thứ hiện tiền, đều là Ba la mật thứ nhất.** Mọi sự hữu hiện đều là ba la mật thứ nhất, là pháp tiến đến bên kia bờ. **Đấy gọi là Tôn trọng hạnh.** Đây là hạnh thứ tám.

Kinh văn:

如是圓融能成十方諸佛軌則名善
法行。

Như thị viên dung, năng thành thập phương, chư Phật quỹ tắc, danh thiện Pháp hạnh.

Việt dịch:

Viên dung như vậy, có thể thành tựu quy tắc của chư Phật mười phương, gọi là Thiện pháp hạnh.

Giảng giải:

Viên dung như vậy, khi tất cả đều trở thành đệ nhất Ba la mật, **có thể thành tựu quy tắc của chư Phật mười phương.** Người tu hành thực hiện các pháp đều đúng và thích hợp với pháp tắc của chư Phật mười phương. **Đấy gọi là Thiện pháp hạnh.** Đây là thành tựu lực, con người phải vận dụng sức mạnh từ chính mình. Đây là hạnh thứ chín.

Kinh văn:

一一皆是清淨無漏。一真無為性本然

故名真實行。

Nhất nhất giai thị, thanh tịnh vô lậu. Nhất chân vô vi, tánh bản nhiên cố, danh chân thật hạnh.

Việt dịch:

Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là vậy, gọi là Chân thật hạnh.

Giảng giải:

Hạnh thứ mười trong thập hành là Chân thật. **Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, thanh tịnh vô lậu, vì tính bản nhiên là vậy.** “Mỗi mỗi” là chỉ cả chín hạnh trước đó đều thanh tịnh, vô nhiễm. Ở đây chỉ có sự chân thật, vô vi và chân tính vốn dĩ như thế. **Đấy gọi là Chân thật hạnh.** Đấy là Trí độ, hạnh thứ mười của Bồ tát.

---o0o---

THẬP HỒI HƯƠNG

Kinh văn:

阿難。是善男子滿足神通成佛事已。純潔精
真遠諸留患。當度眾生滅除度相。迴無為
心向涅槃路。名救護一切眾生離眾生相迴
向。

A-nan! Thị Thiện nam tử, mãn túc thần thông, thành Phật sự dĩ. Thuần khiết tinh chân, viễn chư lưu hoạn. Đương độ chúng sanh, diệt trừ độ tướng. Hồi vô vi tâm, hương Niết-Bàn lộ. Danh cứu hộ nhất thiết chúng sanh, ly chúng sanh tướng hồi hương.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự xong, toàn là một tính chân thuần khiết, xa các làm lỗi, chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ, trở lại với tâm vô vi, hương về đường Niết bàn, gọi là Cứu hộ nhất thiết chúng sinh tướng hồi hương.

Giảng giải:

A Nan, thiện nam tử đó. Các vị Bồ tát tu thập hạnh, phát triển Chân trí tuệ và thực hiện những lời chân thật, họ **đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự xong**, đi khắp cả mười phương, làm vô số Phật sự. Do vậy:

Tu tập muôn hạnh như hoa đóm giữa hư không.

Ngôi tại đạo tràng như trăng trong bóng nước.

Hàng phục ma quân như ảnh hiện trong gương.

Hành đại Phật sự khác nào cơn mộng寐.

Đây là biểu tượng của tinh thần vô trước. Mọi sự đều như ảo tưởng, vô thường, không có gì là hiện thực. Vì vậy, họ không bám trước vào điều gì, chính sự vượt qua tất cả đó nên quý vị sẽ được tự chủ.

Những người tu ấy **toàn là một tính chân thuần khiết**. Họ đã thành tựu được như vậy, nên **xa các làm lỗi**. Tất cả chẳng còn điều gì ngăn trở, và **chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng năng độ, sở độ**. Khi độ chúng sinh, họ không thấy có chúng sinh được độ, cũng chẳng thấy có tướng độ chúng sinh. Kinh Kim Cang giảng ý đó rất hay. Đức Thích Ca nói:

“Diệt độ tất cả chúng sinh rồi mà không thấy có chúng sinh nào được độ”.

Trái lại, một người không có tinh thần vô trước thường hay suy nghĩ: *“Tôi đã làm việc này, tôi đã làm việc nọ”*. Người ta xây một ngôi đền và nghĩ rằng mình đã làm công việc lớn lao, chắc chắn sẽ được nhiều công đức. Tại sao phải cần người khác biết đến việc làm ơn ích của mình? Trách nhiệm của mọi người chúng ta là độ sinh, nhưng đừng chấp vào tướng độ sinh ấy. Có nhiều người hay phàn nàn: *“Tôi không trộm cắp, không sát sinh, không làm điều gì xấu. Tại sao tôi không được may mắn? Có người phạm tôi trộm cắp, sát sinh, nhưng đời sống họ tốt hơn tôi”*. Đây là quan điểm rất sai lầm.

Trở lại với tâm vô vi, hướng về đường Niết bàn. Quay trở lại với tâm vô vi của Tiểu thừa để hướng đến Niết bàn. Đây **gọi là Cứu hộ nhất thiết chúng sinh tướng hồi hướng**. Các Bồ tát có trách nhiệm độ sinh, và họ là một phần trong sự độ sinh ấy. Dù vậy, họ không nghĩ về công đức độ sinh, vì đó là nhiệm vụ, là công việc: *“Tôi phải làm. Đó là việc phải làm”*.

“Nhưng”. Quý vị sẽ hỏi: *“Cứu độ chúng sinh không có công đức gì sao?”*. Vâng, đúng thế. Đừng nghĩ về điều đó. Quá khứ là quá khứ. Quý vị đừng bận lòng làm gì. Đừng đề ý nghĩ cứu độ chúng sinh quấy rối lòng mình.

Kinh văn:

壞其可壞遠離諸離。名不壞迴向。

Hoại kỳ khả hoại, viễn ly chư ly. Danh bất hoại hồi hướng

Việt dịch:

Diệt hoại tất cả những gì có thể diệt hoại, xa lìa các sự phải xa lìa, gọi là Bất hoại hồi hướng.

Giảng giải:

Diệt hoại tất cả những gì có thể diệt hoại. Tức là diệt trừ tất cả những nghiệp chướng, vô minh, đau khổ. Phải diệt dứt những điều đó.

Xa lìa các sự phải xa lìa. Có nghĩa trừ bỏ đi những sai lầm. Chẳng hạn, người tu phải trừ các mối tham, sân, si. Học tập thiện pháp, xa lìa ác pháp. Đây **gọi là Bất hoại hồi hướng.** Cái gì là bất hoại? Đây chính là căn lành, là tự tính giác ngộ của quý vị. Với sự bất hoại hồi hướng, quý vị phải diệt trừ tất cả và chỉ giữ lại những gì là bất hoại.

Kinh văn:

本覺湛

然覺齊佛覺。名等一切佛迴向。

Bổn giác trạm nhiên, giác tề Phật giác. Danh đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Việt dịch:

Tính bản giác sâu lặng, giác ngộ bằng Phật, gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Giảng giải:

Tính bản giác, là tánh Như Lai Tạng trong tất cả chúng ta. **Sâu lặng** và trong sạch, **giác ngộ bằng Phật.** Sự giác ngộ của tâm chúng ta cũng như sự giác ngộ ở tâm Phật vậy. Đây **gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.**

Kinh văn:

精真發明地

如佛地。名至一切處迴向。

Tinh chân phát minh, địa như Phật địa. Danh chí nhất thiết xứ hồi hướng.

Việt dịch:

Tinh chân phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa, gọi là chí nhất thiết xứ hồi hướng.

Giảng giải:

Tinh chân chuyên hóa **phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa.** Đây là giai đoạn khởi sự tiến đến địa vị Phật, **gọi là chí nhất thiết xứ hồi hướng.**

Kinh văn:

世界如來互相涉

入得無罣礙。名無盡功德藏迴向。

Thế giới Như Lai, hỗ tương thiệp nhập, đặc vô quái ngại. Danh vô tận công đức tạng hồi hướng.

Việt dịch:

Thế giới và Như Lai dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại, gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.

Giải thích:

Thế giới và Như Lai dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại. Thế giới là sinh thân của Như Lai, sinh thân của Như Lai chính là thế giới. Cả hai (y báo và chánh báo, căn thân và khí giới) cùng viên thông vô ngại. **Đây gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.**

Vua Vũ nhà Lương (Trung Quốc) là người đặc biệt chú trọng gây dựng công đức. Khi vua gặp tổ Bồ Đề Đạt Ma hỏi: *“Trẫm xây dựng nhiều đền chùa, độ Tăng vô số người. Trẫm cũng trường trai, xây cầu, làm đường và rất nhiều việc thiện. Nói xem Trẫm có công đức gì không?”*

Tổ đáp: *“Không có công đức!”*.

Nhà vua tỏ ra thất vọng. Thực ra, Tổ Đạt Ma muốn cứu độ vua, nhưng vì nghiệp chướng của vua sâu nặng quá nên Tổ cũng đành chịu; cho dù vua có đối diện với vị Tổ thứ nhất của Trung Quốc. Điều đó giống như nói: *“Đức Quán Thế Âm đứng trước mặt ông ta, ông ta cũng không nhận ra”*. “Cái tâm từ phương Tây” đối trước Lương Vũ Đế song chẳng được gì.

Tại sao ông ta cần Tổ Đạt Ma cứu độ?

Đây là vì Tổ biết nhà vua đang gặp nhiều nguy hiểm. Tổ muốn đánh thức ông ta nên bỏ nhà đi tu, hoặc ít ra cũng nhường ngôi cho người khác, tránh nạn chết đói về cuối đời. Về căn bản, Vũ đế là ông vua sùng Phật, trong thời gian trị vị, ông đã dùng địa vị Hoàng đế ra sức phổ biến Phật pháp, xây dựng chùa chiền nhiều nơi trong nước. Thế nhưng trong các đời quá khứ ông đã tạo nghiệp quá nặng. Trong kiếp sống trước đó của Hoàng đế, ông là một tỳ kheo tu hành trong núi. Ông trồng cây ăn trái, nhưng mỗi lần có trái vừa chín tới thì bị một con khỉ hái trộm mất. Bị nhin ăn nhiều lần, ông bèn bắt con khỉ giam trong hang đá, định nhốt nó vài hôm cho biết. Không ngờ bận quá, ông quên mất đang giam con khỉ, chùng phát hiện ra thì con khỉ đã chết đói trong động.

Khi vị tỳ kheo kia chuyển sinh làm Hoàng đế thì con khỉ cũng tái sinh như một tinh hầu, hiện thân là võ tướng dẫn quân tiến đánh Nam Kinh. Sau khi lấy được Nam Kinh, tinh hầu đã bắt giam Vũ Đế trong tòa tháp, không có thức ăn, phải nhin đói đến chết³⁵!

Tổ Đạt Ma thấy nhà vua tích lũy nhiều công đức, Ngài nghĩ công đức ấy sẽ làm giảm đi tội chướng. Và khi thời cơ có đủ nhân duyên, Tổ đã đến cùng Vũ Đế. Đây là lý do Đạt Ma muốn cứu giúp Vũ Đế. Nhưng nhà vua nghĩ mình là quân vương, còn Đạt Ma chỉ là ông tăng nghèo khó, lại nói năng đầu đầu, do đó nên quay lưng với Tổ. Rốt cục, nhà vua phải chịu chết dưới tay của tinh hầu.

Kinh văn:

於同佛地

地中各各生清淨因。依因發揮取涅槃道。名

隨順平等善根迴向。

Ư đồng Phật địa, địa trung các các, sanh thanh tịnh nhân. Y nhân phát huy, thủ Niết-Bàn đạo. Danh tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.

Việt dịch:

Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết bàn, gọi là Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.

Giải thích:

Sau khi Bồ tát thành tựu vô tận công đức tạng hồi hướng, đoạn, **nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh.** Trong mỗi nhân phát huy ấy đều trong sáng, thanh tịnh. **Nương nhân ấy mà phát huy, giữ lấy đạo Niết bàn,** giữ lấy con đường bất sinh bất diệt, đây gọi là **Tùy thuận bình đẳng thiện căn hồi hướng.**

Kinh văn:

真根既成十方眾生皆

我本性。性圓成就不失眾生。名隨順等觀

一切眾生迴向。

Chân căn ký thành, thập phương chúng sanh, giai ngã bản tánh. Tánh viên thành tựu, bất thất chúng sanh. Danh tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sanh hồi hướng.

Việt dịch:

Chân căn đã thành tựu, mười phương chúng sinh đều là bản tính của chính mình, bản tính viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh, gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng

Giải thích:

Chân căn đã thành tựu, mười phương chúng sinh đều là bản tính của chính mình. Mọi người là một và cùng đồng với Bồ tát, đó là lý do tại

sao Bồ tát muốn cứu độ chúng sinh mà không có chúng sinh nào được độ. Phật và Bồ tát xem tất cả chúng sinh như thực chất của chính mình. Các vị ấy cùng chúng sinh là một. Do đó, họ cứu độ chúng sinh mà thực ra chẳng cứu độ chúng sinh nào – đây là sự cứu độ chính mình. **Bản tính của chính mình, bản tính viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh.** Khi cùng với các chúng sinh là một thì chẳng bỏ mất chúng sinh nào. Đây gọi là **Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng.**

Khác với quan điểm cho rằng các chúng sinh đều hiện hữu ngoại tại, tôi có thể nói các chúng sinh đều nội tại, bởi vì có vô số chúng sinh hiện hữu trong thân của mỗi người chúng ta. Khoa học đã xác định bạch cầu, hồng cầu và vô số vi sinh trong thân thể chúng ta. Nếu quý vị có được Phật nhãn, quý vị cũng sẽ thấy trong thân người có vô số loài hữu thể, rất nhiều những sinh thể cực nhỏ, ngay cả khi thở ra, quý vị cũng đã cho ra ngoài biết bao hữu thể theo hơi thở. Các chúng như thể đều là hiện thân chúng sinh vậy. Và khi thở vào, chúng ta cũng đưa vào bụng rất nhiều hữu thể. Như vậy, thật khó mà xác định rõ ràng là có ăn thịt hay không ăn thịt. Mọi người sống là đều nhờ vào hơi thở, và như thế, đó cũng là một hình thức sát sinh – quý vị có thể nghĩ như vậy. Dĩ nhiên, ở đây tôi không đi sâu vào vấn đề này.

Nếu quý vị không tu hành, thì các hữu thể trong thân chỉ là những sinh thể bình thường, nhưng nếu là người tu, chúng sẽ trở thành tánh Phật. Chúng sẽ quay trở lại ngọn nguồn căn cội. Quý vị trở về căn nguyên thì chúng cũng theo – đó là tất cả sinh thể nhỏ nhoi ẩn chứa trong quý vị. Nếu quý vị khéo tu, chúng cũng lớn rộng hơn lên và cùng với quý vị là một.

Kinh văn:

即一切法離一切相。唯即與
離二無所著。名真如相迴向

Tức nhất thiết pháp, ly nhất thiết tướng. Duy tức dữ ly, nhị vô sở trước.
Danh chân như tướng hồi hướng.

Việt dịch:

Tức tất cả pháp, lìa tất cả tướng, cả tức và ly, hai cái đều không vương mắc, gọi là Chân như tướng hồi hướng.

Giải thích:

Tức tất cả pháp, lìa tất cả tướng. Chính pháp cũng phải xa lìa các tướng, cả tướng pháp cũng xa lìa tướng pháp, **cả tức và ly, hai cái đều không vương mắc, gọi là Chân như tướng hồi hướng.**

Kinh văn:

真得所如十方無

礙。名無縛解脫迴向。

Chân đặc sở như, thập phương vô ngại. Danh vô phược giải thoát hồi hướng.

Việt dịch:

Thật được như như, mười phương không ngăn ngại, gọi là vô phược giải thoát hồi hướng.

Giảng giải:

Chân như được xác định là **thật được như như**. Hoặc có thể gọi đó là trí tuệ như như, khi đạt được thì **mười phương không ngăn ngại**. Quý vị có thể xuyên suốt mười phương Phật giới, chẳng chút chi ngăn ngại, đây **gọi là vô phược giải thoát hồi hướng**. Chẳng có gì là ngăn trở, quý vị hoàn toàn tự tại.

Kinh văn:

性德圓成法界量滅。名

法界無量迴向。

Tánh đức viên thành Pháp giới lượng diệt. Danh pháp giới vô lượng hồi hướng.

Việt dịch:

Tính đức thành tựu viên mãn, lượng của pháp giới diệt, gọi là pháp giới vô lượng hồi hướng

Giảng giải:

Trước khi tính đức được thành tựu, trước khi chưa hòa nhập với pháp giới, quý vị tất sẽ không biết được giới hạn của pháp giới. Khi tính đức thành tựu và hòa hợp được với pháp giới, quý vị sẽ hiểu được giới hạn của pháp giới. Tuy nhiên đó cũng chỉ là giới hạn, quý vị chưa thật sự đạt được trọn vẹn, viên mãn. Nay thì **tính đức thành tựu viên mãn, lượng của pháp giới diệt**. Cả pháp giới cũng là không. Đây **gọi là pháp giới vô lượng hồi hướng**.

---o0o---

TỨ GIA HẠNH

Kinh văn:

阿難是善男子盡是清淨四

十一心。次成四種妙圓加行。

A-nan! Thị Thiện nam tử, tận thị thanh tịnh, tứ thập nhất tâm. Thứ thành tứ chủng, diệu viên gia hạnh.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử đó, tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh đó xong, thì lại thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên.

Giảng giải:

Bồ tát tu hành trọn bốn mươi một loại tâm thanh tịnh. Bốn mươi một tâm đó là:

- 1 - Càn tuệ địa
- 2-11 - Thập tín
- 12-21 - Thập trụ
- 22-31- Thập hạnh
- 32-41 - Thập hồi hướng.

Càn tuệ địa, như quý vị nhớ, nó còn gọi là Sơ càn tuệ và Sơ tâm Kim cang.

Sau khi tu chứng bốn mươi một loại tâm thanh tịnh thì lần lượt tiên tu bốn loại gia hạnh, đó là bốn loại gia hạnh diệu viên:

- 1. Noãn
- 2. Đỉnh
- 3. Nhẫn
- 4. Thế đệ nhất.

Kinh văn:

即以佛覺用為

己心。若出未出猶如鑽火。欲然其木名為煖地。

Tức dĩ Phật giác, dụng vi kỷ tâm. Nhược xuất vị xuất, do như toản hỏa. Dục nhiên kỳ mộc, danh vi noãn địa.

Việt dịch:

Tức lấy Phật giác dùng làm tâm mình, như ra mà chưa ra, ví như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây, gọi là Noãn địa.

Giảng giải:

Noãn địa là gia hạnh thứ nhất trong bốn gia hạnh. Tương tự như dùi cây lấy lửa, ở địa này ví như cây chưa cháy lửa. **Tức lấy Phật giác dùng làm tâm mình**, chỉ sự giác ngộ của Phật và giác ngộ tự tâm mình cùng như nhau. **Khi ra mà chưa ra, ví như dùi cây cho ra lửa để đốt cái cây.** Cây

bốc cháy lửa ví như giác ngộ. Cây bốc cháy trong lửa cũng như sự giác ngộ có sức nóng vậy. **Đấy gọi là Noãn địa.**

Kinh văn:

又以己心成佛所履。若依非依如登高山。
身入虛空下有微礙。名為頂地。

Hựu dĩ kỷ tâm, thành Phật sở lý. Nhược y phi y, như đăng cao sơn. Thân nhập hư không, hạ hữu vi ngại. Danh vi đỉnh địa.

Việt dịch:

Lại lấy tâm mình thành chỗ đứng của Phật, như nường mà không phải nường, ví như người lên núi cao, thân vào hư không, nhưng bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đỉnh địa.

Giảng giải:

Lại lấy tâm mình thành chỗ đứng của Phật, như nường mà không phải nường. Tâm của chính mình theo Phật đạo, dương như nường theo đó nhưng không phải nường. Điều ấy ví như người lên núi cao, thân vào hư không, nhưng bên dưới còn chút ngăn ngại. Người đó như đi lên một ngọn núi, khi đến đỉnh, anh ta như tiến vào hư không. Nhưng dưới chân người đó, tức chỗ đứng trên núi, vẫn còn chút ngăn ngại, chưa hoàn toàn dấn hẳn vào hư không. **Đấy gọi là Đỉnh địa.**

Kinh văn:

心佛二同善
得中道。如忍事人非懷非出。名為忍地。

Tâm Phật nhị đồng, thiện đắc trung đạo. Như nhẫn sự nhân, phi hoài phi xuất. Danh vi nhẫn địa.

Việt dịch:

Tâm và Phật là đồng, khéo được Trung đạo, ví như người biết nhin, không phải ôm lấy, cũng chẳng phải phát ra, gọi là Nhẫn địa.

Giảng giải:

Tâm và Phật là đồng, khéo được Trung đạo. Tâm là Phật, Phật là tâm. Mặc dù nói hai, nhưng cả hai cùng là một. Tâm đấy chính là Phật. Không có Phật bên ngoài tâm, cũng chẳng có tâm ngoài Phật. Tâm và Phật là Như thị. Đến bậc Nhẫn địa tất người đó khéo đạt được lý và thể của Trung đạo. **Ví như người biết nhin, không phải ôm lấy, cũng chẳng phải phát ra.** Lòng đã biết rõ điều gì, muốn nói cho người khác biết nhưng không sao diễn tả được. Người đó do dự, không biết phải làm thế nào nên đành phải nhẫn nhin, **đấy gọi là Nhẫn địa.** Đây là địa vị thứ ba trong gia hạnh.

Kinh văn:

數量

銷滅迷覺中道。二無所目名世第一地。

Số lượng tiêu diệt, mê giác trung đạo. Nhị vô sở mục danh thế đệ nhất địa.

Việt dịch:

Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác và trung đạo, cả hai đều chẳng có gì, gọi là Thế đệ nhất địa.

Giảng giải:

Trong phân hội hương thứ mười, giới trong pháp giới đã diệt. Đến đây thì cả số và lượng đều diệt. Điều đó có nghĩa gì? Cũng như con số không (0) vậy. Trước, tôi có nói về số không. Tức, chẳng có số nào. Đến khi ấy thì **mê, giác và trung đạo, cả hai đều chẳng có gì**. Hoàn toàn rõ ràng. Một khi đã là không thì chẳng còn danh ngôn gì để nói đến. Con số không có nghĩa chẳng còn có gì. Số không ở đây là linh tự, là mẫu thể của vạn vật. Thực ra, cũng chẳng có tên mẫu thể, chỉ tạm gọi là vậy.

Đến đây thì chẳng có gì là mê, cũng chẳng có gì là giác đối với Trung đạo. Mặc dù giai đoạn này không có danh ngôn, nhưng chúng ta cũng có thể đặt để tên gọi gì đó, và kinh **gọi là Thế đệ nhất địa**. Thế thứ nhất vì không có vị thứ hai. Đây là gia hạnh cuối trong bốn gia hạnh.

---o0o---

THẬP ĐỊA

Kinh văn:

阿難是善男子。於大菩提善得通達。覺通如

來盡佛境界。名歡喜地。

A-nan! Thị Thiện nam tử. Ư đại bồ-đề, thiện đắc thông đạt. Giác thông Như Lai, tận Phật cảnh giới. Danh hoan hỷ địa.

Việt dịch:

A Nan, thiện nam tử đó khéo thông suốt đạo Đại Bồ đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tận cảnh giới của Phật, gọi là Hoan hỷ địa.

Giảng giải:

A Nan, thiện nam tử đó khéo thông suốt đạo Đại Bồ đề. “Thiện tri thức” là Bồ tát đã đạt được địa vị Thế đệ nhất. Mặc dù căn bản nói là đã

thành tựu Đại Bồ đề, nhưng thực ra thì vẫn chưa được vậy. **Chỗ giác ngộ thông với Như Lai.** Sự giác ngộ của thiện tri thức đó là Như Lai, Như Lai là giác ngộ. Giác ngộ của họ cũng đồng với giác ngộ của Như Lai. Các vị ấy có thể gọi là Như Lai khi họ chứng giác với con số không. Và số không là chẳng có thứ gì, cũng chẳng vướng mắc điều gì.

Cùng tột cảnh giới của Phật. Chân không là trạng thái hoàn toàn trống rỗng, chẳng có gì cả. Nhưng khi tiến đến cảnh giới Phật, chân không ấy sẽ sinh ra diệu hữu. Diệu hữu ấy là hoan hỉ. “Ồ! Thì ra căn nguyên là như thế đấy!”. “Trước kia tôi không biết, nay mới nhận ra”. Đây gọi là **Hoan hỉ địa.**

Kinh văn:

異性入同同性亦滅。

名離垢地。

Dị tánh nhập đồng, đồng tánh diệt diệt, danh ly cấu địa.

Việt dịch:

Tính khác dung nhập với đồng, tính đồng cũng diệt, gọi là Ly cấu địa.

Giảng giải:

Trong phần Hoan hỉ địa vẫn còn tính đồng hiện hữu, mặc dù là không nêu rõ. Nhưng đến khi **tính khác dung nhập với đồng** thì trở thành duy nhất, mặc dù căn và trần hòa hợp, nhưng căn vẫn tồn tại. Khi tiến đến địa thứ hai thì **tính đồng cũng diệt.** Địa thứ hai là Ly cấu địa, có nghĩa là tách rời khỏi vô minh. Về căn bản, đến lúc này vô minh không còn nhiều, vì tánh giác ngộ của họ cũng như Phật. Một chút trước nhiệm còn vương lại. Nay, khi tính đồng cũng diệt thì họ dễ dàng tiến đến Phật. Đó là sự trở về căn cội, trở về với tánh của Như Lai Tạng, là kho báu đầy ánh sáng, đây gọi là **Ly cấu địa.** Hoan hỉ là một loại trước nhiệm, chẳng hạn như cảm xúc ưa thích, nhưng đến địa thứ hai này thì mọi trước nhiệm đó đều vắt sang bên, riêng đối với vô minh vẫn chưa hoàn toàn dứt hẳn.

Kinh văn:

淨極明生名發光地。

Tịnh cực minh sanh, danh phát³⁶ quang địa.

Việt dịch:

Thanh tịnh cùng tột, sinh ra sáng suốt, gọi là Phát quang địa.

Giảng giải:

Bồ tát ở địa thứ nhất không biết tình trạng của Bồ tát ở địa thứ hai, Bồ tát địa thứ hai không biết tình trạng địa thứ ba. **Thanh tịnh cùng tột, sinh ra sáng suốt.** Trong phân ly cấu địa, mặc dù xa lìa trần cấu song vẫn còn trước nhiễm. Chỉ khi dứt hẳn cả ý nghĩa ly (lìa bỏ) thì mới thật trong sạch. Ví như lau nhà cho sạch, khi chúng ta còn đang lau dọn thì chưa thể gọi là sạch.

Khi được hoàn toàn thanh tịnh thì ánh sáng hiện khởi, do đó địa thứ ba gọi là **Phát quang địa.**

Kinh văn:

明極覺滿名

焰慧地。

Minh cực giác mãn, danh diệm tuệ địa.

Việt dịch:

Sáng suốt cùng tột, giác trí viên mãn, gọi là Diệm tuệ địa.

Giải thích:

Sáng suốt cùng tột, giác trí viên mãn. Sự sáng cùng tột và tính giác ngộ viên mãn. Đây gọi là **Diệm tuệ địa.** “Diệm” là diễn tả trí tuệ sáng rực như ngọn đuốc.

Kinh văn:

一切同異所不能至。名難勝地。

Nhất thiết đồng dị, sở bất năng chí, danh nan thắng địa.

Việt dịch:

Tất cả cái đồng, cái khác đều chẳng đến được, gọi là Nan thắng địa.

Giải thích:

Tất cả cái đồng, cái khác đều chẳng đến được. Đến địa vị thứ năm này, mọi sự đều là đồng. Có điều Bồ tát không phân biệt được giữa đồng và dị. Về căn bản, chẳng có gì là đồng, là dị cả. Đây gọi là **Nan thắng địa**, là hành vị không ai có thể vượt hơn được, đây là một trong những cảnh giới của Bồ tát tiến đến quả vị Phật.

Đó có phải là trường hợp một vị Bồ tát tu hành đến Nan thắng địa? Đúng là như vậy. Nhưng đó không phải là một vị Bồ tát duy nhất. Có hàng triệu, hàng tỷ Bồ tát khác cũng được địa vị như vậy. Chẳng hạn như có ai đó thi đỗ Tiến sĩ, thì đó đâu phải là một người duy nhất. Có cả triệu người đỗ đạt như vậy... Có thể nói, các Bồ tát nhiều hơn cát sông Hằng đã chứng đạt các hành vị ấy.

Kinh văn:

無為

真如性淨明露。名現前地。

Vô vi chân như, tánh tịnh minh lộ, danh hiện tiền địa.

Việt dịch:

Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như hiện rõ, gọi là Hiện tiền địa.

Giảng giải:

Bản tính thanh tịnh vô vi, chân như hiện rõ. Nói vô vi song vẫn chưa dứt hẳn hữu vi. Chân như là chỉ tánh của Như Lai Tạng, đây là Nhất chân pháp giới. Với vô vi, tất cả mọi chân như đều là như thị, là chân thật. Tánh cực thanh tịnh và hoàn toàn sáng rõ. Địa thứ sáu này **gọi là Hiện tiền địa.** Đây là sự hiển lộ tự tánh của Bồ tát.

Kinh văn:

盡真如際名遠行

地

Tận chân như tế, danh viễn hành địa.

Việt dịch:

Tột cùng bờ bến chân như, gọi là Viễn hành địa.

Giảng giải:

Chân như là vô giới hạn, không có biên tế, vậy tại sao kinh nói đến điều ấy: **Tột cùng bờ bến chân như.** Tột cùng ở đây là hàm ý rất xa xôi, vô cùng tận, không làm sao hiểu được.

Chân như không có giới hạn, nó bao hàm cả mười phương pháp giới và các chúng hữu tình. Vậy giới là gì? Có cái gì vượt xa hơn pháp giới? Không có gì cả. Vậy nên kinh nói: “*Tột cùng bờ bến Chân như*”. Thật xa xôi vô cùng! Vậy bao xa? Có ai biết? Chúng ta có thể **gọi là Viễn hành địa.** Người bình thường không thể đến đó. Chỉ có Bồ tát ở địa vị thứ bảy mới đi xa được như thế.

Kinh văn:

一真如心名不動地。

Nhất chân như tâm, danh bất động địa.

Việt dịch:

Một tâm chân như, gọi là Bất động địa.

Giảng giải:

Một tâm chân như là nhất chân pháp giới. Trên có nói tâm là Phật, Phật là tâm. Ở đây, chân như là tâm và tâm là Phật. Không có sự phân biệt giữa chân như và tâm. Khi chân như vô giới hạn thì tâm Bồ tát cũng không có giới hạn. Khi tâm không giới hạn thì Bồ tát đi đâu? Chẳng đi đâu cả. Do đó, nên **gọi là Bất động địa**. Bất động tại Bồ đề đạo tràng nhưng thật sự là biến khắp pháp giới. Đây gọi là địa thứ tám.

Kinh văn:

發真如用名善慧地。

Phát chân như dụng, danh thiện tuệ địa.

Việt dịch:

Phát cái dụng chân như, gọi là Thiện tuệ địa.

Giảng giải:

Tại địa thứ tám, chân như và tâm là một, đây gọi là Bất động địa. Nhưng nếu như chỉ bất động, không có hành động thì thành ra vô dụng. Tuy nhiên, tự chân như lại khởi lên tác dụng. Vậy cái dụng của chân như là gì? Cái dụng ấy lớn lao vô cùng, gọi là Đại dụng. Nếu nó ít ỏi, nhỏ nhoi, thì chỉ là Tiểu dụng. Đại dụng của chân như là tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, nó cũng thường bất biến tùy duyên, thường tùy duyên bất biến, cái đại dụng ấy là tác dụng của trí tuệ. Do vậy nên **phát cái dụng chân như, gọi là Thiện tuệ địa**. Đây là địa thứ chín, trí tuệ hoàn toàn chân thật.

Kinh văn:

阿難是諸菩薩從此已往。修習畢功功德圓

滿。亦目此地名修習位。

A-nan! Thị chư Bồ-tát, tòng thử dĩ vãng. Tu tập tất công, công đức viên mãn. Diệc mục thử địa, danh tu tập vị.

Việt dịch:

A Nan, các Bồ tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong, công đức viên mãn, cũng gọi địa này là Tu tập địa.

Giảng giải:

A Nan, ông nên biết các Bồ tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong. Từ khởi đầu – càn tuệ địa, cũng gọi là Sơ tâm kim cang, đến địa thứ chín, tổng cộng bốn mươi bốn hạnh vị. Bồ tát đến giai đoạn này thì việc tu tập đã xong, **công đức viên mãn**, như vậy, họ sắp thành Phật, nên **cũng gọi địa này là Tu tập địa**.

Kinh văn:

慈陰妙雲覆涅槃海

名法雲地。

Từ uẩn diệu vân, phúc Niết-Bàn hải, danh Pháp vân địa.

Việt dịch:

Bóng từ, mây diệu trùm bề Niết bàn, gọi là Pháp vân địa.

Giảng giải:

“Diệu” và “từ” đều là pháp. Bóng và mây che phủ tượng trưng tâm ảnh hưởng của pháp lan khắp. **Bóng từ, mây diệu trùm bề Niết bàn**, che phủ tất cả chúng sinh. Mọi năng lực của các Phật và Bồ tát đều xuất phát từ biển Niết bàn, đây cũng gọi là địa thứ mười, **gọi là Pháp vân địa.**

---o0o---

ĐẰNG GIÁC VÀ DIỆU GIÁC

Kinh văn:

如來逆流如是菩薩。順行而至覺
際入交名為等覺。

Như Lai nghịch lưu, như thị Bồ Tát. Thuận hành nhi chí, giác tế nhập giao, danh vi đặng giác.

Việt dịch:

Như Lai ngược dòng trở lại, vị Bồ tát đó thuận dòng đi tới, giác ngộ chỗ giao tiếp nhau, gọi là Đặng giác.

Giảng giải:

Như Lai ngược dòng trở lại. Có nghĩa Như Lai sắp thành Phật, nhưng vì thương xót chúng sinh nên quay trở lại thế gian. Từ địa vị Phật, các Ngài trở lại con đường Bồ tát, hành Bồ tát đạo, đó là ngược dòng, và **vị Bồ tát đó thuận dòng đi tới.** Bồ tát xuôi theo dòng. “Dòng” là diễn tiến từ địa vị phàm phu đến vị A-la-hán, đến Bồ tát, hướng đến quả vị Phật. Đến quả vị này thì các vị ấy thực sự giao tiếp với Phật, **giác ngộ chỗ giao tiếp nhau.** Giác ngộ của Phật và giác ngộ của Bồ tát tiếp xúc nhau, đây **gọi là Đặng giác.** Các Bồ tát cùng bình đặng với Phật, nhưng các vị ấy cũng chưa đạt diệu giác. Giác ngộ của họ cũng như Phật, nhưng ở địa vị này vẫn còn chút vô minh, họ phải diệt dứt mới thành Phật.

Khi có người tự xưng là Phật, tôi hỏi: “*Ông từ đâu đến? Ông đi theo đường nào?*”. Nếu họ không biết danh xưng hành vị thứ nhất, họ sẽ không thấy được con đường đưa tới hành vị thứ hai, hành vị thứ ba, vậy làm sao đến được địa vị Phật? Nhưng họ có khả năng, trình độ đầy chứ? Cho dù họ

có tiến nhanh hơn tên lửa, tôi vẫn chắc là họ không đến được vị Phật. Tại sao? Vì họ không phải là Phật nhưng lại xưng là Phật. Vậy lời nói đó thật hay dối? Họ không tu, không hành theo Phật đạo, sao lại nói mình là Phật. Thế, sao có người tu hằng mấy mươi năm vẫn không thành Phật? Có thể, những người xưng là Phật, họ cũng có được vài khả năng hữu hiệu có tính khoa học...

Kinh văn:

阿難從乾慧心至等覺已。
是覺始獲金剛心中初乾慧地。

A-nan! Từ tâm Càn tuệ tâm, chí đẳng giác dĩ. Thị giác thủy hoạch, Kim Cang tâm trung, sơ càn tuệ địa.

Việt dịch:

A Nan, từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Sơ càn tuệ địa trong tâm kim cang.

Giảng giải:

A Nan, từ tâm Càn tuệ, tức Càn tuệ địa, hoặc còn gọi Kim cang sơ tâm, đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Sơ càn tuệ địa trong tâm kim cang. Ở càn tuệ địa trước đó, dục ái đã cạn kiệt, song vẫn chưa tương tiếp với pháp thủy của Như Lai. Đến giai đoạn này, càn tuệ địa – hoặc còn gọi Hậu tâm kim cang, đã phá xong vô minh, tức sinh tướng vô minh đã dừng, nhưng vẫn chưa hòa nhập với hải thủy vi diệu của Như Lai nên gọi là Sơ càn tuệ địa. Đây là bước cuối cùng tu tập của Bồ tát.

Kinh văn:

如是重重單
複十二。方盡妙覺成無上道。

Như thị trùng trùng, đan phúc thập nhị. Phương tận diệu giác, thành vô thượng đạo.

Việt dịch:

Như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị mới cùng tột Diệu giác, thành đạo Vô thượng.

Giảng giải:

Như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép mười hai vị.

Bảy loại tu đơn:

1. Sơ càn tuệ
2. Noãn
3. Đỉnh

4. Nhẫn
5. Thế đệ nhất
6. Đẳng giác
7. Diệu giác

Có năm nhóm tu kép:

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Thập địa

Cả hai nhóm hợp thành mười hai bậc. Có năm mươi bốn bậc từ Càn tuệ đến Đẳng giác. Hoặc có người tính Sơ càn tuệ của Hậu tâm kim cang, thành ra năm mươi lăm vị, nhưng thực ra Càn tuệ địa cũng đồng với Đẳng giác vậy.

Cùng tột Diệu giác, thành đạo Vô thượng. Các Bồ tát đã đạt đến cứu cánh Diệu giác, thành tự Phật đạo vô thượng.

Kinh văn:

是種種地皆以
金剛。觀察如幻十種深喻。奢摩他中。用諸
如來毘婆舍那。清淨修證漸次深入。

Thị chủng chủng địa, giai dĩ Kim Cang. Quan sát như huyễn, thập chủng thâm dụ. Xa ma tha trung. Dụng chư Như Lai, tỳ bà xá na. Thanh tịnh tu chứng, tiêm thứ thâm nhập.

Việt dịch:

Các thứ địa ấy, đều lấy trí kim cang quán sát mười loại ví dụ như huyễn sâu xa, trong Xa ma tha, dùng các pháp Tỳ bà Xá na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào.

Giảng giải:

Các thứ địa ấy, đều lấy trí kim cang quán sát mười loại ví dụ như huyễn sâu xa. Đây là các hành vị đã diễn giải qua, từ Càn tuệ địa của Sơ tâm kim cang đến Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và bốn loại gia hạnh. Các vị ấy dùng tâm kim cang quán sát. Quán sát mọi thứ đều như huyễn. “Huuyễn” là thật, nhưng không đúng với sự thật.

Như đoạn diễn giải sau:

Tu tập muôn hạnh như hoa đóm giữa hư không

*Ngồi tại đạo tràng như trăng trong bóng nước
Hàng phục ma quân như ảnh hiện trong gương
Hành đại Phật sự khác nào cơn mộng寐.*

Dùng trí quán sát mười loại ví dụ sâu xa, gồm:

1. Quán nhất thiết nghiệp như huyễn
2. Quán nhất thiết pháp như diễm (ngọn lửa)
3. Quán nhất thiết thân như thủy trung nguyệt (Trăng trong đáy nước)
4. Quán Diệu sắc như không trung hoa (Hoa đốm giữa hư không)
5. Quán Diệu âm như không cốc thanh (Tiếng vang trong hang động)
6. Quán chư Phật quốc độ như Càn thất bà thành (Tòa thành ảo hóa)
7. Quán Phật sự như mộng
8. Quán Phật thân như ảnh
9. Quán Báo thân như kính trung tượng (Ảnh trong gương)
10. Quán Pháp thân như huyễn hóa.

Quán sát tất cả những điều đó là giả tạo, là không hiện thực, có được vậy thì chúng ta mới được tự chủ.

Trong Xa ma tha, dùng các pháp Tỳ bà Xá na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh tu chứng, lần lượt đi sâu vào. Xa ma tha có nghĩa là Chi, Tỳ bà xá na là Quán. Đây là những pháp môn tu thiền định để tiến sâu vào sự chứng ngộ thanh tịnh.

Kinh văn:

阿難如

是皆以三增進故。善能成就五十五位真菩提路。

A-nan! Như thị giai dĩ, tam tăng tiến cố. Thiện năng thành tựu, ngũ thập ngũ vị, chân Bồ-đề lộ.

Việt dịch:

A Nan, như vậy đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị trong đường Bồ đề chân thật.

Giải thích:

Ba loại tiệm thứ cũng đã giảng giải qua, đó là:

1. Trừ trợ nhân
2. Khô chính tính.
3. Vi hiện nghiệp.

Năm mươi lăm vị trong đường Bồ đề

1. Thập tín
2. Thập trụ
3. Thập hạnh
4. Thập hồi hướng
5. Tứ gia hạnh
6. Thập địa
7. Đẳng giác

Kinh văn:

作是觀者名為正觀。若他觀者名為邪觀。

Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.

Việt dịch:

Cách quán như vậy gọi là chính quán, nếu quán cách khác, gọi là tà quán.

Giải thích:

Cách quán như vậy gọi là chính quán. Nếu quý vị xem ba cõi như hoa giữa hư không, xem Phật sự như mộng mị và tu hành ba loại tiệt thứ tăng tiến, quý vị sẽ được chính định. Nếu dùng tâm kim cang quán sát, quán chiếu vi mật xuyên suốt năm mươi lăm hành vị - đây là pháp tu bất sinh bất diệt. **Nếu quán cách khác, gọi là tà quán.** Nếu không tu theo pháp môn như vậy, không quán theo đúng đạo pháp mà tu theo pháp sinh diệt, đây gọi là tà quán, là pháp tu không chính đáng.

---o0o---

TÊN KINH

Kinh văn:

爾時文殊師利法王子。在大眾中即從座起。
頂禮佛足而白佛言。當何名是經。我及眾生
云何奉持。

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi pháp vương tử. Tại đại chúng trung, tức tùng toa khởi. Đánh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn. Đương hà danh kinh? Ngã cập chúng sanh, vân hà phụng trì.

Việt dịch:

Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật và thưa với Phật: “Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?”.

Giảng giải:

Lúc bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi Pháp vương tử ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi, đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật và thưa với Phật. Bồ tát Văn Thù nêu câu hỏi: “Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?”. Bạch Đức Thế Tôn, phải gọi tên kinh này là gì? Chúng con và các chúng sinh phải phụng trì pháp môn vô thượng này như thế nào?

Kinh văn:

佛告文殊師利。是經名大佛頂悉
怛多般怛囉無上寶印十方如來清淨海眼。

Phật cáo Văn-thù-sư-lợi³⁷. Thị Kinh danh đại Phật đánh tất đất đa bát đất La, vô thượng bảo ấn, thập phương Như Lai, thanh tịnh hải nhãn.

Việt dịch:

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: Kinh này tên là Đại Phật Đỉnh Tất Đất Đa Bát Đất La Vô Thượng Bảo Ấn. Thập phương Như Lai thanh tịnh Hải Nhãn.

Giảng giải: Tất Đất Đa Bát Đất La

Phật bảo Ngài Văn Thù Sư Lợi: Kinh này tên là Đại Phật Đỉnh Tất Đất Đa Bát Đất La Vô Thượng Bảo Ấn. Đây là vô kiến đỉnh, từ nhục kế phóng ra hào quang báu. **Tất Đất Đa Bát Đất La**, là Đại bạch tán cái. Không có gì cao cả và đáng tôn quý hơn **Vô Thượng Bảo Ấn**. “Bảo Ấn” có nghĩa là vua pháp, là Đức Phật. Danh xưng đầu tiên nói đến là chú Lăng Nghiêm cao cả. Và bản kinh cũng còn gọi là **Thập phương Như Lai thanh tịnh Hải Nhãn**. Đây là trí tuệ thanh tịnh. “Nhãn” (mắt), tượng trưng trí tuệ.

Kinh văn:

亦名救護親因度脫阿難。及此會中性比丘
尼。得菩提心入遍知海。

Diệc danh “Cứu hộ thân nhân độ thoát A-nan” Cập thử hội trung, tánh Tì-kheo-ni. Đắc Bồ-đề tâm, nhập biến tri hải.

Việt dịch:

Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan, Cặp Thử Hội Trung Tính Tỳ Kheo Ni, Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Cứu Hộ Thân Nhân, Độ Thoát A Nan. Đức Phật và Ngài A Nan có quan hệ anh em chú bác. Phật đã cứu A Nan khỏi tay của Ma Đăng Già Nữ, Ngài còn cứu độ cả Tính Tỳ Kheo Ni tại Hội chúng. Tính Tỳ Kheo Ni tức Ma Đăng Già nữ. Tại Hội chúng, nàng ấy đã đạt ngay quả vị A la hán. **Đắc Bồ Đề Tâm, Nhập Biến Tri Hải.** Cả hai cùng chứng ngộ Bồ đề. “Chính tri” có nghĩa tâm sinh ra vạn pháp. “Biến tri” là vạn pháp duy tâm. Thường gọi chúng là chính biến tri – đây là một danh hiệu Phật.

Kinh văn:

亦名如來密因修證

了義

Diệc danh “N hư Lai mật nhân tu chứng liễu nghĩa.”

Việt dịch:

Cũng gọi tên là Như Lai Mật Nhân Tu Chứng Liễu Nghĩa.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Như Lai Mật Nhân. Đây là tên gọi khác, chỉ tất cả pháp môn bí mật của Như Lai. Xuất phát từ sự **Tu Chứng Liễu Nghĩa** của Phật. Tu hành và chứng quả vị triệt để. Đây là tên gọi khác của bản kinh này.

Kinh văn:

亦名大方廣妙蓮華王十方佛母陀羅

尼呪。

Diệc danh “Đại phương quảng diệu liên hoa vương thập phương Phật mẫu đà la ni chú.”

Việt dịch:

Cũng gọi tên là Đại Phương Quảng Diệu Liên Hoa Vương, Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú.

Giảng giải:

Cũng gọi tên là Đại Phương Quảng. Đây là pháp, là Đại pháp, nó biến khắp mười phương đến vô cùng tận. **Diệu Liên Hoa Vương**, như là kinh Lăng Nghiêm. **Thập Phương Phật Mẫu Đà La Ni Chú**, tức là chú Lăng Nghiêm. Đà la ni (Dharani) là từ Sanskrit, có nghĩa Tổng trì, tổng nhiếp và chấp trì vô lượng Phật pháp. Còn có nghĩa khác là giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý được thanh tịnh. Giữ thân không được sát sinh, trộm

cấp, tà dâm; tâm không tham, sân, si; miệng không nói dối, nói lời thêu dệt, nói hai lưỡi hoặc mắng chửi; xa lánh mười loài quỷ dữ.

Kinh văn:

亦名灌頂章句諸菩薩萬行首楞嚴。

Diệc danh “Quán đảnh chương cú chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm.”

Việt dịch:

Cũng gọi tên là Quán Đỉnh Chương Cú, Chư Bồ Tát Vạn Hạnh Thủ Lăng Nghiêm.

Giải thích:

Thủ Lăng Nghiêm. Thủ là trước tiên, thứ nhất và là pháp kiên cố. **Quán Đỉnh Chương Cú**, tức là chú Lăng Nghiêm. Nếu quý vị tụng đọc, mọi nghiệp chướng của quý vị sẽ mau chóng diệt dứt, và đạt được trí tuệ. Ngài A Nan từng lên tiếng khen ngợi:

*Chú Đà la ni vi diệu sâu xa
Thủ Lăng Nghiêm vương, hiếm thấy trong đời
Mọi tướng đảo điên kết tập từ bao kiếp
Đã tức thì tan biến.
Liên chứng ngộ pháp thân,
Không phải trải qua A Tăng Kỳ vô hạn.*

Tụng chú Lăng Nghiêm, quý vị sẽ được các Phật, Bồ tát ngán đến làm pháp quán đỉnh, khai đại trí tuệ, không cần thiết phải trải qua ba Đại A Tăng Kỳ kiếp mới chứng ngộ pháp thân.

Chư Bồ Tát Vạn Hạnh, như đã trình bày trong nội dung kinh.

Kinh văn:

汝當奉持。

Nhữ đương phụng trì.

Việt dịch:

Các ông nên phụng trì.

Giải thích:

“A Nan, ông phải nương theo pháp này mà tu tập”. **Các ông nên phụng trì.**

Kinh văn:

說是語已。即時阿難及諸大眾。得蒙如來開示密印般怛囉義。兼聞此經了義名目。

Thuyết thị ngữ dĩ. Tức thời A-nan, cập chư đại chúng. Đắc mộng Như Lai khai thị, mật ấn Bát Đát La nghĩa. Kiêm văn thử kinh, liễu nghĩa danh mục.

Việt dịch:

Phật nói lời ấy xong, liền khi đó, Ngài A Nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát đát la, lại được nghe những tên gọi liễu nghĩa của kinh này.

Giảng giải:

Phật nói lời ấy xong, sau khi Phật giảng giải: xong tên kinh, liền khi đó, Ngài A Nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn. Mọi người cùng được nghe Đức Như Lai giảng giải về mật ấn Bát Đát La. Bát đát la là Đại bạch tán cái. Đây là ý nghĩa vi diệu triệt đế. Lại được nghe những tên gọi liễu nghĩa của kinh này. Đây là những danh mục có ý nghĩa đầy đủ, trọn vẹn và tối thắng.

Kinh văn:

頓悟禪那修進聖位。增上妙理心慮虛凝。

Đốn ngộ Thiền-na, tu tiến thánh vị. Tăng thượng diệu lý, tâm lự hư ngưng.

Việt dịch:

Liền ngộ được diệu lý tăng thượng để tu tiến vào các thánh vị trong thiên na, tâm niệm rộng không đứng lặng.

Giảng giải:

Liền ngộ được diệu lý tăng thượng để tu tiến vào các thánh vị trong thiên na. “Thiên na” (Dhyana) có nghĩa Tĩnh lự. “Liền ngộ”, tức thì chứng ngộ, ngộ rất nhanh chóng. “Thánh vị”, địa vị thù thắng, quả vị Phật. Tại Hội chúng, mọi người đều được khai sáng trí tuệ. Tâm niệm rộng không đứng lặng, chẳng còn vọng tưởng gì trong tâm và cùng đạt được Như Lai tạng tính, tức cảnh giới bất khả tư nghị.

Kinh văn:

斷除三界修心六品微細煩惱。

Đoạn trừ tam giới, tu tâm lục phẩm, vi tế phiền não.

Việt dịch:

Ông đoạn trừ sáu phẩm vi tế phiền não trong tư hoặc tam giới.

Giảng giải:

Đến khi ấy, A Nan đã chứng được quả vị thứ hai của A-la-hán, Ông đoạn trừ sáu phẩm vi tế phiền não trong tư hoặc tam giới. A Nan đã dứt trừ mọi vọng tưởng, đến đây thì ông đoạn trừ sáu loại tư hoặc đầu trong tam giới. Có tất cả tám mươi một loại tư hoặc, gồm chín địa (Dục giới, Tứ Thiên,

Tứ vô sắc) trong tam giới, ở mỗi địa lại có chín phẩm. “Vi tế” có nghĩa nhỏ nhiệm, ẩn khuất trong tự tính, rất khó nhận biết, nhưng ngài A Nan cũng đã đoạn dứt.

---o0o---

THÁT PHẬN

Kinh văn:

即從座起頂禮佛足。

合掌恭敬而白佛言。大威德世尊慈音無遮。

善開眾生微細沈惑。令我今日身意快然得

大饒益。

Tức từ tòa khởi, đánh lễ Phật túc. Hợp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: Đại oai đức Thế Tôn, từ âm vô giả, thiện khai chúng sanh, vi tế trầm hoặc. Linh ngã kim nhật, thân ý khoái nhiên, đắc đại nhiêu ích.

Việt dịch:

Ông liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ nơi chân Phật, chắp tay cung kính mà thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn có uy đức lớn, phát ra từ âm không ngăn ngại, khéo khai ngộ những sai lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh, khiến chúng con ngày nay thân tâm khoan khoái, được lợi ích lớn.

Giải thích:

Đoạn, A Nan **liền từ chỗ ngồi đứng dậy**, vì ông nghe Phật giảng dạy và đã đoạn dứt mọi vọng tưởng nhỏ nhiệm, nên **đánh lễ nơi chân Phật, chắp tay cung kính mà thưa với Phật rằng: Bạch Thế Tôn có uy đức lớn, phát ra từ âm không ngăn ngại**. “Đại uy” khuất phục các chúng sinh. Có rất nhiều chúng sinh rất ngang bướng, ương ngạnh; họ không tin những gì quý vị nói với họ. Họ không tin nhân quả, không tin luân hồi hay chuyện tái sinh. Do đó, Đức Phật đã khéo léo vận dụng uy đức – uy là để khuất phục, trấn áp, và đức là để hội tập. Đoạn này nói về hai phương diện: khuất phục và hội tập. Hội tập các chúng có lòng tin và sẵn lòng tiếp thu giáo lý. Còn cái đức cũng giống như nam châm hút sắt, tượng trưng các chúng hội tụ tại một nơi. Tiếng nói của Phật là từ âm có công năng vô hạn, không gì có thể ngăn trở, chướng ngại. Phật **khéo khai ngộ những sai lầm sâu kín nhỏ nhiệm của chúng sinh**. Có những vọng tưởng nhỏ nhiệm rất khó nhận biết,

và Đức Phật đã chỉ rõ ra điều ấy, **khiến chúng con ngày nay thân tâm khoan khoái**. Mọi người cảm thấy rất vui, rất đổi hoan hỉ, **được lợi ích lớn**.

Kinh văn:

世尊若此妙明真淨妙心本來遍圓。

如是乃至大地草木。蠕動含靈本元真如。即

是如來成佛真體。

Thế Tôn! Nhược thử diệu minh, chân tịnh diệu tâm, bản lai biên viên. Như thị nãi chí, đại địa thảo mộc. Nhuyễn động hàm linh, bản nguyên chân như. Tức thị Như Lai, thành Phật chân thể.

Việt dịch:

Bạch Thế Tôn, nếu cái chân tâm diệu minh trong sạch nhiệm màu, bản lai cùng khắp, như vậy, cho đến bản tính chân như của đất đai, cây cỏ, các loài máy động, tức là chân thể thành Phật của Như Lai.

Giảng giải:

Bạch Thế Tôn, nếu cái chân tâm diệu minh trong sạch nhiệm màu, biên khắp pháp giới, không đâu là không có. Bản lai cùng khắp, như vậy, cho đến bản tính chân như của đất đai, cây cỏ, các loài máy động. “Đất đai, cây cỏ” được xem là các chúng vô tình. “Các loài máy động” là những sinh vật nhỏ thuộc giới hữu tình. Các loài này có ít nhận thức, chúng có thể hoạt động, nhưng không xa, và nhận thức thì hoàn toàn hạn hẹp. Tất cả đều là **chân thể thành Phật của Như Lai.**

Kinh văn:

佛體真實。云何復有地獄

餓鬼畜生修羅人天等道。世尊此道為復本

來自有。為是眾生妄習生起。

Phật thể chân thật. Vân hà phục hữu, địa ngục ngạ quỷ, súc sanh tu la, nhân thiên đẳng đạo. Thế Tôn! Thử đạo vi phục, bản lai tự hữu. Vi thị chúng sanh, vọng tập sanh khởi?

Việt dịch:

Thế tính Phật đã là chân thật, làm sao lại có các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tu la, loài người, trời. Bạch Thế Tôn, những đường đó lại là bản lai tự có, hay là do tập khí hư vọng của chúng sanh khởi ra?

Giảng giải:

Thế tính Phật đã là chân thật, làm sao lại có các đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, tu la, loài người, trời. Phải giải thích thế nào về các đường hiện hữu ấy? Bạch Thế Tôn, những đường đó lại là bản lai tự có,

hay là do tập khí hư vọng của chúng sinh khởi ra? Có sáu nẻo luân hồi luôn hiện hữu, hoặc là do chúng sinh tạo ra? Chúng con thật không biết được.

Kinh văn:

世尊如寶蓮香

比丘尼。持菩薩戒私行婬欲。妄言行婬非殺

非偷無有業報。發是語已先於女根生大猛

火。後於節節猛火燒然墮無間獄。

Thế Tôn! Như Bảo Liên Hương, Tỳ-kheo-ni. Trì Bồ-tát giới, tư hành dâm dục. Vọng ngôn hành dâm, phi sát phi thâu, vô hữu nghiệp báo. Phát thị ngữ dĩ, tiên ư nữ căn, sanh đại mãnh hỏa. Hậu ư tiết tiết, mãnh hỏa thiêu nhiên, đọa vô gián ngục.

Việt dịch:

Bạch Thế Tôn, như Bảo Liên Hương Tỳ kheo Ni, giữ giới Bồ tát, lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng việc hành dâm không phải giết người, không phải trộm cắp, không có nghiệp báo. Phát ra lời ấy xong, trước hết nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa lớn, sau đó từng đốt từng đốt bị lửa dữ đốt cháy, sa vào ngục vô Gián.

Giải thích:

“*Tại sao con nói là không biết về sáu con đường?*” (Lục đạo). Và A Nan tiếp tục: “**Bạch Thế Tôn, như Bảo Liên Hương Tỳ kheo Ni, giữ giới Bồ tát, lén lút làm việc dâm dục, lại nói càn rằng việc hành dâm không phải giết người, không phải trộm cắp**”. Tỳ kheo Ni này đã thọ Bồ tát giới, nhưng bà ta không giữ giới. Bà đã lén lút hành dâm. Sau việc ấy quý vị đoán xem bà ấy nói gì? Bà dùng lời bào chữa, và đã nói dối. Bà cho rằng việc dâm ấy không phải là giết người hay trộm cắp. Đây là việc vui thú giữa hai người nam nữ. Điều đó có gì là tội? Mặc dù Đức Phật khuyên chúng ta nên dằn lòng kiềm chế, nhưng tôi nghĩ không cần thiết phải nén lòng như vậy. Nó không thành vấn đề. Đó không phải là trọng tội. Sao lại coi việc nam nữ giao hoan lại là sai lầm? Đây là lý lẽ bà dùng để biện giải – mạnh mẽ và dứt khoát như thế. Bà nói việc dâm ấy **không có nghiệp báo**. Việc dâm ấy, “*có nhiều người thích. Hơn nữa, chẳng có vấn đề gì*”. Bà ta thực sự tán thành sự ham muốn dâm dục. Bà ta là một Tỳ kheo Ni, nhưng lại là một người khích dục.

Phát ra lời ấy xong, trước hết nơi nữ căn sinh ra ngọn lửa lớn, sau đó từng đốt từng đốt bị lửa dữ đốt cháy. Chẳng có vấn đề gì sao? Nữ căn của bà ta bốc cháy. Quả thật là kinh khủng. Tôi tin là bà ấy bị thiêu đốt tất sẽ

kêu thét dữ dội. Bà sẽ không còn biện bác là hành động của mình không phạm giới. Lửa bốc cháy từ âm căn sẽ cháy lan tỏa khắp cả châu thân. Đây là vì khi nam nữ hành dâm, cảm giác khoái lạc giữa cả hai sẽ lan khắp người. Cả hai hành lạc như vậy, họ không ý thức rằng sự phóng túng ấy sẽ nhanh chóng đưa họ đến chỗ chết. Và nó đã thực sự xảy đến. Khi lao vào tình trạng ấy, cả hai đã tự đánh mất đi chính mình, lúc ấy hầu như họ muốn chết – cả người nam và người nữ. Chết cách nhanh chóng cũng hay – họ cảm thấy như vậy. Nhưng họ lại sa vào địa ngục, nhanh chóng biến vào địa ngục. Vị Tỳ kheo Ni kia bốc cháy vì tham dục cũng là một loại lửa – đó là “lửa dục”. Một loại lửa không có dụng cụ hoặc loại nước nào có thể dập tắt. Tại sao? Vì lửa ấy bắt nguồn từ sự tham dục sâu nặng tự chính thân tâm của bà ta.

Và điều gì sẽ xảy đến với người ấy? Chẳng có con đường nào khác, bà ta phải **sa vào địa ngục Vô Gián**. Trong ngục Vô gián không có thời gian dừng nghỉ, và không gian thì luôn kín kẽ, đầy áp người ở nơi này. Mặt khác, chẳng ai biết mình sẽ chịu đựng hành hình đau khổ đến khi nào mới dứt. Sự đau đớn khổ sở ở đây là bất tận. Sống và chết liên tục nối tiếp nhau.

Khi bà Ni kia vào địa ngục, quý vị đoán xem bà phải chịu đựng gì? Có loài chim mỏ sắt, loài trùng mồm miệng rắn như sắt thép đua nhau xâu xé, rút ria tay chân, xương thịt bà. Đặc biệt là những cơ quan nữ tính. Từng giờ, từng phút, chúng tấn công, cắn xé tội nhân cho đến chết. Khi ấy, ngọn gió lạnh thổi đến – đây là cơn gió đặc biệt của địa ngục – nó làm người chết sống lại. Chỉ trong vòng một đêm, một ngày, bà phải trải qua mười nghìn lần sống chết như vậy. Cứ chết đi rồi sống lại, rồi lại chết đi...

Lại nữa, địa ngục này còn có những hình cụ đặc biệt dành cho những kẻ ham mê nhục dục. Đây là cột đồng – những cây cột nóng đỏ vì lửa nung trong trụ cột. Khi một người hiếu dâm đối diện những cột đồng ấy, họ lại thấy đó là cô gái đẹp, còn nữ thì thấy đó là người đàn ông. Khi họ nhào đến ôm chầm lấy thì tức khắc sẽ bị cột nung cháy người. Tại sao lại như vậy? Đây là vì nghiệp dâm của họ quá nặng, họ phải chịu bị trừng phạt như thế. Đó cũng là sự trừng phạt với Bảo Liên Hương Tỳ Kheo Ni. Bà phải trải nghiệm địa ngục ngay khi còn sống. Vậy, liệu bà có còn viện dẫn việc hành dâm koong phải là sát sinh, trộm cướp, nên không bị trừng phạt? Khi bà bắt đầu chịu đựng trừng phạt thì cũng đã quá muộn rồi. Bà không đủ thời gian để hối tiếc. Sự việc ấy xảy ra khi Phật còn tại thế. Đó là một Tỳ Kheo Ni không giữ giới. Không phải ngày nay mới có vài Sư cô phạm giới, mà là vào thời Đức Phật cũng đã xảy ra rồi.

Kinh văn:

琉璃大王

善星比丘。瑠璃為誅瞿曇族姓。善星妄說一切法空。生身陷入阿鼻地獄。

Lưu ly Đại Vương, thiện tinh Tỳ-kheo. Lưu ly vi tru, Cồ Đàm tộc tính. Thiện tinh vọng thuyết, nhất thiết pháp không. Sanh thân hãm nhập, A-tỳ địa ngục.

Việt dịch:

Như Đại vương Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Lưu Ly vì giết họ hàng Cù đàm, Thiện Tinh vì nói càn tất cả các pháp là rỗng không, nên thân sống sa vào địa ngục A Tỳ.

Giải thích:

Như Đại vương Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Lưu Ly vì giết họ hàng Cù đàm. Vua Lưu Ly và Đức Phật có quan hệ thân tộc, nhưng thực sự không phải như vậy. Cha của vua Lưu Ly trước đó là vua xứ Xá Vệ, ông ta muốn kết hôn với tộc Cù Đàm. Người trong thị tộc Cù Đàm thấy mình cao quý hơn nên không muốn gả con, nhưng thế lực xứ Xá Vệ rất mạnh. Người họ Thích bèn đánh tráo người hầu gái, gả cho vua Xá Vệ, sau đó sinh ra Thái tử Lưu Ly.

Lúc Lưu Ly còn trẻ, một lần ông về ngoại, thấy ngôi điện của Phật vừa xây xong, pháp tòa rất trang nghiêm cũng vừa hoàn thành. Ông ta bèn tự tiện ngồi vào. Người nhà họ Cù Đàm bèn mắng: “*Người là con của hạng nô tỳ, tại sao dám ngồi vào chỗ của Phật?*”. Lưu Ly rất tức giận, bảo tên hầu: “*Sau khi ta làm vua, hãy nhắc cho ta nhớ mối nhục này*”.

Sau khi Lưu Ly làm vua, tên hầu nhắc lại chuyện cũ, nên vua Lưu Ly dẫn quân về thăm sát cả tộc Cù Đàm.

Đại đức Mục Kiền Liên biết việc ấy bèn đến xin Phật cứu độ, Phật lặng thinh không đáp. Mục Kiền Liên bèn ôm bát vào thành, dùng thần lực đưa năm trăm người thị tộc Cù Đàm vào bình bát và bay lên trời. Khi quân đội vua Lưu Ly rút khỏi thành, Đại đức mang bình bát đến trước Phật, định gọi mọi người bước ra, nhưng khi nhìn vào bình thì chỉ thấy toàn là máu. Đức Phật bảo: “*Định nghiệp đã vậy, sức ông không cứu độ được đâu. Chính ta cũng phải chịu đau đầu ba ngày rồi!*”. Ngoài nguyên nhân dẫn đến việc thăm sát tộc Cù Đàm như vừa thuật, Đức Phật còn giải thích cho Đại đức nghe về nhân duyên của sự việc.

Trước đây rất lâu xa, trong thành La Phiệt có một cái đầm, rất nhiều cá. Đa số cư dân nơi ấy sống bằng nghề đánh cá. Đến ngày nọ, trời khô hạn, trong đầm chỉ còn lại có hai con cá chúa – một con là Phu, một con tên là Đa Thiệt. Cả hai con đều bị bắt lên bờ. Lúc ấy có một cậu bé cầm que gõ vào đầu cá ba cái. Về sau, những ngư dân ấy đều là người họ Thích ngày nay.

Con cá Phu khu xưa chính là vua Lưu Ly. Cá Đa Thiệt là gã hầu tướng của vua Lưu Ly, còn cậu bé chính là tiền thân của ta (Tức là Đức Thích Ca). Nhân quả báo ứng rất hiển nhiên, không sao tránh khỏi được.

Tỳ kheo Thiện Tinh luôn tuyên dương kiến thức và những quan điểm sai lạc của mình. Khi nói pháp, ý kiến của ông hoàn toàn trái với lời Phật dạy. Chẳng hạn, Phật cấm sát sinh thì ông ta nói: “*Chẳng cần phải vậy. Tại sao tránh sát sinh chứ? Sự sống chết của chúng sinh liên tục nối tiếp nhau, có vài loài đặc biệt để cho con người ăn thịt. Nếu không ăn thì lấy gì để sống?*”. Nguyên, Tỳ kheo Thiện Tinh xuất gia theo Phật, nhưng sau đó ông ta đâm ra bất đồng với Phật. Tất cả lời Phật dạy, ông ta đều nghi ngờ và tìm cách lôi kéo nhiều thầy tu khác theo mình. Họ tin tưởng ông ta: “*Đúng! Sát sinh thì có tội gì?*”. Giống như trường hợp Sư cô Bảo Liên Hương. “*Chúng ta làm những việc cần làm, đó đâu phải là trộm cắp. Nếu chúng ta có được những thứ gì đó thì chúng ta đâu cần phải hành động. Nhưng nếu không làm những điều cần thiết thì chúng ta có được gì trong đời?*”. Đó là ông ta nói về trộm cắp. Ông chống lại năm giới căn bản của nhà Phật. **Thiện Tinh vì nói cần tất cả các pháp là rỗng không.** Ông ta cả quyết: Tất cả mọi sự việc đều như vậy. Chẳng có gì là nghiệp. Ông nói nghiệp ư? Hãy mang ra cho tôi xem. Nó đâu có hiện hữu.

Nên thân sống sa vào địa ngục A Tỳ. Những người ấy không cần phải đến lúc chết mới vào địa ngục, như vua Lưu Ly, Tỳ kheo Thiện Tinh, Tỳ kheo Ni Bảo Liên Hương đã trải nghiệm địa ngục ngay khi đang sống. Và Ngài A Nan đã hỏi Phật về nhân duyên ấy.

Kinh văn:

此諸地獄為有
定處為復自然。彼彼發業各各私受。唯垂大
慈發開童蒙。令諸一切持戒眾生。聞決定義
歡喜頂戴謹潔無犯。

Thử chư địa ngục, vi hữu định xứ, vi phục tự nhiên. Bỉ bỉ phát nghiệp, các các tư thụ, duy thù đại từ, phát khai đồng môn. Linh chư nhất thiết, trì giới chúng sanh. Văn quyết định nghĩa, hoan hỉ đánh đái, cần khiết vô phạm.

Việt dịch:

Các địa ngục ấy là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên khi những người kia gây nghiệp thì mỗi người mỗi chịu riêng? Xin Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngậy thơ, khiến cho tất cả chúng sinh trì giới, nghe được nghĩa quyết định, vui mừng tôn trọng kính cần giữ gìn không phạm?

Giảng giải:

Các địa ngục ấy là có chỗ nhất định, hay là tự nhiên. Khi Tỳ Kheo Ni Bảo Liên Hương, Tỳ Kheo Thiện Tinh, vua Lưu Ly, cảm nhận thân sống sa vào địa ngục, Ngài A Nan bèn nhân đó hỏi Phật có phải địa ngục xác định tại một chỗ. **Khi những người kia gây nghiệp thì mỗi người mỗi chịu riêng?** Từng người một trong số ba người kia phải chịu trừng phạt theo nghiệp mình đã tạo. Ngoài ra, còn có những điều khó hiểu khác, chẳng hạn, địa ngục đã sắp đặt trước cho họ, hay do chính họ tạo ra? Địa ngục từ đâu đến? Sự liên hệ giữa tạo nghiệp và quả báo? Địa ngục như một nhà tù chung hay từng phần riêng biệt? **Xin Phật rủ lòng đại từ, khai ngộ cho kẻ ngây thơ.** “*Con hoàn toàn không biết việc này*”. A Nan nói: “*Khi đến đây, con như một đứa bé ngây thơ, khiến cho tất cả chúng sinh trì giới, nghe được nghĩa quyết định*”. Mong mọi người đều được nghe và phụng trì pháp Phật. Mong tất cả đều vui mừng tôn trọng kính cần giữ gìn không phạm giới hạnh thanh tịnh của Phật.

Kinh văn:

佛告阿難快哉此問。令諸眾生不入邪見。汝
今諦聽當為汝說。

Phật cáo A-nan, khoái tai thử vấn. Linh chư chúng sanh, bất nhập tà kiến. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Việt dịch:

Phật bảo ông A Nan: Hay thay lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh không mắc vào tà kiến. Nay ông hãy chú ý lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói.

Giảng giải:

Khi Đức Phật nghe ông A Nan hỏi giúp các chúng sinh cách giữ giới, Ngài rất hoan hỉ. **Phật bảo ông A Nan: Hay thay lời hỏi đó, khiến cho các chúng sinh không mắc vào tà kiến.** Tránh không phải sa vào tà kiến, giữ gìn lấy chính kiến. **Nay ông hãy chú ý lắng nghe, tôi sẽ vì ông mà nói.**

Kinh văn:

阿難一切眾生實本真淨。

因彼妄見有妄習生。因此分開內分外分。

A-nan! Nhất thiết chúng sanh, thật bản chân tịnh. Nhân bỉ vọng kiến, hữu vọng tập sanh. Nhân thử phân khai, nội phần ngoại phần.

Việt dịch:

A Nan, tất cả chúng sinh, thực tính vốn chân tịnh, nhân những vọng kiến mà có tập khí hư vọng sinh ra, vì thế nên phân chia ra có phận trong, phận ngoài.

Giảng giải:

A Nan, tất cả chúng sinh, thực tính vốn chân tịnh, nhưng chân thể lại khởi vọng, sinh ra vô minh, từ vô minh sinh ra tà kiến. Nhân những vọng kiến mà có tập khí hư vọng sinh ra. Các tập khí tồn tại trong và ngoài hiện thể, vì thế nên phân chia ra có phận trong, phận ngoài.

Kinh văn:

阿難內分即是眾生分內。因諸愛染發起妄情。
情積不休能生愛水。

A-nan! Nội phần tức thị, chúng sanh phần nội. Nhân chư ái nhiễm, phát khởi vọng tình. Tình tích bất hư, năng sanh ái thủy.

Việt dịch:

A Nan, phận trong tức là ở trong phận của chúng sinh. Nhân các ái nhiễm mà sinh ra vọng tình, tình chứa mãi không thôi, có thể sinh ra ái thủy.

Giảng giải:

A Nan, phận trong tức là ở trong phận của chúng sinh. Thế nào là trong phận, là trong thân? Nhân các ái nhiễm mà sinh ra vọng tình. Đây là lòng ái dục và các pháp trước nhiễm, từ đó sinh ra vọng tình. Tình chứa mãi không thôi. Các tình tích tập ngày này qua ngày khác, tháng này đến tháng khác, dần nhiều đến độ không dừng được, và những tình ái ấy luôn hiện hữu, có thể sinh ra ái thủy.

Kinh văn:

是故眾生心憶珍羞口
中水出。心憶前人或憐或恨目中淚盈。貪求
財寶心發愛涎舉體光潤。心著行婬男女二
根自然流液。

Thị cố chúng sanh, tâm ức trân tu, khẩu trung thủy xuất. Tâm ức tiền nhân, hoặc lân hoặc hận, mục trung lệ doanh. Tham cầu tài bảo, tâm phát ái tiên, cử thể quang nhuận. Tâm trước hành dâm, nam nữ nhị căn, tự phát lưu dịch.

Việt dịch:

Vậy nên chúng sinh, tâm nhớ thức ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra; tâm nhớ người trước đó, hoặc thương, hoặc giận thì trong mắt lệ tràn; tham cầu của báu thì trong tâm phát ra ái tiên, cả mình đều

trơn sáng; tâm dính vào việc dâm dục thì hai căn nam nữ, tự nhiên dịch khí rỉ ra.

Giảng giải:

Vậy nên chúng sinh, tâm nhớ thức ăn ngon thì trong miệng nước chảy ra. Tại sao tâm ái nhiễm của chúng sinh, nếu tình cảm phát triển không dừng thì sinh ra ái thủy? (Dịch ham muốn). Trong thực tế có thể biết được điều này, chẳng hạn một người thích ăn ngon, khi nghĩ về món ăn ưa thích thì tự nhiên nước bọt chảy ra. **Tâm nhớ người trước đó.** Một người bạn, hoặc có quan hệ thân thuộc. **Hoặc thương, hoặc giận thì trong mắt lệ tràn.** Người đã chết đi khiến mình cảm thấy thương tiếc, hoặc tức giận vì mất sớm, và nghĩ: “*Anh ấy là người tốt, tại sao lại chết sớm thế?*”. Thương hoặc giận đều khiến người nhớ đến phải chảy nước mắt. **Tham cầu của báu thì trong tâm phát ra ái tiên.** Người mơ mộng sang giàu thì trong tim phát ra ái tiên (chất dịch ham muốn), **cả mình đều trơn sáng; tâm dính vào việc dâm dục thì hai căn nam nữ, tự nhiên dịch khí rỉ ra.** Lòng ham thích, nghĩ tưởng việc hành dâm thì tinh dịch tự tiết ra.

Kinh văn:

阿難諸愛雖別流結是同。潤濕
不昇自然從墜此名內分。

A-nan! chư ái tuy biệt, lưu kết thị đồng. Nhuận thấp bất thăng, tự nhiên tòng truy, thử danh nội phân.

Việt dịch:

A Nan, các loại tham ái đó tuy khác nhau, nhưng kết quả chảy nước là đồng, thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, đấy gọi là phận trong.

Giảng giải:

A Nan, các loại tham ái đó tuy khác nhau, mặc dù có nhiều loại ái, nhưng kết quả chảy nước là đồng, sức quyến rũ của sự ham muốn là giống nhau. Nó thấm ướt không lên được, tự nhiên theo đó mà sa đọa, đó là cam xúc sa đọa, đấy gọi là phận trong.

Kinh văn:

阿難外分即是眾生分外。因諸渴仰發明虛
想。想積不休能生勝氣。

A-nan! Ngoại phần tức thị, chúng sanh phần ngoại. Nhân chư khát ngưỡng, phát minh hư tưởng. Tưởng tích bất hưu, năng sanh thắng khí.

Việt dịch:

A Nan, phận ngoài tức là ngoại phận của chúng sinh. Nhân các lòng ngưỡng mộ khát cầu, phát minh ra những vọng tưởng, tưởng chứa mãi không thôi, có thể sinh ra thắng khí.

Giảng giải:

A Nan, phận ngoài tức là ngoại phận của chúng sinh. Nhân các lòng ngưỡng mộ khát cầu, phát minh ra những vọng tưởng. “Ngưỡng mộ, khát cầu” là một loại ái, yêu thích. “Vọng tưởng” là ý tưởng không thực, sai lạc. **tưởng chứa mãi không thôi, có thể sinh ra thắng khí.** Khi một người nghĩ tưởng về mọi khía cạnh, người ấy nghĩ tưởng từ ngày này qua ngày khác, cả từ kiếp trước đến đời này, đến đời sau. Sự nghĩ tưởng ấy không dừng nghỉ, như vậy sẽ làm thành dòng tưởng liên tục, tất sẽ sinh ra một loại khí thù thắng.

Kinh văn:

是故眾生心持禁戒
舉身輕清。心持呪印顧眄雄毅。心欲生天夢想飛舉。心存佛國聖境冥現。事善知識自輕身命。

Thị cô chúng sanh, tâm trì cấm giới, cử thân khinh thanh. Tâm trì chú ấn, cố hể hùng nghị. Tâm dục sanh thiên, mộng tưởng phi cử. Tâm tồn Phật quốc, thánh cảnh minh hiện. Sự thiện tri thức, tự khinh thân mạng.

Việt dịch:

Vậy nên chúng sinh, tâm giữ giới cấm, cả mình nhẹ nhàng trong sạch; tâm trì chú ấn, mắt nhìn hùng dũng nghiêm nghị, tâm muốn sinh lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên, để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thâm hiện, thờ bậc thiện tri thức, tự khi rẻ thân mệnh mình.

Giảng giải:

Vậy nên chúng sinh, tâm giữ giới cấm, cả mình nhẹ nhàng trong sạch. Điều này có thể xảy ra với một số chúng sinh. “Cấm” là những việc không được làm. Giữ giới là để tránh không làm những điều xấu, ác, do ma quỷ xúi giục. Muốn không làm những điều không hay đó, quý vị phải giữ giới tại tâm. Tâm giữ giới, thân sẽ cảm thấy nhẹ nhàng, an ổn. **Tâm trì chú ấn, mắt nhìn hùng dũng nghiêm nghị.** Tâm quý vị tụng trì bài chú trong số nhiều loại chú. “Ấn” tức là tâm ấn, lấy tâm truyền tâm, quý vị trì chú tất sẽ thấy có hiệu nghiệm. Một người chuyên trì chú thường có khí sắc mạnh mẽ, mắt nhìn nghiêm nghị và đầy năng lực, không sợ hãi điều gì. **Tâm muốn sinh lên cõi trời, chiêm bao thấy bay lên.** Trong giấc mơ, quý vị thấy mình bay vào hư không – đây là vì quý vị muốn lên trời.

Để tâm nơi cõi Phật, thánh cảnh thâm hiện, thờ bậc thiện tri thức, tự khi rẻ thân mệnh mình. Nếu quý vị muốn sinh vào cõi Diệu Hi, hoặc các quốc độ Phật khác, khi ấy cõi Tây phương Tịnh độ sẽ lẳng lẳng hiện ra ao bầy báu, và nước tám loại công đức, vô số bạch hạc, cò, vẹt, chim Ca lăng tần già (Kalavinka)...biết bao là cảnh kỳ diệu. Nhiều điều trước giờ quý vị không thấy, không biết, thì khi ấy sẽ thấy, biết. Quý vị có thể nhìn thấy thế giới Lưu Ly Đông Phương của Phật Dược Sư. Quý vị sẽ được phụng sự bậc thiện tri thức; được gần gũi và học tập các vị ấy. Và như vậy, quý vị sẽ thấy thân mệnh mình quá tầm thường, chẳng có gì là quan trọng đối với sự thờ phụng các thiện tri thức.

Kinh văn:

阿難諸想雖別輕舉是同。飛動不沈自然超越。此名外分。

A-nan! chư tướng tuy biệt, khinh cử thị đồng. Phi động bất trầm, tự nhiên siêu việt, thử danh ngoại phần.

Việt dịch:

A Nan, các tư tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau, cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên, đó là phận ngoài.

Giảng giải:

A Nan, các tư tưởng đó tuy khác, nhưng nhẹ nhàng cất lên thì đồng nhau. Mặc dù có nhiều điều chúng ta nghĩ là khác biệt, nhưng khi có được sự thoải mái, nhẹ nhàng thì cảm giác bay bổng ấy lại như nhau. **Cất bay lên không chìm xuống, tự nhiên vượt lên.** Động tác hướng lên, bay lên, không phải là sa xuống. “Vượt lên” là vươn lên trên tất cả, vượt qua mọi điều. **Đó là phận ngoài.**

Kinh văn:

阿難一切世間生死相續。生從順習死從變流。臨命終時未捨暖觸。一生善惡俱時頓現。死逆生順二習相交。

A-nan! Nhất thiết thế gian, sanh tử tương tục. Sanh tùng thuận tập, tử tùng biến lưu. Lâm mạng chung thời, vị xả noãn xúc. Nhất sanh thiện ác, câu thời đốn hiện. Tử nghịch sanh thuận, nhị tập tương giao.

Việt dịch:

A Nan, tất cả thế gian sống chết nối nhau, sống thuận theo tập quán, chết đổi theo dòng khác, khi sắp mệnh chung, chưa hết hơi ấm,

thiện ác một đời đồng thời hiện ra; cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen nhau.

Giảng giải:

Đức Phật lại bảo: **A Nan**, ông nên biết rằng **tất cả thế gian sống chết nối nhau**, sinh ra và chết đi, chết xong lại tái sinh, luôn nối tiếp nhau trong cái vòng luân lưu bất tận. **Sống thuận theo tập quán**. Sống theo những điều mọi người mong muốn. **Chết đối theo dòng khác**. Khi chết, con người sẽ theo nghiệp báo mà tiếp tục tái sinh. Tùy theo loại nghiệp đã tạo, con người bị muốn vào bánh xe sinh tử.

Khi sắp mệnh chung, chưa hết hơi ấm, thiện ác một đời đồng thời hiện ra. “Chưa hết hơi ấm”, có nghĩa sáu thức và thức thức thứ bảy đã lìa khỏi thân, nhưng thức thức tám vẫn còn tồn tại. Trong Kinh văn: Nói hơi ấm, tức là chỉ thức thức tám còn hiện diện trong thân nên thấy ấm. Chẳng hạn như thức thức tám dời đi qua đôi chân, chân sẽ ấm, đi qua vùng bụng, bụng sẽ ấm, còn như thoát qua đỉnh đầu thì hơi ấm sẽ đọng lại cuối cùng nơi đó.

Sau khi chết, thức thức tám của người đó gọi là Thân trung uẩn (Hoặc Thân trung ấm). Khi người còn sống, thức ấy gọi là Thân uẩn hiện hành, thường được hiểu là “Hôn”, là Phật tính – theo nhà Phật. Khi một người sắp chết, mọi hành vi thiện, ác trong đời đều hiện diễn. Tùy theo hành động tạo tác, người đó sẽ nhận lấy quả lành, hoặc dữ. Nếu hành thiện, họ sẽ được lên các cõi trời, hành ác tất sẽ sa vào địa ngục. Một người tích tập nhiều việc thiện, khi lâm chung hơi ấm sẽ thoát ra từ đỉnh đầu, còn như gây nhiều tội ác, tạo lắm nghiệp chướng, hơi ấm sẽ thoát ra từ đôi chân. Nhìn chung, hơi ấm thoát ra từ phần trên thân người, có nghĩa người đó sẽ tái sinh nơi tốt đẹp hơn, còn như thoát đi từ phần dưới thân, tức là sự đi xuống. **Cái nghịch của chết, cái thuận của sống, hai tập khí giao xen nhau.** Cái nghịch và cái thuận cùng đối nhau trước lúc tử và sinh.

Kinh văn:

純想即飛必生天上。

若飛心中兼福兼慧及與淨願。自然心開見

十方佛。一切淨土隨願往生。

Thuần tưởng tức phi, tất sanh thiên thượng. Nhược phi tâm trung, kiêm phước kiêm tuệ, cập dữ tịnh nguyện. Tự nhiên tâm khai, kiến thập phương Phật. Nhất thiết tịnh độ, tùy nguyện vãng sanh.

Việt dịch:

Thuần là tưởng thì liền bay lên, chắc sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên, gồm có phước đức trí tuệ cùng với tịnh nguyện, thì tự nhiên

tâm được khai ngộ thấy tất cả Tịnh độ mười phương chư Phật, tùy nguyện mà vãng sinh.

Giảng giải:

Thuần là tướng, có nghĩa chỉ có tướng mà không có tình. Tướng là dương và tình là âm. Thuần tướng là chuyên nhất quán tướng, chẳng suy niệm gì khác.

Tư tưởng con người chi phối hầu hết các sự việc. Chẳng hạn, việc ăn, uống, hút thuốc, đều xuất phát từ ý tưởng. Đầu tiên, người ta nghĩ về điều ấy, kể đến mới hành động. Trái lại, nếu người đó quyết định không làm điều gì thì họ sẽ không làm. “*Nếu muốn ăn ngon, tôi đi mua thức ngon để ăn. Nếu muốn mặc đẹp, tôi mua quần áo đẹp*”. Nếu thấy khát, người ta sẽ tìm lấy nước uống, hoặc bia, rượu. Tâm trí con người thường luôn bận rộn về nhiều điều. Khi gặp một người thiện tri thức khuyên họ hãy thôi hút thuốc, dừng việc ăn thịt, uống rượu. Họ đồng ý, nghe theo lời khuyên, nhưng tâm ý của họ đã quen thiết với những điều đã qua, họ bắt đầu mơ tưởng đến hút thuốc, ăn thịt, uống rượu. Họ thực sự không tự tỉnh, không tránh được những cảm dỗ quen thuộc nên lôi cả vào trong mộng mị. Khi thức tỉnh, họ thấy tiếc vì những điều mơ thấy: “*Tôi đã dừng các việc ấy, tại sao vẫn còn mơ thấy?*”. Họ tự quở trách mình. Tôi đã nói qua – rất khó kiểm soát lấy mình khi chúng ta đau yếu, và càng khó khăn hơn khi mộng mị.

Chỉ thuần là tướng **thì liền bay lên, chắc sinh lên cõi trời, nếu trong tâm bay lên, gồm có phúc đức trí tuệ cùng với tịnh nguyện, thì tự nhiên tâm được khai ngộ**. Tuy nhiên, nếu người đó không có ý sinh lên các cõi trời mà trong tâm có cả phúc đức, trí tuệ cùng với nguyện thanh tịnh, họ sẽ được sinh vào cõi Phật. Phật là đáng lưỡng toàn, vì Ngài thành tựu trọn vẹn cả phúc và tuệ. Biết được vậy, mọi người tất sẽ muốn tu cả phúc và trí.

Tu phúc mà thiếu trí chẳng khác chi con voi mang vòng ngọc.

Tu trí mà thiếu phúc khác nào A-la-hán mang cái bát rỗng.

Vòng ngọc đẹp có giá trị, nhưng mang vào cổ con voi sẽ không thấy đâu là sức mạnh của tư tưởng và trí tuệ. Nếu quý vị có được trí tuệ khi tu học kinh điển, khi ngồi thiền, nhưng không vun trồng những cội phúc, như vậy sẽ không thể thực hiện bố thí, rốt cục, quý vị sẽ thấy khó chịu, thiếu thôn. Vun trồng cội phúc có nghĩa làm những việc phúc thiện, đặc biệt là các ngày lễ Phật, như Phật đản, các ngày kỷ niệm chư Phật, Bồ tát, hoặc ngày sinh của quý vị, ngày rằm. Nếu quý vị thực hiện bố thí và lập công quả trước Tam Bảo, chắc chắn sẽ được nhiều phúc đức. Nếu không gieo trồng nhân đức, chúng ta sẽ chẳng được phúc. Nếu quý vị chỉ chuyên chú trí tuệ, không gây dựng phúc, khi quý vị thành A-la-hán, sẽ không có ai đến cúng dường.

Đây là vì không gieo nhân nên chẳng có quả để gặt. Nếu muốn người khác giúp khi mình cần thiết, tất nhiên, quý vị phải bố thí, hoặc làm lợi ích cho người khác ngay từ bây giờ. Đây là đạo lý rất đơn giản.

Trông dưa, được dưa

Trông đậu sẽ được đậu

“Tịnh nguyện” có nghĩa là trước Phật và Bồ tát, quý vị nguyện:

Nguyện sinh vào Tây phương Tịnh độ,

Với sen chín phẩm như các từ phụ của tôi.

Khi sen nở tôi sẽ được thấy Phật,

Tổ ngộ lễ vô sinh.

Đồng hành cùng các Bất thoái Bồ tát.

Hoặc quý vị mong muốn sinh vào Đông phương Tịnh độ. Những lời nguyện thanh tịnh làm cho tâm được tổ ngộ, **thấy tất cả Tịnh độ mười phương chư Phật, tùy nguyện mà vãng sinh.** Một người có thể được phúc, trí và nguyện, cuối đời họ sẽ được thấy Phật trong mười phương, có thể sinh vào cõi tịnh độ như họ muốn.

Kinh văn:

情少想多輕舉

非遠。即為飛仙大力鬼王。飛行夜叉地行羅刹。遊於四天。所去無礙。

Tình thiếu tưởng đa, khinh cử phi viển. Tức vi phi tiên, đại lực quỷ Vương. Phi hành dạ xoa, địa hành La-sát. Du ư tứ thiên, sở khứ vô ngại.

Việt dịch:

Tình ít, tưởng nhiều, cất lên không xa thì làm phi tiên, đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát, đi khắp bốn cõi trời, không bị ngăn ngại.

Giải thích:

Tình ít, tưởng nhiều, cất lên không xa. “Tình” có thể hiểu là khả năng tri giác, cảm giác. Như nói:

Các loài hữu tình và vô tình

Vẫn tiềm tàng khả năng ý thức.

Hữu tình là có tư tưởng, tình cảm. Vô tình là các loài cây, cỏ...

Con người đâu phải cỏ cây.

Nào ai là chẳng có tình.

Đúng thật vậy. Tất cả mọi người đều có tình. Vậy khi nào thì nó bộc lộ? - Ở tuổi trẻ. Người Trung Quốc viết chữ Tình (禮) bằng cách ghép chữ Tâm (心) và chữ Thanh (青: trẻ). Nói đến tình, thường chúng ta nói Tình yêu. Thực ra, tình có rất nhiều nghĩa.

Nam nữ thanh niên dành rất nhiều thời gian nói về tình và yêu. Tại sao? Bởi vì họ thực sự không biết về nó. Họ không dứt nói về tình yêu, từ ngày này sang ngày khác, tháng này qua tháng khác, và từ năm này sang năm khác vẫn bàn về chủ đề đó. Các thanh niên thành ra chìm đắm, mê mải trong tình cảm. Nó làm cho họ loạn lên.

Nặng nề vì nghiệp, mê vì tình.

Đấy là hạng người tầm thường.

Hỗn loạn là một loại trước nhiễm, vướng mắc, khó mà vượt thoát. Nhưng cái tình từ đâu đến? Từ tâm quý vị đây. Vậy thì tâm từ đâu tới? Từ tánh của quý vị.

Tánh phát ra thành tình

Tình phát ra thành dục.

Phát ra có nghĩa là rơi xuống, như:

Ý chí của kẻ siêu nhiên là cao thượng,

Ý chí kẻ tầm thường là kém cõi.

Khi một người rơi xuống, đi xuống và tiến đến ham muốn (dục), khi ấy lửa sẽ thiêu đốt thân tâm. Điều đó xảy ra với nam-nữ, họ mất đi tự chủ.

“Tưởng” là suy nghĩ, suy tưởng. Đặc điểm của tưởng bao hàm tính cách đối với tâm. Nó vốn xuất phát từ tâm. Lúc đầu, tâm không động, nhưng với tư tưởng, mọi thứ đều hữu hiện. Tính chất đặc biệt của tưởng cũng là tính chất của tưởng, cả tâm cũng vậy. Bất cứ điều gì quý vị nghĩ đến nó đều trở hiện. Chẳng hạn như nghĩ đến uống thì hình ảnh rượu sẽ hiện ra trong tâm người đó. Nghĩ đến ăn thịt, miếng thịt hiện ngay trong tâm. Mọi vấn đề khác cũng đều vậy. Kinh nói hữu thể không tự hiện hiện, nhưng với tưởng thì nó lại hiện. Vậy tưởng đó đúng hay sai? Về căn bản, nó không đúng. Khi con người trước nhiễm, gắn liền với những sự việc hiển hiện thì họ chầm dứt tưởng.

Khi tưởng nhiều hơn tình, họ sẽ cất lên không xa. Điều này có thể giải thích theo hai cách. Có thể hiểu là họ không tiến xa, sự bay lên cao có giới hạn. Nhưng giải thích ấy không đúng với đoạn văn trên. Cách giải thích hợp là: sức bay của họ vượt xa đoạn miêu tả. “Cất lên không xa”, có nghĩa họ tiến lên rất xa, rất rộng. Vậy thì bao xa? Họ **làm phi tiên**. Như:

Ban sáng đi rong cả trăm ngàn dặm.

Đến chiều thăm viếng chín ngàn bệ thờ.

Hoặc trở thành **đại lực quỷ vương, phi hành dạ xoa, địa hành la sát**. Các chúng loại này đã giảng giải qua. Họ có thể **đi khắp bốn cõi trời, không bị ngăn ngại**. Chẳng có gì ngăn trở hành trình của họ.

Kinh văn:

其中若有善願善。心
護持我法。或護禁戒隨持戒人。或護神呪隨
持呪者。或護禪定保綏法忍。是等親住如來
座下。

Kỳ trung nhược hữu, thiện nguyện thiện tâm, hộ trì ngũ pháp. Hoặc hộ cấm giới, tùy trì giới nhân. Hoặc hộ Thần chú, tùy trì chú giả. Hoặc hộ Thiên định, bảo tụy pháp nhẫn. Thị đẳng thân trụ, Như Lai tọa hạ.

Việt dịch:

Trong chúng, nếu có nguyện tốt, tâm lành, hộ trì giáo pháp, hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới, hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú, hoặc hộ trì thiên định, theo người thiên định, giữ yên pháp nhẫn, thì những hạng đó, chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai.

Giảng giải:

Trong chúng, chỉ chung cho các chúng quỷ vương, du hành dạ xoa..., **nếu có nguyện tốt, tâm lành, hộ trì giáo pháp**. Giáo pháp của Đức Thích Ca, cũng tức là Phật pháp. **Hoặc hộ trì cấm giới, theo người trì giới**. Chỉ những người giữ giới theo lời Phật dạy, như vậy họ sẽ theo những người giữ giới. Mọi hành động của họ đều đúng với giới cấm, chẳng có gì phải bận lòng vì điều đó. **Hoặc hộ trì thần chú, theo người trì chú**. Họ có thể trì chú Lăng Nghiêm, chú Đại Bi, hoặc các chú khác. Họ kiên quyết theo người trì chú và bảo vệ những người ấy cả đêm, ngày. **Hoặc hộ trì thiên định, theo người thiên định, giữ yên pháp nhẫn**. Có những chúng nguyện trong tương lai sẽ bảo vệ người tu tập thiên, họ sẽ đạt được thiên định, giữ yên người có pháp nhẫn sẽ đạt được các pháp, **thì những hạng đó, chính mình được ở dưới pháp tòa của Như Lai**. Các chúng có hạnh nguyện tốt đẹp và hộ trì pháp đều sẽ được ở dưới pháp tòa Như Lai nghe giảng pháp.

Kinh văn:

情想均等不飛不墜生於人間。想明斯
聰情幽斯鈍。

Tình tưởng quân đẳng, bất phi bất trụ, sanh ư nhân gian. Tưởng minh tư thông, tình u tư độn.

Việt dịch:

Tình và tướng ngang nhau, không bay lên, chẳng đọa xuống, thì sinh nơi nhân gian, tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn.

Giải thích:

Với chín mươi phần tướng, mười phần tình, người ấy đa phần sẽ được tái sinh. Nếu chín mươi phần tình, mười phần tướng, chắc chắn sẽ đi vào địa ngục. Nay **tình và tướng ngang nhau, không bay lên, chẳng đọa xuống, thì sinh nơi nhân gian.** Với nửa tướng, nửa tình là trạng thái cân bằng, người đó không thể bay lên trời làm thân tiên, không xuống địa ngục làm ngựa quỷ. Vậy sẽ đi đâu? Đây là chỗ hiện tại của quý vị, của tôi. Sinh nơi cõi nhân gian, không có nghĩa là sẽ được sinh ở đây mãi mãi. Nhân gian chẳng qua là một chỗ tạm dừng – một nơi để chuyển sang chỗ khác. *“Từ nhân gian, con người sẽ đi đến đâu?”*. Quý vị sẽ hỏi. Vâng, để sinh nơi cõi nhân gian, quý vị phải có phần tướng và tình ngang nhau. Quý vị nên quán xét xem hiện tại mình có tướng nhiều hay tình nhiều hơn. Nếu tình nhiều, ắt sẽ vào địa ngục, còn như tướng nhiều hơn, tương lai quý vị sẽ sinh lên cõi trời. Nếu không có tình, quý vị có thể tiến đến quả Phật, vì khi đó quý vị là thuần Dương, không có Âm. Nếu quý vị có mười phần tình, vậy là có Âm rồi.

Tướng sáng suốt nên thông minh, tình u ám nên ngu độn. Đây là điểm chuyển hóa. Quý vị càng tư tưởng hiểu biết càng nhiều. Khi có được trí tuệ, nếu quý vị tu tập để ngày càng tinh tấn thì trí tuệ càng phát triển. Đây là ý nghĩa: *“Tướng sáng suốt nên thông minh”*.

Tình – được gọi là âm, vì khi đó là vấn đề riêng tư. Tướng thì công khai, quang minh và trong sáng – Đây là sự tu tập ngồi thiền, học Phật pháp, nghe giảng kinh. Từ đó, quý vị có được trí tuệ. Trái lại, tình và ái thì không thể bàn luận giữa chốn đông người. Hẳn nhiên, hai người nam nữ phải đến công viên, bãi biển, hoặc ngồi riêng với nhau dưới cội cây để tâm sự. Họ thăm thì trò chuyện nhau. Do đó, tình thuộc loại “u ám”. Những gì không thể cho người khác thấy biết là đen tối, u ám. Sự u ám đó làm cho họ thành ra ngu độn. Họ đưa nhau vào rừng, nơi chẳng thấy trời cao. Hoặc ngồi với nhau trong xe, trong tàu; đi đến những nơi vắng người – đó là “u ám”. Những điều đó thuộc về âm, nó làm cho con người trở nên ngu độn. Thường họ say mê tán gẫu (chat) nhau đến khi thành ra ngu ngốc, ngu ngốc cả khi rơi tòm vào hồ sâu không đáy. Đó là lý do khiến bao người sa ngã và trượt vào biển khổ. Đến khi ấy thì không dễ gì thoát khỏi; quý vị phải hết sức cố gắng mới được. Trừ phi quý vị may mắn được một thiện tri thức nắm tay kêu to lên: *“Thoát ra đi!”* – đây cũng là điều khó.

Kinh văn:

情多想少流入橫生。重為毛群
輕為羽族。

Tình đa tưởng thiểu, lưu nhập hoành sanh. Trọng vi mao quần, khinh vi vũ tộc.

Việt dịch;

Tình nhiều tưởng ít, đi vào các loại hoành sinh, nặng làm giống có lông, nhẹ thì làm giống có cánh.

Giải giải:

Tình nhiều tưởng ít, đi vào các loại hoành sinh, nặng làm giống có lông. Đây là sự chuyển biến nhẹ theo mức độ tình giữa các loài thú. Ngay cả ruồi muỗi cũng có một chút tưởng. Quý vị có bao giờ tự hỏi, tại sao loài chim có nhiều màu sắc? Đây là vì khi còn là người, họ thích mặc các loại quần áo sặc sỡ. Họ mặc đẹp để người khác chú ý đến. Khuynh hướng ấy vương lầy nhiều tình, ít tưởng, khiến họ sa vào các giống chim. Có vài loài chim thanh tú, xinh đẹp. Đây là những kẻ từng mặc y phục rất đẹp. Do cái tình sâu nặng nên phải vào đường thú, nhưng tình các loài ấy nhẹ hơn súc vật nên thành chim vậy.

Kinh văn:

七情三想沈下水輪。生於火際。受
氣猛火身為餓鬼。常被焚燒水能害己。無食
無飲經百千劫。

Thất tình tam tưởng, trầm hạ thủy luân. Sanh ư hỏa tế. Thụ khí mãnh hỏa, thân vi nga quý. Thường bị phần thiêu, thủy năng hại kỷ. Vô thực vô ẩm, kinh bách thiên kiếp.

Việt dịch:

Bảy phần tình, ba phần tưởng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi cạnh hỏa luân, chịu khí phần của lửa hồng, thân làm nga quý thường bị đốt cháy, vì nước có thể hại mình, không ăn không uống, trải qua trăm ngàn kiếp như vậy.

Giải giải:

Với sau mười phần tình, bốn mươi phần tưởng, con người sẽ đi vào đường súc sinh. Với bốn mươi phần tình, sáu mươi phần tưởng, con người có thể tái sinh vào cõi trời. Còn như **Bảy phần tình, ba phần tưởng, chìm xuống dưới thủy luân, sinh nơi cạnh hỏa luân, chịu khí phần của lửa hồng.** Bên dưới thủy luân là lửa. Chẳng hạn như núi lửa thì lửa nằm bên dưới mực nước. **Thân làm nga quý thường bị đốt cháy.** Có rất nhiều loài nga quý, loại tệ nhất có cổ họng nhỏ như cây kim, bụng to như cái trống. Vì

nước có thể hại mình, không ăn không uống, trải qua trăm ngàn kiếp như vậy. Bọn họ không có một giọt nước để uống. Tại sao vậy? Đó là vì nghiệp, khi nhìn thấy nước thì liền biến thành lửa. Thiện thần thấy nước như lưu ly. Cá, tôm, sò và các động vật ở biển thấy nước như là nơi của chúng, đó là nhà ở. Chúng sống trong đó nên không thấy nước, cũng như con người sống nhờ vào không khí nhưng không để ý đến. Nếu con người thiếu không khí ất sẽ chết. Con người cần ăn uống để sống, nhưng cũng phải cần không khí để thở. Nhưng chúng ta có thấy được không khí? – Không. Cá thấy nước là nhà của chúng, và con người thấy nước là nước, nhưng loài quỷ thấy nước lại là lửa. Tại sao chúng ta không thấy nó như lửa? Nếu ai đó muốn biết có sự khác biệt đó thì nên thử làm quỷ ất sẽ nhận ra. Nhưng quý vị muốn biết được điều đó mà không cần phải làm quỷ. Đúng vậy, tôi sẽ nói – Đó là vì nghiệp chướng. Do kết quả của nghiệp chính họ tạo ra. Nếu quý vị tạo nghiệp, quả báo khiến quý vị thành ngạ quỷ, khi ấy sẽ cảm nhận nước chính là lửa. Nếu không tin, quý vị có thể thử xem. Nhưng nếu hành động như vậy, và khi thực sự đã thành ngạ quỷ thì rất khó để trở lại làm người. Vậy, cách tốt nhất là hãy tin tôi, tôi không nói dối quý vị.

Khi ngạ quỷ bị thiêu chết, nó tiếp tục sống trở lại, và bị thiêu chết. Chúng phải chịu đựng sự sống chết nối tiếp liên tục như vậy. Quỷ nhìn thấy nước là lửa nên không có nước để uống, cũng chẳng có cái để ăn, chúng phải chịu đựng đau khổ trong vô số kiếp như vậy.

Kinh văn:

九情一想下洞火輪。身入風
火二交過地。輕生有間重生無間二種地獄。

Cửu tình nhất tưởng, hạ động hỏa luân. Thân nhập phong hỏa, nhị giao quá địa. Kinh sanh hữu gian, trọng sanh Vô gián, nhị chủng địa ngục.

Việt dịch:

Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân, giữa giao giới phong luân và hỏa luân, nhẹ thì sinh vào Hữu gián, nặng thì sinh vào Vô gián, là hai thứ địa ngục.

Giải thích:

Chín phần tình, một phần tưởng, xuống thấu qua hỏa luân, giữa giao giới phong luân và hỏa luân. Ở đây không chỉ có lửa, nó còn có gió, gió càng làm lửa cháy mạnh hơn. **Nhẹ thì sinh vào Hữu gián, nặng thì sinh vào Vô gián, là hai thứ địa ngục.**

Kinh văn:

純情即沈入阿鼻獄。若沈心中有謗大乘。毀佛禁戒誑妄說法。虛貪信施濫膺恭敬五逆十重。更生十方阿鼻地獄。

Thuần tình tức trầm, nhập A-tỳ ngục. Nhược trầm tâm trung, hữu báng Đại-Thừa. Hủy Phật cấm giới, cuồng vọng thuyết Pháp. Hư tham tín thí, lạm ung cung kính, ngũ nghịch thập trọng. Cánh sanh thập phương, A-tỳ địa ngục.

Việt dịch:

Thuần tà là tình thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu trong tâm chìm sâu như vậy lại có hủy báng Đại thừa, phá cấm giới của Phật, lừa dối nói pháp để tham cầu tín thí, lạm nhận cung kính, phạm ngũ nghịch, thập trọng thì lại chuyển sinh vào mười phương địa ngục A Tỳ.

Giải thích:

Thuần tà là tình, không có tướng, duy chỉ có tình, **thì chìm sâu vào ngục A Tỳ, nếu trong tâm chìm sâu như vậy**, nếu trong tâm người đó hoàn toàn bị động do tình, **lại có hủy báng Đại thừa**. Họ phán đoán, nhất định mọi sự việc đều theo tình ý của riêng mình, nhận đúng là sai, nhận cái sai là đúng. Họ rất vô lý, luôn thay trắng đổi đen, ưa phản đối những gì người khác nói. Nếu có người lên tiếng: *“Đừng, làm vậy là không tốt”*. Họ sẽ phản bác: *“Có gì phải sợ chứ?”*. Phương châm của họ là: *“Ăn thịt, uống rượu chẳng hề gì. Phật chỉ là hình ảnh tưởng tượng ra thôi”*. Họ luận rằng: *“Tâm là Phật, Phật là tâm”*. Đây là những quan điểm sai lạc, tà kiến.

Từ suy nghĩ lệch lạc, họ **phá cấm giới của Phật**. Nói: *“Thọ giới làm gì chứ? Thọ giới ắt sẽ bị ràng buộc, không được tự do!”*. Thực ra, nếu không thọ giới, con người rất dễ đi vào địa ngục. Quý vị gọi đó là tự do sao? Giới có giới tướng, giới pháp, giới thể. Người thọ giới có khả năng gìn giữ, ngăn ngừa những sai phạm của chính mình, tránh không đi vào địa ngục. Và cho dù có vào địa ngục, quý vị cũng sẽ nhanh chóng ra khỏi nơi đau khổ ấy. *“Chúng sinh thọ giới Phật, tức là Phật tử chân chính”*. Cho nên, thọ giới là điều cần thiết trong tu hành Phật đạo.

Đừng hủy báng giới của Phật, cũng đừng **lừa dối nói pháp**. Đừng phủ nhận nhân quả, đừng nói những lời như: *“Không có nhân quả, con người ta đã là Phật rồi. Không cần thiết phải tu hành. Cứ ăn thịt, uống rượu và vui đi, dù có làm điều gì cũng không sao, các người rồi sẽ thành Phật. Thật dễ dàng để thành Phật.”*

Đúng đấy, thật dễ dàng để thành Phật, nhưng phải tránh đi tội lỗi. Chẳng có ông Phật nào lẩn tội cả. Các vị ấy đều hoàn toàn trong sạch, thanh tịnh chẳng có ai ô uế, đầy nghiệp chướng mà thành Phật được. Chẳng có ai

ăn thịt, uống rượu mà thành Phật. Nếu chỉ đơn giản như thế thì Phật còn nói đến giới cấm làm gì.

Đừng **để tham cầu tín thí**. Đừng dối trá để người khác tin tưởng và mang đến lợi lộc cho quý vị. Đừng nghĩ làm thế nào để được tiền từ các người học. Tôi không bao giờ nói về tiền bạc với các môn đệ. Thông thường, họ phải mất ít nhất năm mươi, hoặc sáu mươi đô la khi mới vào học tập, nhưng tôi không để ý đến việc ấy.

Tránh **lạm nhận cung kính**, hoặc **phạm ngũ nghịch**, như giết cha, mẹ, giết A-la-hán, làm chảy máu thân Phật, phá hòa hợp Tăng. Hoặc phạm tội thập trọng – đó là mười trọng giới Bồ tát. Phạm tội nặng như vậy **thì lại chuyển sinh vào mười phương địa ngục A Tỳ**. Sau khi chịu hình phạt từ ngục A Tỳ (Avici) ở cõi này, người đó sẽ lại chuyển sang ngục A Tỳ khác trong khắp cả mười phương. Quý vị có thể hình dung là biết bao lâu không? Chẳng hạn Đề Bà Đạt Đa (Devadatta), người ra sức ganh đua cùng Phật, rốt cục thân sống phải rơi vào địa ngục. Hiện ông ấy vẫn phải chịu đau khổ trong các địa ngục – từ thời Phật Thích Ca cho đến ngày nay, thật sự, đó cũng chỉ là một cái chớp mắt.

Kinh văn:

循造惡業雖則自
招眾同分中兼有元地。

Tuần tạo ác nghiệp, tuy tác tự chiêu, chúng đồng phần trung, kiêm hữu nguyên địa.

Viết dịch:

Theo ác nghiệp gây ra, mặc dù tự chuốc lấy quả báo, nhưng trong đồng phận chung vẫn có chỗ nhất định.

Giảng giải:

Theo ác nghiệp gây ra, mặc dù tự chuốc lấy quả báo, vì hủy báng giáo pháp Đại thừa, phá hoại Phật, pháp, Tăng, phạm tội ngũ nghịch và thập trọng. **nhưng trong đồng phận chung vẫn có chỗ nhất định**. Mặc dù sa vào địa ngục do hành động của chính mình gây ra, nhưng tùy theo sự tạo nghiệp của mỗi người có khác nhau nên sự chịu đựng quả báo cũng có khác.

Kinh văn:

阿難此等皆是彼諸眾生自業所感。造十習
因受六交報。

A-nan! Thử đẳng giai thị, bỉ chư chúng sanh, tự nghiệp sở cảm. Tạo thập tập nhân, thọ lục giao báo.

Viết dịch:

A Nan, những điều như thế, đều do nghiệp báo của các chúng sinh kia tự chiêu cảm lấy, như gây ra mười tập nhân, phải chịu sáu giao báo.

Giảng giải:

A Nan, những điều như thế, đều do nghiệp báo của các chúng sinh kia tự chiêu cảm lấy, do khởi vọng tưởng, tạo nghiệp và phải chịu quả báo, như gây ra mười tập nhân, phải chịu sáu giao báo. Quả báo thì không bao giờ dứt.

Kinh văn:

云何十因。阿難一者婬習交接。
發於相磨研磨不休。如是故有大猛火光於
中發動。如人以手自相磨觸暖相現前。

Vân hà thập nhân? A-nan nhất giá: Dâm tập giao tiếp. Phát u tương ma, nghiên ma bất hưu. Như thị cố hữu, đại mãnh hỏa quang, u trung phát động. Như nhân dĩ thủ, tự tướng ma xúc, noãn tương hiện tiền.

Việt dịch:

Thế nào là mười tập nhân? A Nan, một là quán tập dâm dục, giao tiếp cùng nhau, phát sinh cọ sát nhau, cọ xát mãi không thôi, như vậy nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên. Ví như người ta lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra.

Giảng giải:

Thế nào là mười tập nhân? A Nan. Ta sẽ giảng cho ông. Một là quán tập dâm dục, đó là thói quen hành dâm giữa nam và nữ, không dứt được, họ giao tiếp cùng nhau, phát sinh cọ sát nhau, cọ xát mãi không thôi, như vậy nên trong ấy có ngọn lửa hồng lớn nổi lên. Ngọn lửa phát sinh từ chính họ do sự vận động, ví như người ta lấy hai bàn tay cọ xát lẫn nhau thì cảm giác nóng hiện ra.

Kinh văn:

二
習相然故有鐵床銅柱諸事。

Nhị tập tương nhiên, cố hữu thiết sàng, đồng trụ chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí bức bách lẫn nhau nên có những việc giường sắt, cột đồng.

Giảng giải:

Hai tập khí. Tập khí dâm dục từ đời trước (quá khứ) chưa dứt trừ, đến đời hiện tại, tập khí ấy càng thêm tăng trưởng. Do hai tập khí ấy bức

bách lẫn nhau nên có những việc giường sắt, cột đồng. Giường sắt, cột đồng, là những từ đặc biệt của địa ngục. Do nghiệp dâm dục quá nặng nên phải chịu đựng sự thiêu đốt như vậy.

Kinh văn:

是故十方一切如
來。色目行婬同名欲火。菩薩見欲如避火坑。

Thị cô thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục hành dâm, đồng danh dục hỏa. Bồ Tát kiến dục, như tị hỏa khanh.

Việt dịch:

Thế nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc dâm dục cùng gọi là lửa dục. Bồ tát đối với dâm dục thì tránh như hầm lửa.

Giải thích:

Thế nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc dâm dục cùng gọi là lửa dục. Các Như Lai nhấn nhủ, lửa dục dễ dàng đốt cháy thân người. **Bồ tát đối với dâm dục thì tránh như hầm lửa.** Các vị ấy tránh xa dâm dục như xa lánh hầm lửa. Quý vị chắc không muốn thấy hầm lửa và nhảy bổ vào đấy. Các Bồ tát xa lánh việc dâm dục, họ cũng chẳng nghĩ đến điều ấy.

Kinh văn:

二者貪習交計。發於相吸吸攬不止。如是故
有積寒堅冰於中凍冽。如人以口吸縮風氣
有冷觸生。

Nhị giả: Tham tập giao kế. Phát ư tương hấp, hấp lãn bất chỉ. Như thị cô hữu, tích hàn kiên băng, ư trung đống liệt. Như nhân dĩ khẩu, hấp súc phong khí, hữu lãnh xúc sanh.

Việt dịch:

Hai là, tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau, hấp thụ ôm ấp mãi không thôi. Như thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá cứng, làm cho nứt nẻ, ví như có người hút hơi gió vào thì có cảm xúc lạnh.

Giải thích:

Hai là, tập quán tham lam, so đo hơn thiệt, phát sinh hấp thụ lẫn nhau. Tham lam như một loại nam châm, nó có sức hút các vật đồng loại, **hấp thụ ôm ấp mãi không thôi,** lòng tham con người không bao giờ dừng, lúc nào cũng cố gắng tìm cách tích tập cho riêng mình. Khi lòng tham quá mạnh - **Như thế nên chứa hơi lạnh bên trong thành băng giá cứng, làm**

cho nứt nẻ. Đây là cảm giác lạnh giá, ví như có người hút hơi gió vào thì có cảm xúc lạnh.

Kinh văn:

二習相凌故有吒吒波波囉囉。
青赤白蓮寒氷等事。是故十方一切如來。色
目多求同名貪水。菩薩見貪如避瘴海。

Nhị tập tương lãng, cô hữu tra tra, ba ba La La. Thanh xích bạch liên, hàn băng đẳng sự. Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục đa cầu, đồng danh tham thủy. Bồ Tát kiến tham, như tị chướng hải.

Việt dịch:

Hai tập khí lẫn nhau nên có những sự tra tra, ba ba, la la, thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng...Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét việc tham cầu quá nhiều, cùng gọi là nước tham. Bồ tát đối với lòng tham, tránh như biển độc.

Giải thích:

Hai tập khí, lòng tham từ quá khứ và lòng tham trong đời hiện tại **lẫn nhau**, tức tập khí tham lam, chiếm đoạt lấy nhau **nên có những sự tra tra, ba ba, la la** – các tội nhân phải chịu đựng khổ sở nơi địa ngục lạnh rất khắc nghiệt. Các từ tra tra, ba ba, la la diễn tả tiếng rên rỉ, run rẩy vì lạnh cóng. **Thanh liên, xích liên, bạch liên, hàn băng**, chỉ những hình dáng băng giá trong địa ngục mà các chúng sinh phải chịu đựng.

Kinh văn:

三者慢習交凌。發於相恃馳流不息。如是故
有騰逸奔波積波為水。如人口舌自相綿味
因而水發。

Tam giả: Mạn tập giao lãng. Phát ư tương thị, trì lưu bất tức. Như thị cố hữu, đằng dật bôn ba, tích ba vi thủy. Như nhân khẩu thiệt, tự tương miên vị, nhân nhi thủy phát.

Việt dịch:

Ba là tập quán ngã mạn, lẫn lướt lẫn nhau, phát sinh ý thế với nhau. Giọng ruồi không thôi, như thế nên có sự bôn ba sôi nổi, chứa lại thành nước, như có người miệng lưỡi từ chép làm nước bọt chảy ra.

Giải thích:

Ba là tập quán ngã mạn, lẫn lướt lẫn nhau. Ngã mạn là kiêu căng, tự phụ. Người ngã mạn cứ nghĩ là mình hơn người. Do suy nghĩ như thế nên **phát sinh ý thế với nhau.** Họ nhìn người khác và **giọng ruồi không thôi,**

như thế nên có sự bôn ba sôi nổi, chứa lại thành nước. Đây là những nước, dầu sôi bỏng nơi địa ngục. **Như có người miệng lưỡi từ chép làm nước bọt chảy ra.** Tự chép miếng ắt sinh ra nước bọt.

Kinh văn:

二習相鼓故有血河灰河熱沙毒
海融銅灌吞諸事。

Nhị tập tương cổ, cổ hữu huyết hà, khôì hà nhiệt sa, độc hải dung đồng, quán thôn chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí chọi nhau nên có việc sông huyết, sông tro, cát nóng, biển độc, bắt uống nước đồng chảy.

Giải thích:

Hai tập khí chọi nhau, sự kiêu căng tích tập trong quá khứ, đến đời hiện tại thành tự ngã, **nên có việc**, nhiều loại địa ngục khác nhau, như địa ngục **sông huyết**, địa ngục **sông tro**, địa ngục **cát nóng**, địa ngục **biển độc**, địa ngục hành hình tội nhân bằng cách **bắt uống nước đồng chảy**.

Kinh văn:

是故十方一切如來。色目
我慢名飲癡水。菩薩見慢如避巨溺。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục ngã mạn, danh ẩm si thủy. Bồ Tát kiến mạn, như tị cự nịch.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét lòng ngã mạn, cùng gọi là uống nước si mê. Bồ tát đối với ngã mạn, tránh xa như vực lớn.

Giải thích:

Vực lớn chỉ là biển to sóng lớn, sa vào đấy thì khó bề thoát khỏi, thế nên phải tránh xa nơi nguy hiểm ấy.

Kinh văn:

四者嗔習交衝。發於相忤忤結不息。心熱發
火鑄氣為金。如是故有刀山鐵橛³⁸劍樹劍輪
斧鉞鎗鋸。如人銜冤殺氣飛動。

Tứ giả: Sân tập giao xung. Phát u tương ngộ, ngộ kết bất tức. Tâm nhiệt phát hỏa, chú khí vi kim. Như thị cố hữu, đao sơn thiết quyết, kiếm thụ kiếm luân, phủ việt thương cứ. Như nhân hàm oan, sát khí phi động.

Việt dịch:

Bồn là tập quán nóng giận, xung đột với nhau, phát sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim thuộc, vì thế nên có núi đao, gậy sắt, cây gươm, bánh xe gươm, những búa, cưa, thương; ví như có người bị hàm oan thì sát khí nổi lên.

Giảng giải:

Bồn là tập quán nóng giận, xung đột với nhau. Xung đột là đôi bên có mâu thuẫn, thách thức, muôn hại nhau, **phát sinh chống đối lẫn nhau, chống đối mãi không thôi, tâm nổi nóng phát ra lửa, nấu cái khí thành kim thuộc.** Tâm người đó nóng lên, mặc tình cho lửa vô minh thiêu đốt. Khí lực ấy bị thiêu đốt rất mạnh mẽ, đến biến thành kim thuộc. **Vì thế nên có núi đao, có địa ngục gậy sắt, địa ngục cây gươm, địa ngục bánh xe gươm và những búa, cưa, thương cùng các hình phạt tương tự khác. Ví như có người bị hàm oan phải mang lấy mối căm tức dữ dội, thì sát khí nổi lên, muốn diệt cho được đối phương.**

Kinh văn:

二習相擊故

有宮割斬斫剉刺搥擊諸事。

Nhị tập tương kích, cố hữu cung cát, trăm chước tảo thích, trùy kích chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí đập nhau nên có các việc thiến, chặt, dùi, đâm, đập, đánh.

Giảng giải:

Hai tập khí – sự thù ghét trong quá khứ và hiện tại, **đập nhau nên có các việc thiến** – đây là một loại địa ngục, **chặt**, giết chết, **dùi**, làm cho tay chân tàn phế, **đâm, đập, đánh** – đều là những hình phạt nơi địa ngục.

Kinh văn:

是故十方一切

如來。色目嗔恚名利刀劍。菩薩見嗔如避誅戮。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục sân nhuế, danh lợi đao kiếm. Bồ Tát kiến sân, như tị tru lục.

Việt dịch:

Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự nóng giận, cùng gọi là dao gươm bén. Bồ tát đối với lòng nóng giận thì tránh như lánh chém giết.

Giải thích:

Vậy nên các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự nóng giận, cùng gọi là dao gươm bén, lòng nóng giận như thanh gươm sắc bén. Bỏ tất đối với lòng nóng giận thì tránh như lánh chém giết. Bỏ tất xem lòng nóng giận và thù hằn như giết hại con người.

Kinh văn:

五者詐習交誘。發於相調引起不住。如是故有繩木絞絞。如水浸田草木生長。

Ngũ giả: Trá tập giao dụ. Phát ư tương điệu, dẫn khởi bất trụ. Như thị cố hữu, thủy mộc giảo hiệu. Như thủy xâm điền, thảo mộc sanh trưởng.

Việt dịch:

Năm là tập quán giả dối, dụ dỗ theo nhau, phát sinh lôi kéo nhau, dẫn dắt mãi không thôi, như thế nên có dây, cây, thông lọng, căng nọc; ví như nước thấm vào ruộng thì cỏ cây lớn lên.

Giải thích:

Năm là tập quán giả dối, dụ dỗ theo nhau, phát sinh lôi kéo nhau. “Giả dối” là không thực lòng. “Dụ dỗ”, tìm cách dối gạt để người khác theo mình. Khi bạn lừa tôi thì tôi cũng nghĩ cách lừa bạn. **Dẫn dắt mãi không thôi, như thế nên có dây, cây, thông lọng, căng nọc.** “Dẫn dắt” hàm ý dùng thủ đoạn dối trá. Dây, cây là những vật dụng làm thành cái giá treo người – đây là một loại địa ngục. **Ví như nước thấm vào ruộng thì cỏ cây lớn lên.** Chính sự dối trá hình thành và phát triển những dây, cây trong địa ngục.

Kinh văn:

二習相延
故有柎械枷鎖鞭杖撾棒諸事。

Nhị tập tương duyên, cố hữu nữu giới, gia tảo tiên trượng, qua bổng chur sự.

Việt dịch:

Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, xiềng, xích, roi, gậy, qua, bổng.

Giải thích:

Hai tập khí kéo nhau nên có các sự gông, cùm, tập khí dối trá tích tập từ quá khứ kéo dài đến đời hiện tại vẫn còn là giả dối. “Gôm, cùm”, là những hình cụ, cũng như xiềng xích vậy. Khi bị xiềng, xích trói buộc thì không còn hoạt động tự do được. Chẳng những thế, người ấy còn bị đánh

đập bằng những **roi, gậy, qua, bồng**. Tại sao họ phải chịu đựng những hình phạt như thế? Đấy đều là do giả dối vậy.

Kinh văn:

是故十方一切如來。色目姦偽同名讒賊。菩薩見詐如畏豺狼。

Thị cô thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục gian nguy, đồng danh sàm tặc. Bồ Tát kiến trá, như úy sài lang.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự giả dối cùng gọi là sàm tặc. Bồ tát đối với sự gian dối sợ như lang sói.

Giải thích:

“Sàm” là nói những điều không thể tin được.

Kinh văn:

六者誑習交欺。發於相調誣調不止。飛心造姦如是故有塵土屎尿穢污不淨。如塵隨風各無所見。

Lục giả: Cuồng tập giao khi. Phát u tương võng, vu võng bất chỉ. Phi tâm tạo gian, như thị cô hữu, trần thổ thi niệu, uế ô bất tịnh. Như trần tùy phong, các vô sở kiến

Việt dịch:

Sáu là tập quán lừa gạt, dối trá nhau, phát sinh phỉnh gạt nhau, phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối, như thế nên có bụi, đất, phân, nước tiểu, các thứ ô uế không sạch, như bụi theo gió, không nhìn thấy được.

Giải thích:

Sáu là tập quán lừa gạt, dối trá nhau, phát sinh phỉnh gạt nhau. “Lừa gạt” là nói điều không thật, nói giả dối. “Dối trá nhau” nói điều giả dối để lừa người khác. “Phỉnh gạt nhau”, cùng nói dối để lừa nhau. **Phỉnh gạt mãi không thôi, phát tâm gây điều gian dối.** Nếu cứ lừa dối, phỉnh gạt mãi, kẻ ấy ắt thành bậc thầy dối trá, bất kể đạo lý. **Như thế nên có địa ngục bụi đất, địa ngục phân, nước tiểu.** Đấy là những địa ngục đầy dẫy các thứ ô uế không sạch, như bụi theo gió, không nhìn thấy được, đó là do nghiệp chướng báo ứng. Và bụi thì đầy khắp khiến cho con người không nhận ra điều gì.

Kinh văn:

二習相加故有沒溺騰擲飛墜
漂淪諸事。

Nhị tập tương gia, cố hữu một nịch, đằng trịch phi trụ, phiêu luân chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí chìm nhau nên có những sự chìm, đắm, nhảy, ném, bay, rơi, trôi lăn.

Giảng giải:

Hai tập khí chìm nhau nên có những sự chìm, đắm. Tập khí đối trá tích tập từ quá khứ đến hiện tại, hình thành các loại địa ngục. **Nhảy, ném** – quăng mình lên cao và lao xuống, **bay, rơi** - ví như tên lửa bay vào không gian và quay trở lại mặt đất, **trôi lăn**, như con thuyền trôi trên biển.

Kinh văn:

是故十方一切如來。色目欺誑。同名劫殺。菩薩見誑如踐蛇虺。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục khi cuống. Đồng danh kiếp sát. Bồ Tát kiến công, như tiền xà hủy.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự lừa gạt cùng gọi là cướp giết. Bồ tát đối với sự lừa gạt như giẫm rắn độc.

Giảng giải:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự lừa gạt cùng gọi là cướp giết. Khi thấy ai đó gạt gẫm người, họ gọi đó là kẻ cướp giết người. **Bồ tát đối với sự lừa gạt như giẫm rắn độc.** Sự đối trá, hẳn nhiên, chẳng ai muốn gần gũi cả.

Kinh văn:

七者怨習交嫌發于銜恨。如是故有飛石投
礮³⁹。匣貯車檻甕盛囊撲。如陰毒人懷抱畜
惡。

Thất giả: Oán tập giao hiềm, phát ư hàm hận. Như thị cố hữu, phi thạch đầu gạch. Hạp trữ xa hạm, ứng thịnh nang phác. Như uẩn độc nhân, hoài bảo súc ác.

Việt dịch:

Bảy là tập oán thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm áp lòng giận, như thế nên có ném đá, quăng gạch, lòng nhốt, xe cũi, bình đựng, túi bọc, như người hiểm độc ôm áp điều ác.

Giảng giải:

Bẫy là tập quán thù oán, hiềm khích lẫn nhau, phát sinh ôm áp lòng giận. “Thù oán” là lòng căm giận, phần uất, dễ có những nhận định sai trái. “Lòng giận” – lòng giữ chặt lấy mối hận, tựa như con chim ngậm lấy thức ăn, không chịu buông bỏ, **như thế nên có ném đá**, và cả địa ngục **quăng gạch**, ở đây, tội nhân phải bị gạch, đá ném vào người, hoặc bị đóng trong **lồng nhốt**, bị giam trong **xe cũi**. Hoặc có kẻ bị nhốt trong **bình đựng**, bên dưới có lửa do bọn quỷ đốt cháy. **Túi bọc**, tức cái túi lớn đựng con người trong đó, bọn quỷ sẽ xách túi đập mạnh xuống. Nghiệp chướng ấy **như người hiềm độc ôm áp điều ác**. Họ phải chịu đựng những hình phạt từ ý nghĩa xấu của chính mình.

Kinh văn:

二習相吞故有投擲擒捉擊射挽⁴⁰撮諸事。

Nhị tập tương thôn, cố hữu đầu trích, ly xúc kích xạ, đả toát chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng, nắm, bắt, đánh, bắn, gieo, nắm giữ.

Giải thích:

Hai tập khí nuốt nhau, nên có những sự ném, quăng. Oán hận tích tập từ trong đời sống quá khứ cùng với tập khí oán hận từ đời hiện tại, cả hai nối kết nhau làm thù hận thêm tăng trưởng và nuốt chửng nhau. Nếu nghiệp lực tập khí của người đó thời quá khứ mạnh, họ sẽ trả quả trong thời quá khứ, nếu nghiệp trong thời hiện tại mạnh, họ sẽ chịu quả báo trong thời hiện tại. Đây là ý nghĩa về sự nuốt nhau. Sau đó bọn quỷ sẽ quăng, ném họ đến những nơi phải chịu nhiều đau khổ. **Nắm, bắt**, ném xong thì giữ lại, đoạn **đánh, bắn, gieo, nắm giữ.**

Kinh văn:

是故十方一切如來。色目怨家名違害鬼。菩薩見怨如飲鴆酒。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục oan gia, danh vi hại quỷ. Bồ Tát kiến oán, như ẩm chẩm tửu.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự thù oán, gọi là quỷ vi hại. Bồ tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.

Giải thích:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự thù oán, gọi là quỷ vi hại. Các Đức Như Lai xem lòng thù oán, phần hận, như loài quỷ hại người – chính lòng thù hận ấy luôn trở ngại, gieo đau khổ

và cuối cùng thì giết chết con người. **Bồ tát đối với sự thù oán như uống rượu độc.** “Rượu độc” (Tiếng Trung, chám tửu) là loại độc từ chim chắm – lấy cọng lông cánh của nó nhúng vào rượu, uống vào là gan ruột đều đứt đoạn, không sao cứu được.

Kinh văn:

八者見習交明。如薩迦耶見戒禁取邪悟諸業。發於違拒出生相返。如是故有王使主吏證執文藉。如行路人來往相見。

Bát giả: Kiến tập giao minh. Như tát ca da, kiến giới cấm thủ, tà ngộ chư nghiệp. Phát ư vi cự, xuất sanh tương phản. Như thị cố hữu, Vương sử chủ lại, chứng chấp văn tịch. Như hành lộ nhân, lai vãng tương kiến.

Việt dịch:

Tám là tập quán ác kiến, tranh cãi với nhau, như thân kiến, kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ, phát sinh chống trái nhau, như thế nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ như người đi đường qua lại gặp nhau.

Giải thích:

Tám là tập quán ác kiến, tranh cãi với nhau, như thân kiến. Đây là loại tập khí mọi người chúng ta đều có. Nếu quý vị có quan điểm, ý kiến đúng, mọi người sẽ đồng ý. Nhưng nếu có quan điểm sai, quý vị sẽ tạo nên nghiệp xấu. Thân kiến (Satkayadrishti), hoặc còn gọi là Hữu thân kiến. Có năm loại:

1. Thân kiến
2. Biên kiến
3. Giới cấm thủ kiến
4. Kiến thủ kiến
5. Tà kiến.

Năm loại ác kiến trên tôi đã nói qua trong các phần trước. Đối với kiến thứ nhất, tức Thân kiến, là chấp thân ta là có thực, chấp tất cả những sở hữu của ta là thực. Biên kiến là chấp một phía, không theo trung đạo. Sự thiên kiến ấy, hoặc chủ trương hư vô, hoặc bất diệt. Với chủ trương hư vô, họ cho rằng chết là hết, không có hồn phách, cũng chẳng có ai tái sinh, đối với chủ trương bất diệt, họ tin rằng con người vẫn mãi là con người, kiếp này là người, kiếp sau cũng là người – con người không thể tái sinh làm động vật.

Thứ ba là Giới cấm thủ - không phải nhân mà cho là nhân, như vài giáo phái ở Ấn Độ, họ giữ giới trâu, giới chó, để được sinh lên cõi trời. Thứ

tư – Kiến thủ kiến, chấp lấy tri kiến thấp kém của mình, cho là hơn hết. Đây đều là những loại tà kiến. Thân kiến, **kiến thủ, giới cấm thủ và các nghiệp tà ngộ**. Các ác kiến đều trái với chánh pháp, tạo ra tà nghiệp, **phát sinh chống trái nhau** với loại nghiệp như vậy. Con người luôn chống đối kẻ khác, họ cũng chẳng bao giờ bằng lòng với chính mình. **Như thế nên có quan lại chứng thực, nắm giữ giấy tờ**. Họ cần được chứng thực và các giấy tờ cần thiết. Những quan điểm ấy **như người đi đường qua lại gặp nhau**.

Kinh văn:

二習相交故
有勘問權詐考訊推鞠察訪披究照明善惡童
子手執文簿辭辯諸事。

Nhị tập tương giao, cố hữu khám vấn, quyền trá khảo tấn, suy súc sát phỏng, phi cứu chiếu minh, thiện ác đồng tử, thủ chấp văn bộ, từ biện chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí giao nhau nên có các sự khám, hỏi, mưu mẹo, khảo tấn, đòi hỏi, gạn xét, tra cứu cho sáng tỏ, các đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách tranh cãi.

Giải thích:

Hai tập khí giao nhau nên có các sự khám, hỏi. Hai tập khí bao hàm năm loại ác kiến tích tập từ quá khứ giao nhau với tập khí trong đời sống hiện tại. “Khám hỏi” – là hỏi cho ra lẽ. **Mưu mẹo**, người tra hỏi dùng thủ thuật khiến đối phương bị sai lạc. Đây là điều hay xảy ra tại tòa án và cả trong địa ngục. **Khảo tấn**, sau khi nạn nhân đâm ra lo lắng, người tra hỏi tiếp tục hỏi han, dò xét, khiến cho đối phương khai ra mọi sự. **Đòi hỏi**, nêu rõ ra sự thật bằng cách **gạn xét, tra cứu cho sáng tỏ, các đồng tử thiện ác tay cầm sổ sách tranh cãi**. Những người hầu trẻ tuổi nơi địa ngục ghi chép các việc thiện ác nơi nhân gian. Khi tội nhân đến, họ sẽ đọc những việc làm của người ấy. Nếu người nào đó cố gắng biện bác, tranh cãi, họ sẽ cho xem lại những ghi chép đó. Như vậy, mọi tranh cãi đều vô hiệu.

Kinh văn:

是故十方一切如來。
色目惡見同名見坑。菩薩見諸虛妄。遍執如
入⁴¹毒壑。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục ác kiến, đồng danh kiến khanh. Bồ Tát kiến chư, hư vọng biến chấp, như nhập độc hác.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét ác kiến, cùng gọi là kiến khanh; Bồ tát đối với những thiên chấp hư vọng như đứng bên hố độc.

Giảng giải:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét ác kiến, cùng gọi là kiến khanh. Tập khí tà kiến giống như cái hố sâu không đáy (Khanh), một khi rơi xuống thì chẳng làm sao lên được. **Bồ tát đối với những thiên chấp hư vọng như đứng bên hố độc.** Đây là nơi rất nguy hiểm nên các Bồ tát đều tránh xa.

Kinh văn:

九者枉習交加發於誣謗。如是故有合山合石碾磑耕磨。如讒賊人逼枉良善。

Cửu giả: Uổng tập giao gia, phát u vu báng. Như thị cố hữu, hợp sơn hợp thạch, niễn cai canh ma. Như sàm tặc nhân, bức uổng lương thiện.

Việt dịch:

Chín là tập quán vu vạ, phát sinh sự vu báng, như thế nên có hợp sơn hợp thạch, cối nghiền, cối xay, ví như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan con người lương thiện.

Giảng giải:

Chín là tập quán vu vạ, phát sinh sự vu báng. “Vu vạ” – là gán ghép tội lỗi cho người nào đó để hãm hại họ. Một người thực sự vô tội lại bị vu oan, ghép tội thì thực là bất công. Ở đây nói đến hai tập khí vu vạ quá khứ và hiện tại. Nếu trước đó, quý vị chưa từng giá họa cho ai thì hiện tại, có thể do nghiệp, quý vị sẽ lại tạo thêm nghiệp. **Như thế nên có hợp sơn hợp thạch.** Đây là địa ngục các núi nén ép, những núi này bốn bên là vách đá cao. Tội nhân rơi vào đây sẽ bị đá núi nghiền nát. **Cối nghiền, cũng là một loại địa ngục, cùng với cối xay.** Nếu một người nói dối và khu không kẻ vô tội, nơi địa ngục này, anh ta sẽ bị cắt lưỡi, hoặc mắc vào móc sắt cho con bò kéo đi. **Ví như kẻ sàm tặc, áp bức vu oan con người lương thiện.** “Sàm” là nói những điều không thật.

Kinh văn:

二習相排
故有押捺搥按蹙瀆衝度諸事。

Nhị tập tương bài, cố hữu áp nại, trùy án túc lộc, hoành độ chư sự.

Việt dịch:

Hai tập khí bài xích lẫn nhau, nên có các sự áp bức, đè, đập, ép, tuốt mình.

Giải thích:

Tập khí trong quá khứ lẫn với tập khí đời hiện tại càng làm tăng thêm nghiệp chướng. Tùy theo hành vi bất công nhiều ít, nặng nhẹ, người chịu quả báo phải bị hành hình, đánh đập...Hoặc có khi bọn quỷ bắt người ấy cho vào bao và nghiền, ép cho ra máu.

Kinh văn:

是故十方一切如來。色目怨謗同名讒虎。菩薩見枉如遭霹靂。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục oán báng, đồng danh sàm hồ. Bồ Tát kiến uổng, như tào phích lịch.

Việt dịch:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự vu vạ, cùng gọi là sàm hồ; Bồ tát đối với sự vu vạ như bị sấm sét.

Giải thích:

Vậy nên tất cả các Đức Như Lai trong mười phương, nhận xét sự vu vạ, cùng gọi là sàm hồ, đây là loại độc ác hơn hồ bình thường. Bồ tát đối với sự vu vạ như bị sấm sét. Bồ tát tu hành để xin rời nhân quả, các vị ấy thấy sự vu vạ bất công nó nguy hiểm như tiếng sấm sét giữa trời không, nó có thể dễ dàng đánh chết người.

Kinh văn:

十者訟習交誼發於藏覆。如是故有鑒見照燭。如於日中不能藏影。

Thập giả: Tụng tập giao huyên, phát ư tàng phú. Như thị cố hữu, giám kiến chiếu chúc. Như ư nhật trung, bất năng tàng ảnh.

Việt dịch:

Mười là tập quán thừa kiện, cãi vã lẫn nhau, phát sinh những che đậy, như thế nên có gương soi, đuốc chiếu, như giữa ban ngày không giấu bóng được.

Giải thích:

Thừa kiện là đưa nhau ra tòa phân biện phải trái, bên nào cũng cho là mình phải. Chẳng hạn như vợ chồng gây gỗ, ai cũng cố chấp lý lẽ của mình, rốt cùng đưa nhau ra tòa kiện tụng ly hôn. Nếu như đôi bên chịu nhường nhịn và thông cảm nhau, ắt sẽ qua đi cơn sóng gió. Như vậy, cả hai đều sai – có điều không ai chịu nhận ra sự thật.

Phát sinh những che đậy, như thế nên có gương soi, đuốc chiếu. Nếu khi sống, ai đó thừa kiện và gây hại cho người khác, khi vào địa ngục, mọi tội lỗi của người đó sẽ được phản ánh trong gương soi, giống như bộ phim chiếu lại mọi hành động tội lỗi của người đó khi sống. “Đuốc chiếu” là ánh sáng soi tỏ mọi nơi, mọi sự việc, **như giữa ban ngày không giấu bóng được.**

Kinh văn:

故有惡友業鏡火珠
披露宿業對驗諸事。

(Nhị thập tương giao⁴²) Cố hữu ác hữu, nghiệp kính hỏa châu, phi lộ túc nghiệp, đối nghiệm chư sự.

Việt dịch:

(Hai tập khí phô bày lẫn nhau) Nên có ác hữu, nghiệp kính, hỏa châu, phô bày nghiệp xưa đối nghiệm các việc.

Giải thích:

(Hai tập khí phô bày lẫn nhau) Nên có ác hữu. Không chỉ bạn bè, mà cả những thân nhân, những người xấu, ác. **Nghiệp kính**, các tội lỗi trước đó đều hiện ra trong gương. **Hỏa châu**, làm hiện rõ tội ác trong quá khứ. **Phô bày nghiệp xưa**, mọi tội lỗi, sai lầm trước đó đều hiện rõ ra, cùng **đối nghiệm các việc**, sự đối nghiệm xác chứng nọ hành vi người ấy đã làm trong đời sống.

Kinh văn:

是故十方一切如來。色
目覆藏同名陰賊。菩薩觀覆如戴高山履於
巨海。

Thị cố thập phương, nhất thiết Như Lai. Sắc mục phúc tạng, đồng danh âm tặc. Bồ Tát quán phúc, như đới cao sơn, phúc ư cự hải.

Việt dịch:

Vậy nên tất các các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự che đậy, cùng gọi là giặc ngầm; Bồ tát đối với sự che đậy như đội núi cao, như lội vào biển lớn.

Giải thích:

Vậy nên tất các các Đức Như Lai trong mười phương nhận xét sự che đậy, cùng gọi là giặc ngầm. Như những điều đã trình bày, các Đức Như Lai xem hành động che đậy khác nào tên giặc ngầm. **Bồ tát đối với sự che đậy như đội núi cao, như lội vào biển lớn.** Các Bồ tát luôn tránh mọi sự che đậy, các vị ấy không đến tòa thừa kiện.

Kinh văn:

云何六報。阿難。一切眾生六識造業。所招惡報從六根出。

Vân hà lục báo? A-nan! Nhất thiết chúng sanh, lục thức tạo nghiệp. Sở chiêu ác báo, tùng lục căn xuất.

Việt dịch:

Thế nào là sáu giao báo? A Nan, tất cả chúng sinh, sáu thức gây nghiệp, nên chuộc lấy ác báo, đều từ sáu căn mà ra.

Giảng giải:

Thế nào là sáu giao báo? A Nan, tất cả chúng sinh, sáu thức gây nghiệp, sáu thức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nên chuộc lấy ác báo, khi tạo ác nghiệp, đều từ sáu căn mà ra.

Kinh văn:

云何惡報從六根出。一者見報招引惡果。此見業交則臨終時。先見猛火滿十方界。亡者神識飛墜乘煙。入無間獄

Vân hà ác báo, tùng lục căn xuất? Nhất giả kiến báo, chiêu dẫn ác quả. Thử kiến nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến mãnh hỏa, mãn thập phương giới. Vong giả thân thức, phi trụy thừa yên. Nhập Vô gián ngục.

Việt dịch:

Ác báo từ sáu căn phát minh ra như thế nào? Một là giao báo về thấy, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp thấy ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng đầy khắp mười phương, thân thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián.

Giảng giải:

“Giao” là sự kết nối, hàm ý yếu tố phạm tội vượt trội hơn so với các căn khác. Hơn nữa, một căn trong sáu căn đều có tương quan, liên hệ với nhau. Ví như mắt nhìn thấy sắc thì nhãn căn liền tác động đến năm căn còn lại.

Phật dạy con người do sáu căn có thể tu thành Phật, song cũng từ sáu căn mà dễ dàng tạo nghiệp chướng. Tại sao chúng ta tạo nghiệp nhiều như vậy? Đây là vì chúng ta không thể tự chủ, không kiểm soát được chính mình. Đặc biệt, chúng ta không thể tự mình quay trở lại lắng nghe tự tánh của mình. Chúng ta chỉ say mê đeo đuổi những đối tượng của các căn mà thôi.

Ác báo từ sáu căn phát minh ra như thế nào? Một là giao báo về thấy, chiêu cảm ác quả. Vì mắt khi nhìn thấy sắc (hình thể), do tác động

của sắc nên ý thức huân tập những điều xấu, tạo nên nghiệp chướng. **Khi nghiệp thấy ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lửa hồng đầy khắp mười phương.** Nghiệp nói đến ở đây là nghiệp chướng. Vậy tại sao có sự tác động hỗn hợp giữa các căn?

Đây là sự chuyển đổi quan điểm, nhận thức, và nghiệp cũng nhân đây mà tăng trưởng, hỗn hợp nhau. Sự ảnh hưởng của đối tượng nhìn thấy khiến tại muốn nghe tiếng và đeo đuổi theo đối tượng ấy. Chẳng hạn mắt nhìn thấy sắc đẹp thì sinh lòng ưa thích, tại muốn nghe lời dịu dàng, mũi muốn ngửi hương thơm, lưỡi thích nếm vị ngon, thân muốn đụng chạm và ý sinh yêu mến. Do đó nên gây ra nghiệp, chiêu cảm các ác báo như ôm lấy cột đồng hay nằm trên giường sắt, hoặc nam căn, nữ căn bị quỷ dùng móc sắt gây hại. Tại sao lại ra nông nổi vậy? Mọi sự phạm tội đều bắt đầu từ cái nhìn. Cái nhìn, thực ra cũng chỉ là cái nhìn – nếu người ta nhìn thấy và chẳng hành động đeo đuổi gì cả. Như:

Khi mắt nhìn thấy sắc, như chẳng thấy điều gì.

Nếu có được khả năng như vậy thì quý vị có nhìn suốt ngày cũng chẳng có vấn đề gì; còn như không thể thì nên thận trọng, tránh đừng để gặp cột đồng nơi địa ngục.

Kinh văn nói: “Lúc lâm chung”. Mọi người đều sẽ chết. Không có ai tự nhận mình sẽ sống mãi mãi, trừ phi người tu hành đã thành tiên, thánh – trong trường hợp đó, họ có thể sống hoặc chết tùy ý. Hoặc nếu quý vị là bậc A-la-hán, là Bồ tát, thì quý vị đã vượt hẳn sự sống chết rồi. Không thể, ắt mọi người cũng sẽ đến “lúc lâm chung”. Khi cái chết đến với người tội lỗi, đối tượng họ nhìn thấy là “lửa hồng” rực cháy. Đây chính là lửa dục, là tham muốn nhục dục. Ngọn lửa đỏ ấy không dừng lại một nơi nào, mà nó đầy khắp hư không và xuyên suốt khắp pháp giới. Khi ấy **thần thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián.** Thần thức tức thức thứ tám, hoặc có khi gọi là linh hồn – nó có khả năng thành Phật, hoặc thành quỷ. Sau khi mệnh chung, thần thức ấy gọi là “thân trung âm”. Điều gì sẽ xảy ra với thân trung âm? Đầu tiên nó sẽ bay lên, nhưng sau đó nó rơi xuống. Thần thức có khả năng bay vượt không gian, nhưng trong trường hợp này, thức không còn mạnh mẽ, sâu sắc, nên chỉ bay lên một ít rồi rơi xuống. **Thần thức người chết bay rơi theo khói vào ngục Vô gián.** Đây không phải là một sân chơi. Tôi nghĩ cả tên lửa cũng không muốn đâm đầu xuống nơi ấy. Vậy nên, chúng ta nên gieo nhân lành để tránh những quả dữ như thế.

Kinh văn:

發明二相。

一者明見。則能遍見種種惡物生無量畏。二

者暗見。寂然不見生無量恐。

Phát minh nhị tướng.Nhất giả minh kiến. Tác năng biên kiến, chủng chủng ác vật, sanh vô lượng úy.Nhị giả ám kiến. Tịch nhiên bất kiến, sanh vô lượng khủng.

Việt dịch:

Phát ra hai tướng: Một là thấy sáng, thấy khắp nhiều loại thú dữ, sinh ra khiếp sợ vô cùng. Hai là thấy tối, lặng yên chẳng thấy gì, sinh ra sợ hãi vô hạn.

Giải thích:

Người tạo nghiệp nặng ắt phải rơi vào ngục Vô Gián. Ở đây thân trung âm **Phát ra hai tướng: Một là thấy sáng, thấy khắp nhiều loại thú dữ.** Với nhận thức ánh sáng tỏ, người đó sẽ thấy rất rõ mọi điều. Họ sẽ thấy gì? – Thấy tất cả mọi điều dữ, những điều ấy rất đáng sợ mà quý vị có thể tưởng tượng được. Đây là sói, là hổ, những thân người đầu trâu, mặt ngựa – đó là bọn quỷ vô thường, đều rất đáng sợ. Thân uẩn nhận ra những loài hung dữ ấy nên **sinh ra khiếp sợ vô cùng.** Họ phải chịu đựng nỗi sợ hãi ghê gớm ấy. **Hai là thấy tối, lặng yên chẳng thấy gì.** Chẳng nhìn thấy được gì, vì không có ánh sáng của mặt trời, trăng, sao, và đèn đuốc. Tất cả đều “lặng yên chẳng thấy gì”, từ đó mà **sinh ra sợ hãi vô hạn.** Khi ấy chỉ còn là nỗi sợ khủng khiếp. Nếu người đó có thấy một cô gái đẹp mà anh ta còn có ý ham muốn thì quả là rất lạ! Người ấy chỉ còn sợ và sợ trong cõi địa ngục ấy vì đã tạo nghiệp dâm dục.

Kinh văn:

如是見火。燒

聽能為鑊湯洋銅。燒息能為黑烟紫焰。燒味

能為焦丸鐵糜。燒觸能為熱灰爐炭。燒心能

生星火迸灑煽鼓空界。

Như thị kiến hỏa. Thiêu thính năng vi, hoạch thang dương đồng. Thiêu tức năng vi, hắc yên tử diệm. Thiêu vị năng vi, tiêu hoàn thiết mi. Thiêu xúc năng vi, nhiệt hôi lô thán. Thiêu tâm năng sanh, tinh hỏa bình sái, biên cô không giới.

Việt dịch:

Lửa thấy như thế đốt cái nghe thì có thể làm vạc dầu sôi, làm cột đồng nóng bỏng; đốt hơi thở thì có thể làm khói đen, lửa đỏ, đốt cái nếm thì có thể làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sứt, đốt cảm xúc thì có thể

làm tro nóng, lò than; đốt tâm ý thì có thể thành ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả hư không.

Giảng giải:

Phần này diễn giải về tình hình chịu khổ của sáu giao hóa. **Lửa thấy như thế đốt cái nghe thì có thể làm vạc dầu sôi, làm cột đồng nóng bỏng.** Khi lửa thiêu đốt tai và diệt cái nghe, vào nơi địa ngục nó thành ra vạc dầu và cột đồng nóng cháy. Dầu thì do quỷ đổ vào vạc. “Quý” ở đây chính là thần thức của người chết. Liệu người ấy trong vạc dầu sôi bỏng có nhớ được gì trước đó? Đôi tai là để nghe, mắt để nhìn, nhưng thay vì nghe lẽ phải, điều chính đáng, thì người đó chỉ lắng nghe lời dụ hoặc êm dịu, dẫn đến phạm tội, đến đổi phải chịu khổ vì vạc dầu, vì cột đồng. **Đốt hơi thở thì có thể làm khói đen, lửa đỏ.** Khi lửa đốt mũi thì hơi thở thành khói đen, thành lửa đỏ. Đây là do người đó ưa thích ngửi lấy hương thơm. Nhưng tôi tin rằng loại khói đen đó, hít vào chẳng dễ chịu chút nào. Thực ra, đó là mùi hôi đáng sợ, nhưng quả báo phải chịu vậy.

Đốt cái nếm thì có thể làm viên tròn nung đỏ, làm cơm sắt. “Viên tròn” là viên sắt nhỏ, khi đưa vào miệng thì nó đốt lưỡi thành khô cháy. Người ấy thích “vị của nữ” – thích hôn họ, giờ đây, y phải điếm tâm hằng ngày bằng cơm sắt ấy. **Đốt cảm xúc thì có thể làm tro nóng, lò than.** Khi lửa đốt xúc giác thì nó biến thành tro, và là loại tro nóng.

Đốt tâm ý thì có thể thành ra sao lửa rưới khắp làm rung động cả hư không. Lửa đốt cháy người ấy tỏa ra khắp như sao trên bầu trời, nó làm thành bức tường nóng bỏng khắp cả không gian.

Kinh văn:

二者聞報招引惡果。此聞業交則臨終時。先見波濤沒溺天地。亡者神識降注乘流。入無間獄

Nhị giả: Văn báo, chiêu dẫn ác quả. Thử văn nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến ba đào, một nịch Thiên địa. Vong giả thần thức, giáng chú thừa lưu. Nhập Vô gián ngục

Việt dịch:

Hai là giao báo về nghe, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp nghe ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất, thần thức người chết rơi xuống theo dòng vào ngục Vô Gián.

Giảng giải:

Hai – trong sáu giao báo, là **giao báo về nghe**. Về căn bản, nếu chúng ta quay trở lại với tính nghe để nghe tự tính thì tính nghe ấy thành đạo Vô

thượng. Đàng này, con người chỉ muốn được nghe những gì ưa thích, nghe những âm thanh không trong sạch, hoặc đòi truy. Hoặc thích nghe người nữ nói năng, ca hát. Kinh văn nói: Đây là cả hai giới nam, nữ. Khi phạm tội họ đều chịu đưng hình phạt như nhau, đều **phải chiêu cảm ác quả** đã gây ra

Chiêu cảm là gọi lại: “*Nào, đến đây! Đến đây*” – giọng điệu rất thuyết phục. Đây là sự dẫn dụ. **Khi nghiệp nghe ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy sóng cuộn chìm ngập trời đất.** Nghiệp nghe thuộc nhĩ căn. Khi chiêu dẫn quả báo thì chính nó là thủ phạm, còn năm căn khác là tông phạm. Quý - thân trung ấm, sẽ nhìn thấy sóng dâng trào đầy khắp. Điều đó có thực không? Không. Đây chỉ là hình tượng biểu hiện vì nghiệp báo của người đó. Nó thư là thật khi mọi người chúng ta nhìn thấy núi, sông, mặt đất, cây cối, nhà cửa, San Francisco, New York, Nhật Bản và mọi thứ khác – tất cả đều là sự biểu hiện vì nghiệp lực của chúng ta. Không có nghiệp lực, tất cả chỉ như hư không. Nếu nghiệp của quý vị chấm dứt, tình của quý vị là rỗng không thì mọi sự khắp pháp giới đều là không. Nó hoàn toàn rỗng suốt, chẳng có gì. Chỉ vì chúng ta đeo đuổi, trước nhiệm nên thấy có hình thể, màu sắc.

Quý thấy sóng nước dâng tràn thì **thần thức người chết rơi xuống theo dòng vào ngục Vô Gián.** Người đó theo dòng và rốt cùng trở lại căn nhà của các anh em. Nơi đó ở đâu? Đây là địa ngục Vô gián. Và ai là anh em? Là cái thấy của người đó. Cả sáu anh em cùng hợp lại.

Kinh văn:

發明二相。一者開聽。聽種種鬧精神愁亂。二者閉聽。寂無所聞幽魄沈沒。

Phát minh nhị tướng. Nhất giả khai thính. Thính chủng chủng nháo, tinh thần hốt loạn. Nhị giả bế thính. Tịch vô sở văn, u phách trầm một.

Việt dịch:

Phát ra hai tướng: Một là nghe tỏ, nghe các thứ ồn ào, tinh thần hoảng loạn. Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, u hồn chìm lặng.

Giải thích:

Rất nhiều người đã được nhắc nhở, khuyên giải, nhưng họ vẫn cố tình gây tội lỗi. Quý vị nói về điều hay để thành Phật, nhưng họ không thích làm Phật. Nói về những khủng khiếp nơi địa ngục – họ không tin. Thành một vị Phật là điều tốt đẹp, nhưng họ không chịu cố gắng: “*Chuyện đó để bàn sau nhé!*”. Có khi họ nói nghe âm thanh không trong sáng là tạo nghiệp, nhưng rồi họ lại say mê lắng nghe. Họ nghĩ: “*Tôi có nghe điều đó trong kinh, nhưng tôi không tin đó là thật*”.

Khi thân trung ảm rơi vào ngục Vô gián, liền **phát ra hai tướng: Một là nghe tỏ, nghe các thứ ồn ào, tinh thần hoảng loạn.** Các địa ngục hiện ra rõ ràng. “Hoảng loạn” có nghĩa chẳng nhớ được gì. **Hai là điếc hẳn, lặng lẽ chẳng nghe gì, u hồn chìm lặng.** Hoàn toàn điếc đặc. Hồn chẳng còn biết đâu là đâu, nó chìm hẳn đi.

Kinh văn:

如是聞波。

注聞則能為責為詰。注見則能為雷為吼為惡毒氣。注息則能為雨為霧。灑諸毒虫周滿身體。注味則能為膿為血種種雜穢。注觸則能為畜為鬼為屎為尿。注意則能為電為雹摧碎心魄。

Như thị văn ba. Chú văn tắc năng, vi trách vi cật. Chú kiến tắc năng, vi lô vi hồng, vi ác độc khí. Chú tức tắc năng, vi vũ vi vụ. Sái chư độc trùng, châu mãn thân thể. Chú vị tắc năng, vi nùng vi huyết, chủng chủng tạp uế. Chú xúc tắc năng, vi súc vi quỷ, vi dục vi tuy. Chú ý tắc năng, vi điện vi bạc, tồ toái tâm hồn.

Việt dịch;

Sóng nghe như thế, rót vào cái nghe thì có thể làm trách cứ, làm hỏi han; rót vào cái thấy thì có thể làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ; rót vào hơi thở thì có thể làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc lên khắp thân thể; rót vào các vị thì có thể làm mủ, huyết, các thứ như nhóp; rót vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, nước tiểu; rót vào ý nghĩa thì có thể làm chớp, làm mưa đá, đập nát tâm hồn.

Giảng giải:

Sóng nghe như thế, rót vào cái nghe – tức nhĩ căn, thì có thể làm trách cứ, làm hỏi han; rót vào cái thấy thì có thể làm sấm, làm thét, làm hơi độc dữ. Đây là địa ngục sấm chớp, có đầy khí độc. **Rót vào hơi thở thì có thể làm mưa, làm mù, rưới các sâu độc lên khắp thân thể.** Đây là địa ngục lúc nào cũng mưa và sương mù dày đặc. Mưa là những sâu độc bám vào khắp người. **Rót vào các vị thì có thể làm mủ, huyết, các thứ như nhóp, rả dãi dơ dáy, bần thiu.** **Rót vào cảm xúc thì có thể làm súc vật, làm quỷ, làm phân, nước tiểu.** Phải chịu đựng nơi địa ngục đầy phân, nước tiểu. **Rót vào ý nghĩa thì có thể làm chớp, làm mưa đá, đập nát tâm hồn.** Trong địa ngục này, mưa đá và sấm chớp dữ dội, tâm thức của quỷ bị đánh nát ra.

Kinh văn:

三者嗅報招引惡果。此嗅業交則臨終時。先見毒氣充塞遠近。亡者神識從地涌出。入無間獄

Tam giả khứu báo, chiêu dẫn ác quả. Thử khứu nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến độc khí, sung tắc viễn cận. Vong giả thân thức, tùng địa dũng xuất. Nhập Vô gián ngục

Việt dịch:

Ba là giao báo về ngửi, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ngửi ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy khắp xa gần; thân thức người chết từ dưới đất trồi lên, vào ngục Vô gián.

Giải thích:

Quý vị sẽ đặt vấn đề: “Mũi chỉ để ngửi, sao lại tạo nghiệp?”. Tuy nhiên, sự ngửi cũng có thể tạo nghiệp đấy. Nghiệp của khứu giác chính là sự tham trước mùi hương, chẳng hạn ưa thích mùi hương phụ nữ. Với tà kiến như vậy thì mọi nghiệp ác đều có thể gây ra, sau đó phải nhận lấy quả báo. Do đó **ba là giao báo về ngửi, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ngửi ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy hơi độc đầy khắp xa gần.** Khi sống, người đó thích ngửi hương thơm, nhưng đến đây thì mọi thứ hương ấy đều biến thành khói độc. **Thân thức người chết từ dưới đất trồi lên, vào ngục Vô gián.** Khi thấy mọi thứ đều thâm độc, người ấy cố trồi lên mặt đất để lẩn trốn, nhưng rốt cùng cũng chỉ rơi vào ngục Vô Gián.

Kinh văn:

發明二相。一者通聞。被諸惡氣薰極心擾。二者塞聞。氣掩不通悶絕於地。

Phát minh nhị tướng. Nhất giả thông văn. Bị chư ác khí, huân cực tâm ưu. Nhị giả tắc văn. Khí yêm bất thông, muộn tuyệt u địa.

Việt dịch:

Phát sinh hai tướng: Một là ngửi thông, bị các hơi độc xông cùng tột, làm cho tâm rối loạn. Hai là ngạt mũi, hơi thở ngạt không thông, nằm chết giắc dưới đất.

Giải thích:

Thân trung ám **Phát sinh hai tướng: Một là ngửi thông, bị các hơi độc xông cùng tột, làm cho tâm rối loạn,** tâm thần người đó hoàn toàn hoảng loạn. **Hai là ngạt mũi, hơi thở ngạt không thông.** Không sao thở được, đành **nằm chết giắc dưới đất.** Người đó rất đổi thất vọng và ngã ra chết ngất.

Kinh văn:

如是嗅

氣衝息則能為質為履。衝見則能為火為炬。
衝聽則能為沒為溺為洋為沸。衝味則能為
餒為爽。衝觸則能為綻為爛為大肉山。有百
千眼無量啞食。衝思則能為灰為瘴。為飛砂
礮擊碎身體。

Như thị khứu khí, xung tức tắc năng, vi chất vi lý. Xung kiến tắc năng, vi hỏa vi cự. Xung thính tắc năng, vi một vi nịch, vi dương vi phí. Xung vị tắc năng, vi nổi vi sảng. Xung xúc tắc năng, vi trán vi lạn, vi đại nhục sơn. Hữu bách thiên nhãn, vô lượng táp thực. Xung tư tắc năng, vi khô vi chướng. Vi phi sa lịch, kích toái thân thể.

Việt dịch:

Hơi người như thế, xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt; xông vào cái thấy có thể làm lửa, làm đui; xông vào cái nghe có thể làm chìm ngộp, làm chết đuối, làm nước lớn, làm nước sôi; xông vào cái vị có thể làm cái tanh, cái ôi; xông vào cảm xúc có thể làm xấu, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng; xông vào ý nghĩ có thể làm tro, làm chướng khí, làm cát đá bay lên đánh nát thân thể.

Giải thích:

Hơi người như thế, xông vào hơi thở thì có thể làm thông, làm ngạt, thường xuyên phải chịu đựng điều như vậy. Xông vào cái thấy có thể làm lửa, làm đui. Đây là địa ngục của lửa, của đui. **Xông vào cái nghe có thể làm chìm ngộp, làm chết đuối.** Đây là địa ngục tràn ngộp máu, nước tiểu, hoặc nó làm nước lớn, làm nước sôi. Đây là các địa ngục khác. **Xông vào cái vị có thể làm cái tanh, cái ôi.** “Tanh” là mùi cá thối rữa, “Ôi” là mùi ương, tanh tử – chỉ chung thức ăn đã hỏng, bốc mùi. **Xông vào cảm xúc có thể làm xấu, làm nát, làm núi thịt lớn có trăm ngàn con mắt, hút ăn không cùng.** Những người ấy phải ăn sống thịt, máu. **Xông vào ý nghĩ có thể làm tro, làm chướng khí, làm cát đá bay lên đánh nát thân thể.** Hơi người xâm nhập vào ý nghĩ thì biến thành hơi độc, thành chướng khí, hoặc cát đá dồn dập bay lên, va, đập mạnh vào thân thể người ấy.

Kinh văn:

四者味報招引惡果。此味業交則臨終時。先見鐵網猛炎熾烈周覆世界。亡者神識下透挂網倒懸其頭。入無間獄

Tứ giả vị báo, chiêu dẫn ác quả. Thử vị nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến thiết cương, mãnh diễm sí liệt, châu phược thế giới. Vong giả thần thức, hạ thâu quái cương, đảo huyền kỳ đầu. Nhập Vô gián ngục

Việt dịch:

Bốn là giao báo về vị, chiêu cảm ác quả, khi nghiệp vị ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt cháy đỏ, che khắp thế giới, thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc vào lưới treo ngược đầu, vào ngục Vô gián.

Giải thích:

Khi con người nuôi dưỡng thân mình bằng thịt động vật, họ trở nên thích ăn thịt và nghiên cứu về các mùi vị. Họ luôn tìm tòi những vị, những thức ăn mới lạ để thay đổi khẩu vị - cũng vì vậy mà tạo nên không ít nghiệp xấu. Họ tạo nghiệp bằng cách nào? Trong nghiên cứu, tìm hiểu, người Trung Quốc cho rằng thịt tươi là thức ăn dinh dưỡng tốt nhất, và họ ăn sống động vật - gọi đây là thịt tươi sống. Người phương Tây ướp lạnh thịt trước khi nấu ăn. Người Trung Quốc cho rằng thịt ướp lạnh mất đi nhiều bổ dưỡng, họ thích những loại thịt còn tươi sống hơn. Đặc biệt, người Trung Quốc có tài nấu nướng các thức ăn rất khéo léo. Hoặc, họ có lối ăn rất lạ. Đầu tiên, họ khoét một lỗ tròn giữa bàn, đoạn nhốt chặt con khỉ bên dưới bàn, đặt đầu con khỉ hơi nhô lên giữa bàn - khỉ vẫn còn sống. Kế đến người ta khéo léo vạt đỉnh đầu con khỉ, mọi người ngồi quanh bàn dùng muỗng múc lấy óc khỉ ăn sống. Đây là ví dụ về sự tạo nghiệp do vị giác. Vì tham ăn vị ngon lạ, người ta đã nghĩ ra mọi cách để rồi tự mình gây ra nghiệp chướng.

Bốn là giao báo về vị, chiêu cảm ác quả, khi nghiệp vị ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy lưới sắt cháy đỏ, che khắp thế giới. Nghiệp vị vẫn liên hệ chặt chẽ với năm giác quan khác. Khi người ấy chết, anh ta thấy lưới sắt nung đỏ che phủ khắp thế giới. Thần thức người chết từ dưới tung lên, mắc vào lưới treo ngược đầu, vào ngục Vô gián. Thần thức người ấy bị treo ngược trong lưới sắt, đầu chúc ngược xuống, đoạn rơi thẳng vào ngục Vô gián.

Kinh văn:

發明二相。一者吸
氣。結成寒冰凍裂身肉。二者吐氣。飛為猛
火焦爛骨髓。

Phát minh nhị tướng. Nhất giả hấp khí. Kết thành hàn băng, đóng liệt thân nhục. Nhị giả thổ khí. Phi vi mãnh hỏa, tiêu lạn cốt tủy.

Việt dịch:

Phát ra hai tướng – Một là hít vào thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể. Hai là mưa ra thì bay lên thành lửa dữ, đốt rụi xương tủy.

Giải:

Phát ra hai tướng – Một là hít vào thì kết thành giá lạnh, làm nứt nẻ thân thể. Hít hơi vào, đó là khí lạnh. Khí lạnh ấy thành băng, thành giá, hơi lạnh ấy làm vỡ nứt cả thân thể. **Hai là mưa ra thì bay lên thành lửa dữ, đốt rụi xương tủy.** Thở hơi ra thì nó thành lửa, đốt cháy cả xương tủy.

Kinh văn:

如是嘗味。歷嘗則能為承為忍。
歷見則能為然金石。歷聽則能為利兵刃。歷
息則能為大鐵籠彌覆國土。歷觸則能為弓
為箭為弩為射。歷思則能為飛熱鐵從空雨
下。

Như thị thường vị. Lịch thường tác năng, vi thừa vi nhẫn. Lịch kiến tác năng, vi nhiên kim thạch. Lịch thính tác năng, vi lợi binh nhạn. Lịch tức tác năng, vi đại thiết lung, di phúc quốc độ. Lịch xúc tác năng, vi cung vi tiễn, vi nổ vi xạ. Lịch tư tác năng, vi phi nhiệt thiết, tòng không vũ hạ.

Việt dịch:

Vị báo như thế, qua cái nếm thì có thể làm chịu, làm nhận; qua cái thấy thì có thể làm kim thạch đốt cháy; qua cái nghe thì có thể làm binh khí sắc bén; qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước; qua cảm xúc thì có thể làm cung làm tên, làm nổ, làm bắn; qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay lên và từ trên không rưới xuống.

Giải:

Vị báo như thế, và nghiệp ác đã gây ra, qua cái nếm thì có thể làm chịu, làm nhận, “làm chịu” có nghĩa mặc dù không muốn nhưng cũng đành phải chấp nhận vì nghiệp ác đã tạo. “Làm nhận” là phải chịu đựng những điều khó chịu. Chúng ta không thể phủ nhận trách nhiệm. **Qua cái thấy thì có thể làm kim thạch đốt cháy.** Đây là địa ngục đầy lửa đun nóng các loại kim, thạch. **Qua cái nghe thì có thể làm binh khí sắc bén.** Địa ngục này có nhiều loại binh khí đâm, chém thân người. **Qua hơi thở thì có thể làm lồng sắt lớn che khắp cõi nước,** cả một khoảng rộng như khắp đất nước. **Qua cảm xúc thì có thể làm cung làm tên, làm nổ, làm bắn.** Cung và tên bắn vào thân người. **Qua ý nghĩ thì có thể làm sắt nóng bay lên và từ trên không rưới xuống.** Các mảnh kim thạch nóng cháy từ trên không rơi xuống đốt thân người.

Kinh văn:

五者觸報招引惡果。此觸業交則臨終時。先見大山四面來合無復出路。亡者神識見大鐵城。火蛇火狗虎狼師子。牛頭獄卒馬頭羅刹。手執槍稍驅入城門。向無間獄

Ngũ giả xúc báo, chiêu dẫn ác quả. Thử xúc nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến đại sơn, tứ diện lai hợp, vô phục xuất lộ. Vong giả thần thức, kiến đại thiết thành. Hỏa xà hỏa cẩu, hổ lang sư tử. Ngưu đầu ngục tốt, Mã đầu La-sát. Thủ chấp thương mâu, khu nhập thành môn. Hương vô gián ngục.

Việt dịch:

Năm là giao báo về xúc, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp xúc ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt hợp lại, không còn đường ra; thần thức ngơoi chết thấy thành sắt lớn, rắn lửa, chó lửa, hùm, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm thương, giáo, lừa vào cửa thành, hướng tới ngục Vô gián.

Giải thích:

Năm là giao báo về xúc, chiêu cảm ác quả. Nếu một người tham trước các đối tượng của xúc, ắt cũng sẽ phải trả quả ác. **Khi nghiệp xúc ấy giao báo, thì lúc lâm chung, trước hết thấy núi lớn bốn mặt hợp lại, không còn đường ra.** Nghiệp tạo từ xúc giác vẫn kết chặt với nghiệp của các quan năng khác. Người gây nghiệp như vậy sẽ bị nghiệp báo, thấy các núi lớn vây quanh và vây ép chặt lại, không còn đường để thoát. **Thần thức ngơoi chết thấy thành sắt lớn.** Khi sương mù của núi vây phủ, người ấy nhận ra một thành sắt lớn. **Rắn lửa, chó lửa, hùm, sói, sư tử, ngục tốt đầu trâu, la sát đầu ngựa, tay cầm thương, giáo, lừa vào cửa thành, hướng tới ngục Vô gián.** Đây là những loài hung tợn, nhưng chúng là lừa. Ngục tốt đầu trâu có nhiệm vụ giữ thành. Quỷ la sát đầu ngựa và các ngục tốt cầm các loại binh khí xua đuổi các tội nhân vào thành, ngay khi vào thành họ đều bị rơi xuống ngục Vô gián.

Kinh văn:

發明二

相。一者合觸合山逼體骨肉血潰。二者離觸。

刀劍觸身心肝屠裂。

Phát minh nhị tướng. Nhất giả hợp xúc, hợp sơn bức thể, cốt nhục huyết hội. Nhị giả ly xúc. Dao kiếm xúc thân, tâm can đồ liệt.

Việt dịch:

Phát ra hai tướng – Một là hợp xúc thì núi khép lại ép thân mình, xương thịt nát ra máu. Hai là ly xúc thì gươm dao chạm thân mình, tim gan cắt xẻ.

Giảng giải:

Phát ra hai tướng – Một là hợp xúc thì núi khép lại ép thân mình, xương thịt nát ra máu. Từ bốn phía, núi khép lại, nén ép thân người, các bộ phận cơ thể vỡ vụn ra, thành khối thịt nát. Khi người đó chết, tất nhiên sẽ có ngọn gió lạnh thổi đến, người đó sống lại. Một thân người mới và cũng lại tiếp tục chịu đựng những hình phạt ấy. Sống rồi chết, chết rồi sống, cứ liên tục như vậy. Đây là quả báo của xúc nghiệp.

Hai là ly xúc thì gươm dao chạm thân mình, tim gan cắt xẻ. Dao, gươm, thương, tấn công vào người, nội tạng hoàn toàn bị hủy diệt.

Kinh văn:

如是合觸。歷觸則能為
道為觀為廳為案。歷見則能為燒為爇。歷聽
則能為撞為擊為刺為射。歷息則能為括為
袋為拷為縛。歷嘗則能為耕為鉗為斬為截。
歷思則能為墜為飛為煎為炙。

Như thị hợp xúc. Lịch xúc tắc năng, vi đạo vi quán, vi sảnh vi án. Lịch kiến tắc năng, vi thiêu vi nhiệt. Lịch thính tắc năng, vi chàng vi kích, vi chí vi xạ. Lịch tức tắc năng, vi quát vi đại, vi khảo vi phục. Lịch thường tắc năng, vi canh vi kiểm, vi trảm vi tiệt. Lịch tư tắc năng, vi truy vi phi, vi tiên vi chá.

Viết dịch:

Xúc báo như vậy, qua cái xúc thì có thể làm đạo, làm quán, làm sảnh, làm án; qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung; qua cái nghe thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn; qua cái thử thì có thể làm trùm, làm bọc, làm tra, làm trói; qua cái nếm thì có thể làm cày, làm kiểm, làm chém, làm chặt; qua ý nghĩ thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.

Giảng giải:

Xúc báo như vậy, qua cái xúc thì có thể làm đạo, làm quán, làm sảnh, làm án. “Đạo” là xuất khi hiện hai vật va chạm nhau. “Quán” là trói buộc. “Sảnh” là bị dao cắt, và “án” là tên bắn vào người. **Qua cái thấy thì có thể làm đốt, làm nung.** Khi cảm xúc bị cái thấy tác động, người đó phải chịu quả báo thiêu đốt như ở địa ngục nước sôi và than lửa vậy. **Qua cái nghe thì có thể làm đập, làm đánh, làm đâm, làm bắn.** “Đập” là bị đưa tới trước tòa của địa ngục. “Đánh” – bị khảo sát, thẩm vấn trước khi qua

công. “Bắn” là chịu đựng hình phạt đã gây nên tội. **Qua cái thờ thì có thể làm trùm, làm bọc, làm tra, làm trói.** “Trùm” là đặt các thứ vào trong. “Bọc” – cái túi đựng. “Tra” – cho vào bọc, sau đó đánh đập. “Trói” – bị buộc chặt lại. **Qua cái ném thì có thể làm cày, làm kiềm, làm chém, làm chặt.** “Cày” là lưỡi bị móc sắt kéo dài ra làm lưỡi cày. “Kiềm” – lưỡi bị kiềm kẹp chặt đoạn kéo dài ra. “Chém” – lưỡi bị cắt đứt. “Chặt” – là lưỡi bị bằm nhỏ. **Qua ý nghĩ thì có thể làm rơi, làm bay, làm nấu, làm nướng.** “Rơi” là bị ném lên không và đổ xuống. “Bay”, người đó bị ném mạnh vào khoảng không, sau đó đâm sầm xuống đất. “Nấu”, dùng lửa nung, đốt. “Nướng” là đốt cháy thân mình.

Kinh văn:

六者思報。招引惡果。此思業交則臨終時。先見惡風吹壞國土。亡者神識被吹上空旋落乘風。墮無間獄

Lục giả tư báo. Chiêu dẫn ác quả. Thử tư nghiệp giao, tắc lâm chung thời. Tiên kiến ác phong, xuy hoại quốc độ. Vong giả thần thức, bị xuy thượng không, triển lạc thừa phong. Đọa Vô gián ngục

Việt dịch:

Sáu là giao báo về ý nghĩa, chiêu cảm ác quả. Khi nghiệp ý ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước, thần thức người chết bị thổi lên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô gián.

Giải thích:

Sáu là giao báo về ý nghĩa, chiêu cảm ác quả. Do ý thức tạo nghiệp nên chiêu cảm ác quả, **khi nghiệp ý ấy giao báo thì lúc lâm chung, trước hết thấy gió dữ thổi nát cõi nước,** ý nghiệp nối liền với các quan năng khác, nên lúc lâm chung, cái thấy trước tiên là gió dữ thổi tung tất cả trong thế gian. **Thần thức người chết bị thổi lên không, xoay rơi theo gió, sa vào ngục Vô gián.** Hồn người chết bị thổi tung vào không gian, nhưng sau đó thì rơi xuống ngục Vô gián.

Kinh văn:

發明二相。一者不覺。迷極則荒奔走不息。二者不迷。覺知則苦無量煎燒痛深難忍。

Phát minh nhị tướng. Nhất giả bất giác. Mê cực tắc hoang, bồn tẩu bất tức. Nhị giả bất mê. Giác tri tức khổ, vô lượng tiễn thiêu, thống thâm nạn nhẫn.

Việt dịch:

Phát ra hai tướng. Một là chẳng biết, tốt mê thì hoang mang, chạy rong không thôi. Hai là chẳng mê, hay biết thì khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn không sao chịu nổi.

Giảng giải:

Phát ra hai tướng. Một là chẳng biết, tốt mê thì hoang mang, chạy rong không thôi. Đầu tiên là mất ý thức, khi ấy chẳng còn biết gì. Con người rơi vào trạng thái sững sờ như ngốc nghếch. Trong lúc hoảng loạn, kẻ mất ý thức ấy chỉ biết bỏ chạy, không dừng nghỉ. Quý vị thấy có đau khổ lắm không? **Hai là chẳng mê, hay biết thì khổ, bị đốt cháy không cùng, đau đớn không sao chịu nổi.** Đây là trạng thái không hoảng loạn, ý thức nhận biết rõ những gì đang xảy ra. Nhưng sự nhận biết ấy là cảm nhận sự đau khổ. Mặc dù không hoảng loạn, nhưng mọi thứ đều là khổ não. Đau khổ vì lửa đốt, cả người như bị ngứa ngáy, rất khó chịu – đau đớn ấy liên tục kéo dài mãi.

Kinh văn:

如是邪思。結思則能為方為所。結見則能為鑒為證。結聽則能為大合石。為冰為霜為土為霧。結息則能為大火車火船火檻。結嘗則能為大叫喚為悔為泣。結觸則能為大為小。為一日中萬生萬死為偃為仰。

Như thị tà tư. Kết tư tắc năng, vi phương vi sở. Kết kiến tức năng, vi giám vi chứng. Kết thính tắc năng, vi đại hợp thạch. Vi băng vi sương, vi thô vi vụ. Kết tức tắc năng, vi đại hỏa xa, hỏa thuyền hỏa hạm. Kết thường tắc năng, vi đại khiêu hoán, vi hồi vi khắp. Kết xúc tắc năng, vi đại vi tiểu. Vi nhất nhật trung, vạn sanh vạn tử, vi yên vi ngưỡng.

Việt dịch:

Ý báo như thế, kết với ý căn thì có thể làm phương, làm sở; kết với cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ; kết vào cái nghe thì có thể làm đại hợp thạch, làm giá, làm sương, làm đất, làm mù; kết vào hơi thở thì có thể làm xe lửa lớn, làm thuyền lửa, củi lửa; kết vào cái nắm thì có thể làm kêu gọi to, làm ăn năn, làm khóc lóc; kết vào cảm xúc thì có thể làm lớn, làm nhỏ, làm cho một ngày phải muôn lần sống muôn lần chết, làm nghiêng, làm ngửa.

Giảng giải:

Ý báo như thế, kết với ý căn thì có thể làm phương, làm sở là chỉ những suy nghĩ không chính đáng, sự buông thả ý tưởng – nghĩ về điều lạ lùng, khó hiểu. Khi tà ý chịu quả báo, nó rơi vào nơi thẩm tra, xét hỏi. **Kết**

với cái thấy thì có thể làm gương soi, làm chứng cứ. “Gương soi” là tấm gương phản ánh tội lỗi nơi địa ngục. Mọi người đến đây đều phải đi ngang qua gương, họ sẽ nhìn thấy các hành vi thiện, ác trong đời sống trước đó, không thể phủ nhận được. **Kết vào cái nghe thì có thể làm đại hợp thạch,** chung quanh bốn bên đều có đá vây kín, đều **làm giá, làm sương** lạnh buốt, cùng là **làm đất, làm mù.** Đây là địa ngục rất ô uế, sương mù màu vàng dày đặc khiến người rơi vào nơi ấy không thấy được điều gì, họ mất hết phương hướng.

Kết vào hơi thở thì có thể làm xe lửa lớn. Đây không phải loại tàu hỏa như quý vị đi nghỉ mát, mà là loại xe đẩy lửa đỏ, có sức đốt cháy người, **làm thuyền lửa,** đây là con tàu bốc lửa buộc phải leo lên. **Củi lửa,** củi giam tù nhân đầy lửa. **Kết vào cái ném thì có thể làm kêu gọi to, làm ăn năn, làm khóc lóc.** Tiếng ồn trong địa ngục này thật ghê gớm, đầy dẫy những tiếng kêu la, than khóc...

Kết vào cảm xúc thì có thể làm lớn, làm nhỏ tức địa ngục lớn, địa ngục nhỏ, **làm cho một ngày phải muôn lần sống muôn lần chết,** chỉ trong một ngày mà con người phải chịu đựng sự sống, chết hàng vạn lần, khiến cho phải **làm nghiêng, làm ngửa** – người ngã xuống, hoặc bò dậy, hoặc đứng lên...mãi mãi như thế. Tóm lại, nơi đây chẳng dễ chịu chút nào, một nơi quá đau khổ, chẳng ai muốn đến cả.

Kinh văn:

阿難是名地獄十因六果。皆是眾生迷妄所造。

A-nan! Thị danh địa ngục, thập nhân lục quả. Giai thị chúng sanh, mê vọng sở tạo.

Việt dịch:

A Nan, đây gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục, nhân quả ấy đều do mê vọng của chúng sinh tạo ra.

Giải thích:

A Nan, đây gọi là mười nhân và sáu quả của địa ngục. Có nhiều địa ngục và tên gọi khác nhau, nhưng tất cả đều bắt nguồn từ mười tập nhân:

1. Dâm
2. Tham
3. Mạn
4. Sân
5. Trá
6. Cuồng
7. Oan

8. Kiến

9. Uổng

10. Tụng

Và sáu quả liên quan đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, cùng với sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp, **nhân quả ấy đều do mê vọng của chúng sinh tạo ra.** Từ nghĩ tưởng sai lầm, vô minh khởi lên và sinh ra nghiệp. Nhưng nếu chúng ta quay trở lại tánh nghe, lắng nghe tự tính của chính mình thì mọi nghiệp chướng đều tan biến.

Kinh văn:

若諸眾生惡業圓⁴³造。入阿鼻獄受無量苦 經無量劫。

Nhược chư chúng sanh, ác nghiệp viên tạo. Nhập A-tỳ ngục, thọ vô lượng khổ, Kinh vô lượng kiếp

Việt dịch:

Nếu các chúng sinh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ thì vào ngục A Tỳ, chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp.

Giảng giải:

Nếu các chúng sinh, sáu căn đồng tạo nghiệp dữ thì vào ngục A Tỳ. Nếu chúng sinh tạo nghiệp ác từ mười tập nhân và sáu giao báo tất sẽ đi thẳng vào ngục A Tỳ. Đây là ngục Vô gián, nhưng rất đỗi khốc liệt nên có tên gọi đặc biệt như vậy. Về căn bản, các ngục Vô gián đều có thể gọi là A Tỳ, nhưng do tính chất khùng khiếp hơn nên gọi vậy. Trong địa ngục ấy, các chúng **chịu khổ vô cùng trong vô lượng kiếp.**

Kinh văn:

六根各造及彼所作兼境兼根。是人則入八無間獄。

Lục căn các tạo, cập bỉ sở tác, kiêm cảnh kiêm căn. Thị nhân tắc nhập, bát vô gián ngục.

Việt dịch:

Nếu từng mỗi căn trong sáu căn tạo ra, và nghiệp dữ đã làm gồm cả cảnh và căn thì người đó vào tám ngục Vô gián.

Giảng giải:

Nếu từng mỗi căn trong sáu căn tạo ra. Nếu từng bộ phận mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý tự tạo nghiệp – đối với mười tập nhân, từng hành vi ấy không diễn ra cùng lúc, và **nghiệp dữ đã làm gồm cả cảnh và căn thì người đó vào tám ngục Vô gián.** “Cảnh”, tức đối tượng của các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Ở đây các căn gây ra các tập nhân nhưng không cùng

lúc. Khi cả sáu căn và cảnh cùng tạo nghiệp thì người đó phải chịu quả báo – vào tám ngục Vô gián. Đó là tám ngục nóng, tám ngục lạnh.

Kinh văn:

身口意三作殺盜婬。是人則入十八地獄。

Thân khẩu ý tam, tác sát đạo dâm. Thị nhân tắc nhập, thập bát địa ngục.

Việt dịch:

Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm thì người ấy vào mười tám địa ngục.

Giải thích:

Nếu cả thân, khẩu, ý làm việc sát, đạo, dâm. Đây là ba điều ác của thân:

1. Sát sinh
2. Trộm cắp
3. Tà dâm

Bốn điều ác của miệng:

1. Vọng ngữ
2. Ý ngữ
3. Lưỡng thiệt
4. Ác khẩu.

Ba điều ác của ý:

1. Tham
2. Sân
3. Si

Nếu nghiệp của thân, khẩu, ý không trong sạch, sẽ gây ra mười điều ác, **thì người ấy vào mười tám địa ngục.** Đây là mười tám địa ngục rất đáng sợ.

Kinh văn:

三業不兼中間或為一殺一盜。是人則入三十六地獄。

Tam nghiệp bất kiêm, trung gian hoặc vi, nhất sát nhất đạo. Thị nhân tắc nhập, tam thập lục địa ngục.

Việt dịch:

Không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc chỉ làm một việc sát, hoặc một việc đạo, thì người ấy vào trong ba mươi sáu địa ngục.

Giải thích:

Phần trên nói về các nghiệp nặng. Nay nói về ba tạo nghiệp không đầy đủ. **Không đủ cả ba nghiệp thân, khẩu, ý, hoặc chỉ làm một việc sát, hoặc một việc đạo.** Có thể người đó gây nghiệp sát sinh, hoặc trộm cắp, hoặc chỉ sát sinh và trộm cắp, hoặc sát sinh và tà dâm, hoặc trộm cắp. Tóm lại, người đó không gây đủ cả ba nghiệp, do đó, nghiệp ác có phần nhẹ hơn, **thì người ấy vào trong ba mươi sáu địa ngục.** Mặc dù phải qua nhiều ngục, nhưng vì tội nhẹ nên ác địa ngục ấy không khốc liệt lắm.

Kinh văn:

見見一根單犯一業。是人則入一百八地獄。

Kiến kiến nhất căn, đān phạm nhất nghiệp. Thị nhân tắc nhập, nhất bách bát địa ngục.

Việt dịch:

Chỉ có một căn, riêng làm một nghiệp, thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.

Giải thích:

Chỉ có một căn nhưng cũng là nguyên nhân gây ra tội lỗi. Cho nên:

Nếu mắt không thấy, miệng chẳng thèm ăn.

Nếu tai không nghe, ý đâu có vọng động

Nếu quý vị không thấy thức ăn ngon, miệng ắt sẽ không phạm tội thèm ăn. Nếu tai không nghe lời yêu thương dịu dàng thì ý đâu có khởi lên tham dục. Chính cái thấy bắt nguồn cho mọi lỗi lầm. Do đó, Kinh văn nói: **Chỉ có một căn, riêng làm một nghiệp,** có thể người đó chỉ phạm phải một trong ba nghiệp về thân, sát sinh, hoặc trộm cắp, hoặc tà dâm, **thì người ấy vào một trăm lẻ tám địa ngục.**

Kinh văn:

由是眾生別作別造。於世界中入同分地。妄想發生非本來有。

Do thị chúng sanh, biệt tác biệt tạo. Ư thế giới trung, nhập đồng phần địa. Vọng tưởng phát sanh, phi bản lai hữu.

Việt dịch:

Do các chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp, nên vào chỗ đồng phạm trong giới ấy, đó là do vọng tưởng sinh ra, không phải xưa nay vốn có như vậy.

Giải thích:

Do các trường hợp như đã nói qua, **các chúng sinh ấy riêng gây ra nghiệp.** Các chúng sinh vì tạo nghiệp khác nhau nên quả báo cũng có khác, **nên vào chỗ đồng phạm trong giới ấy.** Mọi người vì riêng tạo nghiệp nên

vào chỗ đồng phận. Mỗi tội đều có báo, các chúng gây ra tội thì đều chịu quả báo nơi địa ngục - **đó là do vọng tưởng sinh ra, không phải xưa nay vốn có như vậy.** Đây là các địa ngục sinh khởi từ tội lỗi. Tội lỗi gây ra từ vô minh, chúng dẫn khởi từ những suy nghĩ sai lầm. Về căn bản, thực ra chúng đều không có thật, căn bản của nó vốn là thanh tịnh và vô trước – chẳng có gì cả, chỉ vì:

Đi sai một nước, thua cả ván cờ

Hoặc như nói:

Sai một ly, đi một dặm.

---o0o---

PHẬN QUỶ

Kinh văn:

復次阿難是諸眾生非破律儀。犯菩薩戒毀佛涅槃。諸餘雜業歷劫燒然。後還罪畢受諸鬼形。

Phục thứ A-nan, thị chư chúng sanh, phi phá luật nghi. Phạm Bồ-tát giới, hủy Phật Niết-Bàn. Chư dư tạp nghiệp, lịch kiếp thiêu nhiên. Hậu hoàn tội tất, thọ chư quỷ hình.

Việt dịch:

Lại nữa, A Nan, các chúng sinh đó nếu không phá luật nghi, phạm Bồ tát giới, hủy báng Niết bàn của Phật, mà chỉ phạm những nghiệp phức tạp khác, thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp, đến hết tội lỗi thì chịu những hình trạng quỷ.

Giải giải:

Giải thích về mười tập nhân và sáu giao báo, dù chưa dứt, Đức Thích Ca Mâu Ni bảo: **Lại nữa, A Nan,** ta sẽ nói thêm cho ông biết, **các chúng sinh đó,** những kẻ đã tạo nghiệp, **nếu không phá luật nghi** – có người nói, như: Đạo Phật là đạo Phật, cần gì phải có giới luật ràng buộc? Con người cần tự do, nhất là nước Mỹ thì càng được tự do, nếu không tự do thì chết đi cho rồi! Họ phản đối giới luật Phật, thậm chí còn nói, một người xuất gia, là thành viên của Tăng già thì thọ giới hay không thọ giới cũng không sao. Đây là lời nói bất chính nhằm mê hoặc chúng – là nguyên nhân dẫn tới địa ngục. Họ **phạm Bồ tát giới,** họ không giữ trọn mười trọng cấm và bốn mươi tám khinh cấm Bồ tát giới. Họ **hủy báng Niết bàn của Phật,** cho rằng Niết bàn là không thật có, như vậy họ càng dấn sâu vào tội lỗi, và **chỉ phạm những**

nghiệp phức tạp khác – đó đều là nghiệp xấu. Do gây ra các tội **thì sau khi bị đốt cháy nhiều kiếp** là quãng thời gian rất lâu dài, **đền hết tội lỗi**. Họ phải chịu đựng hết mọi hình phạt báo ứng nơi địa ngục, và tội lỗi gột sạch **thì chịu những hình trạng quỷ**. Khi dứt tội, các chúng sinh ấy tái sinh làm quỷ.

Có người tự nhận là người học Phật, nhưng họ lại không tin những quỷ nói đến trong kinh Lăng Nghiêm. Có nhiều loại quỷ chứ không phải một. Thực ra, xin nói với quý vị điều này: chú Lăng Nghiêm, xét chung, đây chính là tên của các quỷ. **La She Pwo, Ju La Bwo Ye**, là tên của quỷ. Lý do chúng ta tụng chú gọi tên của quỷ vương. Khi tụng danh hiệu của quỷ chúa, các loại quỷ thường khác không dám gây hại, phá rối mình. Chú là tên của quỷ, thần vậy.

Luận về việc tái sinh làm quỷ, vậy đó là loại quỷ nào? Có mười loại quỷ ứng với mười nghiệp gây ra từ mười tập nhân, nhưng thực ra đó chỉ là mười loại tượng trưng, còn có rất nhiều loại quỷ khác.

Kinh văn:

若於本因。貪物為罪是人罪畢。遇物成形名為怪鬼。

Nhược ư bản nhân. Tham vật vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ vật thành hình, danh vi quái quỷ.

Việt dịch:

Nếu do vì tham vật mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vật thành hình, gọi là quái quỷ.

Giải thích:

Nếu do vì tham vật, tức nguyên nhân, **mà làm ra tội**. Đối tượng tham đó là gì? Đây là lòng tham muốn đắm dục. Một người tham luyến, đeo đuổi theo đối tượng và gây nên tội ắt phải vào địa ngục. Sau khi đền hết tội, ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí tham luyến chưa dứt, khi ấy, nếu gặp đối tượng vật nào đó, người ấy sẽ hình thành tinh, thành quái, gọi là **Quái quỷ**.

Kinh văn:

貪色為罪是人罪畢。遇風成形名為魑鬼。

Tham sắc vi tội, thị nhân tội tất, ngộ phong thành hình, danh vi Bạt quỷ.

Việt dịch:

Do tham sắc mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp gió mà thành hình, gọi là Bạt quỷ.

Giải thích:

Do tham sắc mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp gió mà thành hình. Khi đền tội xong, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí

tham dâm chưa dứt, tính lãng du phóng đãng vẫn còn, nên gặp gió thành hình, gọi là Bạt quỷ. Bạt quỷ tức là Hạn quỷ, hoặc còn gọi là Nữ yêu, loài quỷ này đến đâu thì nơi đó khô hạn, không có mưa. Nhân vì đa dâm nên làm cho âm dương không thuận, mây mưa bất thành. Và đây là sự thực: Nghe kinh Lăng Nghiêm, quý vị có thể khám phá ra nhiều bí ẩn của thế gian, những vấn đề khoa học vật lý được nêu rõ trong bản kinh này. Nếu không nghe Lăng Nghiêm, quý vị sẽ không hiểu tại sao có khô hạn và hoang mạc. Về căn bản, nơi ấy có nhiều Bạt quỷ.

Kinh văn:

貪惑為罪是人罪畢。遇畜成形名為魅鬼。

Tham hoặc vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ súc thành hình, danh vi mị quỷ.

Việt dịch:

Do tham dối trá mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp súc thành hình, gọi là Mị quỷ.

Giải thích:

Đây là loại quỷ hình thành khi gặp một động vật, có thể đó là con cáo, con sói, hoặc là mèo, chó – những con vật ấy có thể tiềm tàng trong chúng tính chất kỳ lạ, siêu tự nhiên. Tôi từng thấy một con mèo có tính cách của quỷ. Nó có động tác rất khác thường, như nhảy lên nóc nhà cao ba mét, đoạn từ trên cao nhảy xuống đất, hoặc chạy xuyên suốt từ đường này qua đường khác. Loài cáo cũng vậy, nó có thể nhập hồn vào một người và nói năng bình thường. Có rất nhiều hiện tượng lạ như vậy. Đây gọi là Mị quỷ. Khi loài quỷ này nhập vào người, thì tâm ý người đó thất tán, mất hết nhận thức – như là họ ngủ say đi vậy.

Kinh văn:

貪恨為罪是人罪畢。遇蟲成形名蠱毒鬼。

Tham hận vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ trùng thành hình, danh cổ độc quỷ.

Việt dịch:

Do tham giận mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con sâu thành hình, gọi là Cổ độc quỷ.

Giải thích:

Do tham giận mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con sâu thành hình. Tất cả mười loại quỷ đã thuật qua đều là do lòng tham của họ. Chính lòng tham khiến họ thành hình dạng như quỷ. Ở đây là lòng tham tức giận. Lòng chát chứa đầy tức giận, họ tấn công kẻ khác mà không cần lý do, chính vậy nên tạo thành nghiệp chướng tức giận. Nguyên nhân đó khiến họ vào địa ngục. Khi đền hết tội, họ thành quỷ, thay đổi hình dạng khi gặp

sâu, gọi là **Cổ độc quỷ**. Loại cổ độc này thấy có ở Quảng Đông, Trung Quốc. Người ta dùng nó để hại người khác. Cổ độc trích lấy từ một loài sâu, hòa với thảo dược chế biến thành loại thuốc. Họ pha vào tra cho ai đó uống, uống xong sẽ trở thành kẻ phục tùng mệnh của chủ nhân Cổ độc; nếu trái lệnh sẽ chết. Ở các quốc gia Đông Nam Á như Singapore, Thái Lan, Việt Nam...đều có các loại Cổ độc. Đây là loại quỷ rất độc hại.

Kinh văn:

貪憶為罪是人罪畢。遇衰成形名為癘鬼。

Tham ức vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ suy thành hình, danh vi lệ quỷ

Việt dịch:

Do tham thù oán mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vận suy mà hình thành, gọi là Lệ quỷ.

Giải thích:

Do tham thù oán mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp vận suy mà hình thành. “Thù oán”, là luôn nghĩ đến điều đã xảy ra trong quá khứ và lòng cứ tức giận mãi. Vì muốn trả cho được thù nên phạm tội; sau khi đền hết tội, người ấy ra khỏi ngục Vô gián, nhưng tập khí oán giận chưa dứt, gặp phải vận suy nên thành hình. Đó có thể là vận suy của kẻ thù, hoặc loại động vật suy nhược, già yếu – và kẻ đó nương theo hình dạng thành hình, gọi là Lệ quỷ. Đây là loại quỷ rất dữ dằn, đáng sợ. Nó có thể hại mạng người cách dễ dàng như lấy đồ trong túi.

Kinh văn:

貪傲為罪是人罪畢。遇氣成形名為餓鬼

Tham ngạo vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ khí thành hình, danh vi ngạ quỷ

Việt dịch:

Do tham ngạo mạn mà làm ra tội, thì người đó đền tội xong, gặp khí thành hình, gọi là Ngạ quỷ.

Giải thích:

Do tham ngạo mạn mà làm ra tội, thì người đó đền tội xong, gặp khí thành hình. Một kẻ cao ngạo sẽ chẳng coi ai ra gì. Chúng ta không nên cao ngạo, ngã mạn hoặc khiếm nhã đối với người khác. Một người chẳng muốn biết gì về đối tượng khi tiếp xúc thì thật là mất lịch sự.

Thời Tam Quốc ở Trung Quốc, có một danh sĩ tên Nễ Hoàn, ngày nọ ông ta đến viếng Tào Tháo. Khi ấy quyền lực Tào Tháo rất lớn, và ông ta rất đỗi kiêu ngạo, chẳng coi ai ra gì. Biết Nễ Hoàn đến, Tào Tháo dặn dò các quan thần cứ ngồi yên lặng, đừng màng đến khách để xem tài năng kẻ sĩ kia thế nào. Khi Nễ Hoàn đi vào, thấy mọi người ngồi lặng yên, chẳng ai đứng

lên chào hỏi hoặc nói năng gì. Nễ Hoàn thấy thế bèn khóc lên. Tào Tháo hỏi: “*Tại sao ông khóc?*”.

Nễ Hoàn đáp: “*Tôi thấy mọi người ngồi chết lặng trong triều, vậy sao chẳng đau lòng mà không khóc được?*”. Tào Tháo bị Nễ Hoàn mắng khéo, ông ta chỉ biết lặng thinh nuốt giận.

Người gây nên tội, sau khi đền hết tội và ra khỏi địa ngục, gặp khí thì thành hình. Đây là loại khí làm cho thần thức người đó thành hiển hiện, **gọi là Nga quý**. “Nga quý” là tên gọi chung, chỉ các quý chẳng có gì để ăn. Chúng có hình dạng: Bụng to như cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, do đó, chúng chẳng nuốt được thức ăn. Nếu thấy loại quý như thế, quý vị thấy có đáng sợ không?

Kinh văn:

貪罔為罪是人罪畢。遇幽為形名為魘鬼。

Tham vông vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ u vi hình, danh vi yểm quý.

Việt dịch:

Do tham lừa gạt mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp u ẩn thành hình, gọi là Yểm⁴⁴ quý.

Giải thích:

Do tham lừa gạt mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp u ẩn thành hình. Chỉ vì tham lam, dối gạt nên gây ra tội chướng, người ấy phải vào ngục Vô gián chịu tội. Trải qua hàng trăm ngàn kiếp chịu đựng ác báo, nghiệp báo trả xong, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng vì tập khí dối gạt chưa dứt, thích đeo đuổi những tối tăm, ẩn khuất, gặp u ẩn nên thành hình, **gọi là Yểm quý**. Quý vị còn nhớ quý Cưu bàn trà (Kumbhanda) đã nói qua? Chính là loại quý này. Một người học trò của tôi nói, anh ta từng gặp loại quý này nhiều lần, có khi ra sức xua đuổi chúng, dĩ nhiên, anh ta không mất mạng.

Mỗi nguy hại là sống lẫn cùng chúng, và loại Yểm quý nào có thể hại người bằng kỹ thuật của chúng. Nhưng ngày nay, người học trò tôi đã tin Phật, và tôi tin loài quý ấy không dám quấy phá anh ta nữa.

Kinh văn:

貪明為罪是人罪畢。遇精為形名魘魘鬼。

Tham minh vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ tinh vi hình danh vông lượng quý.

Việt dịch:

Do tham tà kiến mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng quý.

Giải thích:

“Tà kiến” là quan điểm, nhận thức của riêng mình. Với kiến thức, con người nhận xét sự việc rất tinh tế, khéo léo, nhưng cũng chính từ sự thông minh đó, chúng ta lại phạm phải nhiều hành động sai trái. Như biết rõ giết người là phạm tội, thế mà họ vẫn chẳng nương tay. Biết trộm cắp là có lỗi, họ vẫn lấy cắp. Có thể đó là người giỏi, là người thông minh, lời nói có sức thuyết phục, nhưng hành động thì bất chính. Có người **Do tham tà kiến** – người đó thông minh nhưng hành động hồ đồ, sai trái **mà làm ra tội**. Do phạm tội, người đó phải vào ngục Vô gián, chịu đựng khổ não qua trăm ngàn kiếp. Đền tội xong, được thoát khỏi địa ngục – vậy điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Tập khí cũ chưa dứt, tà kiến vẫn còn, thế nên **gặp tinh hoa thành hình, gọi là Vọng Lượng quý**. Nếu thần thức người đó gặp người mạnh mẽ, đầy năng lực, hoặc tinh hoa của nhật, nguyệt tất sẽ theo đó hiện hình. Quý Vọng Lượng như thế nào? Có khi chúng hiện thành trẻ con nhưng chỉ có một chân, hoặc một thiếu niên nhưng có đầu giữa đôi chân – Đây là những hình dạng rất đáng sợ.

Ở nhiều nơi rừng núi có hồ dữ, mọi người sẽ không dám đi qua đấy. Nhưng loài quỷ này sẽ hóa hiện thành người và đi lại nơi ấy, nhiều người thấy vậy, nghĩ là hồ đã đi xa nên tiếp tục lên núi. Rốt cục họ bị hồ giết hại. Như vậy, chính Quỷ Vọng Lượng đã giúp cho hồ ăn thịt người.

Kinh văn:

貪 成 為 罪 是 人 罪 畢。 遇 明 為 形 名 役 使 鬼。

Tham thành vi tội, thị nhân tội tất. Ngô minh vi hình, danh dịch sử quỷ.

Việt dịch:

Do tham vu vạ mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh linh thành hình, gọi là Dịch Sử quý.

Giải giảng:

Do tham vu vạ mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp tinh linh thành hình. Đây là tập khí đối trá. Vì muốn được nên dùng mọi cách dối gạt người. Hành động ấy khiến người phạm tội đi vào địa ngục. Sau hàng trăm ngàn kiếp chịu tội, người ấy ra khỏi địa ngục, nhưng tập khí đối trá chưa dứt, thần thức người ấy vẫn muốn gạt người. Do đó khi gặp tinh linh – tức là loại chú thuật, thì thành hình, **gọi là Dịch Sử quý**, nó giúp con người làm những điều họ muốn.

(Tại Trung Quốc có người tên Kỷ Hiếu Đường, dưới tay ông ta có năm con quỷ Dịch Sử. Loài quỷ này cũng có năm thần thông: thiên nhãn, thiên nhĩ, thần túc, túc mạng và tha tâm thông, không có lậu tận thông. Loài quỷ này thuộc âm, không phải thuần dương nên sức thần thông không lớn. Kỷ Hiếu Đường dùng quỷ này đi truyền đạt tin tức, nơi nào có tai họa, ông sai bọn

chúng đến cứu giúp người lương thiện. Đương thời, người trong xóm đều gọi ông là thần tiên sống).

Kinh văn:

貪黨 為罪是人罪畢。遇人為形名傳送鬼。

Tham đảng vi tội, thị nhân tội tất. Ngộ nhân vi hình, danh truyền tống quỷ.

Việt dịch:

Do tham bè phái che giấu mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con người thành hình, gọi là Truyền Tống quỷ.

Giải giảng:

Do tham bè phái che giấu mà làm ra tội, thì người ấy đền tội xong, gặp con người thành hình. “Bè phái che giấu” – hàm ý kéo nhau ra tòa kiện tụng. Có khi ra tòa, họ kết bè phái vu vạ hại người, nói trái thành phải, phải thành trái để giành lấy chiến thắng. Người phạm tội như vậy ắt phải chịu quả báo, khi đền tội xong, thần thức của họ gặp người thành hình, **gọi là Truyền Tống quỷ.** Loài quỷ này nương vào hình dạng con người, nói năng như một người bình thường. Có khi kẻ đó giả dối tự xưng mình là Phật, là Bồ tát, xuất hiện trong đời để cứu nhân độ thế, y đoán biết được mọi sự lành dữ sẽ xảy ra, rất linh nghiệm. Như vậy làm sao phân biệt được thật giả, chính tà? Nếu chẳng có ý đồ gì, mà là do tu hành chân chính, đạt được thần thông, thì đó là chính. Như nương vào người mà thành hình, muốn người khác cúng dường, phụng sự, dối gạt kẻ khác thì đó là tà.

Tại Trung Quốc, có người bị quỷ hoặc thần nhập vào người, thường gọi là ông đồng, bà bóng. Họ có thể chữa trị bệnh. Như trước đây tôi có nói đến, những kẻ như vậy có thể tự mình cầm dao đâm vào đầu, vào người của chính mình. Đây là người của quỷ Truyền Tống.

Kinh văn:

阿難是人皆以純情墜落。業火燒乾上出為鬼。此等皆是自妄想業之所招引。若悟菩提則妙圓 明本無所有。

A-nan! Thị nhân giai dĩ, thuần tình đọa lạc. Nghiệp hỏa thiêu càn, thượng xuất vi quỷ. Thử đảng giai thị, tự vọng tưởng nghiệp, chi sở chiêu dẫn. Nhược ngộ Bồ-đề, tác diệu Viên Minh, bản vô sở hữu.

Việt dịch:

A Nan, những người đó đều vì thuần tình phải đọa lạc, khi lửa nghiệp đốt sạch xong thì lên làm quỷ. Như vậy đều là do cái nghiệp vọng tưởng tự mình chuốc lấy; nếu ngộ được đạo Bồ đề thì nơi tích diệu viên minh, vốn chẳng có gì.

Giải giảng:

Đức Phật tiếp tục giảng giải: **A Nan**, ông biết không? **Những người đó đều vì thuần tình phải đọa lạc**. Vì họ chìm đắm trong tình. Căn bản là vì tình dục, thiếu đi lý trí suy nghĩ chính đáng, họ hành động vì tình, vì dục, điều đó đưa họ vào địa ngục. Tình thuộc “**âm**”, và suy nghĩ chân chính là “**dương**”. Sau khi vào địa ngục và **khi lửa nghiệp đốt sạch xong** họ rời khỏi địa ngục **thì lên làm quỷ**. Mặc dù nơi địa ngục đã đốt sạch nghiệp chướng, nhưng sau khi trở lại thế gian, tập khí cũ vẫn chưa dứt hẳn, nên người đó làm thành quỷ.

Tình trạng **như vậy đều là do cái nghiệp vọng tưởng tự mình chuốc lấy**. Sự thực, chính tự thân người ấy khởi vọng tưởng, sinh ra vô minh. Vô minh này vọng khởi từ Như Lai tạng tính, tạo ra nghiệp ác, chiêu cảm ác quả khổ não, **nếu ngộ được đạo Bồ đề thì nơi tích tụ viên minh, vốn chẳng có gì**. Nếu người đó tỏ ngộ được đạo Bồ đề tất sẽ thấy tự mình vốn thanh tịnh, bản lai tự tính viên minh trong Như Lai tạng tính là hoàn toàn vắng lặng, sáng tỏ, vậy thì có đâu là hoặc nghiệp khổ não?

---o0o---

PHẬN THỨ

Kinh văn:

復次阿難鬼業既盡。則情與想二俱成空。方於世間。與元負人怨對相值。身為畜生酬其宿債。

Phục thứ A-nan, quỷ nghiệp ký tận. Tắc tình dữ tưởng, nhị câu thành không. Phương u thế gian. Dữ nguyên phụ nhân, oán đối tương trực. Thân vi súc sanh, thù kỳ túc trái.

Việt dịch:

Lại nữa, A Nan, khi nghiệp quỷ đã hết, tình và tưởng – cả hai đều thành không mới nơi thế gian, cùng với người mắc nợ cũ, oán đối gặp nhau, thân làm súc sinh để đáp trả nợ cũ.

Giảng giải:

Lại nữa, A Nan, ta sẽ giảng điều chính yếu để ông hiểu sâu hơn. Khi nghiệp quỷ đã hết, tình và tưởng – cả hai đều thành không. Người ấy đã dứt sạch cả tình và tưởng. **Khi ấy mới nơi thế gian, cùng với người mắc nợ cũ, oán đối gặp nhau**. Người ấy phải trả những điều đã vay. Nếu trước kia ăn thịt các động vật, thì nay sẽ bị chúng ăn thịt. Nếu trước kia giết người thì nay người giết lại, **thân làm súc sinh để đáp trả nợ cũ**. Người ấy phải trả

cho hết những nợ nần đã gây ra trong quá khứ. Nếu giết người, tất sẽ bị người giết hại. Nếu nợ một con heo, người ấy sẽ thành heo để trả cho người. Nợ một con chó, con bò, con gà... cũng phải trả. Hẳn nhiên, biết bao nhiêu nợ không thể trả cho hết trong thế gian này. Nếu quý vị gây ra lầm lỗi, chắc chắn điều đó sẽ làm quý vị phiền muộn, bận lòng. Nếu hành động chính đáng thì chẳng có gì phải bận tâm cả.

Kinh văn:

物怪之鬼物銷報盡。生於世間多為梟類。

Vật quái chi quỷ, vật tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi kiêu loại.

Việt dịch:

Quái quỷ theo vật, vật tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài chim kiêu.

Giải thích:

Loài quái quỷ tham vật nên nương theo vật thành hình. “Vật tiêu”, là thoát ra khỏi hình hài sở hữu, nghiệp báo đã trả xong, đoạn chúng tái sinh làm con chim kiêu. Điều này hay xảy ra, song không phải là tất cả. Kinh Thi có câu: “*Con chim kiêu, con chim kiêu. Mi là con chim bắt hiểu*”. Vài loại chim kiêu có thể ấp một viên đất và nở ra con. Điều này phải giải thích như thế nào nhỉ? – Vâng, thực ra là điều kỳ lạ. Khi chim kiêu nở ra, chúng ăn thịt chim mẹ. Đây là loài chim hay mang đến điềm gở.

Kinh văn:

風魑之鬼風銷報盡。生於世間多為咎徵 一切異類。

Phong mị chi quỷ, phong tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi cửu trung, nhất thiết dị loại.

Việt dịch:

Bạt quỷ theo gió, gió tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả những loài cửu trung kỳ dị

Giải thích:

Bất cứ nơi nào Bạt quỷ xuất hiện, nơi đó sẽ không mưa, nơi nào chúng đi qua, chỗ ấy sẽ khô hạn. Đây là những kẻ tham dâm nên tạo nghiệp, gặp gió thành hình Bạt quỷ. Khi nghiệp báo đã dứt, chúng trở lại thế gian, nhưng tập khí dâm chưa dứt, nên thay vì làm người, chúng trở thành quỷ. Tại sao phải chịu đựng như vậy? – sau khi gây ra nghiệp dâm, bị vào địa ngục, sau đó tái sinh làm Bạt quỷ, tập khí cũ vẫn chưa dứt, chúng lại tái sinh làm những loài vật lạ. Chúng có thể sinh làm loài chim có sắc lông sặc sỡ, hoặc các loài thú khác, trong chúng tập khí dâm vẫn chưa dứt.

Kinh văn:

畜魅之鬼畜死報盡。生於世間多為狐類。

Súc mị chi quỷ, súc tử báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hồ loại.

Việt dịch:

My quỷ theo súc, súc chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài hồ.

Giải thích:

Loài My quỷ sau khi dứt nghiệp làm quỷ, chúng tái sinh làm loài hồ (cáo).

Kinh văn:

蟲蠱之鬼蟲滅報盡。生於世間多為毒類。

Trùng cổ chi quỷ, trùng diệt báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi độc loại.

Việt dịch:

Cổ quỷ theo sâu, sâu diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài có độc.

Giải thích:

Cổ độc quỷ thành hình là khi gặp loài sâu. Khi mạng quỷ dứt tận và nghiệp báo đã hết, nó sinh nơi thế gian, làm các loài có độc, như bò cạp, rắn...

Kinh văn:

衰癘之鬼衰窮報盡。生於世間多為蛔類。

Suy lệ chi quỷ, suy cùng báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hồi loại.

Việt dịch:

Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài giun.

Giải thích:

Lệ quỷ theo vận suy, suy tột báo hết, sinh nơi thế gian. Bất cứ người nào gặp phải loài quỷ này đều phải lánh xa. Chúng có nhiều uy lực rất đáng sợ. Khi trả báo xong, **phần nhiều làm loài giun.** Đây là loài giun trong ruột chúng ta. Tôi không biết căn bệnh này ở phương Tây, nhưng ở Trung Quốc, loài giun này có thể truyền tin, chúng nói chuyện được đấy. Từ trong bụng, chúng có thể trò chuyện với người đang mang chúng. Không có thuốc để chữa bệnh như vậy, ngoại trừ người bệnh không biết là mình đang được chữa loại thuốc nào. Nếu người bệnh biết mình đang điều trị bằng thuốc nào đó thì bọn giun cũng sẽ biết. Có thể diễn đạt ý đó như sau: “*Ông không phải là con giun trong bụng tôi, vậy làm sao ông hiểu tôi nghĩ gì?*”

Không chỉ có giun, mà còn nhiều loại hữu thể khác hiện hữu trong bụng con người có thể trò chuyện. Tôi xin kể câu chuyện về một tín đồ của tôi ở Hồng Kông. Có thể năm nay bà ấy đã tám mươi tuổi, lúc đến tôi nghe đạo, bà ấy chừng sáu mươi tuổi, tai đã điếc. Tôi giảng kinh, bà ấy thực sự không nghe, bà đến chỉ với lòng tin là tôi đang giảng giải Phật pháp. Người tín đồ ấy chỉ biết tiếng Quảng Đông, và dù có người phiên dịch, bà cũng không nghe được. Muốn lên đến tự viện phải qua hơn ba trăm bậc thang. Tôi giảng từ bảy đến chín giờ, và bà ta đều đặn đến dự, lên xuống các nấc thang. Đường đi không có đèn, dù có tuổi, bà vẫn đi lại, không sợ vấp ngã. Một người rất nhiệt thành. Ngày nọ, khi nghe tụng về Hội Liên Trì của chư Phật, Bồ tát, đột nhiên đôi ta bà ta nghe tỏ tường trở lại. Bà không còn điếc. Điều ấy khiến bà càng thêm tin tưởng Phật đạo.

Đến một đêm nọ, bà nằm mơ, trong mơ bà thấy ba đứa bé độ hai đến ba tuổi. Sau giấc mơ đó bà ngã bệnh. Tự nhiên sao lại bệnh? Bà ăn uống nhiều hơn, ăn đến hàng chục lần trong ngày. Nghĩ là mình ngã bệnh bà đi khám cả Đông Y, Tây Y, nhưng các bác sĩ nói bà chẳng bệnh gì cả. Tình trạng như vậy kéo dài suốt hai đến ba năm. Cuối cùng đến một chiều ngày mùng Bảy tháng Hai Âm lịch, trước ngày lễ Thích Ca thành đạo, khi tôi từ núi Da Yu trở về, bà đến nói với tôi:

- *Thưa thầy, tại sao có người trong bụng con nói chuyện với con?*

- *Nói gì thế? Tôi hỏi.*

Bà đáp:

- *Hôm nay con dùng mấy cái bánh bột gạo. Ăn xong, nghe trong bụng có tiếng nói: “Tôi không thích ăn món dở tệ này?”.*

- *Bà nói sao?*

- *Con bảo, các người đã được đầy đủ, nếu không ăn thì muốn ăn thứ gì? Bà ấy nói chuyện với chính cái bụng của mình.*

Tôi bảo:

- *Đừng lo, tối nay tôi sẽ giúp bà. Bà về nhà, nửa đêm nay thắp hương trên bàn thờ, sau đó niệm danh hiệu Phật.*

Bà ấy trở về làm theo lời dặn. Khi ấy bà chợt thấy ba đứa bé từ trong bụng mình thoát ra. Mấy đứa bé bà từng mơ thấy. Cùng lúc, bà thấy Bồ tát Uy Đầu hiện ra, lấy thức ăn trong bình bát cho ba đứa bé ăn. Chúng ăn xong, Bồ tát bèn xách tai cả ba đi ra khỏi nhà. Sau đó, bà cảm thấy bụng mình như trống rỗng. Từ đó bà không còn bệnh ăn nhiều nữa.

Loài giun cũng vậy, chúng có thể từ trong bụng người trò chuyện. Nhưng trong trường hợp tín đồ kia không phải là giun – đó là ba con yêu tinh, hai con ếch và một con thần lằn. Bọn chúng là nga quỷ. Tại sao bà ấy

vướng phải căn bệnh như vậy? Từ sau khi bà trở thành Phật tử, tôi xét thấy nhân duyên bà rất tốt, chân thành và trong sạch. Nhưng trước đó, bà có quen biết một người mắc phải bệnh tương tự vậy, khi người đó thuật lại chuyện, bà không tin, nói: “*Tôi không tin. Có ai lại nghe quỷ đòi từ trong bụng mình nói chuyện đâu*”. Vì nói không tin, rốt cục chính tự thân bà phải trải nghiệm căn bệnh lạ lùng như vậy. Tại Hồng Kông, có nhiều người nghe biết chuyện, họ đều không tin – cho đó là chuyện tức cười! Người Tây Phương thì càng khó tin. Và, tôi tin rằng những người Hồng Kông biết chuyện nhưng không tin, trong tương lai họ sẽ vướng phải bệnh trạng như vậy. Cái vòng nhân quả rất mạnh.

Kinh văn:

受氣之鬼氣銷報盡。生於世間多為食類。

Thụ khí chi quỷ, khí tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi thực loại.

Việt dịch:

Ngạ quỷ theo khí, khí tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài cung cấp thức ăn.

Giải thích:

Trong quá khứ do tham ngạo mạn, phạm phải tội ác. Khi tội báo trả xong thì chuyển sinh nơi thế gian, nhưng tập khí kiêu mạn chưa dứt nên sinh làm các động vật cung cấp thức ăn, như heo, gà, vịt...

Kinh văn:

綿幽之鬼幽銷報盡。生於世間多為服類。

Miên u chi quỷ, u tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi phục loại.

Việt dịch:

Yểm quỷ theo u ám, u ám tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều là làm loại phục vụ

Giải thích:

Gặp u ám nên hình thành Yểm quỷ, tội chướng dứt tận, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm loài phục vụ. Phục vụ có hai loại: Một là cung cấp y phục, như con tằm, cáo... Một loại trợ giúp người như ngựa, bò, chó, mèo...

Kinh văn:

和精之鬼和銷報盡。生於世間多為應類。

Hòa tinh chi quỷ, hòa tiêu báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi ứng loại.

Việt dịch:

Vọng lượng quỷ theo tinh hoa, tinh hoa tiêu báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim mùa.

Giảng giải:

Vọng lượng quý theo tinh hoa, tinh hoa tiêu báo hết. Các vọng lượng quý thành hình khi gặp tinh hoa, đến khi tinh hoa tán, báo dứt thì **sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài chim mùa.** Đây là các động vật sinh hoạt theo mùa. Chẳng hạn loài ngỗng hoang dã, chúng bay thành từng đàn, mùa xuân trú ở phương Bắc, đến mùa thu bay đến phương Nam. Vào mùa xuân, loài chim én bay đến các hang động làm tổ, sau đó đẻ trứng, nuôi con rồi bay đi. Đây là các loài chim di trú.

Kinh văn:

明靈之鬼明滅報盡。生於世間多為休徵一切諸類。

Minh linh chi quý, minh diệt báo tận. Sanh ư thế gian, đa vi hưu trung, nhất thiết chư loại.

Việt dịch:

Dịch sử quý tinh linh, tinh linh diệt báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm tất cả các loài hưu trung.

Giảng giải:

Đây là loại Dịch sử quý. Khi trở lại thế gian, chúng tái sinh làm tất cả động vật mang lại điềm lành cho con người, như kỳ lân, phượng hoàng.

Kinh văn:

依人之鬼人亡報盡。生於世間多於循類。

Y nhân chi quý, nhân vong báo tận. Sanh ư thế gian, đa ư tuần loại.

Việt dịch:

Truyền Tống quý theo người, người chết báo hết, sinh nơi thế gian, phần nhiều làm các loài thuần phục.

Giảng giải:

Đây là các loại động vật dễ thuần phục, như chó, mèo, ngựa...

Kinh văn:

阿難是等皆以業火乾枯。酬其宿債傍為畜生。此等亦皆自虛妄業之所招引。若悟菩提。則此妄緣本無所有。

A-nan! Thị đẳng giai dĩ, nghiệp hỏa càn khô. Thù kỳ túc trái, bàng vi súc sanh. Thử đẳng diệc giai, tự hư vọng nghiệp, chi sở chiêu dẫn. Nhược ngộ Bồ-đề. Tác thử vọng duyên, bản vô sở hữu.

Việt dịch:

A Nan, bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sinh làm loài vật, trả hết nợ cũ, như vậy đều do những nghiệp hư vọng của chính mình chuốc lấy, nếu ngộ được tính Bồ đề thì các vọng duyên đó vốn chẳng có gì.

Giảng giải:

A Nan, tất cả các loại tái sinh đã nói đến, **bọn ấy đều do lửa nghiệp đốt xong, sinh làm loài vật, trả hết nợ cũ, như vậy đều do những nghiệp hư vọng của chính mình chuộc lấy.** Do nghiệp đã gây ra trong quá khứ, nếu ngộ được tính Bồ đề thì các vọng duyên đó vốn chẳng có gì. Nếu tỏ ngộ đạo Bồ đề thì mọi vọng tưởng sẽ tan biến hết. Nó hoàn toàn trống rỗng.

Kinh văn:

如汝所言寶蓮香等。及瑠璃王善星比丘。如是惡業本自發明。非從天降亦非地出。亦非人與。自妄所招還自來受。菩提心中皆為浮虛妄想凝結。

Như nhữ sở ngôn, bảo liên hương đẳng. Cập lưu ly Vương, thiện tinh Tỳ-kheo. Như thị ác nghiệp, bản tự phát minh. Phi tùng Thiên hàng, diệc phi địa xuất. Diệc phi nhân dữ. Tự vọng sở chiêu, hoàn tự lai thọ. Bồ-đề tâm trung, giai vi phù hư, vọng tưởng ngưng kết.

Việt dịch:

Như lời ông nói, **bọn Bảo Liên Hương, Lưu Ly vương, Thiện Tinh tỳ kheo, đều vốn tự mình gây ra nghiệp dữ, nghiệp ấy không phải từ trời rơi xuống, từ dưới đất phát ra, cũng chẳng phải do người đưa tới, mà là do chính mình gây ra, rồi tự mình chịu quả báo.** Nơi tâm Bồ đề, đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng không thật.

Giảng giải:

Như lời ông nói, **bọn Bảo Liên Hương.** Quý vị còn nhớ Tỳ kheo Ni này chứ? Lưu Ly vương, Thiện Tinh tỳ kheo, đây là những người đã thuật qua. Họ đều vốn tự mình gây ra nghiệp dữ. Họ đi vào địa ngục, đây là do chính họ. **Nghiệp ấy không phải từ trời rơi xuống, từ dưới đất phát ra, cũng chẳng phải do người đưa tới, những nghiệp xấu ấy là do chính mình gây ra, rồi tự mình chịu quả báo.** Nơi tâm Bồ đề. Trong tâm Bồ đề, nghiệp khác nào ảnh tượng giả tạo, rất phù du, nó không có thật, **đó chỉ là sự kết đọng của vọng tưởng không thật,** chính sự kết đọng vọng tưởng sinh ra nghiệp như vậy.

---o0o---

PHẬN NGƯỜI

Kinh văn:

復次阿難從是畜生酬償先債。若彼酬者分越所酬。此等眾生還復為人返⁴⁵徵其剩。

Phục thứ A-nan, từng thị súc sanh, thù thường tiên trái. Nhược bỉ thù giả, phân việt sở thù. Thử đẳng chúng sanh, hoàn phục vi nhân, phản trưng kỳ thặng.

Việt dịch:

Lại nữa, A Nan, các súc sinh ấy đến trả nợ trước, nếu khi trả nợ, trả quá nợ cũ, thì những chúng sinh ấy trở lại làm người, đòi lại chỗ thừa.

Giảng giải:

Kẻ ấy sống đòi súc sinh để trả lại nợ đã gây ra trong quá khứ. Nếu như trả quá số nợ cần thiết, kẻ ấy sẽ lại tái sinh làm người để đòi lại chỗ thừa đã trả.

Kinh văn:

如彼有力兼有福德。則於人中不捨人身酬還彼力。若無福者還為畜生償彼餘直。

Như bỉ hữu lực, kiêm hữu phước đức. Tác ư nhân trung, bất xả nhân thân, thù hoàn bỉ lực. Nhược vô phước giả, hoàn vi súc sanh, thường bỉ dư trực.

Việt dịch:

Nếu như bên kia có sức, lại có cả phúc đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người, mà hoàn trả lại chỗ thừa đó, nếu không có phúc đức, thì phải làm súc sinh để đền lại chỗ thừa.

Giảng giải:

Nếu như bên kia có sức, lại có cả phúc đức, thì ở trong loài người, không rời bỏ thân người. “Súc” là năng lực của nghiệp tốt. Nếu bên tích lũy nhiều phúc đức, họ sẽ không đánh mất thân người, **mà hoàn trả lại chỗ thừa đó**, hoàn trả xong dư nợ, kẻ đó vẫn trong hình dạng súc sinh. **Nếu không có phúc đức, thì phải làm súc sinh để đền lại chỗ thừa.** Phải tái sinh làm súc sinh để trả lại nợ đã gây ra. Thật ra chẳng dễ gì lừa đảo, lấy cắp của người. Mặc dù con người không tham gia tiến trình phân xử này, nhưng chính sức mạnh của nghiệp tự thân người đó tác động như vậy.

Kinh văn:

阿難當知若用錢物。或役其力償足自停。

A-nan đương tri, nhược dụng tiền vật. Hoặc dịch kỳ lực, thường túc tự đình.

Việt dịch:

A Nan nên biết, nếu như dùng tiền của, hoặc công sức người, thì đền đủ là xong.

Giảng giải:

A Nan nên biết, nếu như dùng tiền của, hoặc công sức người, thì đền đủ là xong. Khi đã trả đủ nợ nần, mọi việc coi như xong.

Kinh văn:

如於中間 殺彼身命或食其肉。如是乃至經微塵劫。相食相誅猶如轉輪。互為高下無有休息。

Như ở trung gian, sát bĩ thân mạng, hoặc thực kỳ nhục. Như thị nãi chí, Kinh vi trần kiếp. Tương thực tương tru, do như chuyển luân. Hổ vi cao hạ, vô hữu hưu tức.

Việt dịch:

Còn như trong ấy có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế thì ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao, bên thấp, không có dừng nghỉ.

Giảng giải:

Còn như trong ấy – trong sự nợ nần người khác, có giết thân mạng, hoặc ăn thịt kẻ khác, như thế thì ăn nhau, giết nhau, trải qua nhiều kiếp, số như vi trần, cũng như bánh xe xoay vần, thay đổi bên cao, bên thấp, không có dừng nghỉ. Cái vòng xoay luân lưu bất tận – ăn thịt người, bị người ăn thịt, giết người, bị người giết, cứ thế mà diễn ra mãi mãi, giống như bánh xe xoay vòng, không dừng lại được. Đó là điều rất nguy hiểm.

Kinh văn:

除奢摩他及佛出世不可停寢。

Trừ xa ma tha, cập Phật xuất thế, bất khả đình tâm.

Việt dịch:

Trừ khi được pháp Xa ma tha, hoặc gặp Phật ra đời, thì không sao thôi được.

Giảng giải:

Xa ma tha (Shamatha) là tên gọi thiền định, có nghĩa là Chỉ, Tịch tĩnh. Từ khi tu hành pháp thiền ấy và hành pháp thiền Lăng Nghiêm để đạt được đại định, hoặc gặp được Phật ra đời, giải thoát con người thì mọi nghiệp chướng ấy mới dừng dứt được.

Kinh văn:

汝今應知彼梟倫 者酬足復形。生人道中參合頑類。

Nhữ kim ứng tri, bỉ kiêu luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp ngoạn loại.

Việt dịch:

Nay ông nên biết, các loài chim kiêu kia, trả hết nợ trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng ngoạn cố.

Giải thích:

“Các loài”, chỉ những loài chim khác có tính xấu như chim kiêu. Sau khi trả xong nghiệp báo, chúng trở lại làm hình dạng người. Mà dù làm người nơi nhân gian, nhưng tập khí cũ vẫn tiềm tàng chưa dứt, do đó, kẻ ấy ưa thích ngao du, tập hợp cùng bọn người ngoạn cố, ương bướng, bất chấp lý lẽ phải trái. Con người thường ưa thích những ai có cùng khuynh hướng, cùng quan điểm như mình, chẳng hạn sinh viên giao du với sinh viên, công nhân làm bạn với công nhân...

Kinh văn:

彼咎徵者 酬足復形。生人道中參合異類。

Bỉ cữu trung giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp dị loại.

Việt dịch:

Giống cữu trung kia, trả xong nợ lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng quái dị.

Giải thích:

Sau khi trả xong nghiệp quái, họ được sinh trở lại nhân gian, nhưng rất quái dị. Loại tái sinh này kỳ lạ vẫn thường thấy đăng trên báo. Như có người đàn bà sinh ra đứa bé có hai cái đầu, hoặc hai thân mình liền nhau, có một đầu. Hoặc sáu quan năng trên thân đứa bé sai lệch, như mắt ở tai, tai ở mắt; hoặc mũi ở miệng, miệng nằm ngay mũi. Thường, những quái thai ấy sau khi sinh ra đều không sống được.

Kinh văn:

彼狐倫者 酬足復形。生人道中參於庸類。

Bỉ hồ luân giả, thù túc phục hình, sinh nhân đạo trung, tham ư dung loại.

Việt dịch:

Những loài hồ kia, trả xong nợ cũ trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hàng ngu dại.

Giải thích:

Loài hồ (cáo) rất tinh khôn, nhưng là loại tinh khôn của quỷ. Chính vì sự sai lầm, giả dối ấy nên khi tái sinh làm người, kẻ ấy thành người dung tục, ngu ngốc. Quý vị có nói điều gì, người ấy cũng không hiểu. Nếu để y lại

một mình, anh ta sẽ tự thấy mình là đúng, nhưng nếu có hỏi tại sao, người ấy sẽ hoàn toàn mù mịt.

Kinh văn:

彼毒倫者酬足復形。生人道中參合佞類。

Bỉ độc luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp ngận loại.

Việt dịch:

Những loài có độc kia, trả xong nợ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp bọn nham hiểm.

Giải thích:

Những loài có độc kia, bao hàm các loài như rắn độc, thú dữ, **trả xong nợ, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp bọn nham hiểm**. Đền xong nghiệp quả, chúng trở lại nhân gian sinh làm người, dù vậy, tập khí xấu ác cũ vẫn chưa dứt. Những kẻ đó rất đổi hung dữ, độc ác. Nếu họ nói giết người, họ sẽ làm cho được. Tánh hung bạo ấy chính là tập khí độc ác của loài rắn còn tiềm tàng, chưa dứt đi được.

Kinh Lăng Nghiêm luận về tính người và tính loài vật rất rõ ràng, tinh xác. Nếu quý vị tìm hiểu cẩn thận, ắt sẽ rõ điều đó.

Kinh văn:

彼蛔倫者酬足復形。生人道中參合微類。

Bỉ hôi luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp vi loại.

Việt dịch:

Những loài giun kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng hèn nhất.

Giải thích:

Những loài giun kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo. Quý vị có nhớ loài giun có thể nói chuyện? Lạ lắm đấy chứ? Khi loài vật này trả xong nợ từ quá khứ, chúng sẽ trở lại làm người. Và mặc dù là người, họ lại sống không đúng với đời người, mà **tham hợp hạng hèn nhất**. Họ là những kẻ vô dụng, chỉ biết làm theo những gì người khác sai bảo – hạng người rất tầm thường, thấp kém, chẳng quan trọng gì.

Kinh văn:

彼食倫者酬足復形。生人道中參合柔類。

Bỉ thực luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp nhu loại.

Việt dịch:

Những loài cung cấp thịt ăn kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược.

Giải thích:

Những loài cung cấp thịt ăn kia. Những kẻ tái sinh làm động vật cung cấp thức ăn cho người, **trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng nhu nhược.** Khi đền xong nghiệp chướng, trở lại hình người, nhưng lại sinh làm người nhu nhược, yếu đuối, vì họ vẫn chưa dứt những tập khí xấu trong quá khứ. Họ không thể sống tự lập, mà phải nương náu, nhờ vào người khác mà tồn tại.

Kinh văn:

彼服倫者酬足復形。生人道中參合勞類。

Bỉ phục luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp lao loại.

Việt dịch:

Những loài cung cấp đồ ăn mặc kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng lao lụy.

Giải thích:

Những loài cung cấp đồ ăn mặc kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo. Những chúng sinh dùng tự thân cung cấp đồ mặc cho người, khi trả nợ xong, trở lại sinh làm người, **tham hợp hạng lao lụy,** tức người có đời sống lao khổ, nhọc nhằn, chẳng đặng an nhàn.

Kinh văn:

彼應倫者酬足復形。生人道中參於文類。

Bỉ ứng luân giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham ư văn loại.

Việt dịch:

Những loại chim mùa kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa.

Giải thích:

Những loại chim mùa kia – như ngỗng hoang dã, vịt, các loài chim di trú, **trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng văn hoa,** nhưng văn hoa của họ không nhiều. Họ chỉ có một ít khả năng nào đó, họ tham gia văn hóa, nhưng chẳng có tài năng gì nổi trội.

Kinh văn:

彼休徵者酬足復形。生人道中參合明類。

Bỉ hưu trung giả, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham hợp minh loại.

Việt dịch:

Những loài hưu trung kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông minh.

Giảng giải:

Sự thông minh của họ không sâu xa, tuy nhiên, họ rất khéo về biện luận.

Kinh văn:

彼諸循倫酬足復形。生人道中 參於達類。

Bỉ chư tuần luân, thù túc phục hình. Sanh nhân đạo trung, tham ư đạt loại.

Việt dịch:

Những loài tuần phục kia, trả nợ xong, trở lại hình người, sinh trong nhân đạo, tham hợp hạng thông đạt.

Giảng giải:

Những người ấy tỏ ra hiểu biết mọi điều đang xảy ra. Họ hiểu các vấn đề xã hội, nhưng thiếu đi nhận thức sâu xa về quá khứ và hiện tại. Họ thiếu đi nền tảng giáo dục thực sự, nhưng họ vẫn đạt được những thành công đặc biệt trong công việc.

Kinh văn:

阿難是等皆以宿債畢酬復形人 道。皆無始來業計顛倒相生相殺。不遇如來 不聞正法。於塵勞中法爾輪轉。此輩名為可 憐愍者。

A-nan! Thị đẳng giai dĩ, túc trái tất thù, phục hình nhân đạo. Giai vô thủy lai, nghiệp kê điên đảo, tương sanh tương sát. Bất ngộ Như Lai, bất văn chánh pháp. Ư trần lao trung, Pháp nhĩ luân chuyển. Thử bồi danh vi, khả lân mẫn giả.

Việt dịch:

A Nan, bọn ấy trả xong nợ cũ, trở lại hình người, đều do từ vô thủy đến nay điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sinh nhau, giết nhau, nếu chẳng gặp Như Lai, không nghe chính pháp thì ở trong trần lao cứ tạo nghiệp xoay vần mãi mãi, bọn ấy thật đáng thương xót.

Giảng giải:

A Nan, bọn ấy trả xong nợ cũ, trở lại hình người. Ngay khi trả xong nghiệp báo, họ trở lại làm người, **đấy đều do từ vô thủy đến nay điên đảo gây nghiệp, vay trả thừa thiếu, sinh nhau, giết nhau.** Nhân vì điên đảo gây nghiệp, giết người và bị người giết. **Nếu chẳng gặp Như Lai.** Họ không bao giờ được gặp Như Lai, hoặc **không nghe chính pháp thì ở trong trần lao cứ tạo nghiệp xoay vần mãi mãi,** phải mãi mãi hiện hữu trong cõi trần. “Xoay vần” là chỉ sự trở đi trở lại không dứt. **Bọn ấy thật đáng thương xót.** Đức Phật nói các chúng sinh như thế đều rất đáng thương xót.

PHẬN THẦN TIÊN

Kinh văn:

阿難復有從人不依正覺修三摩地。別修妄念。存想固形遊於山林。人不及處有十種仙。

A-nan! phục hữu tùng nhân, bất y chánh giác, tu tam-ma-địa. Biệt tu vọng niệm. Tồn tưởng cố hình, du ư sơn lâm. Nhân bất cập xứ, hữu thập chủng tiên.

Việt dịch:

A Nan, lại có chúng sinh từ loài người, không nương theo chính giác tu Tam ma đề, lại riêng tu theo vọng niệm, để tâm củng cố hình hài, đến nơi rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.

Giảng giải:

A Nan, lại có chúng sinh từ loài người, không nương theo chính giác tu Tam ma đề. Từ loài người, họ không tu hành chính định, tu đại định Lăng Nghiêm, chẳng hành công phu quay trở lại tánh nghe để lắng nghe tự tánh, mà tu tập theo vọng tưởng. Có thể họ sẽ nghĩ, như: *“Bây giờ ta tu hành, khi thành công mọi người sẽ thấy pháp thuật của ta; lúc đó họ sẽ tin ta, khâm phục ta, nghe theo lời của ta.”* Đây không phải là mục đích tu hành để thành Phật, họ chỉ muốn phát triển khả năng khéo léo để được mọi người khâm phục, phụng sự. Đây là cách thể hiện lòng tham và ngu ngốc của chính mình như vậy, **để tâm củng cố hình hài, đến nơi rừng núi, những chỗ người ta không đến được, thành mười thứ tiên.** Họ vọng tưởng mình sẽ được trường sinh bất tử, thế nên họ đi vào rừng sâu, nơi không ai đến được.

Kinh văn:

阿難彼諸眾生。堅固服餌而不休息。食道圓成名地行仙。

A-nan! bỉ chư chúng sanh. Kiên cố phục nhĩ, nhi bất hưu tức. Thực đạo viên thành, danh địa hành tiên.

Việt dịch:

A Nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bổ dưỡng mà không dừng nghỉ, khi đạo ăn được thành tựu thì gọi là Địa hành tiên.

Giảng giải:

A Nan, các chúng sinh kia, kiên cố dùng đồ bổ dưỡng mà không dùng nghỉ. Họ dùng thức ăn, các dược chất, mục đích để được bất tử. “Kiên cố” – chỉ sự kiên trì thực hiện. Có người giải thích đó là lòng tin tuyệt đối khi thực hiện. Họ rất chuyên cần, ngày này qua ngày khác, luôn phát huy khả năng, luyện tập và dùng thuốc, chỉ mong được sống mãi. **Khi đạo ăn được thành tựu thì gọi là Địa hành tiên.** Kết quả, họ có được thân hình rất nhẹ khi đi đây đó. Họ có thể chạy cực nhanh, nhanh hơn cả đà điều Australia. Các thần tiên di hành như bay trên mặt đất như thế nên gọi là Địa hành tiên.

Kinh văn:

堅固草木而不休息。藥道圓 成名飛行仙。

Kiên cố thảo mộc, nhi bất hưu tức. Dược đạo viên thành, danh phi hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố dùng cỏ cây mà không dùng nghỉ, khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố dùng cỏ cây mà không dùng nghỉ. Họ quyết định kiên trì và thực hiện cho bằng được. Nếu ai đó khuyên bảo thôi đi, họ không màng đến. Lòng họ cứng rắn hơn sắt đá. Họ tin vào cách thức tu luyện của chính mình – đây là luyện thảo dược, làm thức ăn hàng ngày. **Khi đạo thuốc được thành tựu, gọi là Phi hành tiên.** Thân thể họ nhẹ nhàng như khói thuốc, họ có thể đi trên mây, bay lơ lửng như sương.

Kinh văn:

堅固金石而不休息。化道圓成 名遊行仙。

Kiên cố kim thạch, nhi bất hưu tức. Hóa đạo viên thành, danh du hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố dùng kim thạch và không dùng nghỉ, khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố dùng kim thạch và không dùng nghỉ. Tâm ý quyết định kiên trì thực hiện cho được việc. Họ trộn lẫn thủy ngân và chì, hoặc vàng và bạc, sau đó nấu đi nấu lại, luyện liên tục suốt bốn mươi chín ngày, hoặc hai mươi một ngày, thành một loại linh dược, gọi là thuốc trường sinh. Mục đích thành công của họ là trường sinh bất tử, *thoát thai hóa cốt*. **Khi đạo hóa chất được thành tựu, gọi là Du hành tiên.** Tu luyện được siêu thoát, họ có thể đi khắp đó đây theo ý muốn.

Kinh văn:

堅固動止而不休息。氣精圓成名 空行仙。

Kiên cố động chỉ, nhi bất hưu tức. Khí tinh viên thành, danh không hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố làm những động tác mà không dừng nghỉ, khi khí tinh thành tựu thì gọi là Du hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố làm những động tác mà không dừng nghỉ, “làm những động tác”, chẳng hạn như luyện quyền thuật, tập Thái cực đạo, và tu hành tịnh công, như luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, luyện thần hoàn hư. Họ luyện tinh hóa khí cách nào? Họ ngồi thiền và không để tinh khí thoát ra ngoài. Họ không gần gũi đàn bà. Khí tinh không thoát nó ngược trở lại, người hành công ohu làm cho tinh hóa khí, thành luồng khí. Luồng khí này sẽ hòa quyền khắp châu thân. Đoạn tập trung tư tưởng biến hóa khí thành thần (tinh thần), từ thần lại trở về với hư không – cho đến khi chính mình như hư không. Sách Đạo Gia Ngọc Hoàng Tâm Ấn Kinh, viết: “*Thượng đực có ba phẩm: thần và khí, tinh mơ hồ phảng phất, thăm thăm mông mênh*”. **Khi khí tinh thành tựu thì gọi là Du hành tiên.**

Kinh văn:

堅固津液而不休息。潤德圓成名天 行仙。

Kiên cố tân dịch, nhi bất hưu tức. Nhuận đức viên thành, danh Thiên hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố luyện nước bọt mà không dừng nghỉ, khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên hành tiên.

Giải thích:

Các giai đoạn trên nói về sự bất tử du hành trong không gian, ở đây sẽ thuật sự việc con người có thể đi lên cõi trời. **Kiên cố luyện nước bọt mà không dừng nghỉ**. Đặt lưỡi cong lên đốc họng để tiết ra nước bọt – nước bọt ấy, Đạo gia gọi là Ngọc dịch, là Cỏ thiên trì. Khi nước bọt tiết ra nhiều thì nuốt vào bụng. Lão giáo cho rằng đó là linh đan bất diệt. Họ bảo:

Nếu muốn trường sinh và bất lão

Tất phải hồi tinh để nuôi dưỡng lão

Họ tập trung tâm ý chuyển tinh lên đỉnh đầu, tăng sức mạnh cho não. **Khi nhuận đức được thành tựu, thì gọi là Thiên hành tiên.** Khi thành công, mặt của họ sẽ hồng hào trẻ lại như đứa bé, mặc dù đã lớn tuổi. Đây là các Thiên hành tiên.

Kinh văn:

堅固精色而不休息。吸粹圓成名通行仙。

Kiên cố tinh sắc, nhi bất hưu tức. Hấp túy viên thành, danh thông hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố hấp thụ tinh hoa mà không dừng nghỉ, khi hấp thụ được thành tựu, gọi là Thông hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố hấp thụ tinh hoa mà không dừng nghỉ. Tâm ý của họ rất kiên định, vững chãi. Họ chuyên tâm hấp thụ tinh hoa của nhật, nguyệt để luyện pháp trường sinh. **Khi hấp thụ được thành tựu, gọi là Thông hành tiên.** Thông hành tiên có thể lên đến cõi trời, hoặc đi bất cứ nơi nào họ muốn. Họ thực hiện pháp ấy như thế nào? Có thể ví dụ: Buổi sáng, họ ngẩng nhìn mặt trời và hít thở ba trăm sáu mươi lần, buổi chiều tối, họ nhìn mặt trăng cũng làm như vậy. Họ dành hết thời gian để tu luyện cái bọc da của họ. Hòa thượng Hư Vân có viết: “Bài ca Cái Bọc Da” diễn tả điều ấy. Tu luyện để được bất diệt chính là vận dụng năng lực tự thân để phát triển khả năng khéo léo, tinh tế. Họ không biết đó cũng là năng lực tự tính. Sự khác biệt giữa Lão giáo và Phật giáo là Lão giáo muốn hiển bày cái khả năng đó, còn Phật thì không. Một đảng là trước nhiệm, vướng mắc, một đảng thì chủ trương vô trước. Sự trước nhiệm chính là trở ngại, chướng ngại, nó khiến người ta không sao thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử được. Họ không đạt được chân lý tuyệt đối, không giải thoát được chính mình.

Năm hạng thần tiên như trên đã thuật qua và đều nói về sự “di hành”, chủ yếu là trên mặt đất, họ không vượt đến tầm cao hơn. Năm hạng tiên trình bày sau có tính cách khác hơn, mục đích hướng đến của họ cao xa hơn.

Kinh văn:

堅固呪禁而不休息。術法圓成名道行仙。

Kiên cố chú cấm, nhi bất hưu tức. Thuật Pháp viên thành, danh đạo hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ, khi thuật pháp được thành tựu thì gọi là Đạo hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ. Đây là những kẻ kiên tâm trì tụng chú thuật. Chẳng hạn Lạt Ma ở Tây tạng, họ hành pháp rất tinh tế, khéo léo. **Kiên cố làm thuật phù chú mà không dừng nghỉ.** Họ trì

tụng chú và luôn giữ giới cấm. **Khi thuật pháp được thành tựu thì gọi là Đạo hành tiên.**

Kinh văn:

堅固思念而不休息。思憶圓成名照行仙。

Kiên cố tư niệm, nhi bất hưu tức. Tư ức viên thành, danh chiếu hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố chuyên chú tư niệm mà không dừng nghỉ, khi chuyên niệm được thành tựu thì gọi là Chiếu hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố chuyên chú tư niệm mà không dừng nghỉ. Họ quay trở lại chính mình và tập trung tư tưởng – không dừng nghỉ, chú yếu là phát triển tư tưởng. **Khi chuyên niệm được thành tựu thì gọi là Chiếu hành tiên.** Khi tu luyện thành công thì thần có thể ra vào tự tại, khí có thể giao thông trên dưới, hình và thần tương chiếu nhau, hóa ra ánh sáng.

Kinh văn:

堅固交遘而不休息。感應圓成名精行仙。

Kiên cố giao cầu, nhi bất hưu tức. Cảm ứng viên thành, danh tinh hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố về thủy hỏa giao cầu mà không dừng nghỉ, khi cảm ứng được thành tựu, thì gọi là Tinh hành tiên.

Giải thích:

Thông thường, “giao cầu” là nói đến sự làm tình của nam và nữ, nhưng ở đây không có nghĩa như vậy. Hơn nữa, sự giao cầu lại xảy ra tự chính mình. Đạo Lão gọi điều ấy là “*bé trai và bé gái*”. Trong cá nhân người nào cũng có khả năng như vậy. Đây không phải là vấn đề có thể tìm kiếm từ ngoại tại. Mỗi người đều có một đứa con trai và một bé gái trong chính mình. Theo kinh Dịch, con trai thuộc quẻ ly, con gái thuộc quẻ khảm. Quẻ ly là “Trung hư”, quẻ khảm là “Trung mãn”.

Tám quẻ trong kinh dịch như sau:

Số TT	Quẻ	Tên	Tượng
1		CÀN	Trời
2		KHẨM	Nước
3		CẤN	Núi
4		CHẤN	Sấm
5		TỐN	Gió
6		LY	Lửa
7		KHÔN	Đất
8		ĐOÀI	Đám

Đầu tiên là quẻ Càn, gồm có ba vạch dài (-----), tức vạch dương. Càn thuộc yếu tố nam. Khôn có ba vạch đứt (--- ---), tức vạch âm, thuộc yếu tố nữ. Quẻ Càn tượng trưng người đàn ông ba mươi sáu tuổi, là cực thịnh. Sau đó dần suy yếu và trở thành quẻ Ly. Từ quẻ Ly, các vạch âm dương thay đổi, biến ra thành quẻ Khôn, quẻ Khảm.

Quẻ Ly thuộc tâm, quẻ Khảm thuộc thân. Vậy, giao cầu là chỉ sự giao cầu giữa thân và tâm, sự hòa hợp của thân và tâm. Quẻ Ly thuộc dương, nhưng trong dương có âm. Quẻ Khảm trong âm có dương.

Bé trai bé gái gặp nhau, tại sân vàng.

Sân vàng là gì? Đây là tâm, và pháp môn tu luyện của Đạo gia chủ yếu là hòa hợp, là giao cầu như vậy.

Kinh văn;

堅固 變化而不休息。覺悟圓成名絕行仙。

Kiên cố biến hóa, nhi bất hưu tức. Giác ngộ viên thành, danh tuyệt hành tiên.

Việt dịch:

Kiên cố tập luyện biến hóa mà không dừng nghỉ, khi giác ngộ được thành tựu thì gọi là Tuyệt hành tiên.

Giải thích:

Kiên cố tập luyện biến hóa mà không dừng nghỉ. Đây là chuyên tâm tu luyện, nghiên cứu sự biến hóa vật lý. Khi thành công sẽ phát sinh kỳ ngộ. **Khi giác ngộ được thành tựu thì gọi là Tuyệt hành tiên.** Đây là thần tiên có khả năng dời non lấp biển. Họ có thể di chuyển ngọn núi từ nơi này sang nơi khác, hoặc chuyển đổi biển cả từ Đông sang Tây. Các tiên còn có quyền năng thay đổi mùa màng, thời tiết, biến mùa Xuân thành mùa

Thu...Họ biết được huyền cơ của trời đất, họ trở thành đấng sáng tạo từ chính họ, đây gọi là Tuyệt hành tiên.

Kinh văn:

阿難是等皆於人中鍊心不循正覺。別得生理壽千萬歲。休止深山或大海島絕於人境。斯亦輪迴妄想流轉不修三昧。報盡還來散入諸趣。

A-nan! Thị đẳng giai ư, nhân trung luyện tâm, bất tuân chánh giác. Biệt đắc sanh lý, thọ thiên vạn tuế. Hưu chỉ thâm sơn, hoặc đại hải đảo, tuyệt ư nhân cảnh. Tư diệc Luân-hồi, vọng tưởng lưu chuyển, bất tu tam muội. Báo tận hoàn lai, tán nhập chư thú.

Việt dịch:

A Nan, bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, mặc dù không tu chính giác, nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi, nghỉ nơi núi sâu, hoặc trên đảo trong biển cả, cách tuyệt chỗ người ở, đây cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu như không tu pháp Tam muội thì khi quả báo hết rồi, quay trở lại tẩn vào trong các nẻo.

Giảng giải:

A Nan, bọn ấy ở trong loài người mà luyện tâm, mặc dù không tu chính giác. Những người tu ấy tu luyện thân tâm, họ không tu pháp thiên Lăng Nghiêm của Như Lai – họ không tu hành theo chính giác, **nhưng riêng được lẽ sống, thọ ngàn vạn tuổi.** Có nhiều pháp môn khác nhau, nhưng họ chọn pháp dưỡng sinh, nắm được đạo lý trường sinh, thọ mạng rất lâu dài, sau khi thành công, họ **nghỉ nơi núi sâu, hoặc trên đảo trong biển cả, cách tuyệt chỗ người ở,** những nơi ấy người thường không đến được. Đây là cảnh non bồng nước nhược, nơi có bảy ngọn núi vàng, chung quanh núi là biển cả, đặc biệt, nước biển ở đây rất mềm, không có ghe thuyền nào đi được, cả một cọng lông chim rơi xuống nước cũng chìm sâu xuống. Nơi đây chỉ có hàng phi tiên mới đến được. Tuy nhiên, **đây cũng là vọng tưởng luân hồi lưu chuyển. Nếu như không tu pháp Tam muội.** Mặc dù thọ mạng có kéo dài hàng nghìn năm, họ vẫn ở trong vòng luân hồi, chưa chấm dứt con đường sinh tử. Lý do luân hồi là vì con trước nhiễm, còn tham muốn, đặc biệt là muốn trường sinh bất lão. Đây là vọng tưởng, và họ cũng không tu hành chính định, **thì khi quả báo hết rồi, quay trở lại tẩn vào trong các nẻo.** Khi thọ mạng chấm dứt, họ lại tái sinh, trở thành người bình thường, hoặc quý A Tu La, hoặc chư Thiên, hoặc sa vào địa ngục. Đây là những nơi họ phải đến.

PHẬN CHƯ THIÊN

Kinh văn:

阿難諸世間人不求常住。未能捨諸妻妾恩愛。

A-nan! chư thế gian nhân, bất cầu thường trụ. Vị năng xả chư, thê thiếp ân ái.

Việt dịch:

A Nan, các người thế gian, không cầu đạo thường trụ, chưa có thể rời bỏ sự ân ái với vợ mình.

Giải thích:

A Nan, các người thế gian, không cầu đạo thường trụ, người trong đời muốn tu đạo, nhưng không biết cầu chứng nhân tính thường trụ, chẳng biết pháp bất sinh bất diệt, lại chưa có thể rời bỏ sự ân ái với vợ mình.

Kinh văn:

於邪婬中心不流逸澄瑩生明。命終之後隣於日月。如是一類名四天王天。

Ư tà dâm trung, tâm bất lưu dật, trừng oánh sanh minh. Mạng chung chi hậu, lân ư nhật nguyệt. Như thị nhất loại, danh Tứ Thiên vương thiên.

Việt dịch:

Nhưng tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm, do tâm dừng lặng sinh ra sáng suốt, sau khi mệnh chung, ở gần với mặt trời, mặt trăng, một loại như vậy gọi là Tứ Thiên vương thiên.

Giải thích:

Nhưng tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm. Việc hành dâm với người khác, không phải vợ, hoặc chồng, gọi là tà dâm; còn giữa vợ chồng với nhau thì không gọi là tà. Tuy nhiên trong sinh hoạt vợ chồng cũng không nên quá buông lung, phóng túng. Khi một người đã bước vào đường tu thì mọi việc đều có liên quan đến vấn đề đạo đức. **Do tâm dừng lặng sinh ra sáng suốt.** Không buông lung tính dâm, con người sẽ được trong sạch, và ánh sáng thanh tịnh sẽ hiện đến, đấy là ánh sáng tự nhiên của đạo đức.

Trong vô số điều xấu xa tệ hại, dâm là trên hết.

Đừng đi vào con đường chết chóc ấy!

Một người không tà dâm, tinh, khí và thân người ấy sẽ được đầy đủ. Từ sự đầy đủ đó, ánh sáng đạo đức xuất hiện, **sau khi mệnh chung, ở gần**

với mặt trời, mặt trăng, một loài như vậy gọi là Tứ Thiên vương thiên. Đây là loại tái sinh của rất nhiều người.

Cõi trời Tứ thiên vương tọa lạc lưng chừng núi Tu Di – hoàn toàn cách biệt với thế gian. Chư Thiên nơi đây thọ mạng đến năm trăm tuổi. Một ngày đêm nơi đây bằng năm mươi năm của thế gian. Tính theo thời gian của chúng ta, họ sống đến chín triệu tuổi.

Kinh văn:

於已妻房 姪愛微薄。於淨居時不得全味。命終之後 超日月明居人間頂。如是一類名忉利天。

Ư kỹ thê phòng, dâm ái vi bạc. Ư tịnh cư thời, bất đắc toàn vị. Mạng chung chi hậu, siêu nhật nguyệt minh, cư nhân gian đỉnh. Như thị nhất loại, danh Đào Lợi Thiên.

Việt dịch:

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, không được toàn vị, sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng ở trên đỉnh nhân gian, một loại như thế, gọi là Đào lợi thiên.

Giải thích:

Đối với vợ mình, dâm ái ít ỏi, trong lúc tịnh cư, không được toàn vị, sau khi mệnh chung, vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Các chúng tái sinh vào cõi Tứ Thiên Vương, không còn vướng vào sự tà dâm, nhưng họ vẫn chưa dứt ràng buộc với vợ mình. Tuy nhiên, họ cũng chỉ giữ lòng với vợ của mình, không bận lòng với người đàn bà nào khác. Đối với người đàn bà cũng vậy. Chúng sinh ở cõi này không có tình yêu giống như chốn nhân gian.

Đoạn kinh văn trên nói đến việc giảm thiểu sự ân ái trong sinh hoạt vợ chồng. “*Dâm ái ít ỏi*” có nghĩa là rất ít, rất hiếm, có thể hạn chế việc hành dâm trong cả một năm, hoặc nhiều năm. Họ xem việc đó không quan trọng.

Tại sao con người lại nặng sự dâm dục? Đây là vì nghiệp chướng nặng nề. Nghiệp chướng nặng khiến họ nghĩ tưởng nhiều về dâm dục, họ có thể chỉ nghĩ về điều đó từ sáng đến tối, không dừng nghĩ. Nếu quý vị nào có nghiệp chướng nặng nề như thế, quý vị nên tỉnh thức để nhận ra chính mình đang chịu nghiệp, đừng để nó chủ động sai sử mình; tránh trong tương lai sẽ trở thành bò, thành ngựa, heo hoặc chó. Đây là một loại tái sinh không dừng nghĩ. Tại sao? Vì tình dục của mình quá mạnh, và đó là nguyên nhân đưa đẩy chúng ta sa ngã.

Phản luận này mặc dù nói tâm chẳng buông lung trong việc tà dâm, nhưng họ vẫn chưa được hoàn toàn trong sạch. Họ không biết tu hành thế

nào, cuối cùng thì mệnh chung, thần thức vượt ánh sáng mặt trời, mặt trăng và **ở trên đỉnh nhân gian**. Họ không có nhiều tình dục, nên ánh sáng tự tính của họ luôn hướng về phía trước. Bất cứ người nào không có tình dục đều sẽ có ánh sáng và có thể tái sinh lên cõi trời.

Một loại như thế, gọi là Dao lợi thiên. Dao lợi thiên – Trayastrimshe, có nghĩa ba mươi ba cõi trời, cõi thiên này phân chia làm bốn hướng Đông Tây Nam Bắc, mỗi hướng có tám cõi trời, Thiên chủ ngụ tại trung tâm, tức trên đỉnh núi Tu Di.

Thiên chủ ba mươi ba cõi trời này nguyên là một người đàn bà nghèo khó, bà thấy một phật tháp thờ Phật bị hư hỏng nặng, bèn bỏ công làm lụng, hoặc đi xin, quyên góp tiền bạc để sửa chữa. Cùng lúc ấy, bà có thêm ba mươi hai người bạn, tất cả đều ra sức xây dựng lại tháp. Sau khi họ mất, tất cả cùng về cõi trời, riêng người đàn bà trở thành Thiên chủ.

Thọ mạng của chư Thiên cõi Dao lợi kéo dài hàng nghìn năm. Một ngày đêm nơi đây bằng một trăm năm chốn nhân gian, vậy một ngàn năm trong cõi trời này bằng ba nghìn sáu trăm vạn năm nhân gian.

Kinh văn:

逢欲暫交去無思憶。於人間世動少靜多。命終之後於虛空中朗然安住。日月光明上照不及。是諸人等自有光明。如是一類名須焰摩天。

Phùng dục tạm giao, khứ vô tư ức. Ư nhân gian thế, động thiểu tĩnh đa. Mạng chung chi hậu, u hư không trung, lãng nhiên an trụ. Nhật nguyệt quang minh, thượng chiếu bất cập. Thị chư nhân đẳng, tự hữu quang minh. Như thị nhất loại, danh tu diệm ma thiên.

Việt dịch:

Gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ, ở trong nhân gian, động ít tĩnh nhiều, thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được; những người ấy tự mình có ánh sáng, một loại như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên.

Giải thích:

Đây là cảnh giới của những người **gặp cảnh dục tạm theo, bỏ đi không nhớ nghĩ**, đó là hành động của các đôi vợ chồng. Mặc dù vẫn hành ân ái, nhưng khi bỏ đi thì thôi không nhớ nghĩ đến. Họ **ở trong nhân gian, động ít tĩnh nhiều**. Tức họ dành phần lớn thời gian để tu tập hành thiền. Như vậy **thì sau khi mệnh chung, sáng rõ ở yên trong cõi hư không, ánh sáng mặt trời, mặt trăng không soi đến được**. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng không chiếu ánh sáng tới những người ấy được. **Những người ấy tự mình có ánh sáng**. Khi đến cõi hư không, tự thân họ là một luồng ánh sáng, và nơi đây cũng chẳng có ngày có đêm mà luôn luôn sáng tỏ. Vậy làm sao

biết thời gian trôi? Họ dùng hoa sen, khi sen nở thì biết là ngày, sen khép lại là đêm. **Một loại như thế, gọi là Tu Diệm Ma Thiên.** Thọ mạng các chúng nơi đây là hai ngàn tuổi. Tu diệm ma – Suyama, có nghĩa là khéo phân chia thời gian, vì nơi đây đêm ngày đều sáng rõ.

Kinh văn:

一切時靜。有應觸來未能違戾。命終之後
上昇精微。不接下界諸人天境。乃至劫壞三
災不及。如是一類名兜率陀天。

Nhất thiết thời tĩnh. Hữu ung xúc lai, vị năng vi lệ. Mạng chung chi hậu, thượng thăng tinh vi. Bất tiếp hạ giới, chư nhân thiên cảnh. Nãi chí kiếp hoại, tam tai bất cập. Như thị nhất loại, danh Đâu-Suất-Đà Thiên.

Việt dịch:

Mọi lúc đều tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình, chưa chống đối được, thì sau khi mệnh chung, lên đến chỗ tinh vi, không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi nước, cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng chẳng đến nơi; một loài như thế, gọi là Đâu Suất Đà Thiên.

Giải thích:

Nơi cõi trời này có Nội Viện và Ngoại Viện. Ngoại Viện là chúng thiên cư ngụ, bên trong là các thánh. Hiện tại, Bồ tát Di Lặc đang ngụ trong cung Đâu Suất, và Ngài đang giảng Thiên Duy thức. **Mọi lúc đều tĩnh, nhưng khi có cảm xúc đến bên mình, chưa chống đối được, thì sau khi mệnh chung, lên đến chỗ tinh vi, không tiếp với những cảnh nhân thiên cõi nước.** Trong mọi lúc, mọi cảnh họ đều luôn bất động, rất tĩnh lặng. Tuy nhiên cảm xúc giao cấu có khi bột khởi, họ chưa chống đối được, nhưng dứt khoát không buông mình theo cảm xúc. Có khi họ cũng chiều theo cảm xúc, nhưng điều đó rất hiếm. Sau khi qua đời, họ có rất ít dục, thần thức họ bay thẳng đến chỗ tinh vi, không còn rơi trở xuống.

Cho đến gặp kiếp hoại, tam tai cũng chẳng đến nơi; một loài như thế, gọi là Đâu Suất Đà Thiên. Tam tai – ba loại tai họa lớn là:

1. Hỏa tai
2. Thủy tai
3. Phong tai

Lửa thiêu đốt Sơ thiên thiên, nước nhấn chìm Nhị thiên thiên, gió đánh mạnh vào Tam thiên thiên. Nhưng tại cung trời Đâu Suất có Bồ tát an trụ nên Tam tai không phá hoại được. Đâu Suất – Tushita, có nghĩa là “*Trì túc, thiếu dục*”. Các chúng thiên nơi đây không có lòng tham, tránh xa sự

dâm dục. Nếu quý vị muốn tái sinh vào cõi trời ấy, cần thiết là biết đủ và ít ham muốn.

Kinh văn:

我無欲心應汝行事。於橫陳時味如嚼蠟。命終之後生越化地。如是一類名樂變化天。

Ngã vô dục tâm, ưng nhữ hạnh sự. Ư hoạnh trần thời, vị như tước Lạp. Mạng chung chi hậu, sanh việt hóa địa. Như thị nhất loại, danh lạc biến hóa Thiên.

Việt dịch:

Chính mình không có tâm dâm dục, chỉ vì đáp ứng người khác mà làm, trong lúc phô bày, thấy vô vị như ăn sáp, thì sau này mệnh chung, vượt lên sinh vào cảnh biến hóa, một loài như thế gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.

Giải giảng:

Chính mình không có tâm dâm dục, chỉ vì đáp ứng người khác mà làm, trong lúc phô bày, thấy vô vị như ăn sáp, thì sau này mệnh chung, vượt lên sinh vào cảnh biến hóa. “Tôi không có một chút ham muốn, nhưng người ấy cứ nằn nì muốn cả hai làm chuyện đó”. Đây là chuyện xảy ra giữa đôi vợ chồng – một người muốn hành dâm, người kia thì không. Quý vị có bao giờ nhai lấy sáp? Vâng, quý vị có thể nhai mãi, nhưng không bao giờ biết được vị của nó. Đó là trường hợp một người không cảm thấy thích thú gì khi làm tình. Họ không có ý dâm. Sau khi nghe giảng, quý vị chắc chắn sẽ hết sức cố gắng tự chủ, đừng đánh mất đi chính mình, đừng lao vào con đường chết chóc.

Sau khi mạng chung, họ tái sinh vào cảnh biến hóa, **một loài như thế gọi là Lạc Biến Hóa Thiên.** Chúng thiên nơi đây có thể tự mình biến hóa và hưởng thụ mọi điều hỷ lạc, sự hỷ lạc đó là tự nhiên, khác hẳn niềm vui thú nơi cõi trần. Tuy nhiên, cõi trời này cũng thuộc dục giới. Thọ mạng các thiên nơi đây là tám ngàn năm, một ngày đêm cõi trời này bằng tám trăm năm dưới cõi trần.

Kinh văn:

無世間心同世行事。於行事交了然超越。命終之後遍能出超化無化境。如是一類名他化自在天。

Vô thế gian tâm, đồng thế hạnh sự. Ư hạnh sự giao, liễu nhiên siêu việt. Mạng chung chi hậu, biến năng xuất siêu, hóa vô hóa cảnh. Như thị nhất loại, danh tha hóa tự tại thiên.

Việt dịch:

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc ngũ dục, khi làm việc ấy, rõ ràng là siêu thoát, thì sau khi mệnh chung, vượt trên tất cả những cảnh biến hóa và không biến hóa; một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.

Giải thích:

Không có tâm thế gian, chỉ đồng với thế gian mà làm việc ngũ dục, khi làm việc ấy, rõ ràng là siêu thoát. Đây là những người chán sự dâm dục trong đời sống vợ chồng. Chẳng những họ cảm thấy việc ân ái vô vị như nhai sáp, mà cả những điều ấy cũng không xảy đến. Như vậy, **thì sau khi mệnh chung, vượt trên tất cả những cảnh biến hóa và không biến hóa.** Thân thức họ siêu việt lên cõi hỷ lạc vô cùng. **Một loài như thế, gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên.** Đây là cõi trời thứ sáu trong sáu cõi trời, gọi là Lục Dục Thiên. Chúng thiên nơi đây cực kỳ hỷ lạc. Họ không dùng lạc cụ của mình hóa hiện, mà chỉ thọ dụng khoái lạc từ các thiên khác hóa hiện. Thọ mạng các thiên cõi Tha Hóa là sáu mươi ngàn năm, một ngày đêm ở đây bằng một nghìn năm trăm năm ở cõi trần.

Các chư Thiên trong sáu cõi dục vẫn còn ý dục, cách thỏa mãn ý dục của họ đại để như sau:

Ở cõi Tứ Thiên vương và Đạo Lợi Thiên, thỏa dục bằng cách ôm nhau.

Cõi Dạ Ma Thiên thì nắm tay nhau.

Cõi Đâu Suất thì mỉm cười.

Cõi Lạc Biến Hóa Thiên, chỉ nhìn nhau là thỏa mãn.

Chúng Thiên trong cõi Tứ Thiên vương và Đạo Lợi thiên, nam nữ luyến ái bằng cách ôm nhau, giống như người ở thế gian. Trong cõi Dạ Ma thì nắm tay nhau, ở Đâu Suất thì cười với nhau. Các chúng ở cõi Dạ Ma thì hòa hợp tại tâm chứ không phải thực thể. Họ hành dâm chỉ bằng cách nắm tay nhau. Cõi trời Đâu Suất là cái cười, thực thể cũng không đụng chạm. Ở Lạc Biến Hóa Thiên, họ chỉ nhìn và cảm thấy đã đầy đủ. Nam và nữ ở cõi này chỉ cần nhìn vào người khác – họ cũng chẳng cười nhau. Cái nhìn của họ kéo dài độ ba phút, hoặc năm phút, họ giao cấu như thế là đủ. Chư Thiên càng ở cõi cao thì ý dục càng ít đi.

Phật pháp nhắc nhở chúng ta, say mê tình dục là một điều hết sức nguy hiểm và đáng sợ. Kinh có nói Bồ tát xem tình dục khác nào con rắn độc. Đụng đến là nó cắn chết. Người thường mắt thịt chúng ta không nhận ra điều ấy. Đây cũng là lý do tại sao các vị ấy dành nhiều thời gian nghĩ ngợi về sự nhơ nhớp tẻ hại như vậy. Họ không muốn sa ngã, và tôi nghĩ quý vị cũng sẽ nhận thức được, tránh sa ngã vào con đường nguy hiểm ấy.

Kinh văn:

阿難 如是六天。形雖出動心跡尚交。自此已還名 為欲界。

A-nan! Như thị lục thiên. Hình tuy xuất động, tâm tích thượng giao. Tự thử dĩ hoàn, danh vi dục giới.

Việt dịch:

A Nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy chẳng động, nhưng tâm tính còn dính dấp, từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục giới.

Giải thích:

A Nan, sáu cõi trời như thế, hình thức tuy chẳng động, nhưng tâm tính còn dính dấp. Mặc dù đã vượt thoát hình hài, nhưng tâm vẫn còn dính dấp ái niệm, chưa hoàn toàn dứt hẳn. **Từ các cõi ấy trở xuống, gọi là Dục giới.** Đây là các cõi Thiên, từ Tứ Thiên vương thiên đến Tha Hóa Thiên, gọi chung là Lục Dục Thiên. Chư Thiên nơi đây vẫn thuộc Dục giới, vì họ vẫn chưa hoàn toàn trong sạch. Họ vẫn còn nghĩ đến tình dục.

---o0o---

HẾT QUYỂN VIII

¹ Phần này người chép thêm vào, như là phần mở đầu của sách

² Phần này người chép thêm vào, như là phần mở đầu của sách

³ Do không rành chữ Hán, nên phần tiếng Hán trong cuốn này, người chép tham khảo từ trang rongmotamhon.com, có so sánh đối chiếu với bản trong sách. Độc giả đọc lấy tham khảo, có chỗ nào sai sót mong bổ sung thêm cho chính xác.

⁴ Phần Phiên Âm người chép tham khảo từ trang kinhduong.com, có đối chiếu với bản của sách. Tuy nhiên do từ Hán dịch sang Hán Việt có nhiều âm, nên có chỗ có thể sai khác. Những chỗ nào sai khác người chép sẽ ghi chú lại để người đọc có nguồn tham chiếu.

⁵ Sách giấy ghi là Bát Hằng La, có thể do phiên âm hán việt một từ có khác nhau

⁶ Sách giấy ghi là Bát Hằng La, có thể do phiên âm hán việt một từ có khác nhau.

⁷ Trong sách giấy, từ này là 於

⁸ Trong sách giấy là Tảo

-
- ⁹ Cáp bằng một phần mười lít
- ¹⁰ Sách ghi là Lư-xá-na
- ¹¹ Sách là chư Quân Trà Ly
- ¹² Nguyên văn trong sách ghi là 阿羅漢號。於二六時 (A-la-hán hiệu, ư nhị lục thời) – nhưng xem ra không được đúng. Người chép note lại để mọi người tham khảo đối chiếu
- ¹³ Sách ghi là Bát Đằng La chú
- ¹⁴ Trong sách giấy, từ này là 於
- ¹⁵ Trong sách là từ 瞭 (liệu) – ý nói sáng sủa, cũng hàm ý như chữ Liễu 了
- ¹⁶ Sách dịch là Cru Bàn Đồ
- ¹⁷ Sách là “Na mô tát đa tha tô già đa tha”
- ¹⁸ Trong sách, từ này là 於
- ¹⁹ Trong sách là: “Tam điều tam bồ đà tả”
- ²⁰ Sách là “Vi Đầu”
- ²¹ Trong sách là từ 哀 (ai)
- ²² Toàn bộ phần chú Thủ Lăng Nghiêm, người chép lấy từ trang <http://www.dharmasite.net/ChuTLN.htm> . Đây là trang của Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới, đăng các bài do HT Tuyên Hóa khai thị, cho nhất quán về cách dịch.
- ²³ Trong sách là Tát đất đa
- ²⁴ Nguyên bản trong sách: 取阿羅漢 – thủ A-la-hán
- ²⁵ Sách ghi là Thủ A-la-hán, Trên trang rongmotamhon bản Hán văn đề là A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Vì kinh này khuyên hướng về quả vị Phật, nên đề a-la-hán có vẻ không hợp lý.
- ²⁶ Trong sách là chữ 並 (tịnh)
- ²⁷ Bản trên trang rongmotamhon không có **vô hữu dị dĩ**
- ²⁸ Trong sách là chữ 孕 (dụng)
- ²⁹ Trong sách dịch là Tát đất đa Bát đất Ra
- ³⁰ Trong sách có câu này nhưng không thấy dịch. Chỉ dịch từ đoạn sau :Thị tặc danh vi đệ tam tăng tiên tu hành tiệt thứ.
- ³¹ Trong sách là từ 瞭(liệu)
- ³² Sách dịch là Trị địa trụ
- ³³ Trong sách là từ 瞭(liệu)
- ³⁴ Câu này không rõ sách có dịch nhầm không?
- ³⁵ Năm 548, hàng tướng của Tề là Hầu Cảnh cầu kết với Lâm Giá vương Tiêu Chính Đức mưu phản. Hầu Cảnh tiến binh đánh Nam Kinh, sau đó bắt giam Vũ Đế, bỏ đói cho đến chết (ND).
- ³⁶ Sách dịch là Pháp Quang Địa

³⁷ Sách dịch Văn-Thù-Sur-Ly, nghĩa cũng tương đồng

³⁸ Trong sách là chữ 困 (khốn)

³⁹ Trong sách là chữ 厲 (lệ)

⁴⁰ Trong sách là chữ 拋(phao)

⁴¹ Trong sách là chữ 臨(lâm)

⁴² Trong sách có câu “Nhị thập tương giao, cố hữu ác hữu”, dịch là “Hai tập khí phô bày lẫn nhau, nên có ác hữu, nghiệp kính...”. Chữ “Giao” ở đây có nghĩa “Phô bày”, nhưng người chép tra các từ điển không tìm thấy chữ này. Nguyên bản trên trang rongmotamhon cũng không thấy có câu “Nhị thập tương giao”, mà chỉ có câu “cố hữu ác hữu...” . Người chép không rành tiếng Trung, do vậy nếu có ai rành tiếng Trung có thể kiểm tra lại cái này thì thật là tốt.

⁴³ Trong sách là chữ 同(đồng)

⁴⁴ Sách dịch là Áp quý

⁴⁵ Trong sách là chữ 反(phản)